

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP
(Chủ biên)



TƯ TƯỞNG
HỒ CHÍ MINH

VÀ CON ĐƯỜNG
CÁCH MẠNG VIỆT NAM

(Xuất bản lần thứ bảy)

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

PGS. TS. VŨ TRỌNG LÂM

Chịu trách nhiệm nội dung

PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:

ThS. CHU VĂN KHÁNH

NGUYỄN MAI ANH

Trình bày bìa:

ĐƯỜNG HỒNG MAI

Chế bản vi tính:

PHẠM NGUYỆT NGA

TƯ TƯỢNG

HỒ Chí Minh

VÀ CON ĐƯỜNG

CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP
(Chủ biên)

TƯ TƯỞNG

HỒ CHÍ MINH

VÀ CON ĐƯỜNG

CÁCH MẠNG VIỆT NAM

(Xuất bản lần thứ bảy)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2017

BAN CHỦ NHIỆM

Dại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP	Cố vấn Chương trình KK.02, Chủ nhiệm
GS. ĐẶNG XUÂN KỲ	Chủ nhiệm Chương trình KK. 02, Phó Chủ nhiệm
GS. TRẦN THÀNH	Phó Chủ nhiệm Chương trình KK.02, Ủy viên
Dại tá, PGS. NGUYỄN VĂN TRUNG	Ủy viên, Thư ký Khoa học
Dại tá NGUYỄN HUYỀN	Ủy viên

BAN BIÊN SOẠN

Dại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP	Chỉ đạo biên soạn
GS. ĐẶNG XUÂN KỲ	Chỉ đạo biên soạn
Dại tá, PGS. NGUYỄN VĂN TRUNG	Biên soạn chính
GS. TRẦN THÀNH	
Dại tá NGUYỄN HUYỀN	
Dại tá TRINH NGUYỄN HUÂN	

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* ra đời trên cơ sở thành quả nghiên cứu đề tài "Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam" có mã số KK.02.01 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước KK.02. Đây là một đề tài có quy mô rộng lớn, nội dung rất phong phú, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp làm Chủ nhiệm đề tài và Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì. Đề tài đã thu hút được đông đảo các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu có tên tuổi thuộc nhiều ngành khoa học tham gia nghiên cứu trong bốn năm và đã được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xuất sắc vào tháng 2 năm 1997.

Cuốn sách gồm Lời mở đầu, ba phần với mười chương, đã trình bày một cách có căn cứ khoa học, toàn diện những vấn đề lý luận cơ bản, về tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam làm rõ và có những đóng góp mới về quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua nội dung cuốn sách, bạn đọc sẽ được giới thiệu một cách hệ thống những luận điểm sáng tạo lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đường lối và phương pháp, về chiến lược và sách lược cách mạng, về tổ chức các lực lượng cách mạng, về tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, tư tưởng nhân văn, đạo đức, văn hoá Hồ Chí Minh, phương pháp luận Hồ Chí Minh.



Những luận điểm lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh được đề cập trong cuốn sách đã được tác giả phân tích sâu sắc và trình bày thành một hệ thống các luận điểm gắn bó chặt chẽ với nhau và nêu lên một định nghĩa bao quát về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là hệ thống lý luận về đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam: Cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Định nghĩa đó thật là súc tích và cô đọng, vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tiễn, vừa là vấn đề của Việt Nam, vừa là vấn đề thời đại.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các tác giả của công trình nghiên cứu đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và là bước phát triển mới chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam; là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hoá Việt Nam, tinh hoa văn hoá nhân loại với chủ nghĩa Mác - Lênin, được khái quát từ thực tiễn đấu tranh cách mạng Việt Nam và thế giới ở cuối thế kỷ XIX cho đến giữa thế kỷ XX. Tư tưởng Hồ Chí Minh là linh hồn, là ngọn cờ của cách mạng Việt Nam trong suốt hơn nửa thế kỷ qua. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và nhân dân ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường cách mạng Việt Nam, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của toàn dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đây là một công trình nghiên cứu lớn, có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, đánh dấu một bước phát triển mới trong việc

ngiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, là cơ sở để chúng ta tiếp tục nghiên cứu, hiểu sâu sắc hơn nữa tư tưởng của Người.

Năm 1997, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 107 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Năm 2000, nhân dịp kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Bác, chúng tôi xuất bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung.

Năm 2003, nhằm quán triệt Chỉ thị của Ban Bí thư, số 23-CT/TW, ngày 27-3-2003, *Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới*, chúng tôi xuất bản lần thứ ba cuốn sách nói trên. Ở lần xuất bản này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết *Lời tựa* cho cuốn sách.

Cuốn sách tiếp tục được xuất bản lần thứ tư (năm 2008) và lần thứ năm (năm 2015).

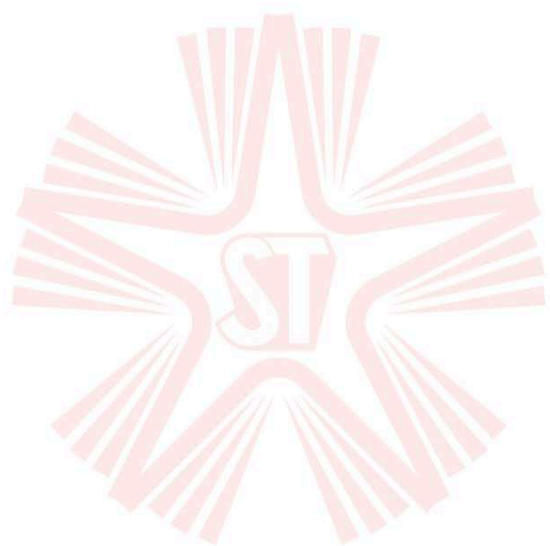
Năm 2016, để thiết thực phục vụ việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị *Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, cuốn sách được xuất bản lần thứ sáu.

Đáp ứng yêu cầu tìm hiểu, nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh của bạn đọc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản lần thứ bảy cuốn sách này.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



LỜI TỰA XUẤT BẢN LẦN THỨ BA

Từ năm 1991 đến năm 1995, đề tài khoa học trọng điểm cấp nhà nước "Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam" đã được triển khai nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu là một công trình tập thể được Hội đồng Khoa học đánh giá cao và năm 1997 đã xuất bản thành sách lần thứ nhất. Năm 2000, do yêu cầu của bạn đọc, sách được xuất bản lần thứ hai, có bổ sung một số nội dung quan trọng mà lần xuất bản trước còn để lại. Những nội dung ấy đã làm sáng tỏ hơn tư tưởng Hồ Chí Minh và mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* ra mắt bạn đọc đến nay đã hơn sáu năm, được các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học và đông đảo cán bộ, đảng viên trong cả nước và nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài hoan nghênh. Kết quả nghiên cứu nêu lên trong cuốn sách đã góp phần quan trọng làm cơ sở cho việc tiếp tục nghiên cứu, viết giáo khoa, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh; đặc biệt là đã góp phần làm luận cứ khoa học để đề ra đường lối, quan điểm đúng đắn sáng tạo trong các nghị quyết của Đại hội nghị

* Thời điểm viết Lời tựa là năm 2008 (B.T).

quyết của Trung ương Đảng. Đến Đại hội IX, lần đầu tiên Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng đã chính thức đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh một cách khái quát khá sâu sắc và toàn diện.

Một vấn đề quan trọng mà đề tài đề nghị, đến nay đã được Đảng ta chính thức xác định, đó là coi *Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt* do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo trình ra Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930 là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

Thực tiễn việc nghiên cứu, học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đổi mới mấy năm qua đã chứng minh kết quả nghiên cứu được công bố trong sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* là đúng đắn, đã góp phần tạo nên một bước mới trong nhận thức và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh của cán bộ đảng viên và nhân dân ta cũng như trong cách tiếp cận nghiên cứu về tư tưởng của Người.

Phần thứ ba của cuốn sách nói về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh thì chương nói về bối cảnh quốc tế và trong nước đến nay tình hình đã có một số phát triển mới, song chương nói về nội dung phương hướng vận dụng thì cơ bản vẫn phù hợp. Vấn đề vận dụng luôn gắn với thực tiễn của lịch sử. Để tôn trọng tính lịch sử của cuốn sách nên lần xuất bản này không bổ sung, sửa chữa.

Điều đáng tiếc là trong mấy năm qua, do nhận thức về nội dung và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh của một số đồng chí làm công tác lý luận chưa thật đúng đắn, nên phần nào việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh bị chậm trễ và hạn chế. Vừa qua, đáng mừng là Ban Bí thư đã có

Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27-2-2002 *Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới*, nhờ đó vấn đề giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh đang được coi trọng và triển khai khá sâu rộng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, là chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất. Tư tưởng Hồ Chí Minh là niềm tin, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là di sản tinh thần vô cùng quý báu Người để lại cho Đảng ta, dân tộc ta. Thế giới còn đổi thay, tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi. Nội dung tư tưởng của Người khá rộng lớn, phong phú, thể hiện từ đường lối cách mạng chung đến từng lĩnh vực, từ tư tưởng đến đạo đức, phong cách, từ lời nói đến việc làm, đến tấm gương con người Hồ Chí Minh. Chúng ta mới nghiên cứu được một bước quan trọng, nhưng còn những điểm chưa hiểu, hiểu chưa hết, hiểu chưa thống nhất. Tôi có điểm phúc được sống, làm việc bên cạnh Bác Hồ gần 30 năm, nhưng đến nay nghiên cứu tư tưởng của Bác vẫn thấy có những điểm chưa hiểu hết tư tưởng của Người.

Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa, toàn diện hơn nữa về Hồ Chí Minh, cả về tư tưởng và sự nghiệp của Người đối với cách mạng nước ta và đối với phong trào cách mạng thế giới.

Cần có thêm những công trình nghiên cứu, chẳng hạn như:

Nghiên cứu về quá trình hoạt động ở nước ngoài tìm

đường cứu nước, Người đã đi khắp năm châu, đến đâu Người đã nói gì? Viết gì? Làm gì?

Nghiên cứu quốc tế đã nói và viết về Hồ Chí Minh: kể cả bạn bè và những nhân vật thuộc mọi xu hướng.

Nghiên cứu về những phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nghiên cứu về phương pháp luận Hồ Chí Minh.

Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* đã mạnh dạn nêu lên phương pháp luận Hồ Chí Minh là vận dụng phép biện chứng mácxít kết hợp với biện chứng phương Đông và Việt Nam; nhưng mới nêu lên một số nội dung có tính chất gợi ý, cần được đi sâu nghiên cứu hơn nữa.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tiếp tục nghiên cứu để có nhận thức sâu sắc hơn nữa, toàn diện hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó chính là một nhiệm vụ rất cơ bản và cực kỳ quan trọng của công tác tư tưởng lý luận của Đảng ta hiện nay.

Tôi mong cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* xuất bản lần thứ ba sẽ góp phần thiết thực vào nhiệm vụ nghiên cứu, giáo dục, tuyên truyền và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh như Chỉ thị của Ban Bí thư đã đề ra.

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP



MỞ ĐẦU

Đề tài "Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam", mã số KX.02.01, là đề tài tổng quan của Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước: "Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh" mã số KX.02.

Đề tài có nhiệm vụ nghiên cứu, xác định những vấn đề chung như: quá trình hình thành, phát triển và nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh; khái quát những luận điểm sáng tạo lớn và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Đề tài đã được triển khai nghiên cứu từ tháng 9 - 1992. Đã có ba cuộc hội thảo lớn ở Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu về "Nguồn gốc, nội dung cơ bản và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam". Hội thảo đã thu hút sự tham gia của hàng trăm nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu và các nhà hoạt động chính trị - xã hội. Cùng với đề tài giáo khoa tư tưởng Hồ Chí Minh, đề tài đã tổ chức cuộc hội thảo chuyên đề: "Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh" với sự tham gia của một số tướng lĩnh và các nhà nghiên cứu khoa học quân sự trong và ngoài quân đội. Đề tài cũng đã tiến hành nhiều buổi trao đổi và tranh thủ nghe ý kiến của nhiều đồng chí

lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các ngành kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, lãnh đạo các địa phương, các tổ chức quần chúng về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Đề tài đã được sự cộng tác, giúp đỡ hết sức nhiệt tình, có hiệu quả của nhiều nhà khoa học trong cả nước, nhất là của các đồng chí Chủ nhiệm các đề tài trong Chương trình KX.02. Đề tài đã kế thừa, tiếp thu thành tựu nghiên cứu của các đề tài trong Chương trình KX.02 cũng như các chương trình khác có liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh.

Song song với nghiên cứu, đề tài đã chú ý việc thông tin, phổ biến rộng rãi kết quả nghiên cứu, góp phần vào công tác lý luận - tư tưởng của Đảng và của sự nghiệp đổi mới, nhất là trong dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn: ngày thành lập Đảng, ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày thành lập nước, và ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, đã góp phần thúc đẩy việc vận dụng và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã cùng với Ban Chủ nhiệm Chương trình, xuất bản ba tập "Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh" gồm những tham luận của ba cuộc hội thảo lớn; xuất bản tập "Về tư tưởng Hồ Chí Minh", đề cương nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; đã sưu tập và hình thành ba tập: "Văn kiện Đảng và các nhà lãnh đạo của Đảng về tư tưởng Hồ Chí Minh"; "Các ngành, các đoàn thể, các tầng lớp nhân dân về Hồ Chí Minh"; "Thế giới nói về tư tưởng Hồ Chí Minh". Đồng chí Chủ nhiệm và các đồng chí trong Ban Chủ nhiệm đề tài cũng đã có nhiều buổi nói chuyện trao đổi với các nhà khoa học ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

nhiều buổi nói chuyện với học viên, giáo viên các học viện, cán bộ các cơ quan, đơn vị, và đã có nhiều bài luận văn đăng tải trên các tạp chí, các báo của Đảng và của các ngành. Qua đó, cũng đã nhận được nhiều ý kiến quý báu của đồng đảo người nghe, người đọc.

Trong nghiên cứu, chúng tôi đã tiếp cận với một khối lượng lớn các tư liệu rất phong phú, đa dạng, từ nhiều nguồn, gồm các tập văn kiện của Đảng, các bài viết và hồi ký của các đồng chí lão thành cách mạng, các tác phẩm viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh của người ở nước ngoài hoặc xuất bản ở nước ngoài gồm hàng vạn trang. Đặc biệt là bộ sách "Hồ Chí Minh Toàn tập", xuất bản lần thứ ba có bổ sung, hoàn chỉnh, "Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử", do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản; và các tư liệu của Viện Hồ Chí Minh, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Trung ương và ở Nghệ An...

Về phương pháp nghiên cứu và biên soạn, chúng tôi hết sức tôn trọng tính khách quan, khoa học. Chúng tôi đã vận dụng các phương pháp tư duy biện chứng, nhất là phương pháp lịch sử và lôgic, phân tích và tổng hợp, đối chiếu - so sánh, gắn lý luận với thực tiễn, tọa đàm trao đổi với cán bộ nghiên cứu, cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn kỹ thuật ở Trung ương cũng như ở địa phương. Trong biên soạn, chúng tôi hết sức coi trọng trích dẫn những lời nói và bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh để bảo đảm tính khoa học, tính chuẩn xác, tính thuyết phục và hết sức chú ý tránh chủ quan trong phân tích, bình luận.

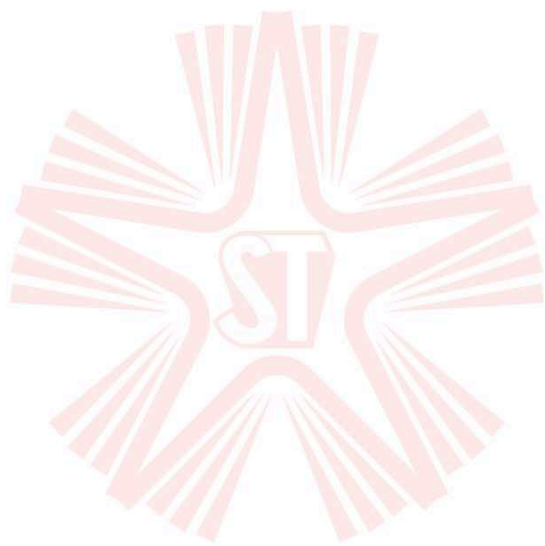
Qua hơn bốn năm nghiên cứu, đề tài đã được Hội đồng khoa học cơ sở và Hội đồng khoa học cấp nhà nước nghiệm thu đánh giá cao, đạt loại xuất sắc với 100% phiếu. Hội

đồng cho đây là một công trình mang tính tổng hợp, có giá trị khoa học và thực tiễn cao, mở ra một thời kỳ mới cho việc đi sâu nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và đề nghị sớm sửa chữa, bổ sung để xuất bản thành sách phục vụ cho việc nghiên cứu, phổ biến tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhân dịp công trình trên được xuất bản thành sách, Ban Chủ nhiệm đề tài xin cảm ơn tất cả các nhà khoa học, các cán bộ lãnh đạo và quản lý, cán bộ nghiên cứu ở Trung ương cũng như ở địa phương đã tham gia nghiên cứu, đóng góp ý kiến và sưu tầm tư liệu giúp cho sự thành công của công trình khoa học này.

Tư tưởng Hồ Chí Minh hết sức rộng lớn. Trong nghiên cứu và biên soạn, chúng tôi đã có nhiều cố gắng, nhưng đây chỉ là kết quả bước đầu, chắc rằng còn có những hạn chế. Mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của đồng bào bạn đọc để việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh được tiếp tục một cách toàn diện và sâu sắc hơn.

PHẦN THỨ NHẤT

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH,
PHÁT TRIỂN VÀ NGUỒN GỐC
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**



Chương I

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

Trong lịch sử của các dân tộc thường có những ví nhân mà cuộc đời và sự nghiệp, tư tưởng và hành động gắn liền với cả một giai đoạn lịch sử sôi động, đầy biến cố của dân tộc và thời đại mình; phản ánh ý chí, nguyện vọng của các dân tộc và bằng hoạt động của mình đã góp phần vào sự phát triển của thời đại. C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh... là những con người như vậy.

Cuộc đời và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với bối cảnh lịch sử thế giới và trong nước vào giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX đến cuối thập niên 60 của thế kỷ XX. Cuộc đời và hoạt động của Người đã có những cống hiến vô cùng to lớn đối với cách mạng Việt Nam, đồng thời góp phần quan trọng vào lịch sử phong trào cộng sản và công nhân, phong trào giải phóng dân tộc của thế giới.

Từ những năm 1860 - 1870, chủ nghĩa tư bản phương Tây đã chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền - chủ nghĩa đế quốc; đã chuyển từ mở rộng thị trường buôn bán qua việc mở rộng xâm chiếm thuộc địa, từ đó áp đặt ách thống trị dưới nhiều hình thức khác nhau ở hầu hết các nước Á - Phi - Mỹ Latinh.

Cùng với mâu thuẫn gay gắt giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa và mâu thuẫn giữa các nước tư bản đế quốc với nhau, *mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc thực dân* đã xuất hiện và ngày càng phát triển cả về rộng và về sâu, trở thành một mâu thuẫn hết sức sâu sắc của thời đại.

Chủ nghĩa Mác ra đời năm 1848, với *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, phát hiện quy luật tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Từ chỗ là "bóng ma cộng sản", sau gần nửa thế kỷ đấu tranh chống hệ tư tưởng tư sản và các trào lưu cơ hội chủ nghĩa dưới mọi màu sắc, chủ nghĩa Mác đã trở thành hệ tư tưởng chính thống của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

V.I.Lênin kế tục và phát triển tư tưởng và sự nghiệp của Mác - Ăngghen trong giai đoạn lịch sử mới, đã lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, thành lập nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, mở đầu cho thời đại mới, thời đại cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong khi các nước tư bản phương Tây nhanh chóng phát triển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa thì các nước phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam, Mianma... là những quốc gia phong kiến hình thành lâu đời, vốn có nền văn hoá phát triển sớm, vẫn chìm sâu dưới sức nặng của quan hệ sản xuất phong kiến chuyên chế, bảo thủ. Do đó, lực lượng sản xuất chậm phát triển, trình độ khoa học kỹ thuật lạc hậu; đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân lao động cực khổ, bế tắc;

mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ phong kiến thống trị với nhân dân lao động, mà tuyệt đại đa số là nông dân, ngày càng sâu sắc.

Trừ Nhật Bản, sau cải cách của Minh Trị Thiên hoàng, đã phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa và sớm trở thành một nước đế quốc ở châu Á, còn các nước khác đều lần lượt bị đế quốc xâm lược, trở thành những nước thuộc địa và phụ thuộc. Anh chiếm Ấn Độ, Malaixia, Mianma; Pháp chiếm Việt Nam, Lào, Campuchia; Thái Lan nằm giữa Mianma thuộc Anh và Đông Dương thuộc Pháp, trở thành "khu đệm" giữa Anh và Pháp; Trung Quốc, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ... trở thành những nước phụ thuộc - nửa thuộc địa của các cường quốc đế quốc. Các nước châu Phi, Mỹ Latinh đều lần lượt bị các đế quốc Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha xâm lược.

Phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước phương Đông dưới sự lãnh đạo của hệ tư tưởng phong kiến, tư sản, tiểu tư sản đều lần lượt thất bại. Các dân tộc bị áp bức ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh vẫn chìm đắm dưới ách nô lệ của chủ nghĩa thực dân, chưa tìm ra con đường giải phóng dân tộc.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước đã bước sang một giai đoạn mới.

Việt Nam là một nước cổ lịch sử và nền văn hiến lâu đời, có truyền thống chống ngoại xâm vô cùng canh liệt. Tuy nhiên, cũng như các nước phong kiến phương Đông khác, bước sang thế kỷ XIX, Việt Nam vẫn ở trong tình trạng trì trệ, kém phát triển.

Từ lâu, chủ nghĩa đế quốc đã nhòm ngó, mưu đồ xâm

chiếm Việt Nam. Đến giữa thế kỷ XIX, trước sự suy yếu của chế độ phong kiến nhà Nguyễn, đế quốc Pháp bắt đầu xâm lược nước ta. Bọn vua quan phong kiến uơ hèn đã đầu hàng thực dân Pháp, bán nước ta cho bọn ngoại bang, phản bội truyền thống yêu nước, quật cường và phong trào đấu tranh chống xâm lược sôi nổi liên tục đang diễn ra của các tầng lớp nhân dân ta.

Trong gần một thế kỷ, đế quốc Pháp đã cấu kết với giai cấp phong kiến địa chủ thống trị nước ta một cách vô cùng tàn bạo, biến nước ta, một nước phong kiến độc lập, thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, thành nơi cung cấp nguyên liệu, nhân công rẻ mạt và thị trường tiêu thụ hàng hoá của chủ nghĩa tư bản. Chúng chia cắt đất nước ta, vốn là một quốc gia thống nhất, thành ba kỳ với ba chế độ thống trị khác nhau để dễ bề cai trị và đàn áp.

Ngay từ lúc đế quốc Pháp nổ súng xâm lược nước ta, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên chống xâm lược. Các phong trào cứu nước, từ các cuộc khởi nghĩa Bình Tây ở lục tỉnh, từ phong trào Cần Vương, Văn Thân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân của Phan Bội Châu, Lương Văn Can, Phan Chu Trinh đến cuộc nổi dậy của Hoàng Hoa Thám, và các cuộc khởi nghĩa sau đó đều lần lượt thất bại và bị đàn áp khốc liệt. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cho đến đầu thế kỷ XX gặp bế tắc về đường lối.

Bối cảnh đó đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

Vậy tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cứu nước đã từng bước hình thành và phát triển như thế nào?

Căn cứ vào thực tế sống, lao động và học tập, hoạt động

và nhận thức của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, có thể chia quá trình đó thành năm thời kỳ:

1. Thời kỳ thơ ấu đến trước lúc ra đi tìm đường cứu nước (1890 - 1911).

2. Thời kỳ khảo sát tìm tòi và đến với chủ nghĩa Lênin (1911 - 1920).

3. Thời kỳ hoạt động ở Đảng Cộng sản Pháp, ở Quốc tế Cộng sản và chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1921 - 1930).

4. Thời kỳ Nguyễn Ái Quốc gặp những thử thách gay go và kiên trì giữ vững quan điểm, tư tưởng của mình (1931 - 1940).

5. Thời kỳ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 - 1969).

Thời kỳ này chia làm hai giai đoạn:

- Giai đoạn chuẩn bị khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945).

- Giai đoạn tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, vừa kháng chiến vừa kiến quốc (1945 - 1969).

1. Thời kỳ thơ ấu đến trước lúc ra đi tìm đường cứu nước (1890 - 1911)

Trong thời kỳ này, Nguyễn Sinh Cung đã tiếp thu được truyền thống yêu nước và lòng nhân ái từ gia đình và quê hương đất nước, trước hết là của quê hương Nam Đàn, xứ Nghệ, nơi Anh sinh ra, sống tuổi ấu thơ (những năm 1890 - 1895 và 1901 - 1906) và của Thừa Thiên Huế, nơi Anh sống cùng cha là Cụ Nguyễn Sinh Sắc và theo học Trường tiểu học Đông Ba rồi Trường Quốc học Huế

(những năm 1895 - 1901 và 1906 - 1909). Tại quê hương, Anh được khai tâm bằng chữ Hán, được hấp thụ tinh thần yêu nước bất khuất của các phong trào đấu tranh chống Pháp, cách đối nhân xử thế nhân nghĩa, khí khái, thủy chung của các nhà Nho yêu nước. Tại Huế, Anh được học một số kiến thức về tự nhiên và xã hội, bước đầu tiếp xúc với nền văn minh phương Tây, gọi cho Anh những suy nghĩ về một hướng đi mới, khác với lớp cha anh.

Đây cũng là thời kỳ bọn thực dân Pháp ra sức đàn áp phong trào yêu nước để củng cố địa vị thống trị của chúng. Anh được thấy cảnh khổ ải, cùng cực của dân phu làm con đường Cửa Rào - Trấn Ninh; thấy được sự đối lập giữa cuộc sống lao động chật vật, nghèo khổ của nhân dân với cảnh sống xa hoa, phé phồn của bọn thực dân Pháp và quan lại Nam triều. Anh đã tham gia và chứng kiến cuộc biểu tình chống sưu thuế của nông dân miền Trung bị đàn áp dã man. Sự thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã cho anh thấy: Muốn cứu được nước, phải tìm ra một con đường cách mạng mới.

Đất nước, quê hương và gia đình đã hình thành nên ở người thanh niên Nguyễn Tất Thành một nhân cách *giàu lòng yêu nước, có hoài bão cứu nước, nhân ái, thương người, nhất là người nghèo khổ, thấu hiểu được sức mạnh của ý chí độc lập tự cường của dân tộc*. Được quê hương và gia đình trang bị cho một vốn kiến thức uyên thâm về văn hoá phương Đông, những kiến thức bước đầu về văn hoá phương Tây, lại được rèn luyện trong cuộc sống lao động và đấu tranh, mang nỗi đau của người dân mất nước, với một ý chí nghị lực phi thường. Anh đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước.

Có thể nói những *phẩm chất và trí tuệ* được hình thành trong thời kỳ này là *hành trang tư tưởng mà Nguyễn Tất Thành mang theo khi rời Tổ quốc ra đi.*

2. Thời kỳ khảo sát, tìm tòi và đến với chủ nghĩa Lênin (1911 - 1920)

Để thực hiện hoài bão của mình, Anh đã đi và sống ở nhiều nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, đã tận mắt thấy cuộc sống cùng cực, bị bóc lột, bị đàn áp của các dân tộc thuộc địa và cũng đã trực tiếp tìm hiểu đời sống của các nước tư bản phát triển, tự xưng là văn minh. Đầu tiên, Anh đã đến Pháp năm 1911, tiếp đó Anh đã sống ở Mỹ những năm 1912 - 1913, ở Anh những năm 1913 - 1917 và lâu nhất là lần thứ hai, Anh trở lại Pháp, sống ở thủ đô Pari, một trung tâm chính trị - văn hoá của Pháp và châu Âu, từ năm 1917 đến năm 1920. Ở Pháp, Anh tham gia "Hội những người Việt Nam yêu nước", vào Đảng Xã hội Pháp - đảng của giai cấp công nhân Pháp lúc bấy giờ, Anh tiếp xúc và là bạn của nhiều nhà hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá nổi tiếng của Pháp và châu Âu.

Năm 1919, Anh cùng với một số nhà yêu nước Việt Nam thảo ra bản yêu sách 8 điểm ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây đòi quyền tự do dân chủ cho người Việt Nam. Bản yêu sách không được Hội nghị xem xét đến nhưng đã gây một tiếng vang lớn trong phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng Việt Nam. Qua sự kiện này Anh càng thấy rõ trò bịp bợm của chủ nghĩa Uynxon và đi tới kết luận: Các dân tộc muốn được giải phóng chỉ có thể dựa vào sức của bản thân mình.

Thực tiễn sống, hoạt động và đấu tranh phong phú đó đã đưa Anh đến những nhận thức mới:

- Ở các nước thuộc địa, đâu đâu Anh cũng thấy người lao động bị chủ nghĩa thực dân đế quốc dày ải trong tù nhục, đói nghèo, bị bóc lột, đàn áp dã man và ở đâu các dân tộc bị áp bức cũng đều có khát vọng đấu tranh đòi giải phóng. *Ý thức quốc tế ở Anh được hình thành từ đó.*

- Ở các nước tư bản phát triển, tự xưng là văn minh, Anh thấy cũng có hai loại người: tầng lớp trên sống hết sức xa hoa, thừa thãi, còn đa số nhân dân lao động phải sống cuộc đời nheo nhóc, bán hàn. Chính do sự thông cảm, yêu thương những người cùng khổ và lòng căm ghét bọn tư bản, đế quốc, thực dân, mà *tình cảm và ý thức giai cấp ở Anh từng bước được nảy nở.*

Nhờ những nhận thức rút ra từ thực tiễn gần mười năm lăn lộn tìm đường cứu nước, nên vào năm 1920 khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, đăng trên báo *L'Humanité*, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy ở *Luận cương* những lời giải đáp đầy thuyết phục cho những câu hỏi mình đang nung nấu và tìm tòi. Sau này, nói về cảm tưởng khi đọc *Luận cương*, Người viết: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ ba, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 562.



Có thể nói, đến đây Nguyễn Ái Quốc đã tìm được con đường cứu nước: con đường giải phóng dân tộc gắn với cách mạng vô sản, đi theo con đường của cách mạng vô sản.

Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp lần thứ XVIII ở Tua, Người đã biểu quyết đứng về phía Quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Như vậy, trải qua 10 năm tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Lênin, từ một thanh niên Việt Nam yêu nước trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là một bước nhảy vọt lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, một sự chuyển biến về chất, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

3. Thời kỳ hoạt động ở Đảng Cộng sản Pháp, ở Quốc tế Cộng sản và chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1921 - 1930)

Thời kỳ này nổi lên mấy sự kiện lớn:

- 1920 - 1923: Nguyễn Ái Quốc hoạt động với cương vị Trưởng tiểu ban Đông Dương trong Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, tham dự Đại hội I và Đại hội II Đảng Cộng sản Pháp. Trong các Đại hội này, Người đã phê bình Đảng Cộng sản Pháp chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa.

Cùng với những nhà hoạt động cách mạng của các thuộc địa Pháp, Nguyễn Ái Quốc thành lập "Hội liên hiệp thuộc địa" và xuất bản báo *Le Paria* (Người cùng khổ) mà Người là chủ nhiệm kiêm chủ bút. Đây là lần đầu tiên, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Người được thể hiện ra bằng tổ chức. Tờ báo của các dân tộc thuộc địa đấu tranh giành độc

lập tự do lại không lấy tên là "Giải phóng" hay "Độc lập" mà lấy tên là "Người cùng khổ" và trong bài *Lời kêu gọi* đăng ở số báo đầu tiên, Người nói rõ mục đích của tờ báo là đấu tranh để "giải phóng con người". Điều này chứng tỏ tư tưởng giải phóng con người xuất hiện từ rất sớm và sâu sắc ở Nguyễn Ái Quốc.

- 1923 - 1924: Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô, lúc đầu để tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào Đoàn Chủ tịch của Quốc tế Nông dân, được tham quan triển lãm kinh tế quốc dân Liên Xô, tận mắt chứng kiến những thành tựu về mọi mặt của nhân dân Liên Xô; sau đó vào học lớp bồi dưỡng tại Trường đại học Phương Đông. Năm 1924, Người tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản và các Đại hội Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cửu thế đỏ, Quốc tế Công hội đỏ. Thời gian ở Liên Xô tuy ngắn nhưng vào lúc ở Liên Xô đang thực hiện Chính sách kinh tế mới và đạt được nhiều thành tựu lớn về kinh tế - xã hội, đã để lại trong Người những ấn tượng rất sâu sắc. Người đã viết *Nhật ký chìm tàu* để ca ngợi, khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

Trong thời gian hoạt động ở Quốc tế Cộng sản, Người đã phát biểu nhiều ý kiến sâu sắc về tầm quan trọng chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa, đã phê bình mạnh mẽ Đảng Cộng sản Pháp và các Đảng Cộng sản ở các nước có thuộc địa chưa quan tâm đúng mức đến cách mạng ở thuộc địa. *Người vạch rõ tình cảnh của giai cấp công nhân, nông dân ở các nước thuộc địa đang chết dần, chết mòn vì đói rét, bệnh tật và kêu gọi Quốc tế Cộng sản giúp đỡ họ tổ chức lại, "chỉ cho họ con đường để tìm cách mạng và giải phóng".* Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*

của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản ở Pháp cuối năm 1925 đã tố cáo mạnh mẽ tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp, nêu rõ nỗi thống khổ và sức mạnh của nhân dân các nước thuộc địa.

- Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu (Trung Quốc). Được sự uỷ nhiệm của Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc tham gia chỉ đạo phong trào cách mạng và phong trào nông dân ở Trung Quốc và một số nước châu Á.

Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc sáng lập "Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội", ra báo *Thanh niên* và mở lớp huấn luyện trực tiếp đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Những bài giảng của Người tại lớp huấn luyện được tập hợp in thành cuốn sách *Đường cách mệnh* (1927). Tác phẩm đã trình bày một cách ngắn gọn, dễ hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam. Người đã lựa chọn những học viên ưu tú, cử đi học ở Trường đại học Phương Đông (Liên Xô) và Trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc) nhằm đào tạo cán bộ lãnh đạo cho cách mạng Việt Nam sau này.

Năm 1930, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mau chóng, hình thành ở trong nước ba tổ chức cộng sản. Một yêu cầu khách quan là phải thống nhất các tổ chức cộng sản đó lại. Theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất. *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt* do Người khởi thảo và đề nghị lấy tên Đảng là "Đảng Cộng sản Việt Nam" của Người đã được Hội nghị nhất trí thông qua. *Với những văn kiện này, tư tưởng Hồ Chí Minh về*

con đường cách mạng Việt Nam đã được hình thành về cơ bản và trở thành Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta.

4. Thời kỳ Nguyễn Ái Quốc gặp những thử thách gay go và kiên trì giữ vững quan điểm, tư tưởng của mình (1931 - 1940)

Nguyễn Ái Quốc là một cán bộ có uy tín của Quốc tế Cộng sản, nhất là về những vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. Nhưng sau khi thoát khỏi nhà tù Hồng Công, trở lại Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc liên tiếp được cử đi học và không được giao nhiệm vụ gì.

Một sự kiện đáng lưu ý là: Đại hội lần thứ I Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Ma Cao (năm 1935) cử đoàn đại biểu chính thức của Đảng Cộng sản Đông Dương đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản gồm bốn người là các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Nọn và Nguyễn Ái Quốc. Nhưng cuối cùng vì những lý do nào đó, Nguyễn Ái Quốc chỉ được dự mấy ngày cuối của Đại hội với tư cách là đại biểu dự thính.

Ngày 6-6-1938, Nguyễn Ái Quốc viết thư cho một đồng chí trong Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản bày tỏ tâm trạng và nguyện vọng được về nước hoạt động. Toàn văn như sau:

"Đồng chí thân mến,

Hôm nay là ngày kỷ niệm lần thứ bảy việc tôi bị bắt giữ ở Hồng Công. Đó cũng là ngày mở đầu năm thứ tám tình trạng không hoạt động của tôi. Nhân dịp này, tôi viết thư gửi đồng chí để xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này.

Đồng chí hãy phân tôi đi đâu đó. Hoặc là giữ tôi ở lại

đây. Hãy giao cho tôi làm một việc gì mà theo đồng chí là có ích. Điều tôi muốn đề nghị với đồng chí là đứng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng.

Tôi sẽ rất biết ơn đồng chí, thưa đồng chí thân mến, cho phép tôi được hội kiến. Tôi tin rằng như vậy sẽ tốt hơn. Đã từ lâu rồi đồng chí không gặp tôi.

Đồng chí thân mến, xin đồng chí nhận lời chào cộng sản anh em của tôi¹.

Do tình hình đã thay đổi, yêu cầu của Nguyễn Ái Quốc được chấp nhận. Phòng tổ chức cán bộ của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, nơi Nguyễn Ái Quốc công tác, đã ra Quyết định số 19, từ ngày 29-9-1938 Người rời khỏi biên chế của Viện để về nước hoạt động.

Như chúng ta đã biết, sau Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, phong trào cộng sản và công nhân phát triển mạnh mẽ, hàng loạt đảng cộng sản được thành lập, trong khi đó Quốc tế II đã bị chủ nghĩa cơ hội thao túng, không còn đủ uy tín và khả năng lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới. Tình hình đó đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế mới thực sự theo chủ nghĩa quốc tế vô sản, trung thành với chủ nghĩa Mác để lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới. Từ yêu cầu đó, Quốc tế Cộng sản (Đệ tam Quốc tế) ra đời.

Quốc tế Cộng sản từ lúc thành lập (1919) đến lúc giải thể (1943) đã qua bảy kỳ Đại hội và đã có những đóng góp to lớn vào phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp to lớn ấy, sự lãnh

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.8, tr.117.



đạo của Quốc tế Cộng sản cũng có lúc đã phạm một số sai lầm "tả" khuynh trong đường lối chiến lược, sách lược như:

- Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, do đánh giá sai tình hình, Quốc tế Cộng sản đã đưa ra nhận định quá lạc quan. A. Đinôviép, Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản (1919), đã dự đoán rằng: "Phong trào sẽ phát triển cực nhanh, chỉ một năm nữa, ở châu Âu sẽ diễn ra cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa cộng sản, một năm nữa, châu Âu sẽ là châu Âu cộng sản".

- Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (năm 1928) nhận định, phong trào cách mạng đã trải qua cao trào (1918 - 1923) và thời kỳ ổn định cục bộ, tạm thời của chủ nghĩa tư bản đã qua, nay bước vào thời kỳ mới mà đặc điểm là mâu thuẫn, khủng hoảng của chủ nghĩa đế quốc đặc biệt sâu sắc. Do đó, *Đại hội yêu cầu các Đảng Cộng sản phải đấu tranh chống mọi khuynh hướng sai lầm và nhấn mạnh nguy cơ chính là "chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh"*.

Đại hội VI Quốc tế Cộng sản đã thông qua cương lĩnh và một số chủ trương. Đối với các nước tư bản phát triển, Đại hội đánh giá chưa kịp thời về nguy cơ của chủ nghĩa phátxít; nhận định không đúng về vai trò và sự phân hoá trong các đảng xã hội dân chủ và trong các giai cấp trước nguy cơ của chủ nghĩa phátxít, do đó ảnh hưởng đến việc thống nhất phong trào công nhân và tập hợp rộng rãi các lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc, chống nguy cơ của chủ nghĩa phátxít.

Đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc, Quốc tế Cộng sản chủ trương phải làm cuộc cách mạng dân chủ tư sản, nghĩa là giai đoạn chuẩn bị tiến để cho nền chuyên chính vô sản cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ cơ bản của

cuộc cách mạng đó là chống đế quốc và cách mạng ruộng đất; thành lập chính quyền công nông theo hình thức Xôviết. Riêng với Đông Dương, Quốc tế Cộng sản nêu: "Cách mạng Đông Dương phải là một cuộc cách mạng ruộng đất và phản đế". Quốc tế Cộng sản cũng nhấn mạnh động lực cách mạng là công nhân và nông dân, nhưng chưa thấy đúng khả năng, lực lượng của các giai cấp, tầng lớp khác.

Đối với tư sản dân tộc và phú nông, Quốc tế Cộng sản chủ trương "không bao giờ được liên minh với họ". Đối với tiểu tư sản, "không nên cường điệu khuynh hướng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản thành thị, lại càng không nên xem những phần tử ít cách mạng nhất - tầng lớp tiểu thương như là động lực cách mạng".

Còn trong *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, xác định cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến quan hệ khăng khít, nhưng phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu. Do đó, phải tập trung mũi nhọn vào chống đế quốc và phong kiến phản động, tay sai, phải đoàn kết rộng rãi mọi giai cấp, tầng lớp yêu nước chống đế quốc, bao gồm cả giai cấp tư sản dân tộc; lấy công nông làm nền tảng, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Đối với địa chủ và phú nông, Người chủ trương

1. Dẫn theo tài liệu về Quốc tế III và báo cáo "Phong trào cộng sản Đông Dương" của Hồng Thế Công (Hà Huy Tập). Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

phân hoá, nhằm lôi kéo hàng trung tiểu địa chủ, ít ra làm cho họ trung lập, bộ phận nào đã lộ mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ. Chủ trương đó là hoàn toàn đúng vì nó tranh thủ, đoàn kết mọi lực lượng yêu nước, dân chủ, không bỏ sót một hạng người nào, để tập trung chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu là chủ nghĩa đế quốc và bọn phong kiến tay sai.

Về tên Đảng, Nguyễn Ái Quốc đề nghị đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, vì Việt Nam - Campuchia - Lào tuy cùng chịu ách thống trị áp bức của chủ nghĩa thực dân Pháp nhưng là ba dân tộc khác nhau, có trình độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội khác nhau, và cũng không thể buộc các dân tộc khác phải gia nhập Đảng của dân tộc mình. Cái tên Việt Nam phù hợp với cả ba miền Trung, Nam, Bắc, khơi dậy được tinh thần dân tộc. Mặt khác, Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng Lào, Campuchia phát triển và tiến tới thành lập Đảng riêng của mỗi nước.

Như vậy, về đối tượng và lực lượng của cách mạng dân chủ tư sản ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, quan điểm của Nguyễn Ái Quốc và của Nghị quyết VI Quốc tế Cộng sản có khoảng cách.

Sau Hội nghị hợp nhất đầu tháng 2-1930, Quốc tế Cộng sản coi quan điểm của Nguyễn Ái Quốc là phạm sai lầm "hữu khuynh", "dân tộc chủ nghĩa", vì vậy, dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Trần Phú đã dự thảo "Luận cương chính trị" theo quan điểm của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản. Hội nghị Trung ương họp ở Hương Cảng tháng 10-1930 đã thông qua dự án "Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương" (Dự án để thảo luận

trong Đảng)⁴ và thông qua "Án nghị quyết của Trung ương toàn thể Đại hội nói về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng"². Nghị quyết cũng đã phê phán *Chánh cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* là "phạm sai lầm chính trị", "sai lầm về việc tổ chức Đảng", và "sai lầm về Điều lệ và tên Đảng". Nội dung phê phán "sai lầm chính trị" như sau:

"a) *Vấn đề thổ địa*. Không rõ ràng và cố chỗ không đúng, như chia địa chủ làm đại, trung và tiểu địa chủ. Đối với đại địa chủ thì tịch kỹ đất ruộng, mà đối với tiểu, trung địa chủ thì chủ trương lợi dụng họ, ít ra cũng làm cho họ đứng trung lập. Như thế là sai lầm và nguy hiểm"³...

"b) *Vấn đề tư bản*. Trong Sách lược nói phải lợi dụng tư bản mà chưa rõ mặt phản cách mạng. Vẫn biết có bọn ấy, song chúng nó không đi một phe với mình được, mà cũng không thể lợi dụng chúng nó được; bọn ấy tốt nhất chỉ đứng về quốc gia cải lương, mà đã quốc gia cải lương thì Đảng phải hết sức phá ảnh hưởng của chúng nó trong quần chúng... Nói rằng, ít ra cũng phải làm cho chúng nó trung lập, tức là như biểu Đảng đứng chủ trương công nhân tranh đấu với tư bản bốn xứ. Đảng không có thể chủ trương như thế.

Những điều sai lầm về sách lược đó tỏ ra rằng chỉ lo đến việc phần đế, mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu ấy là một sự rất nguy hiểm"⁴. Hội nghị đi đến quyết nghị: "Thủ tiêu Chánh cương, Sách lược và Điều lệ cũ... Bỏ tên

1, 2, 8, 4. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.88-108, 104-117, 110, 110-111.

"Việt Nam Cộng sản Đảng" mà lấy tên "Đông Dương Cộng sản Đảng"... Dem Án nghị quyết của Quốc tế, chính sách và kế hoạch của Đảng mà thảo luận cho khắp trong Đảng, lấy đó làm căn bản mà chỉnh đốn nội bộ, làm cho Đảng bônsovích hoá"¹.

Cũng chính từ đánh giá đó, năm 1935, trong Thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương do Đại hội Ma Cao bầu ra gửi Quốc tế Cộng sản, đã viết rằng ở Đông Dương và Xiêm đang phát động một cuộc đấu tranh chống khuynh hướng hữu khuynh, cải lương, dân tộc chủ nghĩa... "Một trở ngại rất nghiêm trọng cho sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản"².

Như vậy là trên một số quan điểm về cách mạng Đông Dương, giữa Nguyễn Ái Quốc và Quốc tế Cộng sản, cũng như giữa *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* thông qua tại Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam đầu năm 1930 với Luận cương và Án nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10-1930 có những khác nhau...

Sở dĩ có sự khác nhau đó, trước hết là do có những quan điểm khác nhau trong Quốc tế Cộng sản, mà khuynh hướng "tả" khuynh đang giữ vai trò chủ đạo. Mặt khác, do Quốc tế Cộng sản còn thiếu thông tin, thiếu thực tế về

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.2, tr.112-118.

2. Thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương gửi Quốc tế Cộng sản, ngày 31-8-1935 do Hà Huy Tập ký. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

phương Đông về các nước thuộc địa ở Đông Nam Á. Khuynh hướng này đã tác động đến đường lối chủ trương của nhiều Đảng Cộng sản ở các nước tư bản phát triển cũng như ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. *Đảng ta là một phần bộ của Quốc tế Cộng sản; tất nhiên về mặt tổ chức, Đảng ta phải chấp hành Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và không tránh khỏi bị chi phối của khuynh hướng "tả" đó.*

Điều đáng lưu ý là, một mặt, Trung ương Đảng ta lúc bấy giờ phê phán Nguyễn Ái Quốc là "sai lầm chính trị", là "hữu khuynh, dân tộc chủ nghĩa", nhưng Đại hội I của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Ma Cao vẫn cử đồng chí Nguyễn Ái Quốc là đại biểu chính thức của Đảng ta đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (cùng các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Nọn). Điều đó chứng tỏ uy tín, ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc trong Đảng vẫn rất lớn, lực lượng tán thành quan điểm của Nguyễn Ái Quốc không phải ít. Phải chăng vì vậy, đến tháng 11-1930 đã có chỉ thị của Thường vụ Trung ương về "thành lập Hội phản đế đồng minh", và chỉ thị phê phán xu hướng "tả khuynh" của Xứ uỷ Trung Kỳ (tháng 5-1931).

Phải đến *Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (1935)*, trước nguy cơ của chủ nghĩa phátxít và chiến tranh thế giới mới, Dimitorốp - Chủ tịch mới của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, trong báo cáo chính trị "Sự tấn công của chủ nghĩa phátxít và những nhiệm vụ của Quốc tế Cộng sản trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa phátxít", *đã nghiên khác tư phê bình về những sai lầm "tả" khuynh trong Nghị quyết Đại hội VI Quốc tế Cộng*

sản, cho đó là "biệt phái", "hẹp hòi", ảnh hưởng đến sự thống nhất hành động với phái tả trong các đảng xã hội dân chủ để thành lập "Mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân", cũng như ảnh hưởng đến việc tập hợp, thu hút mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hình thành "Mặt trận nhân dân chống phátxít...". Cũng tại Đại hội VII, đồng chí Môrixo Tôrê - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp cũng đã đọc bản báo cáo nổi tiếng phê phán xu hướng biệt phái trong Đảng Pháp và chủ trương thành lập Mặt trận bình dân, trên cơ sở tập hợp các lực lượng của Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội dân chủ và cánh tả của Đảng Cấp tiến.

Dưới ánh sáng của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Đảng ta đã có chuyển hướng về đường lối và sách lược, tức là trên thực tế đã trở về với tư tưởng, đường lối, sách lược, mà Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra từ khi mới thành lập Đảng. Bài Chung quanh vấn đề chiến sách mới (tháng 10-1938) có đoạn viết: "Những người cộng sản Đông Dương... hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin và thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin theo điều kiện hiện thực ở Đông Dương... Chiến sách mới của Đảng là chiến sách theo điều kiện hiện thực ở xứ Đông Dương, theo kinh nghiệm tranh đấu của Đảng, học kinh nghiệm của Quốc tế Cộng sản và kinh nghiệm của cuộc vận động cộng sản thế giới, không phải đem kinh nghiệm xứ này sang xứ khác một cách như máy..."¹. Đó là một bước tiến trong tư duy lý luận độc lập, sáng tạo của Đảng ta.

Từ đó, cách mạng Việt Nam có bước chuyển biến mới trong giải quyết quan hệ dân tộc và giai cấp. Nghị quyết

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.6, tr.157-158.

của khoáng đại Hội nghị của toàn thể Ban Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương (9-1937) đã viết: "Các đồng chí mắc phải cái bệnh thiên về thợ thuyền lao động quá, có khi chỉ biết có đám người ấy thôi mà quên hết cả quyền lợi của các tầng lớp, các giai cấp khác, quyền lợi chung của dân tộc cần phải bình vực. Các đồng chí trong Đảng phải hiểu rằng, Đảng ta chẳng những là kẻ bình vực và lãnh đạo cho giai cấp vô sản mà thôi mà cũng là kẻ bình vực và lãnh đạo cho cả toàn thể dân chúng nữa"¹; và nhấn mạnh: "Khoảng đại Hội nghị nhắc cho các đồng chí cần tập trung lực lượng chống chủ trương biệt phái, cô độc, tả khuynh, là cái nạn nguy hiểm nhất trong giai đoạn này. Thế không phải là ta có thể lãng bỏ sự tranh đấu chống các xu hướng hữu khuynh và thoả hiệp"². Sự chuyển hướng đó được thể hiện tiếp tục trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (tháng 11-1939), lần thứ bảy (tháng 11-1940). Đặc biệt đến Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5-1941), Nguyễn Ái Quốc đã về nước trực tiếp chủ trì, đã khẳng định dứt khoát chủ trương chuyển hướng chiến lược: Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết, tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất lại³. Từ đây, tư tưởng của Người trở thành linh hồn, ngọn cờ chỉ đạo Đảng ta và cách mạng Việt Nam.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh quan điểm của

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.6, tr.285, 298.*

3. Xem Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, bảy, tám - Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.6, tr.509-567; t.7, tr.20-81, 96-186.*

Nguyễn Ái Quốc trong *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* là hoàn toàn đúng đắn. Chúng ta cần nói rõ vấn đề này để hiểu sâu sắc hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh. Đã đến lúc cần thống nhất xác định: *Chính cương vắn tắt* với *Sách lược vắn tắt* được Hội nghị hợp nhất Đảng tháng 2-1930 thông qua là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng như sách giáo khoa của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và một số bài nghiên cứu đăng ở các tạp chí của các cơ quan đảng đã nêu. Đây là một vấn đề về lịch sử và lý luận cần được xác định rõ.

5. Thời kỳ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 - 1969)

Thời kỳ này, tư tưởng của Người và đường lối của Đảng là thống nhất và có những bước phát triển mới, toàn diện, hoàn chỉnh, đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng Việt Nam, có thể chia làm hai giai đoạn.

5.1. Giai đoạn chuẩn bị khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945).

Sau hơn 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, trước yêu cầu mới của tình hình, tháng 1-1941, Người vượt biên giới Việt - Trung về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 5-1941, Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám lịch sử. Hội nghị đã đánh giá những chuyển biến mới của tình hình và đưa ra nhận định hết sức quan trọng và đúng đắn về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp: "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu

mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"¹. Hội nghị đã dứt khoát khẳng định sự chuyển hướng chiến lược: *Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết, là nhiệm vụ trước tiên, tạm gác nhiệm vụ cách mạng dân địa lại.*

Từ đó, Hội nghị đề ra chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất rộng rãi, lấy tên là "Việt Nam độc lập đồng minh", gọi tắt là Mặt trận Việt Minh, nhằm đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng yêu nước, chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo... để chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước.

Dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Người và Thường vụ Trung ương Đảng, công tác tuyên truyền vận động cách mạng tổ chức xây dựng lực lượng - cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng... được đẩy mạnh. Người cùng với Đảng ta đã nhạy bén, sáng suốt phân tích tình hình thế giới, trong nước, nắm bắt và tận dụng thời cơ đã kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa, một cuộc Tổng khởi nghĩa toàn dân chưa từng có trong lịch sử, đưa đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình.

Bản Tuyên ngôn đã trình trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước do nhân dân làm chủ đầu tiên ở

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđđ, t.7, tr.118.

Đông Nam Á Bản Tuyên ngôn cũng đã phát triển tư tưởng dân quyền, nhân quyền, đi đến khẳng định quyền tự do và độc lập của các dân tộc và nói lên ý chí của toàn dân quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập pấy.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp 15 năm đấu tranh liên tục của Đảng, là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

5.2. Giai đoạn tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, vừa kháng chiến vừa kiến quốc (1945 - 1969).

Sau khi giành lại được độc lập, Nhà nước Dân chủ Cộng hòa đứng trước những khó khăn chống chọi, vận mệnh đất nước có lúc như "ngàn cân treo sợi tóc". Trong nước, nạn đói chưa qua, tình hình kinh tế - tài chính suy sụp, chính quyền cách mạng còn non trẻ, cơ sở Đảng chưa phát triển. Ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng dưới danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật và theo chân chúng là bọn phản động Việt cách và Việt quốc. Trong Nam, quân Pháp núp bóng quân Anh, đã quay trở lại, nổ súng gây hấn ở Nam Bộ.

Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta, một mặt lãnh đạo đồng bào Nam Bộ kháng chiến, mặt khác ra sức củng cố và phát triển Đảng, củng cố chính quyền non trẻ, gấp rút phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân, kêu gọi nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất để chống giặc đói, phát động phong trào chống nạn mù chữ nhằm diệt giặc dốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phải sớm tổ chức Tổng

tuyển cử để bầu Quốc hội, xây dựng Hiến pháp, lập ra chính phủ chính thức. Người vận động lập "Quỹ độc lập", tổ chức "Tuần lễ vàng", mở rộng các đoàn thể cứu quốc, động viên phong trào Nam tiến, v.v.. Các cuộc vận động đó đã trở thành các phong trào cách mạng của quần chúng và đã đạt được những kết quả rực rỡ trong những ngày đầu của cách mạng.

Về đối ngoại, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã vận dụng sách lược mềm dẻo, khôn khéo, ký Hiệp định sơ bộ (6-3), Tạm ước (14-9), với những nhân nhượng cần thiết để tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng, đi vào cuộc kháng chiến lâu dài. Đó là những chủ trương, biện pháp cực kỳ đúng đắn, sáng suốt, đã đưa con thuyền cách mạng nước ta vượt qua được những ghềnh thác hiểm nghèo.

Nhờ vậy mà chính quyền cách mạng trong cả nước được giữ vững và toàn dân ta có thể bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc (tháng 12-1946) với tư thế sẵn sàng và lòng tin sắt đá: Kháng chiến lâu dài nhưng nhất định thắng lợi.

Những tư tưởng của Người về kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, về chiến tranh nhân dân, về kháng chiến đi đôi với kiến quốc, v.v. đã trở thành cơ sở cho đường lối kháng chiến của Đảng ta.

Năm 1951, do yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta quyết định triệu tập Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, đưa Đảng ra công khai với tên là Đảng Lao động Việt Nam, đồng thời giúp Lào và Campuchia thành lập Đảng riêng để lãnh đạo cách mạng của mỗi nước. Đại hội đã thông qua cương lĩnh mới, điều lệ mới,

giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa cách mạng dân tộc và cách mạng dân chủ, do đó đã động viên được toàn dân đẩy mạnh kháng chiến, đưa đến chiến thắng ở Điện Biên Phủ lịch sử, đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp, mở đầu cho sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.

Theo Hiệp định Giơnevơ, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nước ta tạm bị chia cắt làm hai miền, sau hai năm sẽ tiến hành Tổng tuyển cử để hòa bình thống nhất Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta nắm vững bản chất của chủ nghĩa đế quốc, đã sớm xác định kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là chủ nghĩa đế quốc Mỹ, nêu rõ cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, và đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 đã đề ra đường lối đấu tranh cho Cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân miền Nam và nhân dân cả nước, phản ánh đúng quy luật đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước.

Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là "xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà"¹, và nêu rõ: miền Bắc là hậu phương lớn, có vai trò quyết định nhất đối với cách mạng cả nước, miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.678.



với việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Năm 1964, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đẩy mạnh "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam và trắng trợn khiêu khích phá hoại miền Bắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt*, một Hội nghị Diên Hồng trong thời đại mới, nêu rõ quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, khẳng định sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân ta trong cả nước. Người kêu gọi: Mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc¹.

Năm 1965, trước thất bại của chiến lược "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ đã chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ", ào ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam và tăng cường chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân đối với miền Bắc. Chúng đã dùng mọi thủ đoạn, mọi phương tiện hiện đại, kể cả máy bay chiến lược B52. Trước những hành động leo thang xâm lược hết sức tàn bạo của đế quốc Mỹ, Bác Hồ đã khẳng định: "dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn"².

Tháng 7-1968, sau khi cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất bị đánh bại, đế quốc Mỹ tiếp tục tăng quân đội và vũ khí, ráo riết chuẩn bị cuộc phản công chiến lược lần thứ hai ở miền Nam và đánh phá ác liệt ở miền Bắc. Chủ tịch

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.14, tr.485.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.14, tr.577.

Hồ Chí Minh đã chủ tọa cuộc họp của Hội đồng Quốc phòng quyết định những chủ trương lớn đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và Người đã ra lời kêu gọi danh thép:

"Chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa... Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!"¹.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, đồng bào và chiến sĩ ta, từ hậu phương lớn đến tiền tuyến lớn, đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, với lòng tin tưởng tuyệt đối ở Bác, ở Đảng, với tinh thần dũng cảm, sáng tạo tuyệt vời, đã đoàn kết chiến đấu, lần lượt đánh thắng mọi chiến lược của kẻ thù trong một cuộc chiến tranh dài ngày nhất, quy mô lớn nhất, mức độ ác liệt nhất và giành được thắng lợi vẻ vang nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trước lúc tạ thế, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bản *Di chúc* thiêng liêng. Bản *Di chúc* đã nói lên tình sâu nghĩa nặng của Người với nước, với dân; nói lên niềm tin tất thắng ở sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước; để ra những phương sách lớn để xây dựng lại đất nước sau chiến tranh nhằm thực hiện mục tiêu: "xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"².

Di chúc là một bản tổng kết sâu sắc, nêu lên những

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.181, 624.



nội dung cơ bản, những tư tưởng, tình cảm lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Bản *Di chúc* là những lời căn dặn cuối cùng đầy tâm huyết, thấm đượm tình người; một di sản tư tưởng vô cùng quý báu của dân tộc và nhân loại.

Với lòng kính yêu và thương tiếc vô hạn, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã ra sức phấn đấu thực hiện *Di chúc* của Người, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, Tổ quốc thống nhất, Nam - Bắc một nhà, cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng mới: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, từ *Hội nghị Trung ương lần thứ tám lịch sử đến Cách mạng Tháng Tám thành công*, tiếp đó là *cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*, rồi đến *công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống Mỹ*, cứu nước thắng lợi, tư tưởng Hồ Chí Minh đã có những bước phát triển mới, hoàn chỉnh và có hệ thống cả về cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Dại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: "Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngót nửa thế kỷ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng nhân dân, thống nhất Tổ quốc, cho sự nghiệp của Đảng và của dân tộc, làm rạng rỡ non sông đất nước ta, để lại cho chúng ta và các thế hệ mai sau những di sản bất diệt!"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, S44, t.37, tr.982.

Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng như mọi vĩ nhân khác, không tránh khỏi có những hạn chế nhất định của lịch sử. Người đã từng nói: "Đảng ta nhờ kết hợp được chủ nghĩa Mác - Lênin với tình hình thực tế của nước ta, cho nên đã thu được nhiều thắng lợi trong công tác. Tuy vậy, việc kết hợp chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn của cách mạng Việt Nam chưa được hoàn toàn. Có nhiều sai lầm là do sự thiếu kết hợp đó. Ví dụ những sai lầm trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, xây dựng kinh tế"¹.

Từ ngày nước ta được hoàn toàn giải phóng, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng và bảo vệ đất nước, đạt được những thành tựu rất quan trọng về nhiều mặt. Song trong một thời gian khá dài, chúng ta đã phạm phải những sai lầm do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, nhận thức không đúng về chủ nghĩa xã hội, dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng về kinh tế - xã hội cho đất nước.

Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã khẳng định những thắng lợi giành được từ sau năm 1975, đã nghiêm khắc tự phê bình về những khuyết điểm, sai lầm ấy, đồng thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới tư duy về kinh tế. Đại hội đã rút ra những bài học lớn, và thực chất những bài học đó là trở lại với những tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng khẳng định tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Tổng kết những chặng đường lịch sử

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.97.



của cuộc đấu tranh cách mạng Việt Nam từ ngày Đảng mới thành lập. Đại hội đã khẳng định sự đúng đắn và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Để tiếp tục phát huy trí tuệ của toàn Đảng, để ổn định tình hình và đưa đất nước tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới, Đại hội đã quyết nghị nêu cao hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh và ghi vào Cương lĩnh của Đảng "*Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động*" của mình.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh đã có lịch sử hình thành và phát triển hơn nửa thế kỷ. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam, là sự kết tinh trí tuệ của dân tộc và thời đại, là sự vận dụng sáng tạo và bước phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam. *Tư tưởng Hồ Chí Minh là linh hồn, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam.*

Chương II

NGUỒN GỐC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Việc xác định các nguồn gốc góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có ý nghĩa quan trọng để hiểu bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh, mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin và các học thuyết chính trị - xã hội khác.

Về nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh, có ý kiến cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Có ý kiến cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh cơ bản là tư tưởng của dân tộc Việt Nam, của cách mạng Việt Nam, đã được thăng hoa nhờ có chủ nghĩa Mác - Lênin. Lại có ý kiến cho rằng Hồ Chí Minh đi từ tư tưởng Nho giáo đến chủ nghĩa cộng sản, v.v..

Qua quá trình thảo luận, đến nay, nói chung đã có sự nhất trí về ba nguồn gốc chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là *chủ nghĩa yêu nước và truyền thống văn hoá, nhân ái Việt Nam; tinh hoa văn hoá phương Đông, phương Tây; chủ nghĩa Mác - Lênin*. Tuy còn có ý kiến khác nhau về vai trò và vị trí của mỗi yếu tố, nhưng phần lớn đều nhất trí chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc chủ yếu nhất.

Cũng có ý kiến cho rằng, ngoài những nguồn gốc về tư tưởng - lý luận, cần chú ý đến cả cơ sở hoạt động, đến thực tiễn; đến phẩm chất, nhân cách cá nhân của Hồ Chí Minh.

Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ: mọi học thuyết tư tưởng ra đời, một mặt là sự kế thừa những tư tưởng, học thuyết trước đó, mặt khác là sự phản ánh quy luật vận động của hiện thực, đồng thời là kết quả hoạt động nhận thức, sáng tạo của một con người gắn với phẩm chất, nhân cách cá nhân, phản ánh ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc trong một thời đại nhất định.

Theo chúng tôi, nên nghiên cứu nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh một cách toàn diện: ngoài nguồn gốc về lý luận - tư tưởng, nên chú trọng đến nguồn gốc thực tiễn, đến nhân cách của Hồ Chí Minh.

A. VỀ NGUỒN GỐC LÝ LUẬN - TƯ TƯỞNG

Trước hết, là truyền thống văn hoá Việt Nam, nổi bật là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái cổ kết dân tộc đã được hun đúc qua hàng ngàn năm đấu tranh kiên cường, bất khuất, tự lực, tự cường, thông minh, sáng tạo, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập của dân tộc và bảo tồn nền văn hiến của đất nước, chống mọi âm mưu đồng hoá của ngoại bang.

Việt Nam là một quốc gia được hình thành từ rất sớm, trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, đất nước Việt Nam đã trở thành Tổ quốc thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam. Tinh thần yêu nước đã trở thành đạo lý sống, niềm tự hào và là một nhân tố đứng đầu trong bảng giá trị tinh thần của con người Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì

tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước... Chúng ta cố quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v.. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng¹⁴.

Truyền thống yêu nước đó không chỉ là một tình cảm, một phẩm chất tinh thần, mà đã phát triển thành một chủ nghĩa - *chủ nghĩa yêu nước*, chủ nghĩa dân tộc chân chính, thành *đồng chủ lưu của tư tưởng Việt Nam*, xuyên suốt lịch sử của dân tộc.

Chính sức mạnh của truyền thống yêu nước ấy đã thúc đẩy Nguyễn Sinh Cung, sau này là Nguyễn Tất Thành, đi tìm đường cứu nước. Đó cũng là động lực tư tưởng, tình cảm chi phối mọi suy nghĩ hành động của Người trong suốt cả cuộc đời mình. Người đặt cho mình cái tên Nguyễn Ái Quốc - Nguyễn yêu nước, để luôn nhắc nhở, cổ vũ bản thân và cổ vũ quốc dân đồng bào. Đó cũng chính là cơ sở tư tưởng đã dẫn Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, bắt đầu từ lý luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Vì vậy, có thể nói *truyền thống văn hoá Việt Nam, nổi bật là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái cố kết dân tộc là một trong những nguồn gốc chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh*. Đúng như Người đã nêu: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.88.



yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"¹.

Thứ hai, là tình hoa văn hoá phương Đông và phương Tây. Ngoài truyền thống văn hoá dân tộc, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Đông (Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo), đã tiếp thu và kế thừa có phê phán tư tưởng dân chủ, nhân văn của văn hoá Phục hưng, của thế kỷ Ánh sáng, của cách mạng tư sản phương Tây và của cách mạng Trung Quốc.

Trên con đường học hỏi, Hồ Chí Minh đã biết làm giàu vốn trí tuệ của mình bằng những di sản quý báu của văn hoá nhân loại. *Người biết kế thừa các học thuyết đó một cách có phê phán, chọn lọc, không bao giờ sao chép máy móc, cũng không bao giờ phủ định một cách giản đơn, mà có sự phân tích sâu sắc để tìm ra những yếu tố tích cực, làm giàu thêm vốn kiến thức và hành trang tư tưởng của mình.*

Nói về thái độ của mình đối với một số học thuyết và tôn giáo, Người viết:

"Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Tôn giáo Giêsu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả.

Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng.

Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là Chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta.

Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải đã có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn: "mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội". Nếu hôm nay,

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.562.

họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy¹.

Lời nói trên đây chứng minh Hồ Chí Minh đã biết kế thừa có phê phán, chọn lọc mọi tinh hoa văn hoá nhân loại để làm giàu cho tư tưởng của mình.

Vậy Hồ Chí Minh đã đến với các dòng tư tưởng lớn của nhân loại như thế nào, đã tiếp thu có chọn lọc và vận dụng sáng tạo ra sao?

1. Về ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo

Ngay từ thuở ấu thơ - tuổi của sự hình thành nhân cách, Hồ Chí Minh đã được học chữ Hán với những nhà nho yêu nước, đã tiếp thu triết lý và đạo đức Khổng - Mạnh qua những sách kinh điển của Nho giáo, đã được sống trong nền nếp gia phong của gia đình nội ngoại, chịu ảnh hưởng của vùng quê Nghệ - Tĩnh nghèo nhưng hiếu học và yêu nước, nổi tiếng là quê hương của nhiều anh hùng dân tộc, văn nhân, hào kiệt trong lịch sử. Người cũng đã từng sống ở Kinh thành Huế, nơi ngự trị của vua chúa phong kiến nhà Nguyễn vốn sùng bái Nho giáo, thấy rõ tính chất thủ cựu, uơ hèn của chúng và cảm nhận sâu sắc tấm lòng nhân ái, nghĩa tình của người dân xứ Huế.

Những kiến thức Hán học mà Người tiếp thu được từ nhỏ đã ăn sâu vào trí nhớ, để lại những dấu ấn sâu sắc về

1. Dẫn theo *Hồ Chí Minh truyện*, bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thúc, Bát Nguyệt xuất bản xã, Thượng Hải, tháng 6-1949.

tư tưởng, tình cảm đến mức mãi sau này Người vẫn có thể làm thơ bằng chữ Hán, tiêu biểu là tập thơ nổi tiếng *Nhật ký trong tù*. Vì vậy, không có gì lạ, trong nhiều bài nói và viết của mình, Người đã từng sử dụng có cả biên các khái niệm, các mệnh đề tích cực của Nho giáo để diễn đạt tư tưởng của mình.

Điều cần nói rõ là Nho giáo khi vào nước ta, thì đã bắt gặp chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ lưu cơ bản của tư tưởng Việt Nam, như trên đã nói, do đó đã hình thành nên một trào lưu Nho giáo yêu nước, một thứ Nho giáo đã Việt Nam hoá. Đi sâu phân tích tư tưởng của các sĩ phu yêu nước thì thực chất đó là một chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thấm đượm ở trình độ nào đó tinh thần và nội dung của Nho giáo.

Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành được học tập chữ Hán với các thầy vốn là những nhà nho yêu nước. Đạo đức Nho giáo thấm vào tư tưởng, tình cảm của Anh không phải là những giáo điều "tam cương", "ngũ thường" nhằm bảo vệ tôn ti trật tự phong kiến mà là tinh thần "nhân nghĩa", đạo "tu thân", sự ham học hỏi, đức tính khiêm tốn, "ôn hoà", cách xử thế "có tình có lý" mà chúng ta đã thấy ở Chu Văn An, Nguyễn Trãi, v.v..

Ngoài những yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động, Nho giáo cũng có những yếu tố tích cực. Nó đề cao những mệnh đề "trung - hiếu", "nhân nghĩa", "tử hải giai huynh đệ", "dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh", nêu phương châm "khắc kỷ phục lễ", v.v..

Chúng ta đều biết Khổng giáo là sản phẩm tư tưởng của thời Xuân thu - Chiến quốc; do đó, bên cạnh những nội dung tích cực nhất định, đạo Khổng tất nhiên phản ánh

tình trạng xã hội phong kiến, phân chia "quần tử với tiểu nhân", coi thường lao động chân tay, đặc biệt coi khinh phụ nữ, v.v.. Những luận điểm đó hoàn toàn xa lạ với tư tưởng Hồ Chí Minh: đấu tranh cho một xã hội bình đẳng, dân chủ; tôn trọng lao động - cả lao động trí óc và lao động chân tay; tôn trọng phụ nữ, chủ trương nam nữ bình quyền...

Trong khi tiếp thu, sử dụng những yếu tố tích cực của Nho giáo, Hồ Chí Minh đã phê phán, *loại bỏ những yếu tố thủ cựu, tiêu cực của học thuyết này*. Người đã chỉ rõ: "Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều.

Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời"¹. Và chính Người đã đảo lại thế đứng đó, như Mác - Ăngghen đã tiếp thu hạt nhân phép biện chứng duy tâm của Hêghen, và đặt lại phép biện chứng đó trên cái nền duy vật.

Ngoài Nho giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn tiếp thu triết lý của Phật giáo, Lão giáo đến chứng mực nào đó. Những yếu tố này chiếm vị trí như thế nào đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh thì còn là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu.

2. Về ảnh hưởng của văn hóa phương Tây

Ngay từ lúc còn đang học ở Trường tiểu học Pháp - Việt và Trường Quốc học Huế, Anh đã từng biết đến khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" của Đại cách mạng tư sản Pháp, được tiếp xúc với những tờ báo tiếng Pháp có xu hướng tự do qua những người lính lê dương tiến bộ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.220.



Văn minh phương Tây với những thành tựu của khoa học kỹ thuật đã khơi gợi tư duy của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành, khiến Anh muốn đi sang các nước phương Tây để tìm hiểu những gì ẩn giấu đằng sau khẩu hiệu ấy.

Trong gần 10 năm bôn ba, khảo sát ở các nước tư bản lớn như Mỹ, Anh, Pháp và các thuộc địa của họ, Anh đã tìm hiểu qua sách báo, tài liệu, qua tiếp xúc với các nhà chính trị - xã hội có tiếng, ... và cả qua xem xét thực tế cuộc sống của dân chúng, trực tiếp hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội ở các nước đó, rút ra những nhận xét, đánh giá, để tìm ra những gì là "tinh hoa" tốt đẹp cần tiếp thu và những gì còn hạn chế cần khắc phục.

Thời gian đứng chân ở Mỹ khoảng cuối năm 1912 đến cuối năm 1913, Anh đã ở Brúclin, đến thăm khu da đen Háclem, đã chiêm ngưỡng tượng thần Tự do... Xử sở mới mẻ này đã gây cho Anh bao ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc. Anh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ, trong đó đề cập đến "quyền bình đẳng", "quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc" của con người, quyền của nhân dân kiểm soát chính phủ... "Hễ Chính phủ nào mà cố hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây lên Chính phủ khác"¹. Anh khâm phục ý chí giành độc lập, tự do của nhân dân Mỹ, khâm phục những tư tưởng vĩ đại của Oasinhton, Giép-phéc-son, Lyncôn, nhưng đồng thời Anh cũng phát hiện những nghịch lý: đằng sau những lời lẽ hoa mỹ về tự do, bình đẳng là sự bất bình đẳng và nghèo đói của hàng triệu

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.291.



người lao động là điều kiện sống khủng khiếp của người da đen, là nạn phân biệt chủng tộc ghê gớm mà Anh đã mô tả trong bài "Đảng 3K", v.v..

Ở Pari, thủ đô nước Pháp - nơi Anh sống dài ngày nhất, đã để lại cho Anh nhiều ấn tượng và bài học sâu sắc trên hành trình tìm đường cứu nước. Chủ nghĩa nhân văn, tư tưởng tự do - bình đẳng - bác ái trong tác phẩm của thời kỳ Phục hưng, của thế kỷ Ánh sáng, của các đại văn hào nổi tiếng như Vôn-te, Đidơ-rô, Mông-tét-xki-ơ, J.J.Rút-xô; rồi những tư tưởng mới mẻ của Cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Đặc biệt, những tư tưởng của bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* đã được Nguyễn Tất Thành đi sâu nghiên cứu và phân tích.

Trong khi khẳng định những giá trị chân chính, những nhân tố tích cực, tiến bộ của cách mạng dân chủ tư sản - nhất là tư tưởng tự do - bình đẳng - bác ái, tư tưởng nhân văn, giải phóng con người khỏi thần quyền và sự thống trị của những quan hệ phong kiến, Nguyễn Ái Quốc cũng đồng thời đánh giá đúng những hạn chế của nó. Trong *Đường cách mệnh*, Người viết về cách mạng Mỹ: "Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai."

Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi¹. Về cách mạng Pháp, Người cũng đánh giá: "Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lộc công nông, ngoài thì nó áp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.291-292.



bức thuộc địa..."¹. Người kết luận: "Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy"². Chính vì không thoả mãn với con đường cách mạng tư sản, Người đã tìm đến chủ nghĩa Mác - Lênin.

3. Về ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn

Thuở thiếu thời, Nguyễn Tất Thành cũng đã từng được nghe những từ "dân sinh", "dân quyền", "dân quốc" do các nhà nho yêu nước nói đến trong khi đàm luận với cụ Nguyễn Sinh Sắc... Nhưng có lẽ, phải sau khi về tới Quảng Châu - trung tâm của cách mạng Trung Quốc lúc bấy giờ (năm 1924), Nguyễn Ái Quốc mới có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Lúc này là thời kỳ Tôn Trung Sơn cải tổ Quốc dân đảng Trung Quốc, thực hiện chính sách: "Thân Nga, liên Cộng, phù trợ công nông". Người đã đánh giá đúng đắn về Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam Dân. Người đã viết trong bài *Các nước đế quốc chủ nghĩa và Trung Quốc*: "Tôn Dật Tiên, "người cha của cách mạng Trung Quốc", người đứng đầu Chính phủ Quảng Châu, thì luôn luôn trung thành với những nguyên lý của mình, ngay cả trong những lúc khó khăn nhất. Cương lĩnh của đảng ông - *Quốc dân đảng* - là một cương lĩnh cải cách. Cương lĩnh đó gồm những điều khoản chống đế quốc và chống quân phiệt một cách rõ rệt. Đảng đó lớn tiếng tuyên bố đoàn kết với các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và với giai cấp vô sản quốc tế. Đảng đó đồng tình với cách mạng

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.296.



Nga". Chắc rằng Người cũng đã tiếp thu sự đánh giá của Quốc tế Cộng sản về Tôn Trung Sơn trong Lời kêu gọi gửi công nhân, nông dân, nhân dân lao động Trung Quốc ngày Tôn Trung Sơn qua đời (14-2-1925): "Tên tuổi của Tôn Dật Tiên, người đã một đời đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thế giới để giải phóng quần chúng nhân dân Trung Quốc, thật vô cùng cao quý đối với giai cấp vô sản thế giới, đối với các dân tộc bị áp bức ở phương Đông đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thế giới".

Sau khi Tôn Trung Sơn mất, Nguyễn Ái Quốc đã dự Đại hội II Quốc dân đảng Trung Hoa và cũng đã từng chịu hậu quả của những phần tử phần bội lại lý tưởng Tôn Trung Sơn sau vụ chính biến của Tưởng Giới Thạch tháng 4-1927.

Nguyễn Ái Quốc đã thấy ở chủ nghĩa Tam Dân và chính sách thân Nga, liên Cộng, phù trợ công nông của Tôn Trung Sơn có những tư tưởng tiến bộ, tích cực và có thể vận dụng vào cách mạng Việt Nam. Người đã nhận xét: Chủ nghĩa ấy thích hợp với điều kiện nước ta.

Tuy nhiên, chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn cơ bản vẫn là tư tưởng dân chủ tư sản, nằm trong hệ tư tưởng tư sản nên có nhiều hạn chế. Người đã thấy rõ những hạn chế ấy, cho nên, khi cụ Phan Bội Châu định chuyển Việt Nam Quang Phục hội thành Việt Nam Quốc dân đảng, theo cương lĩnh của Tôn Trung Sơn thì Nguyễn Ái Quốc đã có những lời khuyên chân tình là không thể đứng lại ở những chủ trương của Quốc dân đảng. Hơn nữa, khi vận dụng "chính sách" mà Người cho là thích hợp với Việt Nam

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.848.



như khẩu hiệu "Độc lập - tự do - hạnh phúc" rút ra từ chủ nghĩa Tam Dân và tư tưởng "Tự do - bình đẳng - bác ái" của cách mạng tư sản Pháp, thành tiêu ngữ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, thì Người đã *phát triển khái niệm "độc lập - tự do - hạnh phúc" lên một trình độ mới, mang tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính cách mạng triệt để* của cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng.

Nói tóm lại, trong quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện tư tưởng của mình về con đường của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã kế thừa có chọn lọc những tinh hoa văn hoá phương Đông, phương Tây, cổ điển và hiện đại. Sau khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, với phương pháp luận khoa học, cách mạng, Người đã nâng nó lên một trình độ mới, một chất lượng mới.

Nguồn gốc lý luận quyết định bước phát triển mới về chất của tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin. Như đã trình bày, trên cơ sở truyền thống văn hoá Việt Nam, mà nổi bật là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái, cố kết dân tộc, Người tiếp thu tinh hoa văn hoá phương Đông và phương Tây, và cuối cùng đến với chủ nghĩa Lênin. Đây là bước ngoặt cơ bản trong quá trình tìm đường cứu nước và quá trình phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh: Chủ nghĩa yêu nước đã gắn liền với chủ nghĩa xã hội; giác ngộ dân tộc đã phát triển và kết hợp với giác ngộ giai cấp; cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng vô sản. Bước ngoặt đó đánh dấu sự định hình và khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng của

giai cấp vô sản - chủ nghĩa Mác - Lênin, mang bản chất cách mạng và khoa học triệt để.

Thế giới quan và phương pháp luận Mác - Lênin đã giúp Hồ Chí Minh nhìn nhận, đánh giá, phân tích, tổng kết các học thuyết tư tưởng đương thời cũng như kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình để tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Người đã coi chủ nghĩa Mác - Lênin không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, là kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi đến thắng lợi cuối cùng đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Trong *Đường cách mệnh*, khi phân tích các chủ nghĩa, học thuyết, Người viết: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"¹.

Tổng kết kinh nghiệm thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Người chỉ rõ: *Chúng ta giành được thắng lợi là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng... chúng ta giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin.*

Điều đó chứng minh vai trò và ý nghĩa quyết định của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, việc tiếp thu, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh là cả một quá trình gắn với hoạt động thực tiễn, trên cơ sở yêu cầu của thực tiễn, kết hợp lý luận và thực tiễn, vừa nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa hoạt động thực tiễn.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.289.



Như trên đã khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng của giai cấp vô sản - chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhưng Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển lý luận Mác - Lênin một cách sáng tạo, rất xa lạ với những gì là giáo điều, kinh viện. Trong những bài nói và bài viết của Hồ Chí Minh, chúng ta thấy Người ít khi trích dẫn nguyên văn Mác - Lênin. Những vấn đề phức tạp, sâu sắc của lý luận và thực tiễn cách mạng thường được Người đề cập một cách rất giản dị dễ hiểu, *gắn nguyên lý với hành động, lý luận với thực tiễn, gắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin với tình hình văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Đông*. Người coi việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, trước hết phải nắm vững cái cốt lõi, "*linh hồn sống*" của nó là phương pháp biện chứng, "*phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta*".

Người nhắc nhở chúng ta phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu, hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu trong sách... Theo Người, chủ nghĩa Mác - Lênin là để phụng sự cho cách mạng, cho Tổ quốc và nhân dân. Hết lòng hết sức phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc, bất kỳ việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích ấy; đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu không hết lòng hết sức phụng sự nhân dân, tự kiêu, tự đại, tự tư, tự lợi, như thế là trái với

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.11, tr.95.



chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin là lý trí mà cũng còn là tình cảm nữa. "Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được"¹.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp giữa truyền thống văn hoá Việt Nam và tinh hoa văn hoá phương Đông, phương Tây với chủ nghĩa Mác - Lênin; lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng lý luận, phương pháp luận. Do đó, có thể khẳng định: *Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng Mác - Lênin và chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc chủ yếu nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Ngoài nguồn gốc lý luận, còn phải đề cập *cơ sở thực tiễn, tác động của thực tiễn* đến sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi vì chính từ trong hoạt động thực tiễn mà từng bước Hồ Chí Minh đã tìm ra quy luật, khái quát nhận thức của mình thành lý luận. Lý luận ấy lại được Hồ Chí Minh vận dụng và kiểm nghiệm trong thực tiễn. Về thực tiễn của thời đại đã được phân tích ở trên, ở đây chỉ nói đến thực tiễn đời sống và hoạt động của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Như chúng ta đã biết, trong các nhà hoạt động cách mạng, thật hiếm người có cuộc sống và hoạt động thực tiễn đa dạng phong phú, gắn liền với một thời kỳ lịch sử sôi động trên nửa thế kỷ của dân tộc và của thời đại như Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Người đã đi đến nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc ở khắp các châu lục: Âu - Á - Mỹ - Phi để nghiên cứu, xem xét

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.668.



đời sống, nguyện vọng hoạt động đấu tranh của nhân dân các dân tộc; Người đã sống và lao động thực sự như một người công nhân ở nhiều nước tư bản phát triển để xem xét đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của các tầng lớp nhân dân, để nghiên cứu cách thức tổ chức xã hội và quản lý nhà nước ở đó.

Người cũng đã sống và chứng kiến hai cuộc chiến tranh thế giới với những tổn thất nặng nề, những hy sinh to lớn và những hậu quả lâu dài về mọi mặt của nó.

Đặc biệt, Người đã có một số năm sống, lao động, học tập, nghiên cứu trên đất nước Liên Xô - nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Những ưu việt của chế độ xã hội Xôviết đã được Người mô tả một cách khá cụ thể, toàn diện trong *Nhật ký chìm tàu* và đã đưa ra những nhận xét sâu sắc khi so sánh nó với xã hội tư sản ở Mỹ, Anh, Pháp. Đó chính là vào thời kỳ thắng lợi của Chính sách kinh tế mới của Lênin khi Người đến Liên Xô lần thứ nhất.

Người trở lại Liên Xô lần thứ hai vào thời kỳ Liên Xô đạt được những thành tựu lớn về tập thể hoá nông nghiệp và công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng là thời kỳ diễn ra những vụ "cường bức", "trấn áp" độc đoán, không phải chỉ trong nội bộ Liên Xô, mà cả đối với các lãnh tụ của phong trào Cộng sản Quốc tế.

Đi nhiều nơi, làm nhiều công việc, phụ trách nhiều cương vị trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau: người công nhân; phụ bếp; quét tuyết; người thợ ảnh; nhà báo; người cán bộ Quốc tế Cộng sản; người trực tiếp đào tạo, tổ chức Đảng Cộng sản Đông Dương; nhiều năm là người đứng đầu Đảng và Nhà nước ta, lãnh đạo nhân dân ta làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, thành lập

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai đế quốc to... Thực tiễn phong phú, sinh động đó đã đem lại cho Người vốn sống, vốn kinh nghiệm, vốn hiểu biết phong phú về nhiều mặt. Thực tiễn ấy là cơ sở làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển ngày càng phong phú, toàn diện. Nó là kết quả của sự tác động biện chứng giữa nhận thức và hành động, lý luận và thực tiễn, vì vậy mà ngày càng tiếp cận với chân lý của cuộc sống.

Như vậy, thực tiễn phong phú của thời đại và của bản thân cuộc sống và hoạt động mà Hồ Chí Minh đã từng trải là một nguồn gốc, một cơ sở có ý nghĩa quyết định đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện của tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho tư tưởng ấy ngày càng nâng cao tính chất vừa cách mạng, vừa khoa học.

B. NHÂN CÁCH VÀ PHẨM CHẤT CỦA HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng bao giờ cũng là sản phẩm của con người, là mặt hoạt động tinh thần, ý thức của con người, do con người sáng tạo trên cơ sở những nhân tố khách quan. Do đó, tư tưởng còn phụ thuộc vào các yếu tố của nhân cách, phẩm chất tinh thần con người đã sẵn sinh ra nó, như tư chất, tính cách, bản lĩnh, phẩm chất tư duy...

Về nhân cách, phẩm chất Hồ Chí Minh, nhiều tác giả trong nước và nhiều chính khách, nhiều nhà hoạt động văn hoá - xã hội nước ngoài đã nói đến và đã có nhiều ý kiến khá sâu sắc. Nhưng chúng ta vẫn chưa có một công trình nghiên cứu đầy đủ về "con người Hồ Chí Minh", không chỉ trên bình diện nhà chính trị, mà còn trên bình diện nhân cách của một con người. Hy vọng sẽ có nhiều công trình nghiên cứu và tác phẩm viết về vấn đề này.

Trong phạm vi cuốn sách này, chúng tôi chỉ đề cập đến những điều về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh có tác động đến sự hình thành, phát triển tư tưởng của Người.

Có thể nói Hồ Chí Minh là một con người có một phẩm chất cá nhân hết sức tiêu biểu:

Người là một con người sống có hoài bão, có lý tưởng yêu nước thương dân sâu sắc, nhất là đối với những người cùng khổ bị áp bức bóc lột; có bản lĩnh kiên định, có khí tiết kiên cường trong đấu tranh thực hiện mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn.

Người là một con người đặc biệt thông minh, sắc sảo, nhạy bén với cái mới, ham học hỏi; có tư duy độc lập sáng tạo; có trí tuệ uyên bác, kiến thức sâu rộng; biết nhiều ngoại ngữ, do đó có điều kiện tiếp xúc với văn hoá của nhiều dân tộc.

Người là một con người có lòng tin mãnh liệt ở nhân dân; có ý chí, nghị lực phi thường, có đầu óc thực tiễn, thiết thực cụ thể, lý luận gắn liền với thực tiễn, nói đi đôi với làm.

Người là một con người mẫu mực về đạo đức cách mạng; tác phong bình dị, chân tình, khiêm tốn, giản dị, hòa mình với quần chúng; có sức cảm hoá lớn đối với mọi người.

Người là một bậc đại nhân, đại trí, đại dũng.

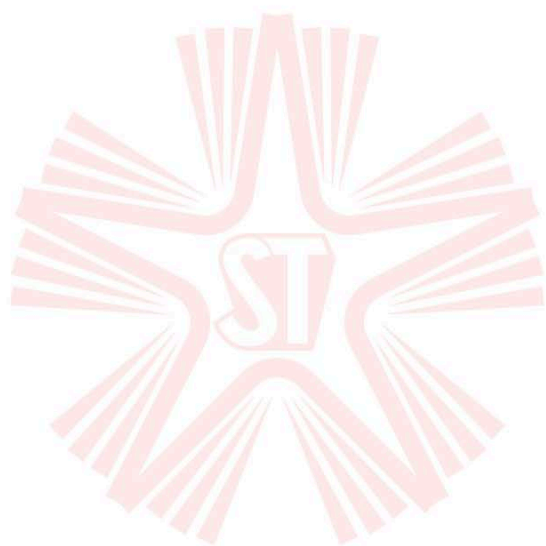
Những tư chất và phẩm chất ấy được phát huy trong suốt cuộc đời hoạt động của Người. Nhờ vậy, giữa vô vàn lý thuyết, học thuyết khác nhau, đối lập nhau, đúng và sai, thật và giả đan xen lẫn lộn, trong khi nhiều chí sĩ cách mạng từ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng đến Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, v.v., không phát hiện được ở đâu là quy luật, là chân lý, thì chính Hồ Chí Minh đã tìm

ra được mục tiêu, lý tưởng cách mạng đúng đắn và con đường để đi tới mục tiêu, thực hiện lý tưởng ấy. Giữa thực tiễn vô cùng sinh động, phức tạp, với bao tình huống khó khăn, bao sóng gió thử thách, có khi đe dọa cả cuộc sống và sinh mệnh chính trị của mình, Người vẫn đứng vững, vượt lên, vẫn kiên trì chân lý, có những quyết định đúng đắn và sáng suốt, những hoạt động sáng tạo để biến tư tưởng thành hiện thực.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ đơn thuần là sự kế thừa và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin mà đã có bước phát triển mới, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin trên một loạt vấn đề cơ bản và cấp bách của dân tộc và thời đại nhằm *đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng*, cả trong cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, không chỉ ở Việt Nam mà còn góp phần vào phong trào cách mạng thế giới.

Chính trên ý nghĩa đó, Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: *Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng.*

PHẦN THỨ HAI
NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN
CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



Chương III

**TU TƯỜNG HỒ CHÍ MINH
NHỮNG LUẬN ĐIỂM SÁNG TẠO LỚN**

Nhân dân Việt Nam và nhân dân tiến bộ trên thế giới ca ngợi Hồ Chí Minh, công nhận tư tưởng Hồ Chí Minh đã có vai trò quyết định đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam và góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Nó gồm những nội dung cơ bản gì? Những tinh hoa tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần vào kho tàng tư tưởng chính trị - xã hội - nhân văn của thời đại là những gì? Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng Mác - Lênin - đỉnh cao của tư tưởng nhân loại, nhưng nó đã phát triển sáng tạo và làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin ở những vấn đề gì?

Giải đáp một cách khoa học những câu hỏi nêu trên không phải giản đơn và dễ đi đến nhất trí.

Từ sau Đại hội VII, tiếp đến sự triển khai nghiên cứu Chương trình cấp nhà nước "Về tư tưởng Hồ Chí Minh" thì vấn đề xác định tư tưởng Hồ Chí Minh là gì và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một vấn đề, một phạm trù xuất phát của công tác nghiên cứu

tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là một vấn đề mà các nhà nghiên cứu khoa học, các nhà lãnh đạo quản lý đều đề cập đến từ những góc độ, những cách tiếp cận khác nhau.

Đến nay, theo thống kê sơ bộ, đã có hơn 60 định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh và có nhiều cách trình bày về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Với một vấn đề quan trọng và rộng lớn như vậy, chúng ta không hy vọng sớm đi đến một sự nhất trí hoàn toàn trong một đề tài, một chương trình nghiên cứu.

Cách tiếp cận và khái quát trong cuốn sách này cũng chỉ mong đưa ra được một định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh và một cách tiếp cận nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh tương đối hợp lý, có thể chấp nhận trong điều kiện nghiên cứu hiện nay.

Trước hết, cần làm rõ khái niệm "tư tưởng" dùng trong mệnh đề: *chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và nhân dân ta.*

Khái niệm "tư tưởng" ở đây không phải dùng với nghĩa tinh thần - tư tưởng, ý thức tư tưởng của một cá nhân, một cộng đồng, mà với nghĩa là "học thuyết", là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng triết học (thế giới quan và phương pháp luận) nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, được hình thành trên cơ sở hiện thực, thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

Khi định nghĩa về nhà tư tưởng Lênin đã lưu ý: Một người xứng đáng là nhà tư tưởng khi nào biết giải quyết trước người khác tất cả những vấn đề chính trị - sách lược,

các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát...

Với khái niệm tư tưởng như vậy, vấn đề lớn đặt ra là: trong phần trên chúng ta đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc về hệ tư tưởng Mác - Lênin, Hồ Chí Minh là người đã tiếp thu, kế thừa và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, vậy thì Hồ Chí Minh đã có những *luận điểm sáng tạo lớn gì?*

C.Mác tâm đắc với luận điểm của nhà triết học duy vật Pháp Henvêtiút và đã nhắc lại trong tác phẩm của mình: "mỗi một thời đại xã hội đều cần có những anh hùng và vĩ nhân của nó, và nếu không có những con người như thế thì như Henvêtiút đã nói, thời đại sẽ sáng tạo ra những con người như thế"¹.

C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin - Hồ Chí Minh và những lãnh tụ cách mạng lớn khác là những vĩ nhân, có chung một mục tiêu, một lý tưởng là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người; xây dựng một chế độ xã hội mang bản chất nhân đạo cao cả, một chế độ xã hội tốt đẹp, ở đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" như Mác - Ăngghen đã nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Tuy nhiên, bất cứ lý thuyết, học thuyết, chủ nghĩa nào cũng nằm trong dòng chảy của tư duy nhân loại, đều kế thừa, phát triển trên tinh thần phủ định biện chứng những thành tựu trước đó và phải gắn với mảnh đất hiện thực, phản ánh sự vận động của hiện thực.

1. Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962, t.II, tr.284.

Tuỳ theo bối cảnh lịch sử, đặc điểm của hoàn cảnh thực tiễn, môi trường hoạt động đấu tranh và phẩm chất cá nhân, mỗi người có những cống hiến riêng, đóng góp cho kho tàng lý luận chung và để lại dấu ấn nhất định vào sự vận động, phát triển của thời đại, của giai cấp, của dân tộc.

C.Mác và Ph.Ăngghen sinh ra ở Đức, sống và hoạt động ở những nước tư bản phát triển châu Âu (Đức, Anh, Pháp), trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, mâu thuẫn về xã hội và cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản nổi lên gay gắt. Cuộc đấu tranh ấy đòi hỏi phải có lý luận mới để chỉ đạo, thúc đẩy xã hội phát triển theo đúng quy luật khách quan của nó. Mác - Ăngghen đã kế thừa những trào lưu tư tưởng lúc bấy giờ, chủ yếu là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Trải qua quá trình nghiên cứu, đấu tranh về tư tưởng, lý luận và tham gia đấu tranh chính trị - xã hội, hai ông đã thực hiện một bước chuyển biến nhảy vọt về lý luận: hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trên cơ sở kế thừa có chọn lọc tư tưởng biện chứng của Hêghen và quan điểm duy vật của Phơbách, chuyển từ lập trường *Dân chủ cách mạng* sang lập trường *Cộng sản*, sáng lập ra học thuyết cách mạng và khoa học của giai cấp vô sản gồm ba bộ phận cấu thành là *triết học*, *kinh tế chính trị học* và *chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hai ông đã vạch rõ bản chất bóc lột và quy luật vận động, phát triển, và tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản, vạch rõ vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản cùng con đường đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và quần chúng lao động chống giai cấp tư sản - con đường cách mạng vô sản để thủ tiêu xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Cùng với việc sáng tạo lý luận cách mạng và khoa học thấm đượm tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen đã dẫn mình vào thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản. Hai ông đã viết bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* bất hủ, nêu lên khẩu hiệu nổi tiếng: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!", tổ chức ra "Đông minh của những người cộng sản" (tức Quốc tế I) và dự đoán cách mạng vô sản sẽ diễn ra đồng thời ở nhiều nước.

Học thuyết Mác đã trở thành vũ khí tinh thần của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động và đã không ngừng phát triển, hoàn thiện trong cuộc đấu tranh ấy.

Con đường cách mạng mà Mác - Ăngghen vạch ra là: *Giải phóng giai cấp, để đến giải phóng nhân loại.*

V.I.Lênin sinh ra và hoạt động chủ yếu ở nước Nga rộng lớn, chủ nghĩa tư bản phát triển ở mức trung bình; trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản phát triển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Ngoài mâu thuẫn cơ bản giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa trên thế giới, đã xuất hiện và phát triển ngày càng gay gắt mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

Lênin đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác. Cống hiến lớn của Lênin là nghiên cứu những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc, phát hiện quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, đi đến luận điểm nổi tiếng: Cách mạng có thể thắng lợi trong một số nước, thậm chí ở một nước ở đó tập trung mâu thuẫn và là chỗ yếu của dây chuyền đế quốc chủ nghĩa. Lênin đã trực tiếp lãnh đạo

thành công Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, mở ra kỷ nguyên mới cho lịch sử loài người.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, một mặt Lênin xúc tiến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở Nga và đã có những phát triển sáng tạo trong lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Quyết định của Lênin chuyển từ Chính sách cộng sản thời chiến sang Chính sách kinh tế mới (NEP) là một sáng tạo lớn trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, phù hợp với thực tiễn nước Nga lúc bấy giờ.

Lênin lại có những cống hiến lớn trong thúc đẩy phong trào cách mạng vô sản và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc thế giới; đã đẩy lùi ảnh hưởng của xu hướng cơ hội trong Quốc tế II về vấn đề cách mạng vô sản; phê phán quan điểm tư sản về vấn đề dân tộc; đánh giá cao vai trò các dân tộc phương Đông.

Lênin đã thành lập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III), tạo điều kiện thúc đẩy sự ra đời của nhiều Đảng Cộng sản trên thế giới. Như vậy, Lênin đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác, tiến hành cách mạng vô sản Nga thành công, *đi từ giải phóng giai cấp, đến giải phóng dân tộc, giải phóng nhân loại*, với khẩu hiệu: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!".

Điều cần nói rõ là các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin không bao giờ tự cho học thuyết của mình là "chân lý tuyệt đối", là "tuyệt đỉnh". Các ông đều nhấn mạnh bản chất "phê phán", "cách mạng" và tác dụng "kim chỉ nam" của học thuyết mà các ông đã đề ra.

Lênin đã từng nói: "Chúng ta không hề coi lý luận của



Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống¹⁴.

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, một nước phong kiến, nông nghiệp lạc hậu ở phương Đông, bị chủ nghĩa thực dân xâm lược và nô dịch từ cuối thế kỷ XIX. Việt Nam vốn là một dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân ái, có nền văn hiến lâu đời. Từ khi Pháp xâm lược, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của các tầng lớp nhân dân diễn ra liên tục, sôi nổi nhưng con đường cứu nước đang bế tắc chưa có lối ra.

Thời đại Người lớn lên và hoạt động cũng là thời đại chủ nghĩa đế quốc thực dân bành trướng mạnh mẽ, tranh cướp thuộc địa, thị trường, dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới, tàn sát hàng trăm triệu người. Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản càng mở rộng; mâu thuẫn giữa các nước và tập đoàn đế quốc chủ nghĩa với nhau càng phát triển; mâu thuẫn giữa nhân dân bị áp bức ở các nước thuộc địa, phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc, thực dân ngày càng gay gắt. Từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, đã xuất hiện mâu thuẫn mới: mâu thuẫn giữa nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên với hệ thống tư bản chủ nghĩa. Thế giới bước vào thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thời đại của cách mạng vô sản, của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1974, t.4, tr.282.

Xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam và của thế giới, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và Nghị quyết Quốc tế Cộng sản, vạch ra con đường cách mạng đầy sáng tạo của Việt Nam: *Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội (giai cấp), giải phóng con người*, với khẩu hiệu: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công đại thành công".

Hồ Chí Minh, một mặt, khẳng định tính chân thực của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng mặt khác, trong khi tìm hiểu và vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn xã hội Việt Nam và các nước phương Đông Người đã sớm phát hiện ở phương Đông có những đặc điểm khác với các nước phương Tây mà thời Mác chưa có điều kiện nghiên cứu. Hồ Chí Minh đã bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin bằng những luận điểm mới rất quan trọng.

Trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ* gửi Quốc tế Cộng sản năm 1924, Người viết: Cuộc đấu tranh giai cấp ở phương Đông không giống như ở phương Tây... Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà thời Mác không thể có được.

"Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại"¹.

"Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.1, tr.509-510.



nhệm vụ mà các xôviết đảm nhiệm (Ban Thuộc địa chúng tôi vừa nhận được thư mời chúng tôi tham gia công tác này)¹.

Từ phương pháp tiếp cận đúng đắn, mạnh dạn, khoa học trong kế thừa và phát triển học thuyết Mác - Lênin, đồng thời bám sát đặc điểm của thực tiễn Việt Nam và thế giới, Hồ Chí Minh đã có những luận điểm sáng tạo góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là những vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ mới và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở một nước phương Đông, thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế lạc hậu...

Những luận điểm ấy của Hồ Chí Minh rất phong phú, đa dạng, bao quát nhiều mặt, nhiều lĩnh vực. Ở đây chỉ nêu lên những luận điểm sáng tạo lớn:

1. *Hồ Chí Minh là nhà yêu nước Việt Nam đầu tiên đến với chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin và cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga.* Từ đó, Người thấy rõ: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"² và "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc..."³. Kết luận ấy đã tạo ra một bước ngoặt quyết định đối với con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam, nâng chủ nghĩa yêu nước

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.510.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.80.

3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.496.

Việt Nam lên một chất lượng mới, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Hồ Chí Minh là nhà yêu nước Việt Nam đầu tiên đã trở thành người cộng sản chân chính; là người cộng sản một nước thuộc địa trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản chính quốc - Đảng Cộng sản Pháp, một cán bộ quan trọng của Quốc tế Cộng sản, vừa đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc mình, vừa đấu tranh cho phong trào cách mạng vô sản và giải phóng dân tộc trên thế giới. Người đã có công đầu trong truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, gieo hạt giống cộng sản và trực tiếp chuẩn bị những nhân tố chính trị và tổ chức bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Người đã có công lớn trong truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và phát triển phong trào cách mạng, phong trào nông dân ở các nước Đông - Nam châu Á.

2. Hồ Chí Minh là người dân thuộc địa và là người cộng sản đầu tiên có cống hiến to lớn về nghiên cứu chủ nghĩa thực dân và vấn đề giải phóng dân tộc.

Ngay từ những bài báo đầu tiên của Người viết vào năm 1919, cho đến những bài báo viết vào những năm 1926 - 1927, Người đều tập trung vạch trần bản chất và tội ác của chủ nghĩa thực dân; nêu rõ nỗi đau khổ của kiếp người dân mất nước, nguyện vọng khát khao được giải phóng, cuộc đấu tranh phản kháng của các dân tộc thuộc địa, không chỉ ở Việt Nam, Đông Dương, mà hầu hết các thuộc địa của Pháp, Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha..., ở khắp các châu lục.

Những bài báo do Người viết được sưu tập, chỉnh lý thành tập *Bản án chế độ thực dân Pháp* xuất bản năm 1925



và *Đầy công lý của thực dân Pháp ở Đông Dương* xuất bản về sau, đã có ảnh hưởng sâu rộng và được dư luận đánh giá là những tài liệu "có một không hai" về chủ nghĩa thực dân. Có nhà nghiên cứu đã viết: "Sự phân tích về chủ nghĩa thực dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt hẳn những gì mà những nhà lý luận mácxít đề cập đến"¹.

Để đập tan huyền thoại về "khai hoá văn minh" đối với các thuộc địa của báo chí tư sản; phê phán nhận thức sai lầm về các thuộc địa là "những vùng đất yên bình trên nắng, dưới cát với dừa xanh" của những người lao động chính quốc, Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất bóc lột, bạo lực của chủ nghĩa thực dân. Người đã khái quát: *Lịch sử bất cứ cuộc xâm chiếm thuộc địa nào thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu của người bản xứ. Và các thuộc địa là hiện thân của chế độ dã man, tàn bạo của bọn thực dân đối với hàng triệu dân bản xứ.*

Theo Người, "tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng mớ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính người bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó"².

Người phân tích, ngày nay chủ nghĩa tư bản đế quốc đã tiến tới như một khoa học trong thống trị vô sản chính quốc và vô sản thuộc địa: "Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa.

1. Xem *Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại*, Nxb. Lao động - Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1992.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.268.

Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các nước thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng¹.

Người đưa ra luận điểm nổi tiếng: "Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa"², và "Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải cắt đứt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra"³. Từ đó Người vạch rõ chủ nghĩa thực dân không chỉ là kẻ thù của các dân tộc bị áp bức, mà đồng thời là kẻ thù của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chính quốc.

Cũng từ luận điểm nổi tiếng đó và quán triệt sâu sắc quan điểm của Lênin về mối quan hệ giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa, trong các Đại hội của Đảng Cộng sản Pháp và Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Người kiên quyết đấu tranh phê phán những người cộng sản chính quốc coi nhẹ vấn đề thuộc địa, không quan tâm đến cách mạng ở thuộc địa. Trong *Thư gửi Trung ương Đảng Cộng sản Pháp*, Người nêu vấn đề: "Phân bộ Anh và những phân bộ các nước thực dân khác đã làm gì cho các thuộc địa của chủ nghĩa tư bản nước họ?... Những chiến sĩ của các phân bộ ấy có hiểu thuộc địa là gì và tầm quan trọng của thuộc địa là như thế nào không?"⁴.

Người đã trả lời là "không" và thẳng thắn phê phán

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr. 266, 820, 820, 211-212.

Đảng Cộng sản Pháp: "Là một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, tôi lấy làm tiếc phải nói rằng Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi làm rất và rất ít cho các nước thuộc địa"¹.

Trong thực tế, từ năm 1925, Đảng Cộng sản Pháp đã có những chuyển biến rõ rệt trong thái độ chống chủ nghĩa thực dân. Nhà sử học Pháp Charles Fourniaux cho rằng, thời kỳ Đảng Cộng sản mới thành lập, trong đấu tranh chống di sản của Quốc tế II, "Nguyễn Ái Quốc đã có đóng góp quan trọng vào việc hình thành truyền thống chống chủ nghĩa thực dân - một truyền thống làm vẻ vang cho Đảng Cộng sản Pháp" và kết luận: "Vậy thì hẳn rằng: Nguyễn Ái Quốc phải được coi là một trong những người thầy của Đảng Cộng sản Pháp về những vấn đề thuộc địa"².

Hồ Chí Minh là người chiến sĩ tiên phong lên án chủ nghĩa thực dân đế quốc và cũng là người đã thi hành bản án chôn vùi chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam, mở đầu cho thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

3. Hồ Chí Minh đã nêu luận điểm đặc biệt sáng tạo: Cách mạng ở các nước thuộc địa có thể nổ ra và thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc và tác động trở lại thúc đẩy cách mạng chính quốc. Nhân dân Việt Nam hoàn toàn có thể chủ động đứng lên, "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Không ý lại chờ đợi cách mạng chính quốc.

V.I. Lênin là người đã sớm thấy sức mạnh to lớn của phong trào giải phóng dân tộc và là người đã viết đề cương

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.800.

2. Nguyễn Phan Quang: Thôn một số tư liệu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp thời kỳ 1917 - 1924, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 187.

về vấn đề dân tộc và thuộc địa, trong đó nhấn mạnh tư tưởng phải kết hợp chặt chẽ phong trào cách mạng vô sản chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa; các nước làm cách mạng vô sản thành công phải giúp đỡ cách mạng ở các nước thuộc địa, nhất là các nước kinh tế lạc hậu, còn nhiều tàn tích phong kiến...

Tuy nhiên, cũng như những người lãnh đạo Quốc tế Cộng sản lúc bấy giờ, Lênin đặt cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản chính quốc, là "hậu bị quân" của cách mạng vô sản chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thắng lợi khi cách mạng vô sản chính quốc thắng lợi.

Tuyên ngôn thành lập Quốc tế Cộng sản (tháng 2-1919) nhận định: "Việc giải phóng các thuộc địa chỉ có thể tiến hành với việc giải phóng giai cấp công nhân ở chính quốc..." và "công nhân và nông dân không chỉ ở Angiêri, Ănggan, mà cả ở Ba Tư hay Ácmêni chỉ có thể được độc lập khi nào công nhân ở Anh và ở Pháp lật đổ chính phủ "Lôgiôóc" và "Clêmăngxô" giành chính quyền về tay mình".

Nguyễn Ái Quốc tin theo Lênin, tin theo Quốc tế III.

Nhưng vốn là người dân thuộc địa và là người cộng sản lẫn lộn trong phong trào thuộc địa và nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa thực dân, Người đã đề ra những luận điểm về tính chủ động, tính tích cực của cách mạng giải phóng dân tộc, của nhân dân các nước thuộc địa, bổ sung vào những luận điểm chung lúc bấy giờ.

Theo Nguyễn Ái Quốc, cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa không hoàn toàn phụ thuộc vào cách mạng vô sản chính quốc. Nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc có thể "*chủ động đứng lên, đem sức ta mà tự*

giải phóng cho ta", giành thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc.

Trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa (năm 1921), Người viết: "Công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em"¹. Đến *Đường cách mệnh* (năm 1927), Người lại chỉ rõ: "Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã"² và Người dự báo: Việt Nam dân tộc cách mạng thành công thì tư bản Pháp yếu; tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mạng càng dễ. Năm 1945, Nhật đầu hàng Đồng minh, thời cơ cách mạng đã đến, Người kêu gọi: "Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"³.

Luận điểm sáng tạo nêu trên của Hồ Chí Minh mang tính cách mạng và khoa học đúng đắn, dựa trên những luận cứ đã được Người khảo sát, chứng minh.

Về chủ nghĩa tư bản, Người nhận thức sâu sắc vai trò của thuộc địa đối với sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa đế quốc: Chủ nghĩa tư bản đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa. Bởi vậy theo Người, chủ nghĩa tư bản chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng của lâu đài đế quốc chủ nghĩa.

Về phía phong trào giải phóng dân tộc, Người nhận thức rõ tiềm năng cách mạng của các dân tộc bị áp bức là rất to lớn, nó sẽ bùng lên mạnh mẽ, hình thành một lực lượng khổng lồ khi được giáo dục, giác ngộ, tổ chức, lãnh đạo.

1. 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.2, tr.188, 820.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.8, tr.596.

Ngay từ năm 1921, Người đã viết: "Người châu Á - tuy bị người phương Tây coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại"¹.

Người dự báo: "Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"².

Về Việt Nam và Đông Dương, Người nhận định là ngay dưới ách áp bức, bóc lột tàn khốc của chủ nghĩa thực dân: "*người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi. Sự đấu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương... Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất ròi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi*"³. Trong *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người viết: "Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh..."⁴.

Như vậy, luận điểm về khả năng giành thắng lợi của cách mạng thuộc địa trước cách mạng chính quốc và nhân

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.47, 48, 40.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.21.



dân thuộc địa có thể đứng lên tự giải phóng cho mình là một sáng tạo có tầm quan trọng to lớn của Hồ Chí Minh, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

Luận điểm sáng tạo đó của Hồ Chí Minh có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn rất quan trọng. Đó là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc và Đảng ta tin tưởng và quyết tâm tổ chức lãnh đạo nhân dân Việt Nam đứng lên làm cách mạng để tự giải phóng khỏi ách đế quốc xâm lược và khỏi nghèo nàn lạc hậu. Đó cũng chính là cơ sở của *tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường* của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Nhờ tinh thần đó mà cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi vĩ đại. Thực tế là sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam không phải giải quyết ở Pari như lãnh tụ cộng sản Pháp đã khẳng định, mà là ở Việt Nam, là do kết quả của cuộc chiến đấu lâu dài của nhân dân Việt Nam. Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đã thành công trước cách mạng vô sản ở Pháp, Mỹ và đã góp phần thúc đẩy phong trào giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, Mỹ và các nước khác...

4. Nắm vững học thuyết về cách mạng vô sản và học thuyết giai cấp, đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ đặc điểm của xã hội Việt Nam là một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa toàn dân Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc thực dân và bè lũ tay sai, Hồ Chí Minh đã nêu luận điểm sáng tạo về con đường cách mạng Việt Nam. Đó là *một cuộc cách mạng không ngừng, từ cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến dần lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, hay nói cách khác, cách mạng*

dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ba nội dung cách mạng ấy xen kẽ vào nhau và liên tục phát triển. Khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ thì hòa bình phát triển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa không qua một cuộc đảo lộn về chính trị giành chính quyền như cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển.

Hồ Chí Minh đã *giải quyết đúng đắn, sáng tạo mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam*.

Theo Người, đối với Việt Nam, không phải giải quyết vấn đề giai cấp rồi mới giải quyết được vấn đề dân tộc như ở các nước tư bản phát triển phương Tây; mà ngược lại, chỉ có giải phóng dân tộc mới giải phóng được giai cấp, giải phóng dân tộc đã bao hàm một phần giải phóng giai cấp và tạo tiền đề cho giải phóng giai cấp.

Ở Việt Nam, cùng với sự tồn tại của mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nội bộ dân tộc, nổi lên mâu thuẫn dân tộc và đấu tranh dân tộc giữa toàn dân tộc với chủ nghĩa thực dân đế quốc và bè lũ tay sai. Do đó, theo Người: *Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước và đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và trí thức là một chiến lược cách mạng, là lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam*.

"Chủ nghĩa dân tộc" theo Hồ Chí Minh, hoàn toàn không phải là thứ chủ nghĩa dân tộc phong kiến, tư sản hay của Quốc tế II, mà là chủ nghĩa dân tộc chân chính, theo lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin gắn dân tộc với quốc tế, dân tộc với giai cấp, hướng tới triệt để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

5. Thấu hiểu sâu sắc nỗi đau của đất nước đã từng bị phân tranh và chia cắt trong lịch sử, Hồ Chí Minh là người đã nêu cao tư tưởng thống nhất đất nước: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một"¹; "Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi"². Người luôn đấu tranh với mọi thủ đoạn xảo quyệt chia để trị của kẻ thù. Người luôn quan tâm giáo dục bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm đoàn kết dân tộc, thống nhất Tổ quốc, Nam - Bắc một nhà cho đảng viên, cán bộ, cho đồng bào các dân tộc và nhân dân cả nước.

Sau thắng lợi Điện Biên Phủ lịch sử, với Hiệp định Giơnevơ, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, miền Nam còn ở dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Đối với Bác, giải phóng miền Nam ruột thịt không những là nhiệm vụ chính trị thiêng liêng mà còn là tình cảm sâu nặng. Người nói: "Miền Nam luôn ở trong trái tim tôi". Hồ Chí Minh và Đảng ta đã để ra một luận điểm sáng tạo lớn: luận điểm một nước, một Đảng, cùng một lúc thực hiện hai chiến lược cách mạng, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vừa đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà, động viên đến mức cao nhất sức mạnh của dân tộc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

6. Hồ Chí Minh là nhà chiến lược thiên tài, đồng thời là nhà tổ chức vĩ đại. Không những Người có hoài bão, lý tưởng lớn đối với vận mệnh quốc gia, dân tộc, tiến độ nhân loại, mà Người còn có quyết tâm lớn là cùng với nhân dân

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.11, tr.264.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.280.

ta và loài người tiến bộ biển hoài bão ấy, lý tưởng ấy thành hiện thực. Vì vậy, Người hết sức coi trọng vấn đề tổ chức, coi tổ chức là vấn đề có ý nghĩa quyết định.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, Người đã có những luận điểm sáng tạo phù hợp với đặc điểm cụ thể của Việt Nam ta về tổ chức lực lượng cách mạng - nhân tố cơ bản bảo đảm cho thắng lợi. Đó là:

- Những luận điểm về Đảng Cộng sản ở một nước nông nghiệp lạc hậu, tuyệt đại bộ phận dân cư là nông dân và những luận điểm về Đảng cầm quyền.

- Những luận điểm về chiến lược đại đoàn kết và chính sách Mặt trận Dân tộc thống nhất, nhất quán cả trong cách mạng dân tộc dân chủ và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Những luận điểm về nhà nước của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân; về nhà nước pháp quyền, quản lý bằng pháp chế xã hội chủ nghĩa đi đôi với giáo dục nghĩa vụ và trách nhiệm, đạo đức của người công dân.

- Những luận điểm về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu.

7. Hồ Chí Minh đã nắm vững tư tưởng bạo lực cách mạng trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ đất nước. Người đã có những quan điểm sáng tạo về lực lượng bạo lực cách mạng và hình thức đấu tranh cách mạng, về sự thống nhất giữa tư tưởng bạo lực và lòng nhân ái, tinh thần nhân văn; Người không hề bỏ qua một cơ hội nào, dù nhỏ đến mấy, để tranh thủ khả năng hòa bình và phát triển của cách mạng.

Xuất phát từ mục tiêu chính trị độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của con đường cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã kế thừa truyền thống và kinh nghiệm đánh giặc giữ nước đặc sắc của dân tộc ta, vận dụng sáng tạo tư tưởng quân sự của Mác - Ăngghen - Lênin; tiếp thu tinh hoa lý luận và kinh nghiệm quân sự của thế giới, để ra đường lối quân sự ngày càng hoàn chỉnh.

Những nội dung sáng tạo nổi bật là: động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, khởi nghĩa và chiến tranh toàn dân, xây dựng căn cứ địa cách mạng... xây dựng nên học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

8. Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến vấn đề con người; tất cả vì con người, do con người. Thương yêu, tôn trọng, tin tưởng con người, bồi dưỡng và phát triển mọi tài năng của con người. "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*"¹. Đó chính là chủ nghĩa nhân văn hiện thực, cao cả của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh cũng là nhà lãnh đạo hết sức coi trọng vai trò của đạo đức và văn hoá; coi đạo đức, văn hoá là động lực và mục tiêu của sự nghiệp xây dựng con người mới, chế độ mới. Người nhấn mạnh đạo đức là gốc của người cách mạng; văn hoá là tâm hồn, là bản sắc, là trình độ tiến hoá của dân tộc. Người đã có nhiều cống hiến vào lý luận đạo đức học mới và lý luận văn hoá mới. Bản thân Người là hiện thân của chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo cộng sản, là tấm gương mẫu mực về đạo đức mới và là nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam và thế giới.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.66.

9. Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh đã nắm vững và vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà hạt nhân là phép biện chứng duy vật, kết hợp với những đặc điểm, những nhân tố biện chứng của tư duy phương Đông và tư duy Việt Nam. Trong quá trình xem xét, giải quyết những vấn đề phong phú, đa dạng của thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới, Người đã *bổ sung, phát triển phương pháp luận Mác - Lênin, hình thành nên những quan điểm có tính phương pháp luận, với những nét đặc sắc riêng biệt*. Nắm vững phương pháp luận Hồ Chí Minh có ý nghĩa thực tiễn cực kỳ quan trọng trong xem xét và giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam và trong việc bồi dưỡng lập trường, phương pháp cho mỗi người Việt Nam, nhất là đảng viên và cán bộ.

Vì lĩnh vực hoạt động của Hồ Chí Minh rất rộng lớn, phong phú nhiều mặt, không chỉ chính trị mà còn kinh tế, quân sự, văn hoá, giáo dục, pháp luật...; không gian hoạt động của Người không chỉ ở Việt Nam, Đông Dương mà còn ở nhiều nước thuộc các châu lục khác nhau; thời gian hoạt động của Người cũng trải dài trên nửa thế kỷ vào những thời điểm sôi động nhất của lịch sử cách mạng Việt Nam và của đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc của thời đại mới. Do đó, những sáng tạo, những đóng góp của Người vào kho tàng lý luận cách mạng Việt Nam và thế giới là vô cùng phong phú, đa dạng.

Những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh nêu trên cũng chỉ là những sáng tạo nổi bật và là những đóng góp lớn không những đối với lý luận cách mạng Việt Nam mà còn đóng góp vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới.



Nhiều lãnh tụ cách mạng, nhiều nhà nghiên cứu khoa học, kể cả những nhà khoa học không phải là cộng sản trên thế giới, đã có những đánh giá, những nhận xét đúng đắn, sâu sắc về tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đồng chí Phiden Cátxtorô, Chủ tịch Đảng Cộng sản Cuba phát biểu: "Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy trong chủ nghĩa Mác - Lênin bài học và con đường tìm ra giải pháp cho tất cả các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức và bóc lột. Đồng chí Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách thiên tài cuộc đấu tranh giành độc lập tự do và cuộc đấu tranh vì quyền lợi của quần chúng bị bọn phong kiến và giai cấp áp bức, bóc lột. Người đã tìm ra con đường kết hợp giữa tư tưởng yêu nước của các dân tộc với sự cần thiết phải giải thoát họ khỏi sự bóc lột xã hội. Sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điều then chốt trong học thuyết của Người"¹.

Đồng chí Gớt Hôn, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ đã viết: "Đồng chí Hồ Chí Minh là một lãnh tụ và là một nhà mácxít - leninist vĩ đại của thế giới. Đồng chí Hồ Chí Minh là con người cần thiết xuất hiện đúng lúc, đúng yêu cầu của lịch sử. Chính vì vậy mà đồng chí làm ra lịch sử"².

Trong tác phẩm *Hồ Chí Minh*, Giảng Lacutuya đã đánh giá: "... Trên thế giới hiện nay không có lãnh tụ nào đối với nhân dân mình vừa là người phát sinh, vừa là người bảo vệ; vừa là nguồn gốc, vừa là phương hướng; vừa là tư tưởng, vừa là thực hành; vừa là dân tộc, vừa là cách mạng; vừa là người Bác nhân hậu, vừa là vị tướng

1. Phát biểu tại Hà Nội, ngày 12-9-1978.

2. Báo *Nhân dân*, ngày 17-9-1969.



cầm quân... Qua những lời dạy của Người... các chân lý lớn của thời đại được diễn đạt trong những lời giản dị và hàm súc¹.

Trong tác phẩm *Hồ Chí Minh - Việt Nam - Asia*, Pôn Muyso đã viết: "Hồ Chí Minh là người mang tính cách Á Đông nhất, nhưng cũng là người cởi mở nhất với tư tưởng phương Tây. Ở đây, nổi bật lên trên một bối cảnh được dò xét đến tận đáy thẳm sâu, hình ảnh của một nhà kiến thiết lớn nhất của thời đại ngày nay... một nhân vật đã đem trở lại cho lục địa này niềm kiêu hãnh và sự hùng mạnh của nó"².

T.N.Kaun, Chủ tịch Trung tâm nghiên cứu về Việt Nam của Ấn Độ đã viết: "Bác Hồ, cách gọi triu mến của chúng tôi ở Ấn Độ, đã kết hợp được trong bản thân Người những đặc tính lớn của Mác, Lênin, Mahátma Găngđi, Giaca háclan Nêru"³.

Davie Hamboxton trong tác phẩm của mình lấy tên là *Hồ* có viết: "Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - hơi giống Găngđi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam. Có lẽ hơn bất kỳ một người nào khác của thời kỳ này, đối với dân tộc của ông và đối với cả thế giới, ông là hiện thân của một cuộc cách mạng".

*
* * *

1, 2. Trường đại học Sư phạm I Hà Nội và Viện Thông tin khoa học xã hội: *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Hà Nội, 1998, tr.51, 118.

3. UNESCO và Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Hà Nội, 1990, tr.88.

Khái quát lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là gì?

Tư tưởng Hồ Chí Minh là *hệ thống lý luận về đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam: Cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội (giai cấp), giải phóng con người, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp truyền thống văn hoá Việt Nam mà cốt lõi là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái, cố kết dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại với chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở thế giới quan và phương pháp luận.

Đó là tư tưởng cách mạng không ngừng, từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội, nội dung cốt lõi là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội (giai cấp), giải phóng con người. Nói ngắn gọn là *độc lập dân tộc, dân chủ, chủ nghĩa xã hội*, hay nói gọn hơn: *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là linh hồn, ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt gần một thế kỷ qua. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta, nhân dân ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường cách mạng Việt Nam, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của toàn dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương IV

**TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON ĐƯỜNG
CÁCH MẠNG VIỆT NAM - NHỮNG VẤN ĐỀ
CHIẾN LƯỢC VÀ SÁCH LƯỢC**

**I. TU TƯỞNG CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG
KHÔNG NGỪNG: GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, XÂY DỰNG
CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ NHÂN DÂN, TIẾN LÊN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI***

Từ năm 1920, khi đến với chủ nghĩa Lênin, Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên đã đặt cách mạng Việt Nam vào quỹ đạo cách mạng vô sản thế giới và đi theo Quốc tế Cộng sản.

Đến năm 1959, trong lời tựa viết cho cuốn *Hồ Chí Minh - Những bài nói và viết chọn lọc* của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Mátxcơva, Người lại viết: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"⁴. Đây là một khái quát cố tính tổng kết, nói lên quy luật tất yếu của sự phát triển và thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

* Theo Hồ Chí Minh, đây cũng là con đường trải qua hai giai đoạn cách mạng: "cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa".

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.80.



Ở đây có vấn đề cần hiểu rõ là "đi theo con đường cách mạng vô sản" của Việt Nam là như thế nào?

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, sau khi phân tích cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp, cách mạng Nga, Người nhận thấy "chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi"¹ và rút ra kết luận là phải học tập cách mạng Nga: "Muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mác Khắc Tư và Lênin"².

Cũng trong tác phẩm này, Người đã chia cách mệnh làm hai thứ: dân tộc cách mệnh và giai cấp (thế giới) cách mệnh.

Dân tộc cách mệnh như "An Nam đuổi Pháp, Ấn Độ đuổi Anh, Cao Ly đuổi Nhật, Philippin đuổi Mỹ, Tàu đuổi các đế quốc chủ nghĩa để giành lấy quyền tự do, bình đẳng của dân nước mình, ấy là dân tộc cách mệnh... dân tộc cách mệnh thì chưa phân chia giai cấp, nghĩa là sĩ nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền"³.

Giai cấp cách mệnh như "công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền năm 1917"⁴... Giai cấp cách mệnh (thế giới cách mệnh) thì "vô sản giai cấp đứng đầu đi trước. Nhưng 2 cách mệnh ấy vẫn có quan hệ với nhau"⁵.

Như vậy, theo Người "đi theo con đường cách mạng vô sản" không phải là "làm cách mạng vô sản" ngay như cách mạng Nga năm 1917 hay sẽ diễn ra như ở các nước tư bản phát triển... mà phải tùy theo trình độ phát triển kinh tế -

1, 2, 8, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t2, tr 804, 804, 287, 285, 287.

chính trị - văn hoá - xã hội mỗi nước để định ra con đường cách mạng của nước mình.

Vấn đề này, trong lịch sử phát triển của Đảng ta cũng đã có nhận thức chưa phân biệt rõ giữa cách mạng vô sản với các hình thức cách mạng khác đi theo "con đường cách mạng vô sản"; do đó, dẫn đến sai lầm "tả" hoặc "hữu" trong xác định những vấn đề chiến lược, sách lược, bước đi của cách mạng. Chính vì vậy, dưới ảnh hưởng của tư tưởng Hồ Chí Minh và dựa vào Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Trung ương Đảng ta trong chỉ thị *Chung quanh vấn đề chiến sách mới của Đảng* (tháng 10-1938) đã uốn nắn: "Chiến lược ấy là căn cứ theo trình độ kinh tế, chính trị và xã hội, từng hạng nước khác nhau mà định ra. Chớ không phải mục đích của Quốc tế Cộng sản là làm thế giới vô sản cách mạng thì ở nước nào cũng đồng thời phải làm cách mạng vô sản, lập vô sản chuyên chính như nhau"¹.

Với cách đặt vấn đề đúng đắn về con đường cách mạng vô sản như đã phân tích ở trên, ngay từ những năm 1920 - 1930, trong xác định con đường cách mạng Việt Nam, cũng như sau này, trong hoàn thiện đường lối và biến đường lối thành hiện thực, Hồ Chí Minh đã không giáo điều, rập khuôn. Người luôn xuất phát từ tình hình thực tiễn của Việt Nam, vận dụng những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng vô sản, đặc biệt là phép biện chứng duy vật, phân tích sâu sắc tính chất xã hội, tình hình kinh tế - chính trị, sự phân hoá giai cấp của xã hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.189.



Việt Nam để xác định đúng đắn những vấn đề về chiến lược, sách lược, bước đi của cách mạng Việt Nam.

Trước hết, về phân tích mâu thuẫn và xác định tính chất xã hội Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh và Đảng ta, từ khi thực dân Pháp đặt ách thống trị lên toàn cõi Việt Nam, xã hội Việt Nam có hai mâu thuẫn cơ bản. Cùng với sự tồn tại của mâu thuẫn cơ bản vốn có của một xã hội phong kiến là mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến, đã xuất hiện thêm mâu thuẫn cơ bản mới là mâu thuẫn giữa toàn dân Việt Nam với chủ nghĩa thực dân Pháp xâm lược, thống trị. Xã hội Việt Nam từ một xã hội phong kiến độc lập, trở thành một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Từ đó, cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược quan hệ chặt chẽ và tác động ảnh hưởng lẫn nhau: chống đế quốc giành độc lập cho dân tộc và chống phong kiến, đưa lại ruộng đất cho nông dân, dân chủ cho nhân dân lao động.

Từ sự vận động tổng hợp của hai mâu thuẫn cơ bản, nổi lên mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam mà đại đa số là công nhân và nông dân với chủ nghĩa thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Mâu thuẫn này nổi lên sâu sắc, gay gắt, đòi hỏi phải giải quyết. Ngay từ lúc thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, cũng như sau khi hoàn toàn xâm chiếm Việt Nam và mở rộng ách thống trị, bóc lột, phong trào chống Pháp cứu nước của dân ta đã nổ ra thường xuyên, liên tục, lúc sôi nổi, lúc lắng lắng theo những con đường khác nhau. Do đó, nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc Pháp và tay sai là sự nghiệp nổi lên hàng đầu của nhân dân Việt Nam, cách mạng Việt Nam.

Trên cơ sở xác định mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu, tính chất của xã hội, *một vấn đề cơ bản của chiến lược cách mạng là xác định đối tượng, kẻ thù chính, chủ yếu của cách mạng.*

Các phong trào yêu nước chống đế quốc của nhân dân Việt Nam trước khi có sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, đều rất dũng cảm, nêu cao truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất và khí phách anh hùng của con người Việt Nam. Nhưng các phong trào này đều có nhược điểm cơ bản là không nhận thức đúng kẻ thù chính hoặc thiếu sự hiểu biết sâu sắc về kẻ thù. Đó cũng chính là một nguyên nhân đưa đến thất bại.

Nguyễn Ái Quốc, ngay từ lúc cảm nhận được nạn mất nước và nỗi thống khổ của dân tộc, đã có ý thức tìm hiểu sâu sắc kẻ thù của dân tộc và quyết "đi vào lòng kẻ thù để hiểu biết kẻ thù". Những hiểu biết của Người về chủ nghĩa thực dân được trình bày trong *Bản án chế độ thực dân Pháp, Đây công lý của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương...* chứng tỏ Người đã có những hiểu biết sâu sắc về bản chất, thủ đoạn, về phương thức thống trị bóc lột của chủ nghĩa thực dân - đặc biệt là chủ nghĩa thực dân Pháp.

Từ đó, Người khẳng định: Chủ nghĩa thực dân Pháp là kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam, đồng thời là kẻ thù của nhân dân các thuộc địa Pháp và cũng là kẻ thù của giai cấp vô sản và nhân dân lao động Pháp.

Nắm vững một đặc điểm trong chính sách cai trị của chủ nghĩa thực dân Pháp là chúng duy trì chế độ bóc lột phong kiến và Chính phủ Nam triều làm công cụ áp đặt chế độ thống trị, bóc lột thuộc địa đến tận thôn xã, Người đã chỉ rõ: "*Quan lại, địa chủ* Họ tuy hai mà một,

một mà hai. Quan lại lớn đồng thời là địa chủ lớn... Bọn này cùng với đế quốc Pháp sống dựa vào nhau...". Còn bọn "Vương công Như Hoàng đế An Nam, Quốc vương Cao Miên, v.v. tất nhiên họ là những rường cột phản động. Người Pháp lợi dụng họ làm bù nhìn để thi hành những luật pháp thời Trung cổ..."².

Như vậy, trên cơ sở nghiên cứu, phân tích toàn diện, sâu sắc, khoa học đối tượng của cách mạng Việt Nam, Người đã chỉ rõ *kẻ thù chính của độc lập dân tộc Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc thực dân và bè lũ tay sai*.

Không chỉ trong những năm đặt nền móng cho đường lối cách mạng Việt Nam, mà suốt cả quá trình quanh co, phức tạp của cách mạng Việt Nam, Người cùng với Bộ Chính trị và Trung ương Đảng ta luôn xác định đúng kẻ thù chính trị, cụ thể, trước mắt. Nhận thức sâu sắc bản chất, âm mưu thủ đoạn, khả năng thực lực của chúng mà dự báo, phát hiện kịp thời những chuyển biến trong hàng ngũ kẻ thù. Nhờ vậy, Người và Đảng ta đã kịp thời đề ra những vấn đề chiến lược, sách lược và chỉ đạo chiến lược đúng đắn, nhằm phân hoá kẻ thù, cô lập và tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính, tạm thời hòa hoãn với những kẻ thù có thể hòa hoãn.

Đó cũng chính là một nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, của kháng chiến chống thực dân Pháp, chống Mỹ, cứu nước, giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho Việt Nam.

Cùng với việc nhận định đúng kẻ thù, việc *nhận thức và phân tích sâu sắc, toàn diện lực lượng cách mạng và*

1, 2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.8, tr.195.

mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong cách mạng Việt Nam, là một cơ sở quan trọng để đề ra chiến lược, sách lược cách mạng.

Như trên đã nêu, dân tộc Việt Nam vốn là một quốc gia dân tộc hình thành sớm, có tinh thần cộng đồng, cố kết dân tộc và có truyền thống dựng nước và chống ngoại xâm bảo vệ đất nước lâu đời. Hơn nữa, xã hội Việt Nam là một xã hội nông nghiệp, kinh tế kém phát triển nên sự phân hoá và mâu thuẫn giai cấp chưa biểu hiện gay gắt, sâu sắc như ở các nước tư bản phương Tây.

Từ khi thực dân Pháp đặt ách thống trị lên đất nước ta, Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp. Khát vọng, ý chí bức xúc nổi lên hàng đầu của toàn dân Việt Nam là đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập, tự do cho đất nước. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Bị khuất phục bằng vũ lực, bắt buộc phải chịu đựng bao nhiêu điều nhục nhã, bị áp bức, bóc lột, dân Đông Dương không thể chịu ngồi yên mà không phá gông xiềng của chủ nghĩa đế quốc Pháp"¹.

Chính vì vậy, trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* gửi Quốc tế Cộng sản năm 1924, Người đã phát hiện: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngấm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.897.



làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917¹.

Người đã có nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong sự vận động, phát triển của xã hội. Do đó, Người đặt vấn đề: Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm thay đổi phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không? Và Người trả lời: Đại thể là có, nếu theo gương Nhật Bản.

Người đã phân tích sự tác động của chiến tranh đã làm thay đổi chủ nghĩa dân tộc và nêu ra phương hướng chung:

"Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ Xôviết hoá và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế..."².

Người cũng có nhận định sâu sắc là nếu theo quy luật chung, ở các nước tư bản phát triển, lực lượng sản xuất

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.511.

² Theo chúng tôi, luận điểm về "chủ nghĩa dân tộc" của Nguyễn Ái Quốc nêu trong Báo cáo nói lên hai ý: thứ nhất, "chủ nghĩa dân tộc" nêu ở đây là trên lập trường của Quốc tế Cộng sản, gắn với chủ nghĩa quốc tế và sẽ phát triển thành chủ nghĩa quốc tế; thứ hai, phát hiện động lực chủ nghĩa dân tộc ở các nước như Việt Nam là một phát hiện lớn sáng tạo, đúng cảm của Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ. Mãi đến năm 1949, trong diễn văn Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XIX, Xtalin mới nêu luận điểm: "... giai cấp tư sản đã vứt bỏ ngọn cờ dân tộc, giai cấp vô sản phải giương cao ngọn cờ dân tộc mà tiến lên..." (T.G).

càng mở rộng, phát triển thì sự phân cực giàu và nghèo, tư sản và vô sản càng rõ rệt, mâu thuẫn giai cấp càng sâu sắc. Ở Việt Nam, công nghiệp hoá thực dân phát triển, nhịp độ mở rộng nhà máy, hầm mỏ, đồn điền càng tăng thì ách bóc lột, áp bức đối với dân tộc càng nặng nề, đời sống của các tầng lớp nhân dân lao động càng không chịu nổi, mâu thuẫn giữa toàn dân Việt Nam với thực dân thống trị Pháp và bè lũ tay sai càng sâu sắc, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc càng phát triển mạnh mẽ.

Dù bọn đế quốc chủ nghĩa có để phòng thế nào đi nữa, thì nạn nghèo khổ và sự bóc lột vẫn cứ thúc đẩy người Đông Dương làm cách mạng để lật đổ ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp¹. Từ đó Người xác định lực lượng của cách mạng Việt Nam là toàn dân Việt Nam, trừ một bộ phận nhỏ làm tay sai cho đế quốc.

Vận dụng phương pháp phân tích giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người hết sức quan tâm, theo dõi nghiên cứu sự phát triển, vận động của cơ cấu giai cấp, địa vị kinh tế - xã hội và thái độ chính trị của từng giai cấp, làm cơ sở sắp xếp lực lượng cách mạng Việt Nam.

Tháng 10-1923, trong Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về tình hình Đông Dương, Người nhận xét về thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp:

"*Triều đình và quan chức lệ thuộc tuyệt đối vào chính quyền Pháp. Họ bị chủ Pháp của họ khinh bỉ và nhân dân An Nam ghét.*

Thiếu số các nhà nho hay là các nhà trí thức là các nhà

1. Xem "Đông Dương khổ nhục" in trong Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđđ, t.2, tr.895-898.

cách mạng dân tộc chủ nghĩa. Chính họ đã kích động mọi cuộc nổi dậy trong quá khứ.

Công nhân có thể là 2% trong dân số, không được học hành, không được tổ chức. Do vậy họ không có một lực lượng chính trị nào.

Tiểu tư sản không nhiều, là một phần tử bấp bênh. Nó chịu sự chi phối bởi nhiều thứ triết lý, như là nó hướng vào phong trào dân tộc rất vội vã. Nó nhút nhát.

Quần chúng nông dân bị bóc lột nhất và cùng khổ nhất, rất yêu nước"¹.

Người đi đến kết luận:

"Tuyên truyền tốt trong nông dân và tổ chức tốt trong công nhân nếu chúng ta làm tốt được điều đó thì tương lai thuộc về chúng ta"².

Cũng trong năm 1923, tham luận tại Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân, Người chỉ rõ tình cảnh của người nông dân thuộc địa: "bị hai tầng bóc lột: vừa như những người vô sản, vừa như những người bị mất nước"³ và "họ bị đóng đinh cầu rút bởi bốn thế lực liên hợp là: Nhà nước, tên thực dân, nhà thờ và tên lái buôn"⁴.

Người nhận định:

Nông dân Việt Nam rất cách mạng, là một lực lượng rất to lớn nếu được tuyên truyền, tổ chức. Nhưng do sống tản mạn nên chỉ với lực lượng riêng mình, nông dân không bao giờ trút bỏ được gánh nặng đang đè nén, bóc lột họ.

Do đó, trong thời đại ngày nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo

1, 2, 8, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.1, tr.221, 221, 225, 281.

cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với nông dân.

Đến tháng 10-1928, trong báo cáo *Chủ nghĩa tư bản đế quốc Pháp ở Đông Dương*, Người phân tích những hoạt động mở rộng khai thác thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ nhất cả về mặt "tích lũy tư bản và lợi nhuận", "công nghiệp hoá thuộc địa", "chiếm đoạt ruộng đất", "độc quyền", "đấu sỏ tài chính", và nêu ra tình cảnh và những phản ứng của người bản xứ... để từ đó phân tích sự biến đổi và thái độ chính trị của các lực lượng giai cấp - xã hội.

Người chỉ rõ: "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thực dân ở Đông Dương đã tạo ra ở xứ đó hai giai cấp vô sản, giai cấp vô sản công nghiệp và giai cấp vô sản nông nghiệp.

Đa số công nhân công nghiệp làm trong các hầm mỏ và vận tải". Về công nhân nông nghiệp, có những đồn điền cao su lớn, chủ yếu ở Nam Kỳ...

Đến những năm 40 của thế kỷ XX, khi tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến mới, Người lại có nhận định về các tầng lớp, giai cấp:

"- *Công nhân*:... Tổng cộng không đến một triệu người. Họ tuy không có quyền tự do tổ chức công hội, nhưng trong hai thời kỳ 1930-1931 và 1936-1939, họ đấu tranh rất mạnh mẽ.

- *Nông dân*: Những năm 1930-1931, nông dân Nam Kỳ và Trung Kỳ tổ chức (bí mật) rất tốt, đấu tranh rất dũng cảm... Hiện tại, nông dân Nam Kỳ đoàn kết tốt hơn so với các địa phương khác.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.889.



Công nhân, nông dân đương nhiên là rất căm ghét người Pháp.

- *Trí thức*: Từ học trò đến công chức, thầy thuốc, vì có trình độ văn hoá tương đối cao, có điều kiện tiếp cận với người Pháp, hai vì họ bị người Pháp coi thường, cho nên họ đều rất ghét người Pháp. Song vì không có tổ chức, thiếu người lãnh đạo, cho nên họ "dám nghĩ mà không dám nói".

- *Tiểu thương*: Thương nghiệp lớn đều nằm trong tay người Pháp, cỡ nhỏ hơn trong tay Hoa kiều... Họ không ngoi lên được bởi các thứ thuế má nặng nề, do đó họ cũng rất căm ghét người Pháp, đồng tình với cách mạng.

- *Giai cấp tư sản dân tộc*: Trong người Việt không có ai làm chủ nhà máy lớn, chủ hiệu buôn lớn hoặc chủ nhà băng như người Trung Quốc. Họ thường chỉ là những chủ xưởng nhỏ như xưởng rượu, xưởng xay sát lúa gạo, xưởng in. Lúc bị chèn ép, họ oán người Pháp. Khi phong trào công nhân lên mạnh, họ sợ cách mạng. Nhưng trong số đó cũng có vài người giúp đỡ cách mạng. Thế lực của họ rất yếu ớt, không có tổ chức¹.

Người phân tích lực lượng vũ trang của Pháp ở Việt Nam như sau: Phần lớn là binh lính người Việt. Binh lính người Việt vốn có truyền thống cách mạng... Nếu chúng ta biết khéo léo kêu gọi, thì họ - ít nhất là một bộ phận - có khả năng quay súng chống lại Pháp (hoặc chống lại Nhật).

Những phân tích sâu sắc của Người về mâu thuẫn và tính chất của xã hội Việt Nam, về đối tượng và thái độ chính trị của các giai cấp ở Việt Nam là cơ sở thực tiễn, hiện thực để Người vận dụng sáng tạo Cương lĩnh và Đế cương

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.8, tr.194.



cách mạng của Quốc tế Cộng sản, đề ra những vấn đề về chiến lược, sách lược, bước đi của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất phức tạp, trọng yếu và nhận thức bao giờ cũng là một quá trình, nên *tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam của Người cũng được hình thành, bổ sung, phát triển, hoàn thiện từng bước thông qua việc kết hợp lý luận với thực tiễn, đấu tranh giữa cái đúng và cái sai và được kiểm nghiệm trong thực tiễn.*

Năm 1920, Người khẳng định cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản, phải theo chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy công nông làm gốc, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Năm 1925, trong Cương lĩnh của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, Người đã viết: "Trước làm quốc gia cách mệnh, sau làm thế giới cách mệnh".

Đến năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người lại chia ra hai thứ cách mệnh là dân tộc cách mệnh và giai cấp cách mệnh, và xác định: An Nam dưới Pháp... để giành lấy tự do, bình đẳng của dân nước mình, ấy là dân tộc cách mệnh. Dân tộc cách mệnh và giai cấp cách mệnh (thế giới cách mệnh) quan hệ chặt chẽ với nhau¹.

Đến tháng 2-1930, do yêu cầu của việc hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã soạn thảo *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những văn kiện này được Hội nghị hợp nhất nhất trí thông qua.

So với *Đường cách mệnh* thì những văn kiện này là

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.287.



bước phát triển mới của tư duy Hồ Chí Minh về chiến lược, sách lược cách mạng Việt Nam.

Những vấn đề này tuy dựa vào Cương lĩnh và Đề cương về phong trào cách mạng ở các thuộc địa, phụ thuộc của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (năm 1928) nhưng có sự vận dụng sáng tạo phù hợp với đặc điểm thực tiễn Việt Nam. Do đó có những điểm phát triển mới.

Quốc tế Cộng sản quy định cách mạng Việt Nam là kiểu *cách mạng tư sản dân quyền theo công nông chuyên chính*, có hai nhiệm vụ cơ bản tiến hành đồng thời, song song là *cách mạng ruộng đất, giải phóng nông dân khỏi mọi bóc lột và nô lệ và chống đế quốc, giải phóng dân tộc, lật đổ chính quyền bóc lột, thành lập Xôviết công nông binh, tổ chức hồng quân, củng cố quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản*.

Chấp hành Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản về kiểu cách mạng, *Chánh ương vẫn tất* cũng nêu: "chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"¹. Nhưng trên cơ sở nhận định là tư bản Pháp đã thâu tóm toàn bộ nền kinh tế Việt Nam (cả công nghiệp và nông nghiệp), *tư bản bản xứ không có thể lực gì, ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được. Chỉ có bọn đại địa chủ mới có thể lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa*.

Do đó, Chánh cương xác định về phương diện chính trị nhiệm vụ cơ bản, chủ yếu của cách mạng Việt Nam là:

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
- b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.1.

c) Dụng ra Chính phủ công nông binh.

d) Tổ chức ra quân đội công nông"¹.

Bọn phong kiến, theo tinh thần của Chánh cương là nhằm chỉ bọn đại địa chủ đứng hẳn về phe đế quốc, làm tay sai cho đế quốc và bọn vua quan trong bộ máy Nam triều, chứ chưa phải là toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

Vì vậy, về *phương diện kinh tế*, Chánh cương chỉ nêu nhiệm vụ: "Thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý... Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân nghèo... Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo... Mở mang công nghiệp và nông nghiệp... Thi hành luật ngày làm 8 giờ"², chứ chưa nêu khẩu hiệu "cải cách ruộng đất - người cày có ruộng", là nhiệm vụ chủ chốt của cách mạng phản phong.

Về *lực lượng cách mạng*, Sách lược vẫn tất nêu: "Đảng... phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng... Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo..."³.

Với các tầng lớp giai cấp khác, Sách lược chủ trương đoàn kết rộng rãi, phân hóa và lôi kéo họ về phía cách mạng. "Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt... Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến v.v.) thì phải đánh đổ"⁴.

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.8, tr.1, 2, 3, 8.

Chủ trương tranh thủ, tập hợp lực lượng rộng rãi, nhưng Người vẫn quán triệt quan điểm "Công nông làm gốc cách mệnh", nên *Sách lược vấn tắt* ghi: "Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia"¹ và "Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn trọng không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp"².

Như vậy, ngay từ *Chính cương vấn tắt, Sách lược vấn tắt, Chương trình tóm tắt*, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện rõ quan điểm của mình về quan hệ dân tộc và giai cấp; phản đế và phản phong. Người đã vận dụng sáng tạo đường lối của Quốc tế Cộng sản vào điều kiện cụ thể của Việt Nam và có những điểm phát triển mới. Nổi bật là tư tưởng chỉ đạo chiến lược: tập trung vào nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc, tập hợp đoàn kết mọi lực lượng, mọi giai cấp, mọi tầng lớp chống đế quốc thực dân và tay sai. Lực lượng ấy bao gồm "công nông làm cốt" tranh thủ cả phú nông, tư bản bản xứ, trung, tiểu địa chủ... dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Những phát triển mới đó cũng chính là khoảng cách giữa Nguyễn Ái Quốc với Đế cương về cách mạng ở các nước thuộc địa của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản.

Theo chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 đã phê phán và ra Nghị quyết thủ tiêu *Chính cương vấn tắt, Sách lược vấn tắt*, trở lại đúng với Đế cương về cách mạng ở thuộc địa của Quốc tế Cộng sản, đặt hai nhiệm vụ phản đế và phản phong đồng thời, ngang nhau.

1, 2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.8, tr.8.

Trước tình hình đó, Người chấp hành nghị quyết, nhưng vẫn kiên trì quan điểm của mình, và lúc có điều kiện, đấu tranh để ngăn ngừa tác hại của xu hướng "tả" khuynh. Chỉ thị gửi Xứ ủy Trung Kỳ về vấn đề thanh Đảng (tháng 5-1931) phân tích: "xứ ta lại chưa phải là xứ kỹ nghệ cao, tư bản tập trung công nhân thành một hàng ngũ mạnh mẽ, mà là xứ thuộc địa, kinh tế phụ thuộc, nông nghiệp lạc hậu", và "Đảng Cộng sản Đông Dương xuất phát từ chỗ giác ngộ phản đế, ghét Pháp từ trước đến nay, nên trong hàng ngũ Đảng có những thù gia tử đệ, cụ nho, trung tiểu địa chủ, phú nông, và trung nông ở nông thôn và một số giáo viên, học sinh chữ Pháp và một số tiểu thương, tiểu chủ hay con nhà tiểu thương, tiểu chủ ở thành thị, cùng với một số thợ xí nghiệp, một số công chức, tổ chức hỗn hợp lại trong một phong trào... giai cấp công nhân ở Đông Dương đã thành một lực lượng giai cấp giác ngộ nhất định của nó, mặc dầu mới đầu tiên và còn yếu ớt... hai lực lượng ấy hợp lại xây dựng nên Đảng Cộng sản Đông Dương"².

Từ sự phân tích trên, Chỉ thị phê phán: "*Xứ ủy Trung Kỳ, nhất là đồng chí Bí thư ra chỉ thị thanh Đảng viết rõ từng chữ: thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ, như vậy thì gốc đâu mà đào, xem rễ ở đâu mà trốc, quả là một ý nghĩ mơ hồ, một chỉ thị vô đoán và là một lối hành động quàng xiên chi tướng*"³. Và nhắc nhở phải nghiêm khắc kiểm điểm, sửa chữa triệt để ở tất cả các cấp bộ.

Trong thời kỳ 1938-1940, Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài,

1, 2, 8. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.8, tr.157, 155-156, 157.

nhưng Người luôn quan tâm, theo dõi tình hình trong nước. Sau khi Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII họp, đã có nghị quyết về "thành lập Mặt trận thống nhất giai cấp công nhân" và "thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít". Vận dụng quan điểm, tư tưởng của mình vào cách mạng Việt Nam, thông qua thư từ, báo chí trao đổi, Người đã góp nhiều ý kiến quý báu với các đồng chí lãnh đạo trong nước về chuyển hướng chính sách của Đảng như xác định mục tiêu đấu tranh, tổ chức mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi, thái độ đối với giai cấp tư sản và các tầng lớp nhân dân khác, về yêu cầu đối với Đảng, v.v..

Tư tưởng và những việc làm đó của Nguyễn Ái Quốc đã có tác động lớn đến đường lối cách mạng của Đảng ta. Từ năm 1938, Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị "Chung quanh vấn đề chiến sách mới của Đảng", tiếp đến các Hội nghị Trung ương lần thứ sáu và bảy đều có chú ý đến việc chuyển hướng chiến lược trong khi giải quyết quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản phong và phản đế.

Tuy nhiên, đến Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5-1941) do Người chủ trì mới khẳng định dứt khoát chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đảng ta. Từ đó, tư tưởng về chiến lược, sách lược cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng Việt Nam của Đảng ta là thống nhất.

Trước hết, Hội nghị Trung ương 8 khẳng định: Mục đích cách mạng nước ta hiện nay là "đánh đuổi Pháp - Nhật làm cho xứ Đông Dương độc lập"¹, "cách mạng Đông

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.7, tr.118.

Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phần đế và địa chủ nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cấp bách "dân tộc giải phóng"... cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng¹ và chỉ rõ: "nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được"².

Mặt khác, quán triệt tinh thần cách mạng triệt để và cách mạng không ngừng, Nghị quyết nêu: "cách mạng giải phóng dân tộc phải đi đến cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vậy nên không thể làm cách mạng giải phóng dân tộc rồi ngưng lại, mà phải tiến lên làm tròn nhiệm vụ tư sản dân quyền và chinh phục chính quyền vô sản..."³.

Về chính quyền, Nghị quyết viết: "... sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ cố bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù..."⁴.

Như vậy, Nghị quyết Trung ương tám đã đặt *nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc lên trên*. Đó là một chuyển hướng chiến lược rất cơ bản so với dự án *Lược cương chính trị* năm 1930. Nhưng Nghị quyết cũng chỉ rõ

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.119, 119, 120-121, 114.



là không quên nhiệm vụ cải cách điền địa. Ngay trong khi tiến hành giải phóng dân tộc đã giải quyết một phần cách mạng điền địa và sẽ tiến lên giải quyết hoàn toàn khi có điều kiện.

Chủ trương đúng đắn, sáng tạo đó đã động viên được toàn dân tộc dấy lên cao trào chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang mạnh mẽ rồi khi thời cơ đến, cả nước nhất tề nổi dậy Tổng khởi nghĩa, tiến hành thắng lợi Cách mạng Tháng Tám và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Sau Cách mạng Tháng Tám, các thế lực thực dân, phản động liên kết với nhau mưu đồ thủ tiêu thành quả to lớn của nhân dân ta. Trước tình hình phức tạp của thế giới và trong nước, cách mạng Việt Nam gặp những khó khăn mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định: "*Cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành, vì nước ta chưa được hoàn toàn độc lập. Nhiệm vụ cứu nước của giai cấp vô sản chưa xong. Giai cấp vô sản vẫn phải hăng hái, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng ấy. Khẩu hiệu vẫn là Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết*".

Tuy nhiên, nhân dân ta đã giành được chính quyền, nhiệm vụ giải phóng dân tộc diễn ra trong điều kiện mới: vừa kháng chiến chống đế quốc, vừa bảo vệ chính quyền mới, xây dựng chế độ mới. Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta nêu khẩu hiệu: "Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc". Hai nhiệm vụ đó quan hệ chặt chẽ, tác động ảnh hưởng

1. Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1960), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, t.1, tr.80-81.

lần nhau: Kháng chiến để hoàn thành giải phóng dân tộc, kiến quốc nhằm xây dựng chế độ mới - chế độ dân chủ mới (dân chủ nhân dân). Tại Hội nghị cán bộ Đảng lần thứ sáu (tháng 1-1949), Người chỉ rõ: "Những vấn đề thảo luận thì nhiều, nhưng đều hướng vào một đường đi: Kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội"¹.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng (tháng 2-1951), Người vạch rõ mục tiêu trước mắt của cách mạng Việt Nam là: "Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tranh lại thống nhất và độc lập hoàn toàn; lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội"².

Cùng với tư tưởng trên, Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam nêu: "Đảng Lao động nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, xoá bỏ di tích phong kiến và nửa phong kiến, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, làm cho nước Việt Nam độc lập và thống nhất, dân chủ tự do, phú cường và tiến lên chủ nghĩa xã hội"³.

Chính cương cũng phân tích sâu sắc mối quan hệ giữa tính liên tục, không ngừng với tính giai đoạn trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc; giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.15.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.41.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.438.

người cày cấy ruộng, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn cách mạng ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ xen kẽ với nhau. Nhưng mỗi giai đoạn có một nhiệm vụ trung tâm, phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm đó để tập trung lực lượng vào đó mà thực hiện.

Đến cuối cuộc kháng chiến, chúng ta đã chủ trương làm cách mạng ruộng đất để bồi dưỡng sức dân và đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ. Năm 1959, trong *Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu: "cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa"¹. Nói như vậy vì mối quan hệ hữu cơ giữa cách mạng dân tộc và dân chủ, đồng thời cũng phản ánh trên thực tế trong giai đoạn giải phóng dân tộc từng thời kỳ, với mức độ khác nhau, chúng ta đã đồng thời tiến hành từng bước cách mạng dân chủ.

Đồng thời, Người vạch rõ nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam từ khi kháng chiến thắng lợi và hòa bình lập lại: "cách mạng Việt Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng dưới chế độ dân chủ nhân dân, đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng miền Nam còn tạm thời sống dưới ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thì nhân dân ta cần phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong điều kiện mới của nước ta"².

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (năm 1960) cũng đã xác định, toàn Đảng, toàn dân ta phải tiến hành:

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.12, tr.865, 867.

"Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước"¹. Đây cũng là sự sáng tạo lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta: Một nước, một dân tộc, một Đảng mà tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau, có quan hệ tác động, thúc đẩy lẫn nhau.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam xuyên suốt từ Đường cách mệnh đến Chánh cương vắn tắt, đến Hội nghị Trung ương lần thứ tám, cho đến những bài viết và nói trong các thời điểm lịch sử sau này là con đường cách mạng không ngừng: Tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, hay nói cách khác: Cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5-1941) cho đến sau này, tư tưởng về con đường cách mạng đó là cơ sở nền tảng của đường lối cách mạng Việt Nam.

Vì sự nghiệp cách mạng ở nước ta do Đảng Cộng sản, Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, cho nên khi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã được cơ bản hoàn thành thì tất yếu phải chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển không ngừng không phải qua một cuộc cách mạng chính trị (đánh đổ chính quyền cũ thành lập chính quyền mới).

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.678.



Đây là một sáng tạo lớn về con đường phát triển cách mạng ở nước thuộc địa nửa phong kiến. Một loại cách mạng giải phóng dân tộc triệt để theo con đường cách mạng vô sản. *Một cuộc cách mạng không ngừng nhằm mục tiêu độc lập - dân chủ - chủ nghĩa xã hội; gần độc lập và dân chủ, chủ nghĩa xã hội; gần giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội, giải phóng con người.*

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ NHÂN DÂN

1. Về độc lập dân tộc

Giải phóng dân tộc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam, và là nhiệm vụ hàng đầu.

Ở trên, chúng ta đã nghiên cứu đối tượng, lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng dân chủ.

Dưới đây, chúng ta sẽ nghiên cứu sâu hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu độc lập dân tộc.

Xưa nay, độc lập dân tộc là khát vọng mang tính phổ biến của các dân tộc bị mất nước, chịu sự đè nén, thống trị của ngoại bang.

Độc lập dân tộc của Việt Nam trước đây là độc lập dân tộc dưới chế độ phong kiến. Mọi quyền hành, lợi lộc đều do giai cấp phong kiến thống trị chi phối, còn toàn thể nhân dân lao động mà tuyệt đại đa số là nông dân thì hầu như không có tư liệu sản xuất trong tay, không có quyền tự do dân chủ, sống kiếp nô bộc, cày thuê cuốc mướn.

Mỗi lần đứng trước nạn ngoại xâm, độc lập dân tộc bị đe dọa thì quyền lợi của nhà vua, của giai cấp địa chủ phong kiến và của nhân dân, dân tộc là thống nhất, nên toàn dân đã đứng lên chống ngoại xâm dưới ngọn cờ đại nghĩa "phò vua cứu nước" và đã lập nên những kỳ tích làm rạng rỡ non sông đất nước ta. Sau chiến thắng, các triều đại phong kiến tiến bộ có chú ý "khocan thư sức dân", tiến hành một số cải cách. Nhưng nền độc lập dựng lên sau chiến thắng xâm lược vẫn là nền độc lập của chế độ phong kiến. Vị trí người lao động vẫn không hề thay đổi.

Từ khi đế quốc Pháp xâm lược và đặt ách thống trị thực dân lên đất nước ta, nhân dân ta liên tiếp nổi dậy đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Nhưng mục đích giành độc lập của các cuộc đấu tranh đó vẫn không ngoài ý thức hệ phong kiến, tư sản, tiểu tư sản.

Nguyễn Ái Quốc, trong quá trình tìm đường cứu nước đã tìm hiểu, phân tích, so sánh cả về lý luận và thực tiễn những phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc của Việt Nam và thế giới. Người khẳng định không thể đứng lại ở độc lập dân tộc theo hệ tư tưởng phong kiến, Người cũng thấy những hạn chế của độc lập dân tộc theo tư tưởng dân chủ tư sản.

Người khẳng định chỉ có cách mạng Nga mới là cách mạng triệt để, mới thực sự giải phóng dân tộc, giải phóng người lao động và chỉ đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững mối quan hệ giữa độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội mới có thể có quan điểm độc lập dân tộc đúng đắn, triệt để.

Độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một nền *độc lập thật sự*.

Kẻ thù của dân tộc thường dùng thủ đoạn gieo rắc ảo tưởng về "độc lập tự do". Chúng nói đưa lại "độc lập tự do" cho nhân dân nhưng thực sự đó chỉ là "cái bánh vẽ", chỉ là "độc lập hình thức", "độc lập giả hiệu", mọi quyền hành chính trị, kinh tế, đối ngoại, v.v., đều nằm trong tay bọn thực dân, do chúng toàn quyền chi phối.

Vì vậy, Người thường nhấn mạnh: *Phải đấu tranh giành cho được độc lập thực sự, độc lập hoàn toàn; chứ không phải là thứ "độc lập giả hiệu", "độc lập nửa vời", "độc lập hình thức"*. Người đã kiên quyết chống chủ nghĩa thực dân cũ; đồng thời vạch mặt và chống cả chủ nghĩa thực dân mới để giành độc lập thật sự cho đất nước.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao giờ cũng gắn liền với thống nhất đất nước, Nam - Bắc là một nhà. Người coi thống nhất đất nước, bảo đảm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc là một nguyên tắc không thể nhân nhượng.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám của Việt Nam, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, chúng đưa ra con bài Nam Kỳ tự trị, Tây Nguyên tự trị, khu Thái tự trị chia rẽ dân tộc ta, làm suy yếu sức mạnh của dân tộc ta để chúng dễ dàng thực hiện âm mưu thâm hiểm là cướp nước ta một lần nữa. Sau thắng lợi của Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai chủ trương biến giới tuyến tạm thời thành biên giới chia cắt hai miền Nam - Bắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên trì và kiên quyết đấu tranh chống lại mưu đồ chia cắt đất nước đó.

Tư tưởng độc lập, thống nhất của Người bao giờ cũng gắn với tự do dân chủ và ấm no hạnh phúc cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động. Người đã từng nói: "nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"¹. "Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"². Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải không ngừng phấn đấu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân. Người dạy:

"Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành"³.

Như vậy, tư tưởng "độc lập dân tộc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang nội dung sâu sắc, triệt để: *Độc lập - thống nhất - tự do dân chủ - ấm no hạnh phúc; gắn độc lập dân tộc với dân chủ nhân dân; gắn độc lập dân tộc, dân chủ với chủ nghĩa xã hội*. Tư tưởng đó đã trở thành mục tiêu, lý tưởng, thành khẩu hiệu động viên, cổ vũ nhân dân Việt Nam làm nên kỳ tích vĩ đại: Đánh thắng mọi kẻ thù, đưa đến thắng lợi "độc lập, thống nhất toàn vẹn" của đất nước.

2. Về xây dựng chế độ dân chủ mới - chế độ dân chủ nhân dân

Cách mạng xã hội bao giờ cũng gồm hai mặt: đánh đổ, xóa bỏ chế độ cũ, chính quyền thống trị cũ và xây dựng chế độ mới, chính quyền mới.

1, 2, 8. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđđ, t.4, tr.64, 175, 175.



Cách mạng Việt Nam là cách mạng ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, như trên đã nói, là làm cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ mới (dân chủ nhân dân), tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, để hiểu sâu tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, chúng ta còn phải nghiên cứu tư tưởng xây dựng chế độ dân chủ mới (dân chủ nhân dân).

Giải phóng dân tộc, ruộng đất cho dân cày, nền chuyên chính dân chủ của nhân dân - đó là nội dung cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám nêu: "sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới"¹. Thực hiện Nghị quyết đó, trong Chương trình của Việt Minh năm 1941, Hồ Chí Minh đã xác định: Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một Chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đề ra chính sách xây dựng chế độ dân chủ mới một cách toàn diện như sau:

Về chính trị: Thực hiện phổ thông đầu phiếu, nêu lên quyền tuyền cử và ứng cử; ban hành các quyền tự do dân chủ cho nhân dân (tự do ngôn luận, xuất bản, tổ chức, tín ngưỡng); bỏ các chế độ áp bức do đế quốc đặt ra; lập Việt Nam cách mạng quân; trưng trị và tịch thu tài sản bọn Việt gian phản quốc; nam nữ bình quyền; dân tộc tự quyết, liên hiệp và thân thiện với các dân tộc.

Về kinh tế: Bỏ thuế thân và các thuế do Pháp, Nhật đặt ra, lập nên một thứ thuế rất nhẹ và công bằng; quốc hữu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, S44*, t.7, tr.114.

hoá ngân hàng của đế quốc Pháp, Nhật, lập nên quốc gia ngân hàng thống nhất; mở mang kỹ nghệ, giúp đỡ thủ công nghiệp làm cho nền kinh tế quốc gia được phát triển; mở mang thuỷ lợi, giao thông...

Về văn hoá giáo dục: Huỷ bỏ nền giáo dục nô lệ, lập nên quốc dân giáo dục, cường bức giáo dục đến bậc sơ đẳng; mở các trường chuyên môn quân sự, chính trị, kỹ thuật để đào tạo các lớp nhân tài; giúp đỡ, khuyến khích trí thức phát triển tài năng.

Về xã hội: Thi hành luật lao động ngày làm tám giờ; giúp đỡ cho gia đình đông con; lập ấu trí viện, nhà hát, điện ảnh, câu lạc bộ, thư viện để nâng cao trí dục cho nhân dân; lập nhà thương, nhà đờ để cho nhân dân.

Về ngoại giao: Huỷ bỏ tất cả các hiệp ước mà Pháp đã ký bất kỳ với nước nào; tuyên bố các dân tộc bình đẳng và hết sức giữ gìn hòa bình; kiên quyết chống tất cả các lực lượng xâm phạm đến quyền lợi của nước Việt Nam; mật thiết liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản trên thế giới...¹

Nghị quyết của Quốc dân Đại hội Tân Trào, tháng 8-1945, về quyền dân chủ còn ghi rõ:

"Ban bố những quyền của dân cho dân:

- Nhân quyền,
- Tài quyền (quyền sở hữu),
- Dân quyền: Quyền phổ thông bầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng tự do tư tưởng ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền"². Về ngoại giao còn nêu thêm: "Thân thiện và giao hảo với các nước Đồng minh và các nước nhược tiểu"².

1, 2, 8. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđđ, t.7, tr.150-151, 560, 560.

Sau Cách mạng Tháng Tám, nội dung chế độ dân chủ nhân dân đã được thể chế hoá bằng Hiến pháp năm 1946. Trong đó ghi rõ: "*Nước Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*" và "*Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia*".

Năm 1947, Người đã nêu lên: Phải làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết đoàn kết yêu nước. Với cách làm: đem tài dân, sức dân, của dân, làm lợi cho dân.

Trong kế hoạch, Người tập trung vào hai nhiệm vụ lớn: tăng gia sản xuất và phát triển văn hoá.

Đến Đại hội II năm 1951, trong *Báo cáo chính trị*, Người lại nêu: "*Kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới*" và đề ra các chính sách cụ thể trên các mặt: Đẩy mạnh thi đua ái quốc; củng cố phát triển các đoàn thể; thi hành chính sách ruộng đất (giảm tô, giảm tức) ở vùng tự do; bảo vệ phát triển nền tảng kinh tế ta, đấu tranh kinh tế với địch, cân bằng thu chi, thuế khoá công bằng hợp lý; xúc tiến công tác văn hoá, đào tạo con người mới và cán bộ mới, tẩy trừ ảnh hưởng văn hoá nô dịch của đế quốc, phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc, tiếp thu cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới, xây dựng nền văn hoá dân tộc, khoa học, đại chúng; nêu lên chính sách bảo hộ tính mệnh, tài sản kiều dân nước ngoài, khuyến khích Hoa kiều, giúp đỡ hai bạn Lào, Campuchia, củng cố tình thân thiện nước ta với các nước bạn, với nhân dân các nước trên thế giới.

Năm 1953, Người đề ra bốn chính sách máu chốt để phát triển kinh tế: công tư đều lợi, chủ thợ đều lợi, công nông giúp nhau, lưu thông trong nước. Đồng thời đề ra chủ trương phát động quần chúng cải cách ruộng đất.

Ngay từ khi đặt nhiệm vụ phấn đấu lên trên hết, tạm gác cách mạng thổ địa, Người và Đảng ta cũng đã đề ra chính sách cụ thể để từng bước giải quyết vấn đề ruộng đất. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công chúng ta đã tịch thu ruộng đất của bọn thực dân và tay sai chia cho dân cày nghèo. Tiếp đó đã đề ra chính sách giảm tô giảm tức. Khi cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn quyết liệt, cần phải bồi dưỡng sức cho nông dân, Người và Đảng đã đề ra chủ trương cải cách ruộng đất ở vùng tự do. Sau khi hòa bình lập lại, lại tiến hành cải cách ruộng đất ở các vùng mới giải phóng. Cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã hoàn thành được nhiệm vụ đem lại ruộng đất cho nông dân, nhưng cũng đã phạm sai lầm nghiêm trọng. Người và Đảng đã nghiêm khắc tự phê bình và kiên quyết sửa chữa.

Sau này, trong cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, nội dung xây dựng chế độ dân chủ nhân dân cũng đã được thể hiện trong chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam: Thành lập chính quyền liên minh dân tộc dân chủ; thực hiện chế độ dân chủ rộng rãi; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, cải thiện dân sinh; thực hiện giảm tô giảm tức tiến tới giải quyết ruộng đất cho dân cày; xây dựng nền văn hoá giáo dục dân chủ nhân dân, thực hiện ngoại giao hòa bình trung lập...

Như vậy, ngay từ đầu cách mạng và trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, những nội dung xây dựng Nhà nước Dân chủ Cộng hoà, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã được

để ra. Những nội dung đó được triển khai thực hiện từng bước, tùy theo điều kiện chung và điều kiện cụ thể của từng vùng: vùng tự do, vùng giải phóng hay vùng tranh chấp, từ sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công cho đến suốt quá trình vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

Sau kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ở miền Bắc, chế độ dân chủ nhân dân đã được hoàn thiện. Sau ba năm khôi phục kinh tế, hoàn thành cải cách ruộng đất, miền Bắc đã bước vào cải tạo xã hội chủ nghĩa, *quá độ lên chủ nghĩa xã hội* trong khi miền Nam tiếp tục chiến đấu, thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Thế là trong điều kiện đất nước tạm thời bị chia làm hai miền, nước ta có hai chiến lược cách mạng khác nhau, nhưng quan hệ chặt chẽ với nhau, phối hợp và thúc đẩy lẫn nhau. Cho đến ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nước ta hoàn toàn độc lập thống nhất thì cả nước bước vào kỷ nguyên mới - cùng quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, song song với đấu tranh chống đế quốc, giành độc lập thống nhất thực sự cho Tổ quốc, chúng ta còn đạt được những thành tựu xây dựng chế độ dân chủ mới (dân chủ nhân dân) rất to lớn trên cả hai mặt: xây dựng thể chế chính trị dân làm chủ, xây dựng nền dân chủ nhân dân trên các mặt kinh tế, văn hoá - xã hội và từng bước hoàn thành cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng. Hai mặt đó quan hệ chặt chẽ và có bước đi, hình thức phù hợp với sự phát triển của tình hình trong nước và thế giới, phục vụ cho mục tiêu cao nhất là giải phóng dân tộc, là Tổ quốc trên hết.

Tuy nhiên, do chúng ta đi lên từ xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến với nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, lại

do hoàn cảnh chiến tranh kéo dài nên nền dân chủ nhân dân mà chúng ta xây dựng còn có những hạn chế nhất định: Nền kinh tế tuy đã có sự phát triển, tiến bộ về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, nhưng căn bản chưa thoát khỏi trình độ sản xuất nhỏ; trình độ văn hoá và dân trí còn thấp; hệ thống pháp luật chưa được xây dựng hoàn chỉnh, nhân dân chưa quen sống và làm việc theo pháp luật. Đó là những hạn chế của chế độ dân chủ nhân dân mà chúng ta cần tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Những thành quả của cách mạng dân tộc dân chủ trên đất nước ta chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chế độ dân chủ mới (dân chủ nhân dân) để tạo điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân đã giành được chính quyền và suốt trong thời kỳ vừa kháng chiến vừa kiến quốc là những tư tưởng sáng tạo hoàn toàn đúng đắn, phù hợp quy luật phát triển của cách mạng ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến tiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, có một số người vội vàng cho rằng Hồ Chí Minh phạm sai lầm khi đưa chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội vốn có nguồn gốc từ phương Tây vào Việt Nam.

Sự thực cần phải tìm con đường khác. Có người cho Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, cống hiến của Hồ Chí Minh chủ yếu là về cách mạng giải phóng dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh về cơ bản là tư tưởng giải phóng dân tộc. Họ cho rằng nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh tức là nặng về dân tộc, nhẹ về giai cấp. Những quan niệm trên chứng tỏ chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đất nước chúng ta đang bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn đang đặt ra đòi hỏi phải được giải quyết. Do đó, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là vấn đề rất cần thiết và cấp bách, phục vụ trực tiếp cho công cuộc xây dựng đất nước ta.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chúng ta cần chú ý *mấy điểm có ý nghĩa phương pháp luận sau đây:*

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam là tư tưởng *cách mạng không ngừng*, là sự thống nhất giữa độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. *Độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội là tư tưởng xuyên suốt, và có tác động lẫn nhau.* Tư tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội đã thể hiện ngay từ khi xác định mục tiêu, chính sách của giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

- Luận điểm của Mác - Ăngghen: "*Đối với chúng ta chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần phải sáng tạo ra, không phải là một lý tưởng mà hiện thực cần phải khêu theo.* Chúng ta coi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào hiện thực, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay.

Những điều kiện của phong trào ấy là *kết quả của những tiến đề hiện đang tồn tại*¹. Luận điểm đó nhắc nhở những người cộng sản không duy tâm, ảo tưởng, lấy lý tưởng thay cho hiện thực, bắt hiện thực phải khuôn theo lý tưởng, mà phải dựa vào những tiến đề khách quan để xoá bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới một cách hiện thực, thực tiễn. Đó cũng chính là luận điểm mang ý nghĩa phương pháp luận quan trọng của Hồ Chí Minh trong nghiên cứu con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Chúng ta bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong lúc chủ nghĩa xã hội trên thế giới đang ở thời kỳ cao trào. Các nước xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Đông Âu, Trung Quốc...) đạt những thành tựu rất to lớn, Liên Xô đang là thành trì của cách mạng thế giới. Những khuyết tật, sai lầm của mô hình chủ nghĩa xã hội lúc ấy chưa bộc lộ rõ. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã có hội nghị tổng kết kinh nghiệm và rút ra những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nước kinh tế lạc hậu như nước ta chưa có tiền lệ trong lịch sử. Vì vậy, những quan điểm đúng đắn, những thành tựu cũng như những sai lầm, hạn chế của chủ nghĩa xã hội hiện thực có tác động nhất định đến thực tiễn tiến lên chủ nghĩa xã hội của nước ta lúc bấy giờ.

Trong điều kiện đó, việc xác định con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phần nào có sự rập khuôn theo kinh nghiệm và mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước

1. Mác - Ăngghen: *Thuyết tập*, Nxb. Sự thật Hà Nội, 1980, t.I, tr.297.

anh em lúc ấy là điều khó tránh. Tuy nhiên, nhờ có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh với quan niệm chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam "không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác"¹ nên chúng ta đã hạn chế được một phần những ảnh hưởng tiêu cực của mô hình xã hội chủ nghĩa Liên Xô đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Sau khi miền Bắc được giải phóng, cả nước lại phải tiến hành hai chiến lược cách mạng. Tình hình đó không cho phép Hồ Chí Minh, Đảng ta, nhân dân ta tập trung toàn lực vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, do sự tác động của hai chiến lược cách mạng, nên những sai lầm hạn chế của mô hình chủ nghĩa xã hội do Đại hội III của Đảng đã xác định cũng chưa bộc lộ rõ. Hơn nữa, thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội theo kiểu quản lý tập trung, bao cấp ở miền Bắc lúc bấy giờ về cơ bản lại đáp ứng yêu cầu của kinh tế thời chiến, thực tế đã góp phần quyết định vào thắng lợi của chiến tranh giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc.

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, cả nước bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã phạm sai lầm giáo điều, duy ý chí kéo dài và mắc khuyết điểm sai lầm trong lãnh đạo kinh tế. Những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội lúc này đã bộc lộ gay gắt, gây ra khủng hoảng kinh tế xã hội. Đại hội VI của Đảng đã nghiêm khắc kiểm điểm, đề ra đường lối đổi mới để vượt qua khủng hoảng, ổn định và tiến lên.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr.891.



Tuy nhiên, nhìn lại quá trình từ Cách mạng Tháng Tám thành công cho đến sau này, những luận điểm rất cơ bản, sáng tạo do Hồ Chí Minh nêu lên về xây dựng chế độ dân chủ mới (dân chủ nhân dân), về quá độ từ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội và về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam... là phù hợp với điều kiện nước ta, và có giá trị chỉ đạo không những trong thời gian qua, mà còn chứa đựng những quan điểm đúng đắn và sâu sắc. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu để phục vụ cho sự nghiệp đổi mới phát triển đất nước. Chính nhờ tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta nên trước tình hình Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa không những đứng vững mà còn tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp đổi mới.

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Xuất phát từ đặc điểm của thực tiễn xã hội Việt Nam - một nước nông nghiệp lạc hậu, thuộc địa, nửa phong kiến bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường cách mạng không ngừng: Tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã có những phát triển sáng tạo về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh không có định nghĩa về chủ nghĩa xã hội với những tiêu chí đầy đủ, toàn diện, hoàn chỉnh của một

mô hình lý tưởng được xây dựng sẵn trong tư tưởng, nhận thức để từ đó "bắt thực tiễn phải khuôn vào" như Mác - Ăngghen đã từng phê phán. Để cập những nội dung cơ bản, những mục tiêu lâu dài của chủ nghĩa xã hội, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Người viết: "xây dựng chủ nghĩa xã hội là thay đổi cả xã hội, thay đổi cả thiên nhiên, làm cho xã hội không còn người bóc lột người, không còn đói rét, mọi người đều được ấm no và hạnh phúc"¹. Chủ nghĩa xã hội là "Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động"², và "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta"³.

Người nhận rõ đặc điểm của nước ta là kinh tế còn lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu nên theo Người, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam "Không thể làm mau được mà phải làm dần dần"⁴.

Tháng 8-1944, trước khi rời Liễu Châu, Người đã nói với tướng Trương Phát Khuê: "Chủ nghĩa cộng sản sẽ chưa được thực hiện ở Việt Nam trong vòng 50 năm tới"⁵.

Năm 1946, khi Người ở Pháp, các nhà báo hỏi: Nghe nói Chủ tịch có xu hướng cộng sản, nhưng có phải Chủ tịch cho rằng nước Việt Nam chưa có thể cộng sản hoá

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.221.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.18, tr.80.

3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.11, tr.91-92.

4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr.890.

5. Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.205.

được trước một thời hạn là 50 năm không? Người đã trả lời: "Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác... Còn khi nào chủ nghĩa Các Mác thực hiện được thì tôi không thể trả lời được. Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình. Ở nước chúng tôi, những điều kiện ấy chưa có đủ¹". Như vậy, Người không có ảo tưởng, chủ quan cho rằng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản sẽ được xây dựng nhanh chóng ở Việt Nam.

Với Người, chủ nghĩa xã hội không chỉ là ước mơ, lý tưởng mà cần được thể hiện cụ thể từng bước ngay ở nhiệm vụ trước mắt. Vấn đề sáng tạo lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xuất phát từ thực tiễn đất nước, Người đã đề ra mục tiêu trước mắt của chủ nghĩa xã hội một cách thiết thực, cụ thể đáp ứng yêu cầu nguyện vọng của nhân dân.

Khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Người đã giải thích về chủ nghĩa xã hội một cách rất cụ thể dễ hiểu. Người nói:

"... Chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bán cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"².

"Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh"³.

"Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.815.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.415.

3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr.890.

thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ"¹.

"Chủ nghĩa xã hội là mọi người dân được áo ấm cơm no, nhà ở tử tế, được học hành"².

"*Chủ nghĩa xã hội* nghĩa là tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng"³.

"*Chủ nghĩa xã hội* là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, và do nhân dân tự xây dựng lấy..."⁴.

Những mục tiêu trước mắt, thiết thực, cụ thể về chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh đề ra tuy có những khác nhau về chi tiết tùy thuộc vào đối tượng, vào thời điểm Người nói hay viết, nhưng nổi lên những điểm chủ yếu sau đây:

- "Dân làm chủ", "Mọi quyền hành, mọi lực lượng đều ở dân".

- "Dân giàu nước mạnh", từng bước xoá bỏ bất công, xoá bỏ bóc lột... trên cơ sở phát triển sản xuất, dần dần "biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, khoa học tiên tiến".

- Gắn phát triển kinh tế với chính sách xã hội, với công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc, "bảo đảm mọi người đều có ăn, có mặc, có chỗ ở, được học hành", "các dân tộc miền núi tiến kịp các dân tộc miền xuôi".

- Phát triển văn hoá khoa học giáo dục "biến nước ta từ

1, 8, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.18, tr.488, 78, 887.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.12, tr.490.

một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao, có đời sống tươi vui, hạnh phúc". "Triệt để thay đổi những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm".

- Bình đẳng, hữu nghị với các dân tộc, các quốc gia trên thế giới, trên tinh thần hợp tác, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, hai bên cùng có lợi.

- Tiến lên chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong. "Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình ngày một no ấm thêm, Tổ quốc ngày một giàu mạnh thêm". Đó là một sự nghiệp to lớn, đẹp đẽ, phải làm từng bước, phù hợp tình hình, điều kiện khách quan, không thể nôn nóng, chủ quan.

Luận điểm cực kỳ quan trọng là Người luôn tin ở nghị lực sáng tạo vô cùng to lớn của nhân dân, luôn nhấn mạnh chủ nghĩa xã hội là do nhân dân tự xây dựng lấy.

Những quan niệm về chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh nêu trên là phù hợp với quan điểm cơ bản của Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội; phù hợp với nguyện vọng, yêu cầu bức xúc và cơ bản từ ngàn đời của dân tộc Việt Nam, phù hợp với quy luật về con đường cách mạng của Việt Nam. Vì vậy, nó dễ đi vào lòng người, được mọi người dân Việt Nam chấp nhận, tự nguyện phấn đấu cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

2. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gôta*, xuất phát từ tình hình các nước tư bản phát triển ở phương Tây giữa

thế kỷ XIX, Mác - Ăngghen đã nhận định là quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là *quá độ thẳng và trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội* - giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa - và thời kỳ *quá độ bắt đầu từ khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, đập tan chuyên chính tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản*.

Vận dụng lý luận về thời kỳ quá độ của Mác - Ăngghen và xuất phát từ tình hình nước Nga, một nước kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở mức trung bình, Lênin đã nêu ra luận điểm về hai loại hình quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội: quá độ ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển như ở Đức, và quá độ ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển ở mức trung bình như ở Nga. Ở loại hình thứ hai này, vì cơ sở vật chất yếu nên *thời kỳ quá độ lâu dài, khó khăn hơn nhiều và phải qua nhiều bước quá độ trung gian*. Phải sử dụng hình thức *tư bản nhà nước*, xem đó là những nhip cầu để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Lênin cũng đã đề cập đến khả năng bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội ở các nước chậm phát triển với điều kiện bên ngoài thì có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, bên trong thì có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Vận dụng lý luận về cách mạng vô sản, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã xuất phát từ đặc điểm của tình hình thực tiễn của Việt Nam, một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu nên đã khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là: *Tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành dân chủ nhân dân, tiến lên chủ*

nghĩa xã hội (quá độ lên chủ nghĩa xã hội), chứ không thể làm ngay cuộc cách mạng vô sản, thiết lập chuyên chính vô sản và bước ngay vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như ở các nước tư bản phát triển.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã diễn ra theo đúng tư tưởng đó. Từ năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân, toàn dân Việt Nam đã tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trải qua cuộc kháng chiến chống đế quốc lâu dài vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, chúng ta đã giành được độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày, chế độ dân chủ nhân dân được xây dựng về cơ bản. Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, cách mạng Việt Nam tất yếu bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ năm 1954, và trong cả nước từ năm 1975. Như vậy, chúng ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở đã cơ bản hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, chế độ dân chủ nhân dân đã được xây dựng và phát triển.

Đặc điểm của việc quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:

Sau khi cơ bản hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nền chuyên chính dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và lao động trí óc đã được củng cố vững chắc; Nhà nước của dân, do dân, vì dân vững mạnh, đã có kinh nghiệm điều hành đất nước thực hiện nhiệm vụ "kháng chiến, kiến quốc" thắng lợi; những tiền đề chủ yếu cho việc quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được tạo ra. Do đó, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới -

quá độ lên chủ nghĩa xã hội - không bắt đầu bằng một cuộc đảo lộn chính trị, một cuộc cách mạng chính trị với đầy đủ ý nghĩa của nó, như ở nước Nga hay các nước tư bản phát triển.

Ở Việt Nam, Nhà nước Dân chủ Cộng hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tự chỉnh đốn, tự phát triển để làm chức năng mới: lãnh đạo sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội "bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Chính sách kinh tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là không ngừng phát triển sản xuất để nâng cao mãi đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân"¹.

Thực chất phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân cũng là đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong *điều kiện mới*: nhân dân ta đã hoàn thành cơ bản cách mạng dân tộc dân chủ, so sánh lực lượng trên thế giới và trong nước đã có những biến đổi mới. Từ đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị trực diện nhằm đánh đổ đế quốc xâm lược và phong kiến tay sai, chúng ta chuyển sang hình thức đấu tranh mới, đấu tranh hòa bình và toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội chống các thế lực đi ngược lại con đường xã hội chủ nghĩa và chống phá chủ nghĩa xã hội (cả lực lượng bên ngoài và bên trong). Từ đấu tranh trên chiến trường chuyển qua đấu tranh trên mặt trận sản xuất, trên thị trường và trên mặt trận tư tưởng, văn hoá... Đồng thời, chuẩn bị sẵn sàng đánh bại mọi âm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.872.

miêu tả xâm phạm nền độc lập dân tộc và phá hoại sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Người vạch rõ: Chúng ta đã đánh thắng thực dân, phong kiến. "Hiện nay, chúng ta đang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, một cuộc cách mạng tuy trường kỳ gian khổ, song nhất định thắng lợi, chỉ phải đổ mồ hôi mà không đổ máu, một cuộc cách mạng nhằm đánh thắng lạc hậu và bán cùng, để xây dựng hạnh phúc muôn đời cho nhân dân ta, cho con cháu ta"¹.

Về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu: "*đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa... Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài*"². Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Để đạt mục tiêu, nhiệm vụ đó, Người vạch rõ, cách mạng chuyển biến đòi hỏi phải có *một chuyển biến sâu sắc về tư tưởng và nhận thức, đòi hỏi phải có những chính sách, những biện pháp và công tác tổ chức phù hợp với tình hình mới. Trước hết, phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.54.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.411-412.



của Đảng. Phải chinh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Đảng phải tự chuyển biến về chức năng và tổ chức phù hợp với nhiệm vụ lãnh đạo của giai đoạn mới.

Phải tăng cường vai trò của Nhà nước. Theo Người, tất cả các cơ quan nhà nước phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Phải xây dựng bộ máy nhà nước mạnh, thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, đủ năng lực, uy tín quản lý đất nước trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Người nhấn mạnh Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc nhà nước...

Tiếp tục củng cố và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất theo tư tưởng: "Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân"¹. Toàn dân ở đây bao gồm các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, dân tộc không trừ một ai, một giai cấp, tầng lớp nào, ngoại trừ bọn phản động chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại đường lối xã hội chủ nghĩa, trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân - trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Về xây dựng kinh tế. Người chỉ rõ phải tăng gia sản xuất và tiết kiệm. "Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất. Sản xuất là mặt trận chính của chúng ta

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr.617.

hiện nay"¹. "Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống"². Người chủ trương phát triển cả nông nghiệp và công nghiệp, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu.

Người đề ra chủ trương đối với các thành phần kinh tế: Phải phát triển *thành phần kinh tế quốc tế quốc doanh* để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội và thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động. Nhà nước đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ cho nó phát triển. Về tổ chức hợp tác xã, Người đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, chống chủ quan, gò ép, hình thức.

Đối với *người làm nghề thủ công và lao động riêng lẻ khác*, Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất của họ, ra sức hướng dẫn và giúp đỡ họ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích họ đi vào con đường làm ăn hợp tác.

Đối với *những nhà tư sản công thương*, vì họ đã tham gia, ủng hộ cách mạng dân tộc dân chủ, đã có đóng góp nhất định trong khôi phục kinh tế và sẵn sàng tiếp thu cải tạo để góp phần xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội; do đó, Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ, mà ra sức hướng dẫn họ hoạt động làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kế hoạch kinh tế nhà nước, khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội bằng hình thức công tư hợp doanh và những hình thức cải tạo khác.

Như vậy, về mặt kinh tế, Người đã chú ý đến phát triển kinh tế nhiều thành phần với các hình thức khác nhau và

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.68, 70.



đề ra những chủ trương, chính sách cụ thể đối với từng thành phần kinh tế.

Về quản lý kinh tế, Người coi trọng thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Người nói: "Phân phối phải theo mức lao động. Lao động nhiều thì được phân phối nhiều, lao động ít thì được phân phối ít. Lao động khó thì được phân phối nhiều, lao động dễ thì được phân phối ít. Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ cũng công điểm như nhau. Đó là chủ nghĩa bình quân. Phải tránh chủ nghĩa bình quân"¹. Từ năm 1957, Người cũng đã đề cập đến vấn đề khoán trong sản xuất. Người nói: "Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng... làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay"².

Người nhấn mạnh vai trò của văn hoá giáo dục và khoa học kỹ thuật trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo Người, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức, cần phải học cả văn hoá, chính trị, kỹ thuật. Người nói: Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn đưa loài người đến hạnh phúc vô tận. Người coi trọng nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài. Người đề ra xây dựng nền văn hoá tiên tiến, giữ vững và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hoá của thế giới.

Khi nêu khẩu hiệu "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.18, tr 216.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr 587-588.

lên chủ nghĩa xã hội", đẩy mạnh phong trào thi đua "Đại Phong" (nông nghiệp), "Duyên hải" (công nghiệp), "Ba nhất" (lực lượng vũ trang)..., Người hết sức chú ý chống khuynh hướng chủ quan, nóng vội, gò ép, bất chấp quy luật. Người viết: "Tiến nhanh, tiến mạnh không phải là phiêu lưu, làm ẩu. Phải thiết thực đi từng bước, phải *tiến vững chắc*. Phải nắm vững *quy luật* phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận *những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể*. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải *chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu đại khái*. Phải xây dựng tác phong *điều tra, nghiên cứu* trong mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và của Nhà nước"¹.

Tóm lại tư tưởng, quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã bao gồm những vấn đề rất cơ bản về chiến lược và sách lược, về phương hướng bước đi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trên cơ sở vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của các đảng anh em vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Thực tế những thành bại trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trước đây và trên cả nước về sau này đều đã chứng minh những quan điểm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đúng đắn, sáng tạo. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.71.



quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới hiện nay là vấn đề rất thiết thực, vừa cơ bản vừa cấp bách.

IV. VỀ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, không thể không nghiên cứu tư tưởng của Người về quan hệ quốc tế.

Đây là vấn đề rất lớn, một nội dung quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở đây chỉ nghiên cứu những luận điểm lớn của Người liên quan đến tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam.

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã sớm nêu lên tư tưởng giải phóng con người. Lý tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở giải phóng dân tộc mình, mà còn vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức và nhân loại cần lao.

Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên đã *gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, với thời đại*, không phải với mục đích "cầu viện", dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài để đuổi Pháp, giành độc lập cho nước nhà như Phan Bội Châu và một số nhà yêu nước khác, mà trên cơ sở nhận thức được thời đại mới mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga, xác định rõ các mối quan hệ mới của cách mạng Việt Nam: quan hệ với cách mạng vô sản; quan hệ với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc.

Hồ Chí Minh cũng là người dân thuộc địa đầu tiên đã vạch rõ chủ nghĩa đế quốc thực dân là kẻ thù chính của

các dân tộc thuộc địa, đồng thời cũng là kẻ thù của giai cấp vô sản và nhân dân lao động "chính quốc". Từ tình cảm, lòng thương yêu và khát vọng giải phóng dân tộc mình, đất nước mình, Người thông cảm với nỗi thống khổ và số phận cùng cực của nhân dân các thuộc địa, xem nhân dân các nước thuộc địa, phụ thuộc là "đồng bào", anh em như đối với "đồng bào mình". Người còn là một trong những người có công đầu trong việc xây dựng các tổ chức liên minh của các dân tộc thuộc địa.

Trong lời kêu gọi thành lập "Liên minh các dân tộc thuộc địa" (năm 1921), Người viết:

"Đồng bào thân mến,

Nếu câu phương ngôn "Đoàn kết làm ra sức mạnh" không phải là một câu nói suông,

Nếu đồng bào muốn giúp đỡ lẫn nhau,

Nếu đồng bào muốn bênh vực cho quyền lợi của bản thân mình, cũng như quyền lợi của tất cả đồng bào ở các xứ thuộc địa,

Hãy gia nhập *Hội liên hiệp thuộc địa*"¹.

Thời kỳ hoạt động ở Trung Quốc, Người đã cùng các nhà cách mạng Trung Quốc thành lập "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" (năm 1925), với lời kêu gọi: "Bọn đế quốc ở tất cả các nước đã liên minh lại để áp bức chúng ta. Còn chúng ta, những người dân thuộc địa và toàn thể công nhân trên thế giới, chúng ta phải hợp lực lại để chống lại chúng"².

Người có sự phân biệt rõ giữa bọn đế quốc thực dân cũ

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.482.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.498.

xâm lược, thống trị các dân tộc thuộc địa với giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước đó. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Người chú ý phân biệt bọn thực dân Pháp, xâm lược Mỹ với nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ. Vạch rõ chiến tranh xâm lược được tiến hành chỉ vì quyền lợi của một thiểu số bọn thống trị, còn nhân dân Pháp, Mỹ thì phải hy sinh xương máu của con em mình, tài sản của đất nước mình, Người đã kêu gọi sự đoàn kết, liên minh giữa nhân dân tiến bộ Pháp và Mỹ với nhân dân ta cùng nhau chống chiến tranh xâm lược phi nghĩa. Do đó, chúng ta đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới; đã hình thành trong thực tế Liên minh giữa nhân dân Pháp, nhân dân thế giới với nhân dân Việt Nam chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp, cũng như Liên minh giữa nhân dân Mỹ, nhân dân thế giới với nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Là người phụ trách Cục Phương Nam, Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản và Ủy viên Chủ tịch đoàn của Hội Quốc tế Nông dân, Người đã có đóng góp to lớn trong việc thúc đẩy phong trào cách mạng, phong trào nông dân ở các nước Á Đông.

Người thực sự là một chiến sĩ quốc tế lỗi lạc. Suốt cuộc đời gần 60 năm hoạt động cách mạng, Người đã có hơn 30 năm hoạt động ở nước ngoài, liên tục tham gia phong trào cách mạng quốc tế, qua đó vừa đóng góp cho sự nghiệp chung của cách mạng thế giới, vừa tìm hiểu, tích lũy kinh nghiệm, sau đó về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người luôn luôn coi trọng việc xây dựng mối quan hệ gần bó và phong trào cộng sản thế giới, xem các nước xã hội chủ nghĩa là chỗ dựa của cách mạng Việt Nam. Luôn quan tâm đến xây dựng "Khối đoàn kết giữa các đảng anh em" theo tinh thần "bốn phương vô sản đều là anh em". Khi xảy ra mâu thuẫn bất đồng giữa một số Đảng Cộng sản anh em, Người hết sức đau lòng và đã làm hết sức mình nhằm mục đích khôi phục lại tình đoàn kết giữa những người cộng sản "trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình"¹.

Đối với cách mạng và nhân dân hai nước Lào - Campuchia, Người cho rằng chúng ta phải xây dựng "mối quan hệ đặc biệt". Ngay từ *Chính cương vắn tắt*, Người đã xác định tinh thần "tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc Đông Dương". Ba nước Đông Dương cùng nhau đoàn kết, liên minh trên nguyên tắc bình đẳng, hợp tác anh em. Người luôn chú ý giáo dục tinh thần quốc tế cho cán bộ và nhân dân ta. Trong giúp bạn và phối hợp hoạt động với bạn, Người dạy cán bộ và chiến sĩ phải "tôn trọng độc lập, chủ quyền, phong tục tập quán của bạn", nhận thức rõ "giúp bạn tức là giúp mình", chống thái độ dân tộc lớn, bạn ơn, không tôn trọng dân tộc bạn, đồng thời chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vị kỷ...

Nhận thức đúng bạn, thù, đứng vững trên lập trường độc lập dân tộc và nắm vững phương châm kết hợp dân tộc và quốc tế, dân tộc và thời đại, độc lập tự chủ dựa vào sức mình là chính, đồng thời hết sức tranh thủ sự chi viện

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.15, tr.628.



quốc tế. Người đã đề ra chính sách đối ngoại đúng đắn: *Độc lập tự chủ, đoàn kết, hữu nghị, thêm bạn bớt thù* và "Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai"¹.

Trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* năm 1946, Người nêu rõ chính sách đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó có những điểm mà trong bối cảnh hiện nay, ta vẫn thấy rất đúng, rất thích hợp.

"Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc"².

Chính sách đối ngoại đúng đắn đó của Người đã không trở thành hiện thực là do bối cảnh chung của so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới vào năm 1945-1946 và những năm tiếp theo.

Trong xử lý các vấn đề, các tình huống phức tạp, Người luôn nắm vững phương châm *kiên trì nguyên tắc, giữ vững chiến lược, đồng thời mềm dẻo, linh hoạt về sách lược nhằm thêm bạn bớt thù*.

Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9 là những mẫu mực

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.256.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.528.

tuyệt vời về vận dụng sách lược mềm dẻo, lợi dụng mâu thuẫn giữa các thế lực thù địch, giữ vững thành quả của cách mạng trong tình hình ngàn cân treo sợi tóc, tranh thủ hòa hoãn để tạo điều kiện chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Về sau, Đảng ta đã tổng kết, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù là một vấn đề chỉ đạo chiến lược chứ không chỉ là vấn đề sách lược.

Trả lời phỏng vấn của Ăngdrê Blăngsê (Báo *Le Monde*, năm 1946) về lập trường của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Người nói: "Chúng tôi sẵn sàng có những điều nhân nhượng nhất là về mặt kinh tế. Điều chúng tôi muốn có: Các nhà giáo thì được, thầy tu thì không; là công tác viên, học trò thì được, là nô lệ thì không; giáo sư, bác sĩ, kỹ sư... chúng tôi cần có nhiều, chúng tôi không cần các viên quan cai trị nữa"¹.

Trả lời tướng Pháp Raun Salăng (năm 1946), Người nhấn mạnh chủ trương độc lập về chính trị và mở rộng quan hệ kinh tế, văn hoá với Pháp: "Chúng tôi muốn sống tự do, tất nhiên chúng tôi muốn có sự giao lưu kinh tế, các quan hệ văn hoá rộng lớn, muốn cán bộ, kỹ sư Pháp làm việc trong mọi lĩnh vực, nhưng chúng tôi cũng muốn làm chủ nước mình"².

Lúc bấy giờ, Người đánh giá cao nước Mỹ trên tư cách một nước lớn trong Đồng minh chống phát xít. Trong thư gửi Tổng thống Mỹ H.Truman, Người viết: "Nhân dân Việt Nam

1. Henri Aggan: *Hồ Chí Minh - Dernière chance*, Flammarion, Paris, 1968, p.105.

2. Philippe Dévillere: *Paris - Saigon - Hanoi*, Gallimard Julliard, Paris, 1988, p.180-181.

sau bao nhiêu năm bị cướp bóc và tàn phá mới bắt đầu công việc xây dựng, cần phải có hòa bình và tự do. Nếu hòa bình và tự do đó chỉ có thể có được bằng nền độc lập của chúng tôi khỏi mọi cường quốc thực dân, bằng sự hợp tác tự do với các nước khác. Chính vì vậy, chúng tôi yêu cầu nước Mỹ, với tư cách là người bảo vệ và người chiến sĩ của công bằng thế giới, có bước quyết định ủng hộ nền độc lập của chúng tôi. Chúng tôi sẽ làm hết sức mình để nền độc lập và hợp tác đó có lợi cho toàn thế giới".

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước, với lòng nhân ái bao la, Người mong muốn sớm chấm dứt chiến tranh để đỡ tổn xương máu, tài sản của cả hai bên, trên cơ sở quyết tâm giành cho kỳ được "độc lập tự do". Người và Đảng ta xem ngoại giao cũng là một mặt trận, coi trọng ngoại giao Chính phủ, đồng thời coi trọng ngoại giao nhân dân. Theo Người, "đàm" tất nhiên phải có nhân nhượng, nhưng phải bảo đảm đạt mục tiêu trước mắt của cách mạng, dựa trên thắng lợi của chiến tranh, thực lực của đất nước, sự đoàn kết ủng hộ của nhân dân đối phương và nhân dân thế giới; đồng thời phải luôn luôn nắm vững bản chất của kẻ thù "chết nết không chừa", cảnh giác với những âm mưu, thủ đoạn mới của chúng.

Bảo đảm và làm tăng hiệu quả, hiệu lực của chính sách quốc tế, chính sách đối ngoại của Hồ Chí Minh và Đảng ta là nhân cách, phẩm chất, là phong cách ứng xử, giao tiếp của Hồ Chí Minh. Mọi người, mọi giới, dù dân tộc nào, quốc gia nào, là bạn hay là thù... khi đến với Người đều bị

1. *U.S - Vietnam relations 1946-1947*, US Government printing office, Washington, 1971, p.95-97.



thu hút bởi sự chân tình, trí tuệ uyên bác, tinh thần thẳng thắn, thái độ cởi mở, gần gũi mà lịch sự, tế nhị... và giữ lại những tình cảm, những ấn tượng tốt đẹp có lợi cho đất nước, cho cách mạng Việt Nam.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế là một bộ phận hữu cơ của tư tưởng Hồ Chí Minh về đường lối cách mạng Việt Nam, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, dân tộc và quốc tế, độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế; là một cơ sở của chiến lược phát huy sức mạnh tổng hợp, một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam và góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Chương V

**TU TƯỢNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG
ĐẢNG, MẶT TRẬN VÀ NHÀ NƯỚC**

Cổ đường lối cách mạng đúng đắn, lại phải có các lực lượng cách mạng để đưa đường lối vào cuộc sống thì mới có thắng lợi của cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà chiến lược thiên tài, đồng thời là nhà tổ chức vĩ đại. Người đã *sáng lập, xây dựng, rèn luyện, lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam* trở thành một đảng cách mạng chân chính, bộ tham mưu lãnh đạo của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua mọi thác ghềnh, đạt đến những thắng lợi vĩ đại.

Người là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân, đã *sáng lập Mặt trận Dân tộc thống nhất* rộng rãi, tập hợp, thu hút mọi người dân Việt Nam yêu nước đứng chung một hàng ngũ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; hình thành sức mạnh vĩ đại của dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để chiến thắng mọi kẻ thù đế quốc, thực dân và chiến thắng đói nghèo, dốt nát.

Người là *ngời cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân* đã tổ chức, xây dựng, rèn luyện quân đội ta thành một quân đội nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân

dân mà phục vụ, trung thành và hy sinh chiến đấu vì quyền lợi của nhân dân, vì sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Người thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam Á, nhà nước của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Những tư tưởng của Hồ Chí Minh về Đảng, về mặt trận, về lực lượng vũ trang, về nhà nước là những di sản vô giá mà Người để lại cho Đảng ta, nhân dân ta.

I. TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CÁCH MẠNG

Mục tiêu cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người; độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để biến mục tiêu, lý tưởng cách mạng thành hiện thực, vấn đề được Hồ Chí Minh quan tâm hàng đầu về mặt tổ chức là sớm lập ra Đảng Cộng sản, một nhân tố quyết định sự phát triển và quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Tổ chức ra Đảng là để lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, đưa sự nghiệp cách mạng đến thành công, nên Người luôn *đặt vấn đề Đảng gắn với mục tiêu, lý tưởng, với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng*. Đảng ra đời, tồn tại và phát triển là xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Đảng không phải là tổ chức tự thân, Đảng không có yêu cầu, quyền lợi, nhiệm vụ nào ngoài yêu cầu, quyền lợi,

nhệm vụ của giai cấp, của dân tộc, của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cách mạng ở Việt Nam được hình thành từng bước trên cơ sở vận dụng và phát triển tư tưởng Lenin về Đảng kiểu mới vào điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Cống hiến vô cùng quan trọng của Hồ Chí Minh là đã xây dựng thành công Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân nhỏ bé, nông dân chiếm đại bộ phận dân cư. Đảng do Người sáng lập và rèn luyện đã giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân, giữ vững lập trường quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin là "đội tiên phong dũng cảm và là bộ tham mưu sáng suốt" của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam, xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân cả trong cách mạng dân tộc dân chủ và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cống hiến của Hồ Chí Minh trong vấn đề xây dựng Đảng được thể hiện trong những luận điểm nổi bật sau đây:

1. Cách mạng muốn thành công "trước hết phải có đảng cách mệnh"

Nghiên cứu kinh nghiệm của các phong trào yêu nước Việt Nam cũng như phong trào đấu tranh của các dân tộc và của giai cấp vô sản các nước trên thế giới, đặc biệt là kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga, Người đi đến kết luận: Cách mạng là việc chung của cả dân chúng chứ không phải của riêng một, hai người. Cách mạng cần phải có tổ chức bền vững mới giành được

thắng lợi và sức cách mạng phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mạng.

Về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đảng cách mạng, ngay từ năm 1925, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người chỉ rõ: Công nông là gốc của cách mạng, dân chúng là chủ của cách mạng, vì thế "cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ", phải bày sách lược cho dân, phải đoàn kết dân lại... Để làm được việc đó "phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi"¹. Người nhấn mạnh: "Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"².

Chính với quan điểm đó mà từ cuối năm 1924, Người đã đề nghị Quốc tế Cộng sản cho về nước hoạt động; và từ năm 1925 đến năm 1930 là thời gian cùng với việc hoàn thành những nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản giao phó, Người đặc biệt tập trung vào truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cách mạng mới vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, chuẩn bị những điều kiện cần thiết để thành lập một đảng cách mạng chân chính của Việt Nam - Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong quá trình cách mạng Việt Nam, trải qua các thời kỳ, các giai đoạn cách mạng khác nhau, Người đều nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng, luôn quan tâm đến việc xây dựng Đảng, rèn luyện Đảng. Trước lúc đi xa, điều Người quan tâm trước hết cũng là "nói về Đảng".

Trong quá trình tồn tại, hoạt động của Đảng và trong những điều kiện cụ thể khác nhau của tình hình thế giới

1, 2, 8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.2, tr.288, 289, 289.



và trong nước, Đảng ta đã lấy nhiều tên khác nhau. Như trong cuốn *Đường cách mệnh*, Người gọi là "đảng cách mệnh"; khi thành lập Đảng, Người đề nghị lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, sau theo Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương; sau Cách mạng Tháng Tám, trước tình hình khó khăn của đất nước, Đảng rút vào hoạt động bí mật, trong các tài liệu đều dùng chữ Hội; tháng 2-1951, Đảng ra công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam; đến Đại hội IV (tháng 12-1976), Đảng trở lại với tên ban đầu là Đảng Cộng sản Việt Nam cho đến nay.

Tuy nhiên, bản chất của Đảng không hề thay đổi: đó là *Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân*, là đội tiên phong của giai cấp vô sản, đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Đảng luôn tuân thủ những nguyên tắc của một đảng kiểu mới: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng lý luận, kim chỉ nam cho hành động; lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển; Đảng phải có kỷ luật sắt và kỷ luật tự giác; đảng viên phải tuân theo tôn chỉ, mục đích của Đảng và hoạt động trong tổ chức cơ sở của Đảng, v.v..

Theo Người, đây là những nguyên tắc căn bản của một Đảng Cộng sản chân chính, một đảng chiến đấu theo tổ chức và đường lối của Quốc tế Cộng sản, khác với Đảng xã hội dân chủ, Đảng của Quốc tế II. Đây cũng là một trong những vấn đề cơ bản, Người đã coi là một căn cứ để lựa chọn và quyết định đứng về phía Quốc tế Cộng sản tại Đại hội Tua (năm 1920).

2. Đảng Cộng sản Việt Nam là "sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước"

Đối với một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, để giải phóng đất nước khỏi ách ngoại xâm và khỏi nghèo nàn, lạc hậu, việc xác định phải có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy liên minh công nông (sau bổ sung thêm: công nhân, nông dân, lao động trí óc) làm nền tảng là một sáng tạo lớn.

Vấn đề còn khó khăn hơn là phải tổ chức, hình thành và xây dựng như thế nào để Đảng thực sự là một đảng cách mạng chân chính, là người tiên phong lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam.

Lênin đã khái quát quy luật hình thành của Đảng Xã hội dân chủ Nga (sau này đổi là Đảng Cộng sản Bôn-sơ-vích) là *sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân*. Lênin viết: "Trong tất cả các nước, chỉ có sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân mới xây dựng được một cơ sở vững chắc cho cả hai. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy lại là một sản phẩm của lịch sử, lại được thực hiện bằng những con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian"¹.

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, Quốc tế Cộng sản thành lập năm 1919 đề ra 21 điều kiện của một Đảng Cộng sản nhằm cách mạng hoá các Đảng dân chủ xã hội đã bị ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội của Quốc tế II và

1. V.I. Lênin: Toàn tập, NXB. Tiến bộ, Mátxcơva, 1976, t.4, tr.471.



thúc đẩy sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở các nước. Chính trong điều kiện đó, Đảng Cộng sản Pháp ra đời, và Nguyễn Ái Quốc là một trong những người sáng lập. Ở châu Á, Đông - Nam Á, nhiều Đảng Cộng sản cũng được thành lập: Đảng Cộng sản Trung Quốc vào năm 1921, Đảng Cộng sản Nhật vào năm 1922, Đảng Cộng sản Triều Tiên vào năm 1925, Đảng Cộng sản Indônêxia vào năm 1920.

Ngay sau khi trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Pháp và là cán bộ của Quốc tế Cộng sản, Người đã nhận thức rõ việc thành lập ở Việt Nam một đảng cách mạng theo nguyên tắc đảng của Lênin và của Quốc tế Cộng sản là cần thiết, nên Người đã quyết định phải về nước để thực hiện nhiệm vụ ấy. Nhưng vấn đề đặt ra cho Người lúc bấy giờ là ở nước ta những điều kiện thành lập Đảng Cộng sản đã chín muồi chưa? Con đường thành lập Đảng phải như thế nào?...

Người cho rằng: xuất phát từ tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam khác các nước phương Tây, con đường của cách mạng Việt Nam là đi từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, phong trào yêu nước giải phóng dân tộc thì rộng rãi, sôi nổi, còn giai cấp công nhân mới hình thành, phong trào công nhân còn non yếu; do vậy, quá trình thành lập Đảng không thể chỉ dựa vào phong trào công nhân mà còn phải dựa cả vào phong trào yêu nước. Tình hình đặc thù của Việt Nam lúc bấy giờ chưa cho phép thành lập ngay một Đảng Cộng sản, mà phải chuẩn bị từng bước. Trước hết, phải truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng mới vào Việt Nam, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho các

phần tử hăng hái yêu nước nhưng còn bế tắc về đường lối. Việc tập hợp những thanh niên yêu nước vào trong Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản sau này, là một sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh.

Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, ngày 18-2-1930, và ngày 5-2-1930, Người đã nêu: "Hội An Nam Thanh niên Cách mạng do chúng tôi tổ chức từ năm 1925. Có thể nói rằng, nó là quả trứng, mà từ đó, nở ra con chim non cộng sản (Đảng Cộng sản)"¹ và "Trong tư tưởng của những người đứng ra tổ chức thì Hội này sẽ là cơ sở cho một đảng lớn hơn và tương lai đã chứng minh điều đó"².

Khái quát về quy luật đặc thù của con đường hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, trong bài *30 năm hoạt động của Đảng*, Người viết: "Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930"³.

Nhận thức và vận dụng đúng quy luật về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam để hướng tới việc thành lập Đảng thực sự là một sự sáng tạo, thể hiện quá trình phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như của các thế hệ cộng sản Việt Nam là từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa quốc tế vô sản; từ giác ngộ dân tộc phát triển đến giác ngộ giai cấp, kết hợp giác ngộ dân tộc với giác ngộ giai cấp trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhận thức về vấn đề này cũng có ý nghĩa rất lớn trong sự

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.14, 41.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.406.



nghiệp xây dựng Đảng trong giáo dục, rèn luyện đảng viên, nâng cao trình độ chính trị của đảng viên ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ngày càng phát triển.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam - "Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam"

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đều khẳng định Đảng Cộng sản là Đảng của giai cấp vô sản, đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp vô sản nước mình và toàn bộ giai cấp vô sản thế giới. Đảng gồm những phần tử tiên tiến trong giai cấp vô sản, là đội tiên phong, bộ tham mưu của giai cấp vô sản.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, khi phân biệt người cộng sản và người vô sản, Mác - Ăngghen viết: "Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác trên hai điểm: một là, trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; hai là, trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào... Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng là mục đích trước mắt của tất cả các đảng vô sản khác: tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền"¹.

Vận dụng luận điểm đó vào cách mạng Việt Nam,

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr 614, 615.

Người đã khẳng định là trong thời đại ngày nay, giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất và độc nhất có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng. Giai cấp nông dân là lực lượng cách mạng to lớn, là đồng minh tin cậy của giai cấp công nhân. Nhưng vì nông dân mang tính chất phân tán, tư hữu, nên không thể coi nông dân là lực lượng lãnh đạo cách mạng. Người đã phê phán trào lưu cơ hội thối phồng vai trò của nông dân và của các tầng lớp, giai cấp khác mà không thấy vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong cách mạng Việt Nam và cũng phê phán khuynh hướng cô độc, hẹp hòi, chỉ thiên về công nông mà không thấy hết vai trò sức mạnh của toàn dân tộc.

Đảng Cộng sản Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân. Nhưng cái quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng không phải chỉ ở thành phần xuất thân của đảng viên, mà cơ bản là ở nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, ở mục tiêu, đường lối của Đảng thực sự vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và ở vấn đề Đảng nghiêm túc tuân thủ những nguyên tắc tổ chức của đảng kiểu mới. Do đó, Đảng không chỉ kết nạp công nhân ưu tú mà còn kết nạp cả nông dân ưu tú, lao động trí óc ưu tú, và những người thuộc các thành phần khác thật hăng hái, giác ngộ, được rèn luyện, thử thách, tự nguyện chiến đấu trong hàng ngũ của Đảng. Mặt khác, Đảng đặc biệt chú ý đến việc giáo dục, rèn luyện đảng viên, không ngừng nâng cao trình độ chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao giác ngộ dân tộc và giác ngộ giai cấp.

Người xác định: Mục tiêu của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng là mục tiêu của toàn dân Việt Nam: Độc lập cho dân tộc, dân chủ cho nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.



Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951), Người đã khẳng định: "Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"¹.

Không chỉ trong cách mạng dân tộc dân chủ, mà khi chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, luận điểm đó vẫn được Người nhắc lại và chỉ đạo toàn bộ công tác của Đảng. Trong bài nói chuyện với cán bộ và đảng viên lâu năm vào ngày 9-12-1961, Người lại nói: "Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị"².

Cũng từ luận điểm đúng đắn đó mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực sự gắn bó máu thịt với giai cấp, với nhân dân, với dân tộc trong mọi giai đoạn, mọi thời kỳ phát triển của cách mạng Việt Nam. Tuyệt đại đa số những người dân Việt Nam, dù là đảng viên hay ngoài Đảng, dù thuộc giai tầng nào, đều cảm thấy Đảng là Đảng của mình, tự hào với niềm tự hào của Đảng, bán khoán lo lắng và thấy mình cũng có trách nhiệm trước những sai lầm, thiếu sót của Đảng...

Đó là sức mạnh và đó cũng là niềm vinh dự, tự hào của Đảng, của toàn dân Việt Nam. Cũng chính vì những thực tế và tình cảm đó của quần chúng đối với Đảng và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.41.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.275.

vì những gì mà Đảng đưa lại cho nhân dân, dân tộc, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi nói chuyện với nhân dân và các giới đồng bào về Đảng, Người thường dùng cụm từ "Đảng ta"; "Đảng của chúng ta"; "Đảng yêu quý của chúng ta"; "Đảng thân yêu và vĩ đại của chúng ta", v.v., để chỉ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Quán triệt tư tưởng đó của Người, *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu: "Khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, chúng ta không tách rời Đảng và giai cấp với các tầng lớp nhân dân lao động khác, với toàn thể dân tộc. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã mang trong mình tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Chính lập trường và lợi ích giai cấp công nhân đòi hỏi trước hết phải giải phóng dân tộc. Đảng tìm thấy nguồn sức mạnh không chỉ ở giai cấp công nhân mà còn ở các tầng lớp nhân dân lao động. Cũng từ đó, nhân dân lao động và cả dân tộc đã thừa nhận Đảng ta là người lãnh đạo, người đại biểu chân chính cho quyền lợi cơ bản, thiết thân của mình"¹.

Cũng quán triệt tư tưởng ấy, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nêu: "Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất ấy thể hiện ở nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; ở Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng ở nguyên tắc tập trung dân chủ; ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.128.

với dân tộc; ở chủ nghĩa yêu nước chân chính và tinh thần quốc tế trong sáng...

Với bản chất ấy, Đảng ta là người đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Trên ý nghĩa đó, Đảng ta cũng là Đảng của cả dân tộc¹... Trong bài nói tại "Hội nghị triển khai công tác xây dựng Đảng", tháng 10-1996, sau khi nêu lên kết quả công tác xây dựng Đảng trong 10 năm đổi mới, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười cũng đã nói: "Những kết quả và thành tựu đó một lần nữa thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, sự kiên định và sự nhạy bén sáng tạo, của Đảng ta - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam"².

4. Đảng cầm quyền, dân là chủ

Từ sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, Đảng ta đã trở thành "Đảng cầm quyền". Suốt 24 năm, là người đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn, sáng tạo vấn đề "Đảng cầm quyền". Người đã có những đóng góp to lớn vào lý luận "Đảng cầm quyền" và những luận điểm về "Đảng cầm quyền" của Người là một nội dung quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng, về Nhà nước.

Theo Người, "Đảng cầm quyền" là Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân giành được quyền lực nhà nước

1. Đỗ Mười: *Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.VI, tr.58.

2. *Tạp chí Cộng sản*, số 8, tháng 2-1997, tr.6.

và Đảng trực tiếp lãnh đạo bộ máy nhà nước đó để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Khi chưa có chính quyền, nhiệm vụ chính của cuộc đấu tranh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là lật đổ chính quyền thống trị của bè lũ thực dân, phong kiến, thiết lập chính quyền của nhân dân. *Phương thức lãnh đạo, công tác của mỗi người, mỗi cấp uỷ là giáo dục, thuyết phục, vận động, tổ chức quần chúng, đưa quần chúng vào đấu tranh giành chính quyền.*

Ngày nay, Đảng lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, nhiệm vụ mới của cách mạng là đấu tranh bảo vệ và xây dựng chế độ mới. Đảng lãnh đạo xây dựng, củng cố chính quyền của nhân dân và sử dụng chính quyền nhà nước như một công cụ quyền lực, một phương tiện có hiệu lực để quản lý xã hội, tổ chức huy động mọi tiềm lực, mọi lực lượng của toàn xã hội nhằm thực hiện toàn diện những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng do sự nghiệp cách mạng đặt ra cho từng thời kỳ. *Cùng với phương thức vận động quần chúng làm cách mạng vốn là phương thức lãnh đạo, công tác cơ bản của Đảng, Đảng có thêm phương thức lãnh đạo, quản lý xã hội, tổ chức, huy động lực lượng quần chúng bằng biện pháp hành chính, pháp lý thông qua bộ máy nhà nước.*

Về những vấn đề của Đảng cầm quyền, Người thường nhấn mạnh:

4.1. "Đảng cầm quyền", nhưng dân là chủ. Mọi "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"¹. Người đặc biệt quan tâm

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.282.



đến vấn đề này, cho đây là điểm khác biệt giữa Đảng Cộng sản và Đảng tư sản trong cầm quyền. Người luôn nhấn mạnh vấn đề quyền lực thuộc về dân là vấn đề nguyên tắc, là bản chất chế độ mới mà Đảng ta, nhân dân ta ra sức xây dựng. Đảng lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo chính quyền là nhằm thiết lập và củng cố quyền làm chủ của dân, mọi quyền lực phải thuộc về dân. Trái với nguyên tắc đó, Đảng sẽ thoái hoá, biến chất, trở thành Đảng đối lập với dân, đứng trên dân, trên pháp luật; còn đảng viên, cán bộ của Đảng sẽ trở thành những "ông quan cách mạng", những kẻ "vinh thân phì gia", vì quyền lợi ích kỷ của bản thân, gia đình, dòng họ.

Muốn vậy, phải có cơ chế, phải xây dựng cơ chế "Đảng cầm quyền". Cốt lõi của cơ chế đó là quan hệ giữa Đảng với nhân dân, với Nhà nước:

- Đảng phải trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, người đày tớ của dân.

- Nhà nước là nhà nước của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, cán bộ chính quyền các cấp đều là công bộc của dân, đày tớ của dân.

- Dân làm chủ - Mọi quyền hành, mọi lực lượng là ở dân. Nhân dân thực sự tham gia quản lý nhà nước.

Người dạy: "Dân chủ là thế nào? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này khác là làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng"¹.

Theo Người thì nhân dân muốn thực sự bảo đảm được quyền lực của mình, cần phải có sự lãnh đạo của

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr.572.

Đảng Cộng sản; Đảng muốn giữ vững được vai trò lãnh đạo, phải củng cố cái nền nhân dân, phải "lấy dân làm gốc", mỗi người dân phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà.

4.2. "Đảng cầm quyền" - một số lớn cán bộ, đảng viên của Đảng được giao những nhiệm vụ trong bộ máy quyền lực, bộ máy hành chính - xã hội có quan hệ đến quyền lực, quyền lợi. *Nhưng người cộng sản không bao giờ được xa rời mục tiêu, lý tưởng cao đẹp của mình.* Người nhắc nhở, những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là đấu tranh cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới. Không vì địa vị, quyền lợi riêng tư, không dựa vào quyền lực nhân dân giao phó mà tha hoá, biến chất, lo cá nhân, hưởng thụ. Cán bộ, đảng viên phải thường xuyên nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

4.3. *"Nhiệm vụ của Đảng cầm quyền" khó khăn hơn, to lớn hơn, phức tạp hơn. Đảng phải làm rất nhiều việc, phải chăm lo đầy đủ đến mọi mặt của đời sống nhân dân, từ việc nhỏ đến việc lớn. Người thường so sánh rằng trước đây Đảng ta tổ chức đánh Tây, đánh Nhật rất gian nan cực khổ. Nhưng so với trước, công việc bây giờ to lớn hơn, khó khăn hơn, phức tạp hơn. Bây giờ Đảng ta phải làm nhiều chuyện: xây dựng nhà máy, xây dựng hợp tác xã; làm sao cho người nông dân, người công nhân ăn no, mặc ấm; làm sao cho nước càng ngày càng mạnh, dân càng ngày càng giàu. Ngày nay làm cả việc chống trời nữa...*

"Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo

ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo. Tôi lo chuyện này lắm: Các cháu mất choẹt, da búng. Tất cả mọi việc, Đảng phải lo. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh giành thống nhất nước nhà, Đảng phải lo. Ngay đến cả tương, cà, mắm, muối của dân, Đảng đều phải lo"¹.

Trong *Di chúc*, Người nhắc nhở: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân"².

5. Thường xuyên xây dựng Đảng và chỉnh đốn Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

Trách nhiệm, vinh dự đó của Đảng không phải do ý muốn của một ai, cũng không phải là sự xếp đặt chủ quan của một giai cấp, một lực lượng nào, mà trước hết vì Đảng đã đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự phát triển cách mạng và được quần chúng công nhận.

Nhiều lần, Người dạy là người cộng sản không thể viết lên trán mình chữ cộng sản là đã được quần chúng tin yêu, mà phải bằng hành động gương mẫu, bằng phẩm chất, đạo đức, tài năng của mình thể hiện ở những việc làm ích nước, lợi dân, thực sự phục vụ cho sự nghiệp giải phóng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.272.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.622.

dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người... thì mới được quần chúng yêu mến, tin tưởng.

"Đảng không thể đòi hỏi mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"¹.

Ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, thành phần đảng viên đại bộ phận là nông dân, tiểu tư sản, trình độ lý luận, trình độ văn hoá thấp, kinh nghiệm đấu tranh, nhất là kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng xã hội còn hạn chế. Do đó, phải không ngừng xây dựng Đảng, rèn luyện Đảng theo chuẩn mực của một đảng kiểu mới - một đảng Mác - Lênin chân chính, trong sạch, vững mạnh.

Năm 1925, Người vạch rõ: "Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"². Năm 1947, Người đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* nhằm giáo dục, rèn luyện đảng viên, chỉnh đốn Đảng. Năm 1951, tại Đại hội II của Đảng, Người lại nêu: "Đảng Lao động Việt Nam phải là một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để"³. Phải rèn luyện Đảng, xây dựng Đảng thành Đảng thật mạnh, thật trong sạch... Năm 1957, miễn Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Người lại nhấn mạnh:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.8, tr.168.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.2, tr.289.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.7, tr.41.



Trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng phải mạnh hơn bao giờ hết.

Mặt nữa, để xây dựng Đảng đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng, nâng cao mình lên ngang tầm với nhiệm vụ, *Người thường xuyên nhấn mạnh vấn đề "chỉnh đốn Đảng"*.

Những ngày đầu kháng chiến toàn quốc, Người nói: Để thúc đẩy mọi nhiệm vụ công tác ngày càng phức tạp, nặng nề của cách mạng: từ đẩy mạnh kháng chiến, nâng cao sức mạnh của chính quyền, đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm, chấn chỉnh các đoàn thể... "trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng"¹.

Trước tình hình chuyển biến mới, để chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công (tháng 4-19 50), Người lại nhấn mạnh là Đảng phải thật mạnh, thật trong sạch để lãnh đạo những nhiệm vụ công tác mới. "Muốn lãnh đạo vững thì trước hết cán bộ và đảng viên phải có tư tưởng và lập trường vững chắc để lãnh đạo, để xung phong làm gương mẫu. Vì vậy, *chỉnh Đảng là việc chính mà chúng ta phải làm ngay*"².

Đặc biệt là trong *Di chúc* (bản bổ sung tháng 5-1968), Người chỉ rằng: "việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*"³.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mục đích của xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng là nhằm làm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh; bảo đảm là Đảng của giai cấp công nhân,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.15.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.898.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.616.

nhân dân lao động và của dân tộc; là tổ chức tiên phong chiến đấu chứ không phải là tổ chức làm quan, phát tài; Đảng phải tẩy bỏ những phần tử hủ hoá ra ngoài, làm cho đội ngũ đảng viên của Đảng luôn luôn giữ vững đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, luôn làm "kiểu mẫu" để lôi cuốn quần chúng.

Trong *Di chúc*, Người gắn việc chỉnh đốn Đảng với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng: "*chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân*"¹.

Tư tưởng của Người về chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bao gồm những vấn đề rất cơ bản, phong phú. Ở đây chỉ tập trung vào mấy nội dung lớn:

5.1. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Phải nâng cao trình độ nhận thức, trí tuệ mà trước hết là trình độ chủ nghĩa Mác - Lênin cho cán bộ, đảng viên

Trong trang đầu cuốn *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã ghi lời của Lênin: "Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong"². Và Người chỉ rõ: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"³.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.616.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.279, 289.



"Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"¹, "phải theo chủ nghĩa Mác Khắc Tư và Lênin"².

Không những chỉ dựa trên lý luận, mà căn cứ vào thực tiễn theo dõi tình hình cán bộ, trong *Thư gửi Ban Phương Đông* (năm 1935), Người đã nêu lên tình trạng yếu kém về lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên của các Đảng Cộng sản ở phương Đông và đề nghị Quốc tế Cộng sản giúp đỡ khắc phục tình trạng đó: "Trừ một vài đồng chí rất hiếm hoi (đã được huấn luyện... hoặc là trí thức), còn đại đa số đồng chí của chúng tôi, trình độ lý luận và chính trị rất thấp... ngay cả những đồng chí có trách nhiệm - cũng không hiểu thật rõ "cách mạng dân chủ tư sản" là gì..."³. Vì không thể giải thích được cho công nhân và nông dân, cho nên các đồng chí ấy thường tỏ vẻ lúng túng trong công tác tuyên truyền và cổ động. Để khỏi lúng túng các đồng chí buộc phải "bịa ra". Do đó, "một sự ngu dốt này làm phát sinh một sự ngu dốt khác và một sai lầm này gây nên các sai lầm khác"⁴. Hay "Các đồng chí ấy cũng không hiểu tại sao phải kết hợp cuộc cách mạng phản đế với cách mạng ruộng đất. Vì vậy mà những khẩu hiệu đưa ra lộn xộn, không phối hợp với nhau"⁵.

Người kết luận: "Các đồng chí của chúng tôi rất dũng cảm và hăng hái. Các đồng chí ấy công tác rất tận tụy. Nhưng vì thiếu kiến thức lý luận, buộc các đồng chí phải mò mẫm từng bước, luôn luôn vấp vấp vì thiếu thốn như

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.2, tr.289, 804.

3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.8, tr.110.

vây. Tất nhiên là các đồng chí sẽ được giáo dục rèn luyện trong đấu tranh và trong công tác thực tế hằng ngày. Nhưng có thể tránh được biết bao bế tắc, sai lầm và biết bao thất bại đau đớn, nếu chúng ta có thể cung cấp cho các đồng chí ấy những kiến thức tối cần thiết về lý luận soi đường, tạo điều kiện dễ dàng cho các đồng chí ấy tiến hành công tác¹.

Bản thân Người hết sức chú ý đến việc truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác - Lênin và những thành tựu bước đầu của nước Nga Xôviết. Thời kỳ chuẩn bị việc thành lập Đảng Người tranh thủ mở những lớp huấn luyện cán bộ với nội dung cơ bản, thiết thực để đưa về nước hoạt động, gây cơ sở cách mạng trong các tầng lớp quần chúng. Trong nội dung giáo dục huấn luyện, Người hết sức chú trọng kết hợp giác ngộ giai cấp với giác ngộ dân tộc. Từ giác ngộ dân tộc, từ lòng yêu nước mà phát triển lên giác ngộ giai cấp, thống nhất, gắn bó giữa giác ngộ dân tộc và giác ngộ giai cấp.

Vấn đề rất quan trọng trong quán triệt, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin là phải nắm vững lập trường, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp với thực tiễn để có đường lối, chính sách đúng đắn. Do đó, nội dung quan trọng đầu tiên của rèn luyện, chỉnh đốn Đảng là phải nâng cao trình độ Mác - Lênin, năng lực trí tuệ của đội ngũ, kịp thời bổ sung, phát triển đường lối, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan, lý tưởng và hiện thực, dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế... Chống giáo điều, chống kinh nghiệm chủ nghĩa.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.8, tr.118.



Người đặt vấn đề phải vừa học, vừa làm. Người từng nói: Cách mạng là một nghề, nghề gì cũng phải học, học lý luận Mác - Lênin, học văn hoá, học khoa học và kỹ thuật, học ngoại ngữ... Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có học thức, phải có văn hoá.

5.2. Vận thủ và vận dụng những nguyên tắc tổ chức sinh hoạt của một Đảng Mác - Lênin

Vận dụng sáng tạo và phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng vào điều kiện cụ thể của Đảng Cộng sản Việt Nam, suốt cả giai đoạn đấu tranh giành chính quyền cho đến giai đoạn Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh hết sức chú ý đến những nội dung sau:

5.2.1. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Theo Lênin, nguyên tắc tập trung dân chủ là một nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt Đảng, là nguyên tắc cơ bản phân biệt một đảng kiểu mới với một đảng cơ hội của Quốc tế II.

Đảng ta là một Đảng Cộng sản ở một nước nông nghiệp lạc hậu. Dưới sự thống trị của chế độ thực dân, phong kiến, nhân dân không hề có một chút quyền dân chủ nào, dù là dân chủ tư sản, dân chủ tối thiểu của con người. Đồng thời, môi trường và điều kiện xã hội nông nghiệp lạc hậu, giao thông chưa phát triển, tính chất phân tán, cát cứ nặng nề có tác động rất lớn đến tính cách người đảng viên: vừa không quen với lối sống và phong cách dân chủ, vừa không quen với yêu cầu tập trung thống nhất của Đảng.

Do đó, Người rất chú ý đến quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ và đã có những bổ sung, phát triển vào việc xây dựng tổ chức Đảng. Về nguyên tắc này, có lúc Người dùng "dân chủ tập trung", có lúc Người dùng "tập trung

dân chủ", nhưng Người dùng "dân chủ tập trung" nhiều hơn. Đây phải chăng chỉ là vấn đề câu chữ hay cố chủ ý về nội dung và về sự vận dụng nguyên tắc này.

Theo Hồ Chí Minh, dân chủ và tập trung quan hệ gắn bó và thống nhất với nhau trong một nguyên tắc, một mệnh đề thống nhất "dân chủ tập trung" hay "tập trung dân chủ". Dân chủ để đi đến tập trung, là cơ sở của tập trung chứ không phải là dân chủ theo kiểu phân tán, vô tổ chức. Tập trung là tập trung trên cơ sở dân chủ, không phải là tập trung quan liêu theo kiểu độc đoán chuyên quyền.

Người nhấn mạnh: Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, là thành quả của cách mạng. Có dân chủ trong Đảng, mới có dân chủ trong xã hội. Dân chủ gắn với tự do. Người viết: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tự tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người.

Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hoá ra *quyền tự do phục tùng chân lý*¹.

Về tập trung, Người lý giải vì Đảng là một tổ chức chiến đấu chặt chẽ: "Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người"². Phải thống nhất tư tưởng, tổ chức, hành động. Do đó, thiếu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên; tất cả đảng viên phải chấp hành vô điều kiện nghị quyết của Đảng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.878.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.17.

5.2.2. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là vấn đề thuộc về nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Người coi:

"Tập thể lãnh đạo là dân chủ.

Cá nhân phụ trách là tập trung.

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là dân chủ tập trung".

Trong Sửa đổi lối làm việc, Người đã giải thích rất rõ nguyên tắc lãnh đạo này: Phải tập thể lãnh đạo vì một người khôn ngoan, tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu cũng không thể trông thấy và xem xét mọi mặt của vấn đề. Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm, người thấy mặt này, người thấy mặt kia, do đó thấy được mọi mặt, mọi vấn đề... Ý nghĩa tập thể lãnh đạo rất đơn giản, rõ rệt: "khôn bằng khôn độc".

Về cá nhân phụ trách, Người chỉ rõ là việc gì đã được đồng người bàn bạc kỹ lưỡng, kế hoạch định rõ rồi thì cần giao cho một người hay một nhóm người phụ trách. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy, như thế mới tránh được thói ỷ vào người khác, vào tập thể. Không cá nhân phụ trách thì như "nhiều sãi không ai đóng cửa chùa". Người kết luận:

"Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc.

Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc.

Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau"².

Đối với Hồ Chí Minh, nguyên tắc "tập trung dân chủ",

1, 2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.620.

cũng như nguyên tắc "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách" không chỉ nằm trên lý thuyết, hay chỉ để cho người khác chấp hành. Những nguyên tắc đó đã thấm vào tư tưởng, quan điểm, tác phong, nếp sống sinh hoạt của Người. Là người đứng đầu Đảng, bộ máy nhà nước, nhưng Người luôn luôn gắn mình với tập thể, luôn khơi dậy một không khí thật sự dân chủ trong Đảng, trong Trung ương, trong Bộ Chính trị và khi đã có nghị quyết của Đảng thì Người chấp hành một cách nghiêm túc. Người không bao giờ tách mình ra khỏi tập thể, đứng trên tập thể, ngay cả những lúc đòi hỏi có sự quyết đoán của cá nhân, Người cũng ra sức tranh thủ sự đồng tình của tập thể, không bao giờ chuyên quyền, độc đoán.

5.2.3. Tự phê bình, phê bình

Theo Lênin, phê bình và tự phê bình cũng là một nguyên tắc của đảng kiểu mới. Hồ Chí Minh cũng hết sức chú ý vận dụng và phát triển nguyên tắc này. Người gọi đó là luật phát triển của Đảng, là vũ khí để rèn luyện đảng viên, để xây dựng Đảng.

Người đặt "tự phê bình" lên trước "phê bình" vì theo Người, tự phê bình và phê bình trước hết là để soi vào mình, để thấy rõ mình hơn và người khác giúp mình thấy rõ mình hơn, như hằng ngày soi gương, rửa mặt; cốt để phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, để tư tưởng và hành động đúng hơn, tốt hơn, để tiến bộ hơn, làm việc có hiệu quả hơn.

Người nhấn mạnh: "Muốn đoàn kết chặt chẽ trong Đảng, ắt phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình"¹. Người xem tự phê bình

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.9, tr.868.



và phê bình không chỉ là vũ khí xây dựng nội bộ mà còn là nghệ thuật. Đảng phải "luôn dùng và khéo dùng cách phê bình và tự phê bình"¹. Người phê phán thái độ "sợ phê bình", "né nang không phê bình" và đặc biệt phê phán thái độ phê bình để nổi xấu, để công kích, để chửi rủa...

Người nhắc nhở: cán bộ càng cao, đảng viên trách nhiệm càng lớn, càng phải gương mẫu tự phê bình và phê bình. Để tự phê bình và phê bình có hiệu quả, trước hết cái tâm phải trong sáng, cái đầu phải tỉnh táo, "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau"².

Đối với Đảng, Người cho rằng: "một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"³.

5.2.4. *Kỷ luật nghiêm minh và tự giác* cũng là một nguyên tắc của đảng kiểu mới. Xuất phát từ đặc điểm của Đảng ta về thành phần đảng viên, về môi trường xã hội, Người rất coi trọng kỷ luật nghiêm minh và tự giác trong Đảng: "Sức mạnh vô địch của Đảng là ở tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức nghiêm minh của cán bộ, đảng viên".

Kỷ luật của Đảng là kỷ luật nghiêm minh, mọi đảng viên, mọi cấp uỷ dù ở cấp nào cũng đều phải nghiêm túc

1, 8. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.805, 801.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr.622.

tuân thủ, không có loại trừ. "Mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng"¹.

Kỷ luật Đảng bắt nguồn từ tính chất Đảng là tổ chức tự nguyện nên: "Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng"².

Yêu cầu cao nhất của kỷ luật Đảng là chấp hành nghị quyết và tuân thủ nguyên tắc tổ chức của Đảng "tư tưởng thống nhất, hành động thống nhất". Nếu không có kỷ luật, không thống nhất tư tưởng, hành động sẽ "khiến cho Đảng xệch xạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bế tắc"³.

Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những kẻ "hủ bại", những kẻ mang nặng chủ nghĩa cá nhân, công thần, địa vị, thiếu trách nhiệm... làm trái tiêu chuẩn, phẩm chất đảng viên. Do đó Người cũng rất chú ý công tác kiểm tra, xem công tác kiểm tra cũng là một mặt rất quan trọng của công tác Đảng.

5.2.5. Đoàn kết thống nhất trong Đảng

Thống nhất ý chí và hành động là một nguyên tắc của đảng kiểu mới của Lênin.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng và đoàn kết toàn dân tộc là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh. Ở đây xin nêu một số tư tưởng lớn về đoàn kết trong Đảng.

Tình hình càng phát triển, nhiệm vụ càng nặng nề, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở sự thống nhất tư tưởng và hành động lại càng quan trọng, nhất là đối với

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.88.

2, 8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 290, 298.



cán bộ lãnh đạo. Người nhấn mạnh: "Ngày nay, *đoàn kết trong Đảng* là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sự đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ lãnh đạo".

Để bảo đảm đoàn kết, Người thường nêu những yêu cầu:

- Phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình.

- Phải dân chủ, dân chủ chân chính, xây dựng, thật thà phê bình...

- Đoàn kết bằng sự đấu tranh nội bộ, nâng cao kỷ luật và uy tín của Đảng.

- Trước hết phải có lòng thương yêu đồng chí.

Đặc biệt, trong *Di chúc*, khi nói về Đảng, Người hết sức chú ý đến vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng, xem đó là một truyền thống cực kỳ quý báu, phải luôn giữ gìn và phát huy.

5.2.6. *Củng cố quan hệ máu thịt giữa Đảng và dân*

Quan hệ mật thiết giữa Đảng Cộng sản và quần chúng cũng là một nguyên tắc của đảng kiểu mới của Lenin. Với Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, quan hệ giữa Đảng và dân mang nội dung sâu sắc và có những bước phát triển mới.

Trước hết, xuất phát từ đặc điểm của cách mạng Việt Nam và đặc điểm về tính chất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, dân là toàn dân, toàn dân tộc không phân biệt giai cấp, tầng lớp, tôn giáo... cùng tham gia sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trong khối nhân dân ấy, lực lượng nền tảng, nòng cốt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.868.



là công nhân, nông dân, lao động trí óc. Như vậy là khái niệm "Dân" trong cách mạng Việt Nam đã có nội dung khác khái niệm "Dân" trong cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển.

- Đảng lấy "dân làm gốc", Đảng cầm quyền nhưng dân làm chủ, ý Đảng lòng dân là thống nhất. Ngoài quyền lợi của giai cấp, dân tộc, Đảng không có quyền lợi gì riêng của mình, Đảng không ở trên dân mà cũng không ở ngoài dân.

- Đảng viên, cán bộ vừa là người lãnh đạo, vừa là dày tớ của dân, cho nên Đảng phải đặt lợi ích của dân chúng lên trên hết, trước hết; phải "biết ý kiến của dân chúng", lắng nghe ý kiến của quần chúng; phải khiêm tốn học hỏi dân chúng; phải "nâng cao dân chúng" (cả trí tuệ và sức mạnh).

5.3. Vấn đề đảng viên, cán bộ

Trong xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến vấn đề cán bộ, coi cán bộ là cái gốc của mọi công việc. "Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém"¹. Người đã có những luận điểm rất quan trọng về cán bộ trên cả hai phương diện: phẩm chất, tiêu chuẩn cán bộ; bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng cán bộ.

5.3.1. Về phẩm chất, tiêu chuẩn cán bộ

Hồ Chí Minh hết sức chú ý đến tư cách, đạo đức người cán bộ cách mạng, xem đạo đức là "gốc" của người cách mạng.

Thời kỳ thành lập Đảng và đấu tranh giành chính quyền, Người đã nêu những yêu cầu về tư cách đạo đức người cán bộ cách mạng trong trang đầu của *Đường cách mệnh*; trong *Con đường giải phóng* viết năm 1941,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.280.



Người đã dành một chương (trong sáu chương) nói về "Tư cách người cách mạng".

Đặc biệt, sau khi trở thành đảng cầm quyền, Người đã nhìn thấy trước hoàn cảnh mới, người cán bộ, đảng viên có chức có quyền dễ bị tha hoá, biến chất, nên luôn nhắc nhở phải rèn luyện đạo đức cách mạng.

Người vạch rõ: "Có những người trong lúc tranh đấu thì háng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có *ông với cách mạng*. Song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, *không tự giác, mà biến thành người có tội với cách mạng*".

Trong cả cuộc đời lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Người luôn nhấn mạnh phải nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, xem chủ nghĩa cá nhân, tham ô hủ hoá, quan liêu, ... là giặc "nội xâm" cần kiên quyết chống.

Trong khi nhấn mạnh đạo đức là gốc của người cách mạng, Người không coi nhẹ tài năng.

Với mọi cán bộ đảng viên, Người yêu cầu "vững về chính trị, giỏi về chuyên môn" và "nghề nào cũng phải học, phải thông thạo". Người nhắc nhở "không thể lãnh đạo chung chung được nữa" và "chỉ có nhiệt tình không thôi thì chưa đủ, còn phải có tri thức nữa".

Ngoài phẩm chất, năng lực, Người còn yêu cầu người cán bộ cách mạng phải có phong cách công tác khoa học, chống chủ quan, quan liêu đại khái, phô trương, ham chuộng hình thức; chống lối làm việc gặp đâu hay đấy, thiếu kế hoạch, thiếu kiểm tra.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.861.



5.3.2. *Đối với công tác cán bộ, Người cũng có những quan điểm rất cơ bản, đúng đắn:*

Phải công tâm, có lòng thương yêu cán bộ và nắm vững yêu cầu của tổ chức, của Đảng. Hiểu rõ và đánh giá đúng cán bộ mới phát hiện được người có tài để sử dụng, để bạt và mới có cơ sở để bồi dưỡng cán bộ. Khéo sử dụng cán bộ, và đặt người đúng việc, vì việc mà đặt người chứ không phải vì người mà định việc. Người dạy: "người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở"¹ và phê phán: "không biết tùy tài mà dùng người... thợ rèn thì bảo đi đóng tù, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử cả hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà dùng người, thì cả hai người đều thành công"².

Phải "có gan cật nhắc" và chú ý bồi dưỡng, khuyến khích cán bộ. Tránh "rút rề", "quá khe khắt", cũng như tránh "vội vàng", thiếu nghiên cứu, cân nhắc lúc bố trí sắp xếp, để bạt cán bộ. Người nhắc: Để bạt rồi phải theo dõi, bồi dưỡng, giúp cán bộ hoàn thành nhiệm vụ. "Cật nhắc cán bộ, không nên làm như "giã gạo". Nghĩa là trước khi cật nhắc không xem xét kỹ. Khi cật nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá, lại cật nhắc lên"³. Người kết luận: "Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời"⁴.

Trong công tác cán bộ, Người còn lưu ý giải quyết quan hệ giữa cán bộ trẻ và cán bộ già. Phải bố trí sao để hai loại cán bộ này có thể đoàn kết, bổ sung, giúp nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ. Người cũng lưu ý đến việc bồi dưỡng, cật nhắc cán bộ nữ.

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.88, 814, 822, 822.



Với tầm nhìn chiến lược, *Người luôn luôn chú ý đến việc không ngừng chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau*. Người nói: Theo luật tự nhiên, già thì phải yếu, yếu thì phải chết. Nếu không có cán bộ mới thế vào thì ai gánh vác công việc của Đảng.

Ngay từ năm 1925, khi trực tiếp tuyên truyền, tổ chức lực lượng nòng cốt cho cách mạng Việt Nam, Người đã phát hiện và tập trung trước hết vào thanh niên - muốn thức tỉnh cả dân tộc, phải thức tỉnh thanh niên. Sau khi nước nhà giành được độc lập, trước nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc, trong *Thư gửi thanh niên*, Người viết: "Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên"¹.

Trước khi từ biệt thế giới này, Người còn căn dặn: Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết. Với thanh niên, Đảng phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Tóm lại, thắng lợi lịch sử của cách mạng Việt Nam và sự trưởng thành vững mạnh của Đảng ta qua các giai đoạn cách mạng đã chứng tỏ Hồ Chí Minh đã thành công trong xây dựng, rèn luyện Đảng ta. Thực tế đó là căn cứ đáng tin cậy nhất chứng minh sự đúng đắn và ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn của những luận điểm của Người về Đảng, về Đảng cầm quyền đối với sự nghiệp xây dựng Đảng hiện nay và mai sau.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.216.



II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN LƯỢC ĐẠI ĐOÀN KẾT VÀ CHÍNH SÁCH MẬT TRẦN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

Trong suốt cả cuộc đời hoạt động của mình, để đạt đến mục tiêu, lý tưởng cách mạng, cùng với việc khẳng định trước tiên phải có "Đảng cách mạng" để lãnh đạo, dẫn dắt con thuyền cách mạng, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân nhằm tập hợp, huy động mọi lực lượng cách mạng, phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để giành thắng lợi.

Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh trước hết thể hiện tư tưởng nhân văn của Người; là sự kế thừa truyền thống yêu nước, tinh thần cộng đồng của dân tộc Việt Nam, của nền văn hoá Việt Nam, của tư tưởng đoàn kết quốc tế của chủ nghĩa Mác - Lênin; được xây dựng, bổ sung và phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

1. Tư tưởng "Đoàn kết làm ra sức mạnh", "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công"

Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò quan trọng của đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế đối với sự nghiệp cách mạng. Với Hồ Chí Minh, "đoàn kết, đại đoàn kết" là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam; một chiến lược cách mạng - chiến lược huy động, tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được, hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong đấu

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.482.



tranh với kẻ thù dân tộc, giai cấp. Không những thế, tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh còn trở thành đạo lý sống và lối ứng xử Việt Nam.

Người nhắc lại truyền thống đoàn kết là một sức mạnh của dân tộc: "Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn. Lịch sử ngàn năm của dân tộc Việt Nam đã ghi những trang cảnh liệt của nhân dân đấu tranh để xây dựng nước nhà và bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc mình.

Ca dao có câu:

Nhiều điều phải lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Câu đó nói lên sự đoàn kết chặt chẽ của nhân dân trong đấu tranh¹.

Trong diễn ca *Lịch sử nước ta*, Người mở đầu bằng bốn câu:

"Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

Kể năm hơn bốn ngàn năm,

Tổ tiên rục rờ anh em thuận hoà"².

Và Người kết thúc bằng hai câu nhấn mạnh bài học "chữ đồng":

"Dân ta xin nhớ chữ đồng:

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng đồng minh!"³.

Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người vạch âm mưu "chia để trị" của chủ nghĩa thực dân Pháp và khẳng định yêu cầu khách quan của đại đoàn kết dân tộc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.29.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.259, 266.

để chiến thắng kẻ thù: "Chủ nghĩa thực dân Pháp không hề thay đổi cái châm ngôn "chia để trị" của nó. Chính vì thế mà nước An Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm xẻ bảy. Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguội được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người An Nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau"¹.

Người cũng chỉ rõ tình trạng các thuộc địa rộng lớn không phát huy được sức mạnh của mình vì thiếu đoàn kết: "chỉ nói đến những nước thuộc địa và nửa thuộc địa có một diện tích rộng hơn 15 triệu km², với số dân hơn 1.200 triệu người, tất cả những nước rộng lớn ấy ngày nay đều đang ở dưới ách của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Và mặc dù số lượng của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa thực sự mưu đồ tự giải phóng khỏi ách đó, và vì họ chưa hiểu giá trị của sự đoàn kết quốc tế, nên họ chưa biết đoàn kết nhau lại để đấu tranh"².

Từ bài học lịch sử và thực tiễn phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới, Người rút ra kết luận có tính chân lý:

"Đoàn kết làm ra sức mạnh"; "Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta"³; "Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công"⁴; "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết;

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.125.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.828.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.145.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.186.

Thành công, thành công đại thành công¹⁴.

Trong công tác thực tế vận động cách mạng, Người còn xem đại đoàn kết như *một mục tiêu, một nhiệm vụ, một công tác hàng đầu*. Tại Đại hội II Đảng Lao động Việt Nam, Người xác định: "Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gói gọn trong 8 chữ là:

ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG BỤ TỔ QUỐC"¹⁵.

Nói chuyện với cán bộ tuyên huấn miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Người chỉ rõ: "Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: *Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích tuyên truyền huấn luyện là: Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà*"¹⁶.

Không những đề cập đến tinh thần đoàn kết, đại đoàn kết của toàn dân tộc, mà Người còn vạch rõ phải đoàn kết trong mọi lực lượng, mọi tổ chức: đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết nội bộ Đảng, nội bộ cán bộ nhà nước, đoàn kết quốc tế... hình thành một hệ thống, một tổng thể sức mạnh to lớn của cách mạng.

1.1. *Về đoàn kết dân tộc*: Người cho đây là yêu cầu chung nhất, cao nhất, vì có đoàn kết toàn dân tộc thì mới chiến thắng được kẻ thù của dân tộc và mới chiến thắng được nghèo nàn, lạc hậu. Theo Người, đoàn kết dân tộc là đoàn kết rộng rãi, không phân biệt bất cứ một ai, miễn là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.18, tr.119.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.7, tr.49.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.14, tr.161.

người Việt Nam yêu nước, chống đế quốc, tán thành xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Tại Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh - Liên Việt (tháng 8-1951), Người nêu: "Trong Đại hội này, chúng ta có đại biểu đủ các tầng lớp, các tôn giáo, các dân tộc, già có, trẻ có, nam có, nữ có, thật là một gia đình tương thân, tương ái. Chắc rằng sau cuộc Đại hội, mỗi đoàn kết thân ái sẽ phát triển và củng cố khắp toàn dân..."¹.

Trong bài nói chuyện tại lớp bồi dưỡng cán bộ về công tác Mặt trận (tháng 8-1962), Người chỉ rõ: "Chủ nghĩa Mác - Lênin dạy chúng ta rằng: Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù. Mọi người yêu nước và tiến bộ là bạn ta. Đế quốc Mỹ, bọn tay sai của Mỹ, bọn phản cách mạng là kẻ thù của ta"². Người yêu cầu: "Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các *tầng lớp nhân dân*..., đoàn kết tốt các *đảng phái*, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ... đoàn kết các *dân tộc anh em*, cùng nhau xây dựng Tổ quốc... đoàn kết chặt chẽ giữa *đồng bào lương* và *đồng bào các tôn giáo*, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận, ấm no, xây dựng Tổ quốc"³.

Người cũng chỉ rõ nền tảng của đoàn kết dân tộc là "phải dựa vào giai cấp công nhân, lấy liên minh công nông làm nền tảng vững chắc để đoàn kết các tầng lớp khác trong nhân dân"⁴. Về sau, Người nêu thêm, lấy liên minh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.48.

2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.458, 458-454, 458.

công - nông - lao động trí óc làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân.

1.2. Đoàn kết nội bộ Đảng, nội bộ đội ngũ cán bộ: Đây là vấn đề Người rất quan tâm vì đoàn kết nội bộ Đảng, nội bộ cán bộ là chỗ dựa, là cơ sở để đoàn kết dân tộc. Nhiều lần, Người chỉ rõ: "Đảng ta là một Đảng lãnh đạo. Tất cả cán bộ và đảng viên dù ở cương vị khác nhau, làm công tác khác nhau, cũng đều phải đoàn kết nhất trí để làm tròn nhiệm vụ của Đảng giao cho"¹.

Trong Di chúc, Người lại viết: "TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"².

Trong đội ngũ cán bộ, Người dạy: Nội bộ phải đoàn kết chặt chẽ từ tỉnh, huyện đến xã. Nếu người ý kiến này, kẻ ý kiến khác, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, chẳng những hại đến nội bộ mà còn hại đến nhân dân nữa.

Đối với quân đội, Người dạy: "Phải đoàn kết chặt chẽ giữa cán bộ và chiến sĩ giữa bộ đội với nhau, giữa nhân dân với bộ đội"³.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.14, tr.186, 574.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr.621-622.

1.3. *Đoàn kết quốc tế*: Người hết sức quan tâm đến xây dựng khối đoàn kết quốc tế trên cơ sở tình hữu ái giai cấp - dân tộc, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, có lý có tình. Đoàn kết quốc tế chính là cơ sở để thực hiện bài học: Phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc và của thời đại để chiến thắng kẻ thù.

2. Về chính sách Mặt trận Dân tộc thống nhất

Như trên đã trình bày, tư tưởng đoàn kết, đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành một chiến lược cách mạng, trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân ta. Tư tưởng đoàn kết, đại đoàn kết không thể chỉ đứng lại ở quan niệm, ở tư tưởng mà phải biến thành sức mạnh vật chất, thành lực lượng vật chất được quy tụ trong Mặt trận Dân tộc thống nhất.

Theo Hồ Chí Minh thì "Chính sách mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng"¹. Người vạch rõ: "Đảng ta có chính sách Mặt trận Dân tộc đúng đắn, cho nên đã phát huy được truyền thống đoàn kết và yêu nước rất vẻ vang của dân tộc ta"².

Đánh giá kết quả của chính sách Mặt trận Dân tộc thống nhất của Đảng ta qua các giai đoạn cách mạng, Người viết:

"Đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, nhân dân ta đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đoàn kết trong Mặt trận Liên - Việt, nhân dân ta đã

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.458.



kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc.

Đoàn kết trong Mặt trận *Tổ quốc Việt Nam*, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc¹.

Về Mặt trận giải phóng miền Nam, Người nêu: "Mặt trận Dân tộc giải phóng" với chương trình hoạt động thiết thực và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Do đó, có thể đoán rằng đồng bào miền Nam nhất định sẽ thắng lợi, nước nhà nhất định sẽ thống nhất, Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà"².

Khác với quan điểm cho rằng trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ còn hai giai cấp công nhân - nông dân và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, vì vậy không còn và không có vấn đề dân tộc, vấn đề Mặt trận Dân tộc thống nhất, nêu ra vấn đề dân tộc, Mặt trận Dân tộc là coi nhẹ vấn đề giai cấp, là dân tộc chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam"³. Và suốt quá trình hoạt động của mình, Người không ngừng đấu tranh, vun đắp cho sự lớn mạnh, phát triển, tăng cường ảnh hưởng của Mặt trận đối với cách mạng Việt Nam. Trong các giai đoạn của cách mạng, Mặt trận luôn bao gồm rộng rãi những tổ chức, những tầng lớp, những cá nhân tán thành sự nghiệp của Đảng, của dân tộc.

1, 2, 8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.452, 119, 458.

Tại Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt (ngày 3-3-1951), sau khi biểu dương thắng lợi to lớn của chính sách Mặt trận Dân tộc thống nhất, Người phát biểu: "Lòng sung sướng ấy là chung của cả toàn dân, của cả Đại hội, nhưng riêng cho tôi là một sự sung sướng không thể tả. Một người đã cùng các vị tranh đấu trong mấy nhiều năm cho khối đại đoàn kết toàn dân. Hôm nay, trông thấy rừng cây đại đoàn kết ấy đã nở hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân, và nó có một cái tương lai "trường xuân bất lão"¹.

Về cương lĩnh và tổ chức của Mặt trận

Như trên đã nêu, chính sách Mặt trận Dân tộc thống nhất là chính sách rất quan trọng tập hợp mọi lực lượng của dân tộc - không bỏ sót một lực lượng nào, một cá nhân nào, một bộ phận nào, đoàn kết chặt chẽ trong một tổ chức có cương lĩnh, điều lệ dân chủ, thống nhất; hình thành một lực lượng to lớn, thân ái, động viên thúc đẩy nhau, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt do Đảng Cộng sản đề ra và được Đại hội Mặt trận chấp nhận, thành cương lĩnh, nhiệm vụ của mình.

Để thu hút được đông đảo các giai cấp, các tầng lớp, các tôn giáo, các dân tộc, các lứa tuổi, không phân biệt nam nữ... *cương lĩnh của Mặt trận phải thể hiện nguyên tắc: "Trên vì nước, dưới vì nhà, một là ích nước, hai là lợi dân"*.

Ở mỗi thời kỳ, Người đều chỉ đạo cụ thể việc xây dựng Mặt trận với cương lĩnh và tổ chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ đó.

Từ Mặt trận Việt Minh, được phát triển mở rộng thành

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.47.



Mặt trận Liên Việt, khi hòa bình lập lại, để thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, Người chủ trương lập Mặt trận Tổ quốc và sau đó thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng ở miền Nam. Tư tưởng của Người là: "Mặt trận dân tộc thống nhất cần mở rộng hơn nữa, củng cố hơn nữa, đoàn kết tất cả những người thật sự yêu Tổ quốc, yêu hòa bình, không phân biệt họ thuộc đảng phái nào, tôn giáo nào, tầng lớp nào và quá khứ họ đã hợp tác với phe nào.

Trên nền tảng vững mạnh là lực lượng vô địch của tối đại đa số nhân dân ta (tức là giai cấp công, nông) với một cương lĩnh rộng rãi và một chính sách đúng đắn, với sự đoàn kết nhất trí của tất cả những người xứng đáng là con Lạc cháu Hồng - Mặt trận nhất định sẽ thành công trong việc đánh tan âm mưu Mỹ và bẻ gãy tay sai của chúng và thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước Việt Nam yêu quý của chúng ta"¹.

Về nguyên tắc đoàn kết và phương pháp hoạt động của Mặt trận

Dựa vào điều kiện phát triển của cách mạng Việt Nam là một quá trình cách mạng không ngừng từ cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội theo đường lối thống nhất, nhất quán của Đảng Cộng sản, *Hồ Chí Minh quan niệm Mặt trận là một chiến lược cơ bản, lâu dài trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Để giải phóng dân tộc, phải đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân trong một Mặt trận dân tộc rộng rãi.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr.119-120.

Trong xây dựng đất nước càng phải tăng cường đoàn kết dân tộc.

Phương châm là:

- Đoàn kết lâu dài, đoàn kết chặt chẽ.
- Đoàn kết thực sự, đoàn kết chân thành.
- Thân ái giúp đỡ nhau, cùng nhau tiến bộ.

Để đi đến đoàn kết và càng đoàn kết hơn nữa, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta phải dùng phương pháp: *vận động, giáo dục, thuyết phục, nêu gương, kêu gọi lòng tự giác, tự nguyện*; hết sức tránh gò ép, quan liêu, mệnh lệnh...

Muốn vậy, trước hết phải có lòng tin tưởng ở tinh thần yêu nước, truyền thống nhân ái của dân tộc. Người cán bộ: Với người có một thời lầm lạc, phải thương yêu họ, giúp đỡ họ, coi họ như một ngón tay, dù ngắn, dù dài, dù to, dù nhỏ, cũng là ngón tay trong một bàn tay. Người cũng chỉ rõ: "Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bốn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến"¹.

Lấy lòng chân thành để đổi xử cảm hoá. Với lòng nhân ái, tinh thần nhân văn, đạo đức trong sáng, thái độ chân thành, thẳng thắn, Hồ Chí Minh có sức cảm hoá rất lớn đối với mọi người, ngay cả đối với những nhân sĩ, thân sĩ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.88-89.



có học vị, chức tước dưới triều đại cũ, những người từng đứng trong hàng ngũ kẻ thù...

Phát huy dân chủ, đẩy mạnh phê bình, tự phê bình, biểu dương cái đúng cái tốt, phê phán ngăn chặn cái sai, cái xấu. Người cán bộ: Các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận phải thân ái giúp đỡ lẫn nhau, thật thà học tập những ưu điểm và phê bình những khuyết điểm của nhau để cùng tiến bộ.

Đảng lãnh đạo Mặt trận, nhưng là một bộ phận của Mặt trận. *Sự đoàn kết của Đảng là hạt nhân của đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, ra sức tăng cường đoàn kết nội bộ và có thái độ đoàn kết chân thành, hiểu biết lẫn nhau, thực sự tôn trọng các tổ chức, các thành viên của Mặt trận.*

Tóm lại, tư tưởng đại đoàn kết và tư tưởng về Mặt trận Dân tộc thống nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là rất sâu sắc, độc đáo, đúng đắn, sáng tạo. Tư tưởng đó đã thực sự chuyển thành chiến lược đại đoàn kết, thành chính sách Mặt trận của Đảng ta, đã được Đảng ta vận dụng đúng đắn, sáng tạo, toàn dân ta hưởng ứng trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng của dân tộc. Tư tưởng đó đã tạo nên sức mạnh to lớn của dân tộc ta, nhân dân ta, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tư tưởng nhân ái, nhân văn, tinh thần yêu nước nồng nàn, đạo đức, phẩm chất cách mạng trong sáng, cao đẹp... đã luôn luôn là hiện thân của khối đại đoàn kết dân tộc, là ngọn cờ quy tụ sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC

Suốt 24 năm đứng đầu Nhà nước, Người đã trực tiếp lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam Á.

Trên cơ sở thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam và trực tiếp lãnh đạo chính quyền, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước được bổ sung, phát triển và là một bộ phận quan trọng của hệ tư tưởng Hồ Chí Minh, đã chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và hoạt động của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề Nhà nước rất rộng lớn, phong phú. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến những quan điểm cơ bản nhất:

1. Nhà nước của dân, do dân, vì dân do giai cấp công nhân lãnh đạo

Trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm cách mạng thế giới vào điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: *chính quyền Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là nhà nước dân chủ, nhà nước của dân, do dân và vì dân; cơ sở xã hội của Nhà nước là toàn dân tộc, nền tảng là liên minh công - nông, lao động trí óc dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.*

Chính cương vắn tắt (2-2-1930) đã xác định nhiệm vụ chính trị của cách mạng Việt Nam là: "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến... Làm cho nước Nam được

hoàn toàn độc lập... Dựng ra Chính phủ công nông binh... Tổ chức ra quân đội công nông"¹.

Đến tháng 5-1941, Nghị quyết Trung ương 8 đã khẳng định rõ về chế độ chính trị và chính quyền Việt Nam là: "sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung của cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ số bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù"².

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, nhân dân ta đã đập tan xiềng xích Nhật - Pháp, lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Về thể chế của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hiến pháp 1946 ghi: "Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa.

Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo" và "Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia"³.

Năm 1960, đánh giá kết quả của sự kiện này, Người viết:

"Chế độ do Hiến pháp năm 1946 xác nhận đã bảo đảm độc lập dân tộc và một nền dân chủ rộng rãi của nhân dân... Đó là một chế độ dân chủ mới"⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.1.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.114.

3. *Hiến pháp Việt Nam (Năm 1946, 1959, 1980 và 1992)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.8.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.866.

Sự khác biệt giữa nhà nước dân chủ kiểu cũ và nhà nước dân chủ kiểu mới là ở điểm cơ bản: nhà nước dân chủ kiểu cũ là dân chủ tư sản, mang bản chất giai cấp tư sản; còn nhà nước dân chủ mới là dân chủ của nhân dân, mang bản chất giai cấp công nhân, là kết quả của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân. Đó là nhà nước của dân, do dân, vì dân; dân chủ với nhân dân và chuyển chính với kẻ thù của nhân dân.

1.1. Nhà nước của dân có nghĩa là "bao nhiêu quyền hạn đều là của dân". Những người ở trong bộ máy nhà nước, bộ máy quyền lực, dù ở cấp nào cũng đều là "đầy tớ của dân", đều do dân cử ra một cách trực tiếp hay gián tiếp để đại biểu cho dân mà thực thi quyền lực. Dân có quyền giám sát, bãi miễn những người trong bộ máy nhà nước do mình bầu ra mà không làm tròn trách nhiệm đại biểu quyền lực cho dân.

Người đại diện cho dân nắm quyền nếu không có đạo đức, phẩm chất, không nhận thức đúng vị trí, trách nhiệm của mình và không có cơ chế bảo đảm chặt chẽ thì rất dễ rơi vào tình trạng "lạm quyền", "đứng trên dân", "ức hiếp dân". Do đó, Người luôn nhắc nhở trách nhiệm làm người đại biểu của dân và nghiêm khắc phê phán những hiện tượng vi phạm quyền lực của dân.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ trên lời nói mà trong mọi việc làm từ nhỏ đến lớn, Người đều tôn trọng quyền dân chủ của dân. Ngay đối với chức vụ cao cả là Chủ tịch nước mà toàn dân tín nhiệm trao cho Người, Người cũng quan niệm đó là: "người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận"¹.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.187.



1.2. *Nhà nước do dân*: "Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên"¹. Dân bầu ra người đại diện cho mình để cầm quyền, đồng thời dân có quyền kiểm soát, giám sát người mình bầu ra và bãi miễn khi họ không làm tròn sự uỷ thác, đại diện.

"Dân như nước, mình như cá", "Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết", "Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân", Nhà nước muốn điều hành, quản lý xã hội có hiệu lực, hiệu quả, nhất định phải dựa vào dân. "Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân... Chính phủ chỉ giúp kế hoạch, cổ động"², chứ không phải bao cấp, làm thay dân để làm cho dân ỷ lại, chờ đợi.

1.3. *Nhà nước vì dân*: "Bao nhiêu lợi ích đều vì dân". Do đó, "việc gì có lợi cho dân, thì phải làm cho kỳ được. Việc gì hại cho dân, thì phải hết sức tránh"³.

Người yêu cầu mọi chủ trương chính sách, mọi quy định của pháp luật, pháp lệnh đều phải xuất phát từ lợi ích của dân. Cả lợi ích trước mắt và lâu dài; cả lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội trong sự kết hợp hài hoà. Mọi cán bộ nhà nước đều vì dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng suốt đời vì Tổ quốc, vì nhân dân. Suốt đời Người chỉ có một mục đích, một ham muốn tốt bậc là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

1, 8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.6, tr.282, 482.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.5, tr.81.

Về mối quan hệ giữa nhân dân và Chính phủ, Người chỉ rõ: "Chế độ ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân lại có nhiệm vụ giúp đỡ Chính phủ, theo đúng kỷ luật của Chính phủ và làm đúng chính sách của Chính phủ, để Chính phủ làm tròn phận sự mà nhân dân đã giao phó cho"¹.

Của dân, do dân, vì dân là những nội dung thuộc về bản chất và là những phẩm chất gắn bó chặt chẽ của nhà nước kiểu mới của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân.

Tư tưởng nhà nước "thân dân", nhà nước của dân... đã sớm xuất hiện ở những nhà chính trị kiệt xuất trong lịch sử Việt Nam. Nhưng đến Hồ Chí Minh, tư tưởng nhà nước dân chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân, mới được thể hiện và phát triển sâu sắc, phong phú về nội dung, chất lượng; trở thành một quan điểm cách mạng, khoa học về bản chất Nhà nước của nhân dân Việt Nam trong thời đại mới. *Tư tưởng đó đã chỉ đạo sự nghiệp xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mấy chục năm qua và đang là phương hướng của Đảng ta trong xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa hiện nay.*

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước của dân, do dân, vì dân, về bản chất là nhà nước của giai cấp công nhân và của toàn dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.9, tr.90.



Khái niệm "Dân" nói ở đây bao gồm những ai? Những giai cấp, tầng lớp nào? Đó chính là vấn đề cơ sở xã hội của Nhà nước. Nhà nước bảo vệ quyền lợi cho ai? Và dựa vào sức mạnh của ai? Của những giai cấp, tầng lớp nào?

Thật vậy, "Dân" là một khái niệm lịch sử tùy theo tình hình kinh tế - chính trị - xã hội và giai cấp thống trị ở mỗi nước trong từng giai đoạn lịch sử mà khái niệm dân có thể có nội dung rộng hẹp khác nhau.

"Dân" trong mệnh đề "Nhà nước của dân, do dân, vì dân", "dân làm chủ" mà Hồ Chí Minh sử dụng... là "toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo"¹. Chỉ trừ những kẻ phản bội, làm tay sai cho đế quốc và đi ngược lại quyền lợi, nguyện vọng của nhân dân, dân tộc, đi ngược lại con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, Người không xem "Dân", "Nhân dân"... là một khối đồng nhất mà là cộng đồng bao gồm nhiều dân tộc, giai cấp, tầng lớp. Mỗi giai cấp, tầng lớp bên cạnh những lợi ích chung, vẫn có lợi ích riêng, có vai trò và thái độ khác nhau đối với sự phát triển xã hội, với cách mạng. Ở một nước thuộc địa nửa phong kiến như nước ta, nói đến dân thực chất cũng là nói đến tuyệt đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân, là nhân dân lao động. Công nhân, nông dân, lao động trí óc là lực lượng trực tiếp sản xuất, chịu áp bức bóc lột nặng nề nhất đồng thời cũng có tinh thần và tiềm lực cách mạng to lớn nhất nên phải là nền tảng của khối đoàn kết toàn dân.

Ở đây, thể hiện rõ sự thống nhất giữa giai cấp và dân tộc

1. *Hiến pháp Việt Nam (Năm 1946, 1960, 1980 và 1992)*, Sđd, tr.8.

trong việc xác định bản chất giai cấp và cơ sở xã hội của Nhà nước.

Thể hiện tư tưởng ấy, Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2-1951) đã nêu rõ: "Chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính quyền dân chủ nhân dân, nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước tiến bộ. Những tầng lớp nhân dân ấy chuyên chính với đế quốc xâm lược và bọn phản quốc. Cho nên nội dung chính quyền đó là nhân dân dân chủ chuyên chính... Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân tộc thống nhất, lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo"¹.

Khi miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hiến pháp 1959 đã khẳng định: "*Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân... Đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có thể bị cử tri bãi miễn trước khi hết nhiệm kỳ nếu tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân... Tất cả cơ quan Nhà nước đều phải dựa vào nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân*"².

Cách mạng Việt Nam phát triển theo quy luật cách mạng không ngừng: từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.12, tr.487.

2. Xem Hiến pháp Việt Nam (Năm 1945, 1960, 1980 và 1992), Sđd, tr.88.

cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cùng với sự phát triển của mỗi giai đoạn cách mạng, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức cụ thể của Nhà nước cũng có sự biến đổi, phát triển để làm tròn chức năng, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới.

Theo lý thuyết và thực tiễn ở một số nước, một số cuộc cách mạng thì khi cách mạng chuyển sang một giai đoạn mới, cơ sở xã hội của Nhà nước phải thu hẹp... vì một số giai cấp, tầng lớp có quyền lợi riêng của mình đối lập với mục tiêu của giai đoạn mới, nên không còn khả năng cách mạng, trở thành lực lượng cản trở, đứng ngoài, thậm chí đối lập với cách mạng. Ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta thì tính chất cơ bản của nhà nước ta vẫn là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Cơ sở xã hội - giai cấp của Nhà nước vẫn là khối đại đoàn kết dân tộc, trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân, lao động trí óc do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Cơ sở ấy không thu hẹp mà còn phát triển về chất lượng. Cách mạng không gạt bỏ một giai cấp, một tầng lớp nào đã đứng trong hàng ngũ Mặt trận Dân tộc thống nhất, mà hết sức bồi dưỡng, cải tạo, đùm dặt để mọi giai cấp, tầng lớp và mọi người tiếp tục đi theo con đường cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta vạch ra, tiếp tục góp phần cống hiến vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới vì lợi ích của cá nhân, của cộng đồng và của toàn dân tộc. Đây là một sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh và của Đảng ta.

2. Tư tưởng pháp quyền và nhà nước pháp quyền

2.1. Trăm điều phải có thần linh pháp quyền

Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thức được vai trò của pháp luật trong điều hành, quản lý xã hội.

Ngay từ năm 1919, trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gồm 8 điều gửi những người đứng đầu các nước thắng trận họp hội nghị ở Vécxây, thì đã có 4 điều liên quan đến vấn đề pháp quyền, như Điều 1: yêu cầu ân xá tất cả chính trị phạm; Điều 2: đòi cải cách nền công lý ở Đông Dương, cho người bản xứ được hưởng những bảo đảm về mặt pháp luật như người Âu châu, xóa bỏ hoàn toàn và triệt để các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam; Điều 7: thay thế chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật; Điều 8: có đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ do người bản xứ bầu ra tại Nghị viện Pháp để giúp Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.

Để dễ phổ biến và tuyên truyền rộng rãi trong người Việt Nam, Người đã chuyển bản *Yêu sách* thành "Việt Nam yêu cầu ca". Trong đó có câu:

"Bấy xin hiến pháp ban hành,

Trăm đều phải có thần linh pháp quyền"².

Những điều nêu trong *Yêu sách* đã chứng minh là *Người đã chú ý sớm đến pháp luật, đến công lý, đến quyền con người*. Và tư tưởng: "Trăm đều phải có thần linh pháp quyền" là một tư tưởng rất đặc sắc của Hồ Chí Minh, chứng tỏ Người đã thấy tầm quan trọng của một nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật.

Sau này, trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, trên cương vị người đứng đầu Nhà nước, những suy nghĩ chủ trương, chính sách do Người đề ra đã cho chúng ta thấy *Người có một tầm hiểu biết sâu sắc về*

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.469-470.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.478.



Nhà nước, về pháp luật; đặc biệt quan tâm đến xây dựng nhà nước hợp pháp, hợp hiến và đặt nền móng cho một Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

2.2. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải là một nhà nước hợp pháp, hợp hiến

Như đã trình bày, trên cơ sở kế thừa truyền thống học tập tinh hoa văn hoá pháp luật của các nước với các chế độ khác nhau, khi trở về nước chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, Hồ Chí Minh đã có một nhận thức rõ ràng về Nhà nước Việt Nam: *một chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân phải là một chính quyền hợp pháp, hợp hiến.*

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, khi cuộc đảo chính Nhật đổ với Pháp nổ ra vào ngày 9-3-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng ta đã đề ra chủ trương: "Thành lập chính quyền cách mạng" ở các căn cứ địa, các khu giải phóng.

Đầu tháng 8-1945, mặc dù tình hình rất khẩn trương, việc liên lạc với các địa phương trong cả nước rất khó khăn, Người vẫn kiên quyết triệu tập Đại hội quốc dân Tân Trào, cử ra "Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam". Lần đầu tiên một tổ chức có tính chất "tiền Chính phủ" được đại biểu của nhân dân bầu ra bảo đảm tính hợp pháp để lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh giành độc lập. Người vạch rõ: "ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG VIỆT NAM cũng như Chính phủ lâm thời của nước ta lúc này. Hãy đoàn kết chung quanh nó, làm cho chính sách và mệnh lệnh của nó được thi hành khắp nước"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.7, tr.418.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Người nêu vấn đề là cần phải có một bản tuyên ngôn độc lập để tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới về sự "khai sinh" của nước Việt Nam mới. Trước khi quân Đồng minh vào tước khí giới của quân Nhật, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, trước cuộc mít tinh đông đảo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* và công bố danh sách Chính phủ lâm thời với quốc dân đồng bào và thế giới.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là một áng hùng văn của thời đại, nói lên sức mạnh kỳ diệu của cả một dân tộc, trong khoảnh khắc của lịch sử đã vùng lên đập tan xiềng xích hàng trăm năm nô dịch của đế quốc thực dân, hàng nghìn năm thống trị của chế độ phong kiến, mở ra một kỷ nguyên mới cho Tổ quốc Việt Nam.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập khẳng định nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là hợp pháp, Chính phủ lâm thời do Người đứng đầu, do cuộc cách mạng của nhân dân lập nên là hợp pháp, hợp công lý.* Bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam là văn kiện chính trị, mang tính pháp lý đặc biệt. Nhiều nhà nghiên cứu pháp lý cho bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam có giá trị đóng góp vào nền pháp lý tiến bộ của loài người. Điều đó chứng minh sự sáng suốt, nhạy bén về pháp lý và tầm nhìn chiến lược của Người.

Một nhà nước dân chủ, hợp pháp phải là một nhà nước thật sự đại diện cho dân, do toàn dân cử ra và quản lý xã hội bằng pháp luật. Xuất phát từ tư tưởng đó, sau ngày công bố *Tuyên ngôn Độc lập*, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Người đề xuất sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó nhiệm vụ thứ ba là "phải có một hiến pháp dân chủ" và

mặc dầu tình hình đất nước đang đứng trước muôn vàn khó khăn, Người vẫn đề nghị tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử. Người nói: "Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu"¹.

Trong thể lệ Tổng tuyển cử, Người nêu: "Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu, nghèo, tôn giáo, dòng giống...". Đây thực sự là một thể lệ bầu cử dân chủ nhất lúc bấy giờ so với các nước Đông - Nam Á và so với cả các nước phương Tây.

Mặc dầu đế quốc Pháp và những thế lực phản động ra sức phá hoại, cuộc Tổng tuyển cử (ngày 6-1-1946) vẫn được nhân dân khắp đất nước ta hưởng ứng nhiệt liệt và đã có trên 90% cử tri đi bỏ phiếu. Ở nhiều nơi, cuộc Tổng tuyển cử đã diễn ra trong tiếng súng và sự uy hiếp của kẻ thù, hàng trăm cán bộ và nhân dân đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ bầu cử.

Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử dân tộc ta đã thành công tốt đẹp, đã bầu ra được 333 đại biểu Quốc hội. Trong phiên họp đầu tiên, Quốc hội đã nhất trí bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến.

Thắng lợi của Tổng tuyển cử chứng tỏ niềm tin sâu sắc của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào nhân dân và

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.7.



lòng tin mãnh liệt của nhân dân vào Chủ tịch Hồ Chí Minh và lực lượng cách mạng do Người đứng đầu; đồng thời cũng chứng tỏ ý thức sâu sắc của Người về tầm quan trọng của một Chính phủ dân cử hợp pháp, và quyết tâm biến nó từng bước thành một chính quyền của nhân dân vững mạnh.

2.3. Nhà nước phải được điều hành bằng pháp luật kết hợp với giáo dục đạo đức, nâng cao giác ngộ cho nhân dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một nhà nước mạnh trước hết là một nhà nước thực sự đại biểu cho quyền lợi của nhân dân, thực sự do nhân dân lập ra, được nhân dân ủng hộ, vun đắp và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của nhân dân. *Đồng thời, đó phải là một nhà nước tập trung, có một bộ máy hành chính mạnh, hiệu lực, được quản lý, điều hành bằng pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu quả thực tế.* Dân chủ và tập trung, dân chủ và pháp luật phải luôn đi đôi, gắn bó, nương tựa vào nhau. Mọi quyền dân chủ phải được thể chế hoá bằng Hiến pháp, pháp luật và mọi công dân đều phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật. Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Nhân dân ta hiện nay có tự do, tự do trong kỷ luật: Mỗi người có tự do của mình, nhưng phải tôn trọng tự do của người khác. Người nào sử dụng quyền tự do của mình quá mức là phạm đến tự do của người khác, là phạm pháp.

Theo Người, một xã hội có trật tự kỷ cương, một nhà nước mạnh, có hiệu lực *phải quản lý bằng pháp luật, không một giờ, một phút nào thiếu pháp luật, coi thường pháp luật.* Không quản lý nhà nước bằng pháp luật sẽ

dẫn đến sơ hở, cán bộ dễ sinh lạm dụng quyền lực, vi phạm quyền dân chủ của dân, cũng như công dân dễ có hành vi xâm phạm tự do của người khác, của cộng đồng và xã hội, dẫn đến hỗn loạn, vô Chính phủ. Chính vì vậy, khi chưa xây dựng được Hiến pháp mới và hình thành hệ thống pháp luật mới, Người đề nghị vận dụng những điều luật cũ còn tương đối phù hợp với tình hình mới, trừ bỏ những điều vi phạm hoặc trái với chủ quyền của nhân dân.

Đồng thời, Người đã khẩn trương tổ chức soạn thảo Hiến pháp mới. Bản Hiến pháp đã được kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa I thảo luận dân chủ và thông qua vào tháng 10-1946. Trong lời bế mạc, Người đánh giá: "... Quốc hội đã thu được một kết quả làm vẻ vang cho đất nước là đã thảo luận xong bản Hiến pháp. Sau khi nước nhà mới tự do được 14 tháng, đã làm thành được bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà. Bản Hiến pháp đó còn là một vết tích lịch sử, Hiến pháp đầu tiên trong toàn cõi Á Đông".

Người cũng đã chủ trì soạn thảo bản *Hiến pháp sửa đổi năm 1959* khi miền Bắc chuyển sang giai đoạn mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Về các Hiến pháp năm 1946 và năm 1959, giới nghiên cứu và công tác trong ngành tư pháp hiện nay có nhận định: "Lần lượt trong nửa thế kỷ, từ Hiến pháp đầu tiên đến Hiến pháp năm 1992, chúng ta có bốn Hiến pháp đánh dấu những chuyển biến lớn trong lịch sử cách mạng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.491.



Việt Nam. Trong đó, bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 là rất Việt Nam, mang đậm dấu ấn dân tộc và sắc thái phương Đông, đồng thời có vận dụng nhiều kinh nghiệm của Pháp, có một phần của Mỹ về tổ chức nhà nước, thực sự biểu hiện tư duy độc lập sáng tạo của Hồ Chí Minh, của Đảng và nhân dân ta về vấn đề Nhà nước. Đến Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp thể chế hoá đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước thì mô phỏng gần như hoàn toàn mô hình Xôviết¹.

Sau Nghị quyết Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam, với tinh thần đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Hiến pháp 1992 trên nhiều mặt trở lại với mô hình Hiến pháp năm 1946 và năm 1959. Các nhà nghiên cứu pháp luật và thực thi pháp luật hiện nay đã đưa ra nhận xét: "Hiến pháp năm 1992 đã quay lại một số thiết chế của Hiến pháp năm 1946 và năm 1959, chứng minh tính chân lý của Hồ Chí Minh về cơ cấu tổ chức nhà nước, không chỉ về tổ chức bộ máy nhà nước mà cả trên nhiều quy định về chế độ kinh tế"².

Trong những năm trực tiếp lãnh đạo Nhà nước, *Người đã từng bước xây dựng hệ thống pháp luật*, ngoài hai bản Hiến pháp, Người đã công bố 18 đạo luật và gần 1.300 văn bản dưới luật khác. Ở đây có điểm đáng chú ý là trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, Điều 7 yêu cầu phải "*thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*" vì cai trị bằng luật mới thể hiện được chế độ

1, 2. Xem: "Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh và Nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân", Bộ Tư pháp, Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, 1998.

dân chủ. Nhà nước của ta trong thời kỳ kháng chiến, do điều kiện, hoàn cảnh đi lại khó khăn, không thể thực hiện định kỳ họp Quốc hội thông qua các đạo luật, nên phải sử dụng chế độ sắc lệnh để điều hành công việc của đất nước. Để khắc phục khó khăn đó và để bảo đảm sắc lệnh phản ánh đúng yêu cầu quyền lợi của nhân dân, của cách mạng. Người hết sức lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của cán bộ và nhân dân, đồng thời tôn trọng nguyên tắc một khi ra sắc lệnh phải thông qua Thường trực Quốc hội.

Tuy nhiên, sau kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Người đã nhận thấy: do sự hạn chế của điều kiện chiến tranh và trình độ luật pháp của Nhà nước ta nên "*luật pháp của chúng ta hiện nay chưa đủ*" và yêu cầu mọi người cần có trách nhiệm góp phần làm luật pháp của ta tốt hơn, ngày càng phong phú hơn, phải cố gắng làm cho Hiến pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn.

Một tư tưởng rất quan trọng nữa của Người là để có bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, trước hết phải có đội ngũ cán bộ, nhân viên có đạo đức, gương mẫu trong chấp hành pháp luật. Đồng thời, phải là những người am hiểu pháp luật và các ngành, nghề chuyên môn. Do đó, từ năm 1948, Người đã ký Sắc lệnh về "lập một chế độ công chức mới". Trong đó ấn định các kỳ thi tuyển viên chức vào các ngạch, bậc của ngành hành chính. Nội dung thi tuyển gồm các lĩnh vực chính trị, kinh tế, pháp luật, địa lý, lịch sử, ngoại ngữ...

Người còn ban hành Sắc lệnh về "Quy chế công chức Việt Nam" gồm 82 điểm, quy định nghĩa vụ, quyền lợi, tổ chức, quản lý, sử dụng, tuyển dụng. Điều đó chứng tỏ, từ rất sớm

Người đã coi trọng thể chế hoá việc đào tạo, sử dụng cán bộ nhà nước.

Mặt khác, Người rất chú ý đến tính "nghiêm túc", "không trừ ai" trong thi hành pháp luật. Ngay từ tháng 1-1946, Người đã ban hành Quốc lệnh gồm 10 điều thưởng và 10 điều phạt. Trong trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội khoá I, kỳ họp thứ hai (tháng 10-1946), Người đã trình bày về việc liêm khiết của Chính phủ: "Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ, từ Hồ Chí Minh cho đến những người làm việc ở các uỷ ban làng hiện đông lắm và phức tạp lắm. Dù sao Chính phủ đã hết sức làm gương và nếu làm gương không xong, thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ ăn hối lộ - đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết"¹.

Người dạy cán bộ tư pháp: "Cần phải nêu cao cái gương "phụng công, thủ pháp, chí công vô tư"². Người phê phán một số cán bộ, đảng viên cây thế là đảng viên, cán bộ phụ trách mà coi thường pháp luật, kỷ luật nhà nước, đoàn thể. Họ tưởng là đảng viên thì muốn làm trời đất gì thì làm. Các cán bộ, đảng viên đó không biết rằng kỷ luật của chính quyền, của đoàn thể nhân dân và Đảng là một. Họ "Cây thế mình là người của Đảng phớt cả kỷ luật và cả cấp trên trong các đoàn thể nhân dân hoặc cơ quan Chính phủ"³.

Trong thực tế, Người đã chuẩn y án tử hình hai cán bộ

1. Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946 - 1960), NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.98.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.478.

3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.88.

cao cấp của Đảng bị tha hoá, biến chất, xâm phạm tài sản, tính mạng của nhân dân'.

Tuy Người không dùng từ "đức trị" và "pháp trị", nhưng trong thực tế Người đã *kết hợp chặt chẽ việc quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật, với việc tuyên truyền giáo dục đạo đức cách mạng* cho quần chúng. Vì theo Người, pháp luật cũng là nhằm mục đích thực hiện mục tiêu, lý tưởng của cách mạng, do đó phải giáo dục cho mọi người có ý thức tự giác, cố đạo đức cách mạng mới làm cho luật pháp được thực hiện đầy đủ.

Người luôn chú ý đến giáo dục, cảm hoá. Ngay dùng pháp luật, cũng chính vì mục đích ngăn cái xấu, cái ác, phát huy cái tốt, cái thiện chứ không phải đơn thuần là trừng phạt, răn đe. Người từng căn dặn: "Không xử phạt là không đúng. Song chút gì cũng dùng trừng phạt cũng không đúng"¹. Đối với những kẻ trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... Người xác định là: "Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện"².

Ngoài những vấn đề nêu trên, qua các Hiến pháp do Người xây dựng, qua nhiều văn bản pháp lý và qua công việc điều hành bộ máy nhà nước, chúng ta thấy vẫn còn

* Đây nói đến trường hợp:

- Trần Dụ Châu - Đại tá, Cục trưởng Quân nhu can tội bớt xén ăn cấp tiêu chuẩn của cán bộ và chiến sĩ để ăn chơi, sa đọa.

- Trương Việt Hùng, Thủ trưởng Nông nghiệp, can tội giết vợ để lấy vợ mới trẻ đẹp hơn.

1. Xem Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật*, NXB. Lao động, Hà Nội, 1971.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.15, tr.617.

nhiều quan điểm về cơ cấu tổ chức nhà nước, về chế độ phân quyền, phân nhiệm, về quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị và hệ thống nhà nước mà ở đây chưa đề cập đến.

Đối với sự nghiệp xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân hiện nay, trọng tâm trước mắt là cải cách nền hành chính. Những tư tưởng về nhà nước và pháp luật của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn mang ý nghĩa thực tiễn và lý luận hết sức sâu sắc.

Chương VI

TU TƯỢNG QUÂN SỰ HỒ CHÍ MINH

Dân tộc ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống chống ngoại xâm hết sức canh liệt. Trải qua hơn hai nghìn năm, nhất là từ mười thế kỷ trở lại đây, dân tộc ta đã đánh thắng nhiều đạo quân xâm lược lớn mạnh, từng bước xây dựng nên lý luận quân sự độc đáo "lấy nhỏ thắng lớn" của Việt Nam.

Dưới các triều đại phong kiến, kẻ thù xâm lược mạnh hơn ta nhiều lần, nhưng đều cùng một chế độ, một phương thức sản xuất phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Đến thế kỷ XIX, nước ta vẫn là nước phong kiến, nhưng kẻ thù xâm lược đã hoàn toàn khác trước. Chúng là bọn đế quốc với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, có nền kinh tế công nghiệp phát triển, có đội quân nhà nghề được trang bị bằng vũ khí hiện đại. Nhân dân ta ở nhiều địa phương do các sĩ phu yêu nước lãnh đạo đã anh dũng, bền bỉ đứng lên chống giặc, nhưng đều bị thất bại. Công cuộc giải phóng dân tộc của Việt Nam gặp bế tắc về đường lối chính trị dẫn đến bế tắc cả về đường lối quân sự.

Chính trong bối cảnh lịch sử ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, tiến hành cách mạng

dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, đưa cách mạng nước ta đi vào quỹ đạo của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo ra sức mạnh mới để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Chính nhờ *đường lối cách mạng đúng đắn*, phù hợp với thời đại, mục tiêu chính trị của cách mạng so với trước đã có sự thay đổi về chất, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, *mục đích chính trị của chiến tranh giải phóng dân tộc ngày nay ở nước ta đã có sự phát triển mới về chất*, so với các thời kỳ lịch sử trước. Cứu nước gắn với cứu dân, giải phóng dân tộc đã gắn với giải phóng nhân dân lao động, *thực sự đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân*. Người dân chiến đấu vì lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, đồng thời cũng vì lợi ích của chính mình. Đó là *những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chính nghĩa thực sự vì dân và do toàn dân tiến hành*.

Chính sự *thay đổi về chất của mục tiêu chính trị là nhân tố quyết định sự phát triển tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*. Khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo có mục tiêu, đường lối chính trị đúng đắn đã động viên được sức mạnh của đông đảo quần chúng công nông và toàn dân tộc. Hồ Chí Minh đã phát triển truyền thống quân sự, tài thao lược của dân tộc lên một *đỉnh cao mới*, đánh thắng kẻ thù đế quốc thực dân xâm lược ở tiềm lực kinh tế, quân sự lớn mạnh trên thế giới, giành độc lập tự do cho dân tộc.

Rõ ràng, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh bắt nguồn từ tư tưởng chính trị của Người, là *một bộ phận hữu cơ đặc biệt quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam*. Đó là tư tưởng quân sự chính trị, không

bao giờ là quân sự đơn thuần. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là cốt lõi của đường lối quân sự của Đảng, tư tưởng đó phản ánh những vấn đề có tính quy luật trong khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng ở Việt Nam.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh được hình thành trên những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng:

Đó là di sản quân sự canh liệt độc đáo và phong phú của dân tộc ta, trải qua các cuộc khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc mang tính nhân dân suốt hơn 2.000 năm chống phong kiến phương Bắc xâm lược đã được Người kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo trong điều kiện mới.

Đó là tư tưởng quân sự của chủ nghĩa Mác - Lênin đã được Người vận dụng sáng tạo vào lĩnh vực quân sự.

Đó là những tinh hoa quân sự cổ, kim của thế giới, kinh nghiệm về khởi nghĩa và chiến tranh của nhiều nước, đặc biệt là của Trung Quốc và Liên Xô trước đây.

Đó là *thực tiễn* của đất nước, con người Việt Nam, của cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, kiên cường và đầy sáng tạo của quân và dân ta hơn 30 năm chống lại hai đế quốc to nhằm giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện trong các tác phẩm quân sự, các bài nói, bài viết của Người, mà còn thể hiện trong thực tiễn chỉ đạo khởi nghĩa và chiến tranh, trong đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng và Nhà nước do Người lãnh đạo. Tư tưởng ấy còn thể hiện trong hoạt động quân sự hết sức phong phú, sáng tạo của các đồng chí lãnh đạo của Đảng - những học trò trung thành của Người và của đồng bào, chiến sĩ cả nước trong cuộc chiến đấu và chiến thắng vẻ vang của dân tộc.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh hết sức phong phú, bao gồm từ những vấn đề lãnh đạo và chỉ đạo chung trong khởi nghĩa và chiến tranh đến những vấn đề về nghệ thuật quân sự xây dựng lực lượng, xây dựng hậu phương.

I. TU TƯỞNG DÙNG BẠO LỰC CÁCH MẠNG ĐỂ CHỐNG LẠI BẠO LỰC PHẢN CÁCH MẠNG VÀ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA TU TƯỞNG BẠO LỰC CÁCH MẠNG VỚI TU TƯỞNG NHÂN VĂN NHÂN ĐẠO VÀ HÒA BÌNH

Từ kinh nghiệm lịch sử của dân tộc và của bản thân, Hồ Chí Minh không chút ảo tưởng về lòng nhân tính của bọn áp bức và xâm lược. "Độc lập, tự do không thể cầu xin mà có được". "Chủ nghĩa thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu". "Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền". Đó là quan điểm cơ bản mà Người luôn nắm vững trong khởi nghĩa cũng như trong chiến tranh, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng.

Vì vậy, Người đã chủ động chuẩn bị xây dựng, tổ chức lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, tiến hành đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang để giành chính quyền. Khi đã giành được chính quyền thì khẩn trương xây dựng, phát triển lực lượng chuẩn bị về mọi mặt để sẵn sàng đánh thắng kẻ thù xâm lược bằng bạo lực cách mạng. Khi đã buộc phải kháng chiến thì kiên quyết động viên toàn dân đứng lên chiến đấu "thà hy sinh tất cả, chứ nhất

định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ¹, và chiến đấu một cách triệt để "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi"².

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng bạo lực hoàn toàn xa lạ với tư tưởng hiếu chiến, hiếu sát. Đối với Người, cách mạng bạo lực là phương thức đấu tranh để giành và giữ nền độc lập dân tộc, để nhân dân ta có thể sống hòa bình trong hạnh phúc, tự do, nhưng chiến tranh là một việc "bất đắc dĩ".

Xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân, quý trọng sinh mệnh của con người, Người *tranh thủ mọi phương thức ít đổ máu nhất để giành và giữ chính quyền*. Khi đối phương chủ trương gây chiến, Người tìm mọi cách ngăn chặn hoặc đẩy lùi chiến tranh xâm lược. Khi không còn con đường nào khác là phải dùng chiến tranh chính nghĩa chống chiến tranh phi nghĩa, Người kêu gọi toàn quân, toàn dân quyết chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng. Đồng thời, Người không bỏ lỡ cơ hội đàm phán hòa bình và *đề để sớm kết thúc chiến tranh trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta*.

Trong cuộc *Cách mạng Tháng Tám năm 1945*, nhờ nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng dự kiến đúng sự phát triển của tình hình thế giới, trong nước và chuẩn bị đầy đủ lực lượng về mọi mặt, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân kịp thời nổi dậy trên cả nước. Với hình thức Tổng khởi nghĩa

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.584.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr.512.

vũ trang dựa vào lực lượng chính trị là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhất định của quần chúng, phát động đúng thời cơ, nhân dân ta đã giành được chính quyền với tổn thất ít nhất.

Nhưng nước ta vừa giành được quyền độc lập thì đã gặp nạn ngoại xâm. Thực tế, thực dân Pháp theo gót quân Anh vào giải giáp quân Nhật đầu hàng đã nổ súng đánh ta ở Nam Bộ từ ngày 22-9-1945.

Chủ tịch Hồ Chí Minh một mặt kêu gọi đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ kiên quyết cầm vũ khí đứng lên chiến đấu; mặt khác, Người chủ trương đàm phán với đại diện Chính phủ Pháp để cứu vãn hòa bình. Hiệp định sơ bộ ngày 8-3-1946 đã được ký kết. Mặc dầu có Hiệp định, Chính phủ Pháp vẫn thi hành chính sách xâm lược Việt Nam bằng vũ lực, hành động ngày càng trắng trợn. Trả lời phỏng vấn của báo Pari - Sài Gòn, ngày 12-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: "Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Tôi biết là nhân dân Pháp không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách... Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi hàng bao nhiêu sinh mạng. Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm"¹.

Khi quân đội Pháp đã bộc lộ trắng trợn dã tâm xâm lược, giũ tối hậu thư buộc ta phải hạ vũ khí và lòng căm phẫn của nhân dân ta đã lên đến tột độ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn dân kháng chiến:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.562.



"Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!.. Chúng ta phải đứng lên!"¹.

Mặc dù chiến tranh đã xảy ra, Người vẫn tìm mọi cách cứu vãn hòa bình. Người đề nghị: "Chính phủ và nhân dân Pháp chỉ cần có một cử chỉ công nhận độc lập và thống nhất của nước Việt Nam là chấm dứt được những tai biến này; hòa bình và trật tự sẽ trở lại ngay tức khắc"².

Với phụ nữ và thanh niên Pháp, Người nói: Tôi yêu mến thanh niên Pháp cũng như yêu mến thanh niên Việt Nam. Đối với tôi, sinh mệnh của một người Pháp hay sinh mệnh của một người Việt Nam đều đáng quý như nhau. Bởi vì, theo Người: "trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người"³.

Khi đã phải tiến hành chiến tranh để chống xâm lược, Người luôn động viên quân và dân ta kiên quyết chiến đấu để giành độc lập thống nhất cho Tổ quốc nhưng vẫn nhắc nhở: "Chúng ta cần phải giữ gìn từng giọt máu của đồng bào để xây đắp tương lai của Tổ quốc"⁴.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm thấy còn phải chiến đấu chống kẻ thù mới là đế quốc Mỹ. Người kiên trì đòi đối phương nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ, thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử. Nhưng đế quốc Mỹ và tay sai đã dìm cách mạng miền

1. 8, 4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.584, 510, 229.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.15.

Nam trong biển máu, buộc đồng bào ta không còn con đường nào khác là phải một lần nữa cầm vũ khí đứng lên chiến đấu.

Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, Người đã nhiều lần gửi thông điệp cho các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ, đề nghị đàm phán hòa bình để sớm kết thúc chiến tranh. Nhưng chúng đáp lại bằng tăng cường chiến tranh xâm lược. Chủ tịch Hồ Chí Minh một mặt kêu gọi toàn quân và toàn dân "quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" cho đến thắng lợi cuối cùng, mặt khác, biểu thị chủ trương đàm phán với chúng. Người nêu lên: "một tay đánh, một tay đàm, mở cho nó ra". Trong những năm Mỹ ồ ạt tăng quân, chiến tranh vô cùng khốc liệt, Người vẫn kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, Nam - Bắc sum họp một nhà. Người kêu gọi: "đánh cho Mỹ cút" rồi "đánh cho ngụy nhào", để sớm giải phóng miền Nam, giành hòa bình, thống nhất Tổ quốc.

Hoạt động thực tiễn trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm cách mạng bạo lực của Người là rất kiên định và rất đúng đắn, luôn thống nhất giữa tư tưởng bạo lực và tư tưởng nhân văn, nhân đạo và hòa bình.

II. TU TƯỞNG KHỞI NGHĨA VŨ TRANG TOÀN DÂN

Kế thừa kinh nghiệm lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh bất khuất để bảo vệ và giải phóng dân tộc, lại tiếp thu quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã cố tư tưởng về một cuộc khởi nghĩa vũ trang.



Trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ*, năm 1924, Người nêu: "Để một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương có cơ thắng lợi... Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng" ...

Tư tưởng của Người về khởi nghĩa vũ trang được thể hiện tập trung và tương đối hoàn chỉnh trong tác phẩm *Cơn đờng giải phóng*². Tác phẩm đúc kết kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam từ khi bị Pháp xâm lược, nêu rõ nguyên nhân thất bại là do chưa có đủ điều kiện khách quan và chủ quan, chiến lược và chiến thuật chưa đúng, không có tính chất quần chúng rộng rãi, không có một chính đảng cách mạng lãnh đạo, không lập tức thi hành các chính sách mang lại lợi ích thiết thực cho dân.

Hội nghị Trung ương lần thứ tám, tháng 5-1941 là mốc lịch sử đánh dấu bước phát triển hoàn chỉnh tư tưởng Hồ Chí Minh về khởi nghĩa vũ trang ở Việt Nam. Hội nghị đã khẳng định rõ: "*Cách mạng Việt Nam phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang*".

Những nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh về khởi nghĩa vũ trang như sau:

1. Khởi nghĩa vũ trang ở Việt Nam là một cuộc *khởi nghĩa vũ trang do toàn dân tộc tiến hành*. Người kêu gọi các bậc phụ huynh, hiền huynh chí sĩ các bậc phú hào yêu nước, kêu gọi các tầng lớp đồng bào công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương, ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác việc cứu nước giành

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.520.

2. Tài liệu do Người trực tiếp chỉ đạo viết để huấn luyện cán bộ năm 1941.

độc lập tự do. Người chủ trương đi vào quần chúng, tuyên truyền vận động giác ngộ quần chúng, phát triển lực lượng chính trị rộng rãi, lập các đoàn thể cứu quốc, Mặt trận Việt Minh; trên cơ sở đó lựa chọn những người ưu tú tổ chức ra tự vệ, du kích, lực lượng vũ trang quần chúng để kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, huy động sức mạnh toàn dân tộc đứng lên vũ trang khởi nghĩa.

2. Khởi nghĩa vũ trang là "nhân dân vùng dậy dùng vũ khí đuổi quân cướp nước. Đó là một cuộc đấu tranh to tát về chính trị và quân sự là việc quan trọng, làm đúng thì thành công, làm sai thì thất bại"¹. Vấn đề quan trọng là phải có đường lối chiến lược và sách lược cách mạng đúng đắn, đặc biệt là phải chuẩn bị lực lượng tạo thời cơ và nắm vững thời cơ cách mạng. Vận dụng tư tưởng của Lênin về tình thế cách mạng trực tiếp, *Con đường giải phóng* đã nêu lên ba điều kiện của thời cơ khởi nghĩa:

- Lực lượng đế quốc thống trị lung lay bối rối không đủ sức giữ địa vị của chúng như trước.

- Có một cao trào cách mạng trong quảng đại quần chúng. Dân chúng đói khổ căm tức đến cực điểm, quyết hy sinh nổi dậy tranh đấu với đế quốc đến cùng vì hiểu rằng ngồi yên cũng chết.

- Có một chính đảng cách mạng lãnh đạo, chính đảng ấy lập được một đoàn thể cách mạng kiên quyết có một chính sách đúng đắn.

Trong *Lời kêu gọi đồng bào*, tháng 5-1941, Người đã phân tích các cuộc khởi nghĩa trước đó chưa thành công là

1. Xem Hồ Chí Minh: *Con đường giải phóng*, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

vì hai nguyên nhân: "Một là vì cơ hội chưa chín, hai là vì dân ta chưa đồng tâm hiệp lực".

Mùa thu năm 1944, khi quyết định đình chỉ cuộc khởi nghĩa từng phần của Cao - Bắc - Lạng. Người nói: Chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong cả nước, mới thấy bộ phận mà chưa thấy toàn cục... "*Bây giờ, thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới*...".

Tháng 7-1945, sau khi phát xít Đức và Ý bại trận, phát xít Nhật ngày càng nguy khốn và sửa soạn đầu hàng, nằm trên giường bệnh ở Tân Trào, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập"¹.

Quá trình thực hiện cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữa phát triển phong trào quần chúng, xây dựng căn cứ địa cách mạng chuẩn bị lực lượng chính trị và vũ trang với nhạy bén "chớp" đúng thời cơ phát động nhân dân cả nước vùng dậy tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

3. *Khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa*. Nói về phương thức tiến hành khởi nghĩa, Người đã nêu rõ: "Ở các nước Âu Mỹ, cuộc khởi nghĩa thường hay bắt đầu từ những cuộc bãi công chính trị rồi mới tiếp đến các cuộc vũ trang bạo động. Ở Đông Dương ta, khởi nghĩa có thể bùng

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.196.

ra ở một vài nơi rồi lan dần khắp nước. Khởi nghĩa bùng ra ở nơi nhiều rừng núi tiện cho lối đánh du kích¹.

Tư tưởng khởi nghĩa từng phần còn thể hiện rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám, tháng 5-1941: Với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể thắng lợi mà mở đường cho một cuộc Tổng khởi nghĩa to lớn để giành thắng lợi trong cả nước.

Từ kinh nghiệm thực tiễn các cuộc khởi nghĩa vũ trang ở các nước, nhất là kinh nghiệm đấu tranh chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, Hồ Chí Minh đã nêu rõ vị trí chiến lược của chiến tranh du kích trong thời kỳ khởi nghĩa giành chính quyền. Người nói: "Chuyến này chúng ta vũ trang khởi nghĩa đánh Tây - Nhật, chính dùng lối du kích mà đánh"². Người còn nói, du kích là cách chiến tranh của dân chúng dùng khí giới ít và kém chống với đế quốc có khí giới tốt và nhiều. Khởi nghĩa thắng lợi hay không, một phần là do du kích tổ chức vững hay không, phát triển có rộng rãi hay không.

Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang (du kích) thực hiện khởi nghĩa từng phần đã tạo nên các "xã hoàn toàn", các "tổng hoàn toàn", các căn cứ cách mạng, các khu giải phóng (trong đó có khu giải phóng lớn nhất gồm sáu tỉnh ở Việt Bắc), chuẩn bị căn cứ địa, tiến lên Tổng khởi nghĩa.

4. Lãnh đạo toàn dân vũ trang Tổng khởi nghĩa thắng lợi

1. Hồ Chí Minh: *Con đường giải phóng*, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.469.

phải kịp thời xây dựng chính quyền nhân dân, một chính quyền hợp hiến vì dân, do dân. Với tư tưởng ấy, Người đã chỉ đạo xóa bỏ chính quyền cũ, xây dựng chính quyền cách mạng ban hành 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh ở khu giải phóng Việt Bắc. Với tư tưởng ấy, sau khi Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thành công, Người đã kịp thời lập Chính phủ lâm thời, ra mắt quốc dân và thế giới. Tiếp đó về đối nội, Người chỉ đạo khẩn trương củng cố chính quyền nhân dân các cấp, tổ chức tổng tuyển cử, lập Chính phủ chính thức, xây dựng Hiến pháp, thi hành ngay các chính sách kinh tế, xã hội thiết thực mang lại lợi ích cho dân, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng và mở rộng Mặt trận để tập hợp quần chúng; về đối ngoại, đã thực hiện một chính sách ngoại giao đúng đắn và sáng tạo, thêm bạn bớt thù, khẳng định vị trí Việt Nam trên trường quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của thế giới.

Cách mạng Tháng Tám là cuộc Tổng khởi nghĩa với lực lượng chính trị của toàn dân là chủ yếu, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, là thắng lợi rực rỡ của tư tưởng Hồ Chí Minh về khởi nghĩa vũ trang toàn dân giành lại độc lập cho dân tộc, đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông - Nam châu Á.

III. TƯ TƯỞNG CHIẾN TRANH TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN, TRƯỜNG KỲ, LẤY SỨC MÌNH LÀ CHÍNH

1. Kháng chiến toàn dân

Dân tộc ta có kinh nghiệm và truyền thống tiến hành khởi nghĩa và chiến tranh nhân dân. Tổ tiên ta đã sớm có

ý thức đoàn kết chiến đấu để giữ nước, gắn bó nước với nhà. "Nước mất thì nhà tan"; mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, mọi người dân đều đứng lên chống giặc.

Phần lớn các nhà lãnh đạo yêu nước thời xưa, mặc dù không tránh khỏi sự hạn chế về mặt giai cấp và lịch sử, nhưng đều đã thấy được sức mạnh của dân, đã chủ trương dựa vào dân để chống giặc giữ nước. Qua kinh nghiệm của các bậc tiền bối, Trần Quốc Tuấn đã rút ra kết luận: Phải "khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, ấy là thượng sách của sự giữ nước". Nguyễn Trãi cũng đã từng coi sức dân mạnh như sức nước, ví dân như nước, ví vua như thuyền. Ông đã nói: "Đẩy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân", và có tư tưởng tiến bộ hơn là đã nêu lên phải "tập hợp bốn phương mạnh mẽ". Với nhận thức tiến bộ ấy, họ đã biết giương cao ngọn cờ dân tộc và thực hiện một số chính sách để phát huy lòng yêu nước của dân và đoàn kết được nhân dân đứng lên chống giặc. Nhờ vậy trong các cuộc nổi dậy, đông đảo nhân dân đã tham gia nghĩa quân. Trong chiến tranh, không chỉ quân triều đình, quân các lộ đánh giặc, mà cả hương binh, dân binh và dân chúng đều tham gia, đã xây dựng nên truyền thống "cả nước chung sức đánh giặc", "trăm họ là binh".

Kế thừa truyền thống toàn dân đánh giặc của dân tộc, vận dụng nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò quần chúng trong lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn nhắc nhở phải dựa vào dân, có dân là có tất cả. Người chỉ rõ, bạo lực cách mạng phải là bạo lực của quần chúng bị áp bức chứ không phải là sự khủng bố cá nhân, phiêu lưu manh động.

Tư tưởng cơ bản nhất về chiến tranh của Người đã được nêu rõ trong chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân: Cuộc kháng chiến của ta là cuộc *kháng chiến toàn dân, phải động viên toàn dân và vũ trang toàn dân*. "Toàn dân" theo tư tưởng của Người là toàn dân tộc, thể hiện rất rõ ở *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* chống thực dân Pháp: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước". Sau này Người còn nói: *20 triệu đồng bào Việt Nam* quyết đánh tan mấy vạn quân thực dân phản động. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, một lần nữa Người đã khẳng định: Cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân. 31 triệu đồng bào ở cả hai miền Nam - Bắc, bất kỳ già trẻ, gái trai phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước.

Hồ Chí Minh và Đảng ta đã động viên được lực lượng nhân dân tham gia cuộc kháng chiến to lớn, mạnh mẽ chưa từng có trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Làm được như vậy là do *Người đã rèn ra con đường cứu nước đúng đắn*, sáng tạo, gắn độc lập dân tộc với dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Mục đích chính trị của chiến tranh so với trước đã có bước phát triển mới. Đánh đuổi kẻ thù xâm lược rồi không phải để trở lại chế độ quân chủ mà để xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc gắn với giải phóng xã hội, giải phóng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.584.



con người. Chính mục đích chính trị, đường lối chính trị đúng đắn ấy đã tạo ra khả năng động viên sức mạnh và nghị lực sáng tạo to lớn của nhân dân trong chiến tranh.

Để biến khả năng thành hiện thực, Hồ Chí Minh đã nêu cao chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp rộng rãi các lực lượng yêu nước dựa trên nền tảng đoàn kết công nhân, nông dân và lao động trí óc. Người hết sức coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục "động viên tinh thần quần chúng", làm cho mọi người dân, mọi cán bộ, chiến sĩ nhận rõ mục tiêu của cách mạng, mục đích của chiến tranh, tính chất chính nghĩa triệt để và tất thắng của cuộc kháng chiến, khơi dậy lòng yêu nước, truyền thống đấu tranh bất khuất, giác ngộ sâu sắc lợi ích tối cao của dân tộc, đồng thời hiểu rõ lợi ích của giai cấp và của bản thân mỗi người nằm trong lợi ích chung của dân tộc để tự giác hăng hái tham gia kháng chiến. Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại".

2. Kháng chiến toàn diện

Chiến tranh là một cuộc thử thách toàn diện đối với sức mạnh vật chất và tinh thần của một nước. Vì vậy, kháng chiến toàn dân phải gắn với kháng chiến toàn diện. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được"¹. Kháng chiến toàn diện là phát huy đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân đánh giặc trên tất cả các mặt trận. Người nói: trước kia chỉ đánh nhau về mặt quân sự,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.279.



ngày nay đánh nhau về cả mọi mặt *quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, cũng như văn hoá, tư tưởng.*

Đấu tranh quân sự là hình thức chủ yếu nhất của chiến tranh. Bởi vì, cuối cùng bao giờ cũng phải thắng địch bằng quân sự, đập tan công cụ chủ yếu của kẻ xâm lược là quân đội. Trên tiền tuyến cũng như ở sau lưng địch, phải đánh mạnh, phải kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị nhằm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Phải vừa đánh vừa xây dựng lực lượng vũ trang làm nòng cốt, xây dựng bộ đội chủ lực mạnh để quyết định chiến trường.

Đấu tranh chính trị cũng là hình thức đấu tranh cơ bản của chiến tranh nhân dân. Phát triển lực lượng chính trị rộng rãi để tập hợp quần chúng, động viên và lãnh đạo nhân dân đấu tranh, để phối hợp với đấu tranh quân sự bằng nhiều hình thức bí mật, nửa hợp pháp, hợp pháp chống địch ở khắp nơi, làm cho địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Tấn công chính trị, binh, địch vận làm tan rã địch về tinh thần và tổ chức của địch, xây dựng cơ sở quần chúng tạo điều kiện cho đấu tranh quân sự phát triển.

Căn cứ vào tình hình cụ thể mà tiến hành đấu tranh quân sự, chính trị song song hay coi trọng hình thức nào, nhưng nhìn chung trong chiến tranh "quân sự là việc chủ chốt trong kháng chiến" để thực hiện mục tiêu,

1. *Hồ Chí Minh với các lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975, tr.148.

nhệm vụ chính trị. "Thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn"¹.

Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược, phối hợp chặt chẽ với các mặt trận quân sự, chính trị trong chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện đấu tranh trên mặt trận ngoại giao hết sức sắc bén để thêm bạn bớt thù. Người coi trọng công tác tuyên truyền đối ngoại, vạch rõ tính chất phản động, tội ác của kẻ thù, khẳng định tính chất chính nghĩa và ý chí quyết tâm giành độc lập, tự do của nhân dân ta để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân trên thế giới. Người đã khéo lợi dụng mâu thuẫn để phân hoá kẻ thù, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính. Người chủ trương "vừa đánh vừa đàm", "đánh là chủ yếu, đàm là hỗ trợ". Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, mặt trận ngoại giao đã phát huy sức mạnh của thời đại, hỗ trợ đắc lực cho mặt trận quân sự, chính trị giành thắng lợi.

Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch. Người kêu gọi hậu phương thi đua với tiền phương, coi "ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ", "tay cày tay súng, tay búa tay súng, ra sức phát triển sản xuất để phục vụ kháng chiến".

Về đấu tranh văn hoá và tư tưởng, Người nói: "Chiến tranh về mặt văn hoá hay tư tưởng so với những mặt khác

1. *Hồ Chí Minh với các lực lượng vũ trong nhân dân*, Sđd, tr.148.

cũng không kém quan trọng¹. Phải phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của thời đại, tẩy trừ ảnh hưởng của văn hoá thực dân, thực hiện văn hoá hoá kháng chiến, kháng chiến hoá văn hoá. coi văn hoá là một mặt trận, mỗi văn nghệ sĩ là một chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Cùng với chống giặc ngoại xâm, giặc đói, Người đề ra chống giặc dốt, phát triển văn hoá giáo dục, đào tạo nhân tài cho kháng chiến và kiến quốc.

3. Kháng chiến trường kỳ, lấy sức mình là chính

Là một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nhân dân ta vừa giành được chính quyền lại phải đánh với kẻ thù tư bản đế quốc chủ nghĩa hùng mạnh của thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương "*trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*". Người nhắc đến kinh nghiệm: "*Ngày xưa tổ tiên ta đã phải kháng chiến trường kỳ mới thắng được ngoại xâm*"². Người giải thích: "Kháng chiến phải trường kỳ, vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo, ta phải chuẩn bị lâu dài và phải có sự chuẩn bị về toàn diện của toàn dân"³. Người còn nói: "Địch muốn tốc chiến, tốc thắng. Ta lấy *trường kỳ kháng chiến* trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng"⁴.

Kháng chiến trường kỳ, nhưng không có nghĩa là phải kéo dài vô thời hạn mà phải nỗ lực vượt bậc, vừa tiêu diệt địch, vừa bồi dưỡng phát triển lực lượng ta, càng đánh ta càng mạnh, địch càng yếu, đánh bại từng âm mưu chiến

1, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.866, 589.

2, 8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.215, 80.

lược của địch, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Trong hoàn cảnh đó, phải sáng tạo ra thời cơ để giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

Dựa vào sức mình là chính. Kế thừa truyền thống độc lập tự chủ, tự lực tự cường của dân tộc, từ rất sớm. Người đã nêu lên tư tưởng lấy sức ta mà tự giải phóng cho ta. Theo Người, một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập. Thấm nhuần tư tưởng ấy của Người, nhân dân ta đã tự lực đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thành công và trong 5 năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp đã chiến đấu trong vòng vây, với tinh thần tự lực cao độ, phát triển lớn mạnh, đã chiến thắng địch trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc. Người đặt cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, nên khi nói tự lực cánh sinh là chính, Người không quên tận lực tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế và luôn có ý thức đấu tranh góp phần vào thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới.

Theo Người, *tự lực cánh sinh là chính, kết hợp với sự giúp đỡ quốc tế là hết sức quan trọng.* Vì vậy, suốt 30 năm kháng chiến, Người đã nêu cao ý chí tự lực tự cường, đồng thời khi có điều kiện, làm mọi việc để tranh thủ sự giúp đỡ lớn lao và sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của các nước anh em, của phong trào cộng sản và công nhân, phong trào giải phóng dân tộc và của nhân loại tiến bộ, kể cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ. Tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế nhưng không ỷ lại, không để ảnh hưởng đến tinh thần độc lập tự chủ của đất nước.

Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước đã chứng minh tư tưởng chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh là chính là hoàn toàn đúng đắn.

Lấy dân làm gốc, động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện là nội dung cốt lõi nhất, nổi bật nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh.

IV. NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ TRONG KHỞI NGHĨA VŨ TRANG VÀ CHIẾN TRANH NHÂN DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Người dạy: "Phải có một lối đánh rất tài giỏi". Di đôi với tư tưởng "toàn dân đánh giặc", Người đã kế thừa và phát triển cách đánh "lấy nhỏ đánh lớn, lấy yếu đánh mạnh" của dân tộc. "Lấy ít địch nhiều" (Nguyễn Trãi); "lấy đoản binh chế trường trận" (Trần Quốc Tuấn) là một trong hai nét đặc sắc lớn nhất của truyền thống quân sự Việt Nam: toàn dân đánh giặc và lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều. Về vấn đề này Bác Hồ đã nói:

*"Nay tuy châu chấu đầy voi,
Nhưng mai voi sẽ bị lời ruột ru"¹.*

Nhỏ đánh lớn là một truyền thống xuyên suốt trong tư tưởng quân sự của dân tộc và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh.

Dân tộc ta có vận dụng binh pháp của Tôn Tử, nhưng xuất phát từ thực tiễn nước ta là nước nhỏ nên đã phát triển sáng tạo tài tình, có khi ngược lại với quan điểm của

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.8, tr.108.



Tôn Tử. Ví dụ, Tôn Tử nói lấy nhiều đánh ít¹, mà dân tộc ta lại nói lấy ít đánh nhiều, cho nên ông cha ta đã chiến thắng rất cạnh liệt các thế lực đến xâm lược nước ta từ phương Bắc.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là, ngày xưa kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn ta chủ yếu về số lượng. Còn địch và ta đều chủ yếu là bộ binh, không có sự chênh lệch về trang bị kỹ thuật.

Ngày nay, ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, còn kẻ xâm lược là một nước có nền công nghiệp, khoa học kỹ thuật phát triển, có trang bị rất hiện đại với số lượng lớn. Sự chênh lệch về so sánh lực lượng địch - ta so với trước lớn hơn rất nhiều. Bài toán "châu chấu đá voi" đòi hỏi dân tộc ta phải có một sự nỗ lực vượt bậc. Với con đường cứu nước đúng đắn, với đường lối chính trị quân sự sáng tạo, với nghệ thuật lãnh đạo tài tình của Bác Hồ và của Đảng, quân và dân ta đã phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của mình, đã sáng tạo ra hàng loạt cách đánh hết sức thông minh, *lấy tinh thần quyết chiến và trí tuệ sáng tạo của mình chiến thắng trang bị kỹ thuật hiện đại của hai kẻ thù đế quốc chủ nghĩa.*

1. Điều 12, thiên "Mưu công" của *Bình pháp Tôn Tử* viết: "Phép dùng binh, có binh lực gấp 10 lần địch thì bao vây nó, gấp năm lần địch thì tiến công, gấp hai lần địch thì chia cắt (để đánh từng bộ phận), có binh lực ngang địch thì có thể chống cự, binh lực ít hơn địch thì nên tránh xa nó, điều kiện không bằng địch thì tránh giao chiến... Bởi vì một quân đội nhỏ mà kiên trì đánh sẽ bị kẻ địch lớn mạnh bắt làm tù binh".

Kế thừa truyền thống nhỏ đánh lớn, trong điều kiện mới, tư tưởng Hồ Chí Minh đã đưa nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân tiến lên một đỉnh cao mới, một chất lượng mới, tạo ra sức mạnh mới so với ông cha ta ngày xưa.

1. Nghệ thuật quân sự ấy thể hiện trước hết là tư tưởng chiến lược tiến công, luôn giành thế chủ động. Có tư tưởng tiến công mới có hành động tiến công. Có chủ động mới phát triển được thế tiến công. "Kiên quyết không ngừng thế tiến công". *Luôn luôn giữ quyền chủ động* là biểu hiện cao nhất của tư tưởng tiến công. Người nói: "Giữ quyền chủ động là khôn khéo sử khiến quân thù, muốn đánh nó ở chỗ nào thì đưa nó đến đó mà đánh, muốn đưa nó vào bẫy của mình có thể đưa được... giữ được chủ động thì thế nào cũng thắng, không thắng to thì thắng nhỏ".

Tư tưởng chiến lược tiến công *không loại trừ cách đánh phòng ngự*. Khi cần thiết, có thể phòng ngự, nhưng là "phòng ngự thế công". "Tiến công, thái thủ nhanh như chớp...". "Tiến công, phòng ngự không sơ hở". Tiến công phải nắm vững nguyên tắc chắc thắng, không phiêu lưu mạo hiểm. Người luôn giáo dục cán bộ không được chủ quan, khinh địch, tích cực tiêu diệt địch nhưng phải biết "bảo toàn lực lượng để kháng chiến lâu dài", phải tiết kiệm sức quân, tiết kiệm sức dân. Chắc thắng thì đánh. Không chắc thắng thì kiên quyết không đánh.

2. Nghệ thuật quân sự tạo lực, lập thế, tranh thời, dùng mưu là một nội dung cơ bản trong tư tưởng quân sự

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.8, tr.508.



Hồ Chí Minh. Người dạy: *đánh địch bằng mưu, thắng địch bằng thế*, luôn luôn đánh địch trên thế mạnh. Người khái quát trong bài thơ "Học đánh cờ":

*"Lạc nước, hai xe đành bỏ phí
Gặp thời, một tốt cũng thành công"*¹.

Người lấy ví dụ: *"Quả cân chỉ một kilôgam, ở vào thế lại thì lực của nó tăng lên nhiều, có sức mạnh làm bổng được một vật nặng hàng trăm kilôgam. Đó là thế thắng lực"*².

Muốn vận dụng lực, thế, thời cho có kết quả. Người nhấn mạnh phải dùng mưu: Phải quyết đoán, phải dũng cảm, khi tiến đánh thì phải thật nhanh. Nếu trù trù, do dự sẽ mất cơ hội tốt. Nhưng đánh nhanh không phải hấp tấp vội vàng mà quên cả cơ mưu, phải vừa nhanh, vừa phải có mưu cơ mới quyết định được thắng lợi... Người làm tướng có mưu trí bao giờ cũng lo lắng đến lợi, đến hại. Lo đến lợi, mới có đủ tin tưởng làm tròn được nhiệm vụ. Lo đến hại mới tìm mưu kế để giải trừ gian nguy.

Với tinh thần trên, Người dạy: *"Dĩ nhu xử cương"*, "Hai hòn đá cùng chọi nhau thì hai hòn cùng vỡ, hai cái trứng cùng chọi nhau thì hai cái cùng vỡ. Phải một cái cứng, một cái mềm thì khi chọi nhau một cái mới còn. Nên hai bên cùng dùng mưu trí.

Pháp có xe tăng, đại bác, thì ta phá đường. Pháp có máy bay thì ta đào hầm.

Pháp muốn đánh chớp nhoáng thì ta kéo dài. Nhất định ta thắng"³. "Thế địch như lửa. Thế ta như nước. Nước nhất định thắng lửa"⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.826.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.567.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.70, 179.

Người đặc biệt nhấn mạnh nghệ thuật *lừa địch, đánh địch bất ngờ*. Đó là yêu cầu chung của chiến tranh, đặc biệt là trong điều kiện địch mạnh ta yếu, địch có vũ khí trang bị nhiều và hiện đại hơn ta gấp nhiều lần. "Về việc quân, không thể đường đường chính chính được mà bao giờ cũng phải áp dụng chiến thuật lừa dối... muốn thắng quân địch phải bày mưu kế làm sao lừa được quân địch vào cam bẫy, nên không thể không dùng chiến thuật giả dối được"¹. Chiến thuật cốt yếu để được thắng lợi là phải áp dụng chiến thuật giả trá và tuyệt đối bí mật. "Muốn giả trá, thì dù mình có tài năng cũng làm như mình không có tài năng gì"². "Thời kỳ tiến đánh quân địch đã đến nơi, nhưng làm thế nào để cho quân địch tưởng là chưa đánh vội"³. Tôn Tử cũng đã từng nói: "Việc binh là đạo lừa dối".

Với Người, lực, thế, thời và mưu kết hợp chặt chẽ với nhau. Dùng lực phải tạo thế, tạo thời để phát huy lực; tạo thế, tạo lực để lợi dụng thời cơ, dùng mưu kế hạn chế cái mạnh của địch, phát huy cái mạnh của ta, luôn luôn chú ý lừa địch và giữ bí mật, đánh bất ngờ, tạo khả năng đột biến về chất ở thời điểm quyết định, tranh thủ thời cơ, giành thắng lợi.

Điều đáng chú ý, đây là lực, thế, thời, mưu của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Lực là sức mạnh tinh thần và vật chất của từng người, từng đơn vị, từng địa phương và cả nước, là lực lượng của toàn dân (của cả quân và dân) không riêng gì lực lượng của quân đội.

Thế là nơi về không gian, là địa bàn hoạt động, thế bố trí lực lượng, hướng tấn công. Từng trận chiến đấu, từng chiến

1, 2, 8. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr 285-286, 286, 286.

dịch, từng chiến trường và trên cả nước đều tạo ra thế thuận lợi, thế mạnh để đánh địch, luôn tạo ra thế trận toàn dân căng địch ra mà đánh để quân đội ta tập trung lực lượng đánh vào chỗ sơ hở, chỗ yếu và hiểm yếu của địch. Luôn đánh địch trên thế mạnh. Đó là thế trận của toàn dân, của quân đội, của từng đơn vị, từng chiến sĩ, thế trận của chiến tranh nhân dân, không riêng gì thế trận của quân đội.

Thời là thời gian, thời cơ tấn công. Chọn thời điểm tấn công vào lúc địch không chuẩn bị, bất ngờ, nguy khốn..., tạo ra thời cơ có lợi nhất để đánh địch.

Mưu cũng là mưu của toàn quân, toàn dân không riêng gì của Bộ Tổng sái, mà của mỗi cán bộ mọi cấp, của mỗi chiến sĩ, của từng người dân, của cả toàn dân đánh giặc.

Chính vì vậy, tạo ra lực mạnh, thế mạnh, thời cơ có lợi và mưu kế giỏi đánh địch theo nghệ thuật quân sự Hồ Chí Minh có một nội dung hết sức phong phú và sáng tạo.

Người coi "*nhân hòa, địa lợi, thiên thời*" là những nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh, trong đó nhân hòa là quan trọng bậc nhất. Có nhân hòa mới có lực lượng, mới tạo được thế trận, mới tạo ra và nắm được thời cơ giành thắng lợi.

Sự chỉ đạo, chỉ huy khéo léo theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, chiến thắng mọi kẻ thù ở mọi nơi, mọi lúc.

3. Phải đánh địch bằng mọi lực lượng, mọi quy mô, mọi cách đánh, mọi thứ vũ khí trang bị. Kết hợp tác chiến du kích với tác chiến tập trung, đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt

Trong chiến tranh toàn dân, toàn diện phải đánh địch



bằng mọi cách. Tác chiến du kích không những có vị trí chiến lược trong khởi nghĩa vũ trang mà cả trong chiến tranh cách mạng. Người nói: "... làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng có du kích, thì nó thành một tấm lưới sắt, một thứ "thiên la, địa võng" mà địch không tài gì thoát ra được". Mục đích du kích chiến không phải là ẩn to đánh lớn mà phải tủa dấn, đánh cho nó ẩn không ngon, ngủ không yên... bị hao mòn về tinh thần và vật chất rồi đi đến chỗ bị tiêu diệt. Tác chiến tập trung có mục đích trừ diệt một số lớn quân địch. Tư tác chiến du kích phải tiến lên tác chiến tập trung và kết hợp chặt chẽ giữa hai hình thức đó để tiêu hao, tiêu diệt địch. Người coi tiêu diệt lực lượng địch là điều kiện quyết định thắng lợi. "Đối với một người, làm thương tổn mười ngón tay không đau đớn bằng cắt đứt hẳn đi một ngón tay. Về quân sự cũng vậy, đánh bại mười sư đoàn không bằng trừ diệt một sư đoàn". Kết hợp tiêu diệt sinh lực với phá huỷ phương tiện chiến tranh, chú trọng tiêu diệt bộ phận sinh lực tinh nhuệ nhất của địch, nhất là cơ quan đầu não. Phải đánh địch bằng mọi cách "tập kích", "phục kích", "đánh phá đồn bốt". Đánh địch bằng mọi quy mô: "Từng người đánh, từng đơn vị đánh", "đánh to, đánh nhỏ, khi tập trung, khi phân tán". Cách đánh của "đặc công", "biệt động" là một sáng tạo đặc sắc của tư tưởng lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều "xuất quỷ nhập thần, thiên biến vạn hoá" theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.286.



4. Đánh vào lòng người, kết hợp tác chiến và địch vận

Ông cha ta ngày xưa rất coi trọng đánh vào lòng người. Lê Quý Đôn nhận xét các bài văn địch vận của Nguyễn Trãi đã có "sức mạnh như một đạo hùng binh mười vạn". Ngày nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói: "Sách quân sự có câu: Đánh mà thắng địch là giỏi, không đánh mà thắng lại càng giỏi hơn. Không đánh mà thắng địch là nhờ địch vận"¹. "Nếu các chú khéo nguy vận thì đó cũng là một cách tiêu diệt địch". Người rất coi trọng chính sách khoan hồng nhân đạo với tù binh và những lính bỏ hàng ngũ địch theo ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất phát từ truyền thống "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo" của dân tộc. Tư tưởng ấy dựa vào lòng tin ở khả năng cảm hoá con người, khi binh lính địch biết rõ cuộc chiến tranh do họ tiến hành là phi nghĩa. Trong suốt mấy chục năm lãnh đạo chiến tranh, Người luôn nhắc nhở đảng viên, cán bộ và chiến sĩ coi trọng công tác địch vận.

5. Biết khởi đầu và kết thúc chiến tranh

Như trên đây đã trình bày, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta chỉ tiến hành chiến tranh khi không còn con đường nào khác, không còn một chút hy vọng vào cứu vãn hòa bình do dã tâm xâm lược ngoan cố của kẻ thù. Cuộc kháng chiến chống Pháp, cuộc chiến tranh chống Mỹ xâm lược đều bắt đầu như vậy. Nhưng ta luôn luôn chuẩn bị lực lượng, luôn luôn sẵn sàng và khi đã

1. Thư gửi Hội nghị địch vận, tháng 8-1948.



hạ quyết tâm kháng chiến thì phải chủ động và kiên quyết không ngừng thế tiến công.

Tư tưởng Hồ Chí Minh dạy chúng ta biết kết thúc chiến tranh một cách có lợi nhất. Trong điều kiện lực lượng so sánh địch - ta quá chênh lệch, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta là *giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn*. Mục tiêu của chúng ta không nhất định là phải tiêu diệt toàn bộ đạo quân xâm lược của chủ nghĩa đế quốc mà qua tiêu diệt một bộ phận sinh lực và đánh bại các kế hoạch chiến lược của địch để đánh bại ý chí xâm lược của chúng. Đánh bại ý chí xâm lược từng bước, đi đến đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của kẻ thù. Trong kháng chiến chống Pháp, ta đánh bại cố gắng cuối cùng cao nhất của thực dân Pháp trong trận đánh Đông - Xuân 1953-1954 với chiến thắng Điện Biên Phủ, kết thúc chiến tranh bằng Hiệp nghị Giơnevơ. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ta đánh bại liên tiếp các chiến lược của Mỹ, buộc chúng phải chịu thua trận và phải rút lui theo điều khoản của Hiệp định Pari. Sau đó ta tiêu diệt quân ngụy, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Quá trình thắng lợi đã diễn ra theo tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

V. TƯ TƯỞNG VỀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, sự phát triển của cách mạng Việt Nam đi từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp khời nghĩa với chiến tranh cách mạng. Vì vậy, lực lượng để tiến

hành khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng bao gồm hai *lực lượng* lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân.

Xây dựng lực lượng chính trị quần chúng là mối quan tâm hàng đầu của Người, bởi vì "Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc". Theo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, lực lượng chính trị không những là cơ sở mà còn là một lực lượng tiến công trực tiếp đánh địch, đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống địch khủng bố, cướp bóc, tiến hành công tác binh vận, địch vận làm tan rã hàng ngũ địch... Lực lượng chính trị quần chúng là cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, khác với quan điểm "súng để ra Đàng, súng để ra chính quyền". Hồ Chí Minh nói: "Muốn có đội quân vũ trang, phải có đội quân tuyên truyền vận động đội quân chính trị trước đã, nên phải làm ngay, sao cho đội quân chính trị này càng đông. Phải có quần chúng giác ngộ chính trị tự nguyện vác súng thì mới thắng được"¹. Kế thừa và phát huy kinh nghiệm của dân tộc về xây dựng các thứ quân "quân triều đình", "quân các lộ" và "dân binh", phát triển tư tưởng của Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về xây dựng các "đội dân cảnh", xây dựng "quân đội thường trực", Hồ Chí Minh chủ trương *xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân*: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích; bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương hợp thành Quân đội nhân dân Việt Nam. Tư tưởng ấy của Người chứa đựng sức tích trong *Chỉ thị thành lập*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.179.

2. Vũ Anh: *Hồi ký Bác Hồ*, NXb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr.120.



Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - một văn kiện mang tính cương lĩnh quân sự về khởi nghĩa vũ trang toàn dân, về kháng chiến toàn dân và lực lượng vũ trang ba thứ quân. Chỉ thị viết: "Chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra *đội chủ lực*". "Trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên cần phải duy trì *lực lượng vũ trang trong các địa phương*". Tư tưởng về lực lượng vũ trang ba thứ quân đã phát triển và từng bước hoàn chỉnh theo quá trình phát triển của cách mạng, từ xây dựng các đội du kích, đội tự vệ, đến xây dựng "đội chủ lực", từ *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* đến *Việt Nam giải phóng quân* thống nhất lực lượng vũ trang cả nước, đến *Vệ quốc đoàn*, đến *Quân đội nhân dân* chính quy, hiện đại. Trong khi đánh giá cao dân quân tự vệ, du kích, coi đó "là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc"¹, sau ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi, Người đặc biệt quan tâm xây dựng bộ đội chủ lực, vì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng. Tháng 9-1946, Người đã nói: "Dù đánh chớp nhoáng, dù đánh lâu dài, dù giữ thế công hay thế thủ, bao giờ cũng cần đến lực quân. Vì vậy, về quốc phòng, không thể không tổ chức lực quân được. Trong lực quân người ta thường chia ra bộ binh, kỵ binh, pháo binh, công binh, chí trọng binh"².

1, 2. *Hồ Chí Minh với các lực lượng vũ trang nhân dân*, Sđđ, tr. 9, 80.

8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.4, tr.877.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chăm lo xây dựng bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang. Người nói "Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng, lại có hại"¹. Người dạy: "Quân đội ta là quân đội nhân dân, do dân đẻ ra, vì nhân dân mà chiến đấu"². "Quân đội ta trung với nước, hiếu với dân", "trung với Đảng, hiếu với dân". Mục tiêu chiến đấu của quân đội là "vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội". Nhiệm vụ của quân đội là vừa chiến đấu, vừa công tác, vừa sản xuất, trong đó chiến đấu là nhiệm vụ chủ yếu. Người hết sức chăm lo xây dựng Đảng trong quân đội, thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện đối với lực lượng vũ trang; định ra hệ thống tổ chức Đảng, tổ chức công tác chính trị, hệ thống chính trị viên, chính ủy để bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội. Người nói: trong việc xây dựng và phát triển quân đội, chúng ta phải ra sức đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố công tác chính trị. Người rất quan tâm xây dựng tinh thần dân chủ, kỷ luật, đoàn kết cho bộ đội. Người dạy: Kỷ luật là sức mạnh của quân đội, "Kỷ luật trong dân chủ, dân chủ phải có kỷ luật"³. Người luôn dạy bộ đội phải nêu cao tinh thần đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế, coi "đoàn kết là sức mạnh nhất của ta".

Một nét nổi bật trong tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang là "*ngồi trước, súng sau*", "vũ khí là cần, nhưng quan trọng hơn là con người vác súng".

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.217.

2. Hồ Chí Minh với các lực lượng vũ trang nhân dân, Sđd, tr.128.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.574.

Người chăm lo bồi dưỡng giáo dục cán bộ, chiến sĩ có năng lực toàn diện, có bản lĩnh chính trị, có tri thức quân sự, có trình độ văn hoá và có sức khoẻ. Trong khi nêu cao vai trò của con người, Người không coi nhẹ vai trò của vũ khí, kỹ thuật, chọn cán bộ khoa học để xây dựng và phát triển ngành quân giới, cán dẫn bộ đội lấy vũ khí địch đánh địch, tranh thủ sự viện trợ quốc tế, lo lắng cho bộ đội được trang bị ngày càng tốt hơn, quan tâm động viên xây dựng các binh chủng quân chủng hiện đại, bộ đội thông tin, pháo binh, công binh, phòng không, không quân, hải quân.

Người luôn quan tâm đến đời sống vật chất của bộ đội. Người nói đến kinh nghiệm ông cha: "thực túc thì binh cường", Người chỉ thị cho ngành hậu cần "phải làm thế nào một bát gạo, một đồng tiền, một viên đạn, một viên thuốc, một tác vải, phải đi thẳng đến chiến sĩ"¹. Người coi bảo đảm hậu cần vật chất, kỹ thuật cho tiến tuyến là hết sức quan trọng, quyết định chiến thắng. Mở đường lên Điện Biên Phủ trong kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là chủ trương mở con đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển để chi viện cho miền Nam trong chiến tranh chống Mỹ là biểu hiện nổi bật của tư tưởng ấy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi "cán bộ là cái gốc của mọi công việc". Trong xây dựng lực lượng vũ trang, Người đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quân sự, vì "Tướng là kẻ giúp nước. Tướng giỏi... thì nước mạnh. Tướng xằng thì nước hèn"². Từ rất sớm, Người cử cán bộ đi học quân sự, chuẩn bị cho việc xây dựng lực lượng vũ trang sau này.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.488.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.8, tr.568.

Người đặc biệt quan tâm các trường quân sự. Người đề ra sáu yêu cầu đối với người tướng: "Trí - Dũng - Nhân - Tín - Liêm - Trung". Đó là những yêu cầu cơ bản đối với người chỉ huy quân sự, trong đó chữ "Trí" được đặt lên hàng đầu. Chúng ta hiểu chữ "Trí" ở đây có nghĩa là hiểu rõ quy luật phát triển của thiên nhiên, của xã hội, hiểu rõ quy luật chiến tranh nói chung và chiến tranh ở Việt Nam nói riêng, và tìm ra cách lãnh đạo, chỉ đạo, tiến hành cách mạng và chiến tranh đúng đắn, sáng tạo, từ đó mà có lòng tin sắt đá vào thắng lợi của cách mạng, của kháng chiến. Đó là cơ sở khoa học của lòng trung thành vô hạn đối với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân. Đó là động lực mạnh mẽ để phát huy tinh thần trách nhiệm và kiến thức sâu rộng, trí thông minh sáng tạo, hoàn thành mọi nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao cho. Người khuyên cán bộ phải làm gương mẫu. Người trực tiếp lựa chọn những cán bộ chủ chốt của quân đội, và khi đã giao nhiệm vụ, thì hoàn toàn tin cậy.

Người luôn chú trọng nâng cao chất lượng của quân đội, sức mạnh chiến đấu của quân đội. Theo Người, "chính trị biểu hiện ra trong lúc đánh giặc"¹. Bộ đội phải tinh, sức chiến đấu phải mạnh. Người căn dặn cán bộ phải "học tư tưởng chiến lược, chiến thuật, học cách dạy bộ đội đánh giặc, học phương pháp chỉ huy chiến đấu"². Người căn dặn "toàn quân ta phải ra sức học tập chính trị, quân sự và văn hoá"³. "Quân đội ta nhất định phải tiến từng bước lên chính quy và hiện đại"⁴.

1, 2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.218.

3, 4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr.824, 588.

Ngay từ những ngày đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm đến vấn đề tổ chức lãnh đạo, chỉ huy quân đội. Người và Trung ương Đảng đã lập Quân ủy Trung ương (có thời gian gọi là Tổng Quân ủy), Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng chỉ huy (sau này gọi là Bộ Tổng tư lệnh) để xây dựng, lãnh đạo và chỉ huy quân đội. Người đã lập Bộ Tổng tham mưu với nhiệm vụ "tổ chức, huấn luyện quân đội cho giỏi, tổ chức nắm địch, nắm ta rõ ràng, bày mưu kế khôn khéo, tổ chức chỉ huy thông suốt". Về công tác chính trị, từ Chính trị cục đã lập ra Tổng cục Chính trị để tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội. Về công tác hậu cần, từ các cơ quan quân nhu, tài vụ đã lập ra Tổng cục Cung cấp, sau này là Tổng cục Hậu cần để chăm lo công tác bảo đảm đời sống vật chất và trang bị vũ khí cho quân đội, v.v..

Dưới ánh sáng tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh và đường lối quân sự của Đảng, quân đội ta - một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, đã từ không đến có, từ yếu đến mạnh, từ du kích lên chính quy, hiện đại, cùng toàn dân đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA - XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

Từ kinh nghiệm của ông cha ta biết dựa vào điều kiện "Nhân hoà, địa lợi và thiên thời để dựng đất căn bản", từ học thuyết quân sự Mác - Lênin coi hậu phương là một nhân tố quyết định của chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm vấn đề xây dựng căn cứ địa, hậu phương để tạo tiềm lực và chỗ đứng chân trong khởi nghĩa và

chiến tranh. Với Người, căn cứ hậu phương vững chắc nhất là lòng dân, "dựa vào nhân sơn, nhân hải".

Năm 1941, Người chỉ rõ: "Khi du kích đã khá đông thì phải có căn cứ địa... Du kích dùng nơi đó làm chỗ đứng chân, tiến có thể đánh và phát triển lực lượng, lui có thể đứng và giữ gìn lực lượng"¹. Đó là nơi có địa thế hiểm trở che chở, có dân chúng cảm tình ủng hộ. Việc xây dựng các căn cứ du kích, các chiến khu giải phóng là nhân tố bảo đảm cho khởi nghĩa thắng lợi.

Trong kháng chiến chống Pháp, Người chủ trương "vừa kháng chiến vừa kiến quốc", khẩn trương xây dựng chính quyền và Mặt trận Liên Việt; kêu gọi toàn dân thi đua ái quốc "chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm", "Hậu phương thi đua với tiền phương", "*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng*"²; kêu gọi đồng bào phải thi đua thực hành cần, kiệm, liêm, chính, thi hành đúng chính sách của Đảng và Chính phủ, thực hiện các chính sách bồi dưỡng sức dân để kháng chiến lâu dài.

Dưới ánh sáng tư tưởng của Người, Đảng ta đã ra sức xây dựng các căn cứ địa Việt Bắc, xây dựng các khu du kích và căn cứ du kích ở vùng địch tạm chiếm, củng cố, xây dựng vùng tự do Khu IV, Khu V, các khu căn cứ Khu VI, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Đồng Tháp Mười... làm căn cứ hậu phương cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến lâu dài và phát triển chiến tranh nhân dân, đưa công cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

1. Xem Hồ Chí Minh: *Con đường giải phóng*, TĐĐ.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.255.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người xác định: miền Bắc là hậu phương của miền Nam. Miền Bắc là cái gốc, là cái nền. Miền Bắc giàu mạnh là cơ sở vững chắc của cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Người đã cùng Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo quân và dân miền Bắc ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, văn hoá, xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch, làm cho miền Bắc - hậu phương lớn ngày càng vững mạnh, hết lòng chi viện sức người sức của cho miền Nam - tiền tuyến lớn.

Người chủ trương giữ vững và tăng cường đoàn kết với các nước anh em, dựa vào phe xã hội chủ nghĩa làm hậu phương lớn của Việt Nam, phát huy đến mức cao nhất những điều kiện thuận lợi của thời đại.

Trong khi miền Bắc ra sức xây dựng hậu phương lớn của cả nước thì ở miền Nam, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân phát triển sáng tạo kinh nghiệm của kháng chiến chống Pháp, ra sức xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng căn cứ ở khắp nơi, ở nông thôn đồng bằng và đô thị, xây dựng các vùng giải phóng lớn nhỏ trên các chiến trường, vùng rừng núi, miền Đông, miền Tây Nam Bộ, miền Trung, cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Nhờ đó mà đã phát huy tiềm lực tại chỗ, tạo thành thế cài răng lược, bao vây, chia cắt uy hiếp địch, nổi dậy và tiến công địch liên tục, rộng khắp, tạo điều kiện cho chiến tranh nhân dân địa phương phát triển đến cao độ.

Thành công to lớn xây dựng căn cứ địa, hậu phương trong Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến là thắng lợi của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về chỗ đứng

chân, về xây dựng tiềm lực, lực lượng dự bị trong khởi nghĩa và chiến tranh.

Trong những khoảng thời gian như sau Cách mạng Tháng Tám, nước nhà giành được độc lập, hay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, khi ta có lãnh thổ phải bảo vệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng nền quốc phòng của nước ta. Đó là bước phát triển cao của việc xây dựng căn cứ địa và hậu phương.

Sau Cách mạng Tháng Tám, trong gần một năm tranh thủ hòa bình, hòa hoãn, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã khẩn trương triển khai nhiều việc quan trọng trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá để củng cố nền quốc phòng, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, miền Bắc được giải phóng trở thành hậu phương lớn của một quốc gia có chủ quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta ra sức xây dựng miền Bắc để miền Bắc vừa làm được nhiệm vụ là căn cứ địa hậu phương của cả nước, chi viện cho tiến tuyến miền Nam, vừa đủ sức đánh bại mọi mưu đồ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc của Mỹ - ngụy. Ta đã đẩy mạnh công cuộc củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội, xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân tự vệ, xây dựng công nghiệp quốc phòng, kết hợp kinh tế với quốc phòng, thực hiện nền quốc phòng toàn dân, toàn diện. Nhờ vậy, khi đế quốc Mỹ dùng không quân và hải quân đánh ra miền Bắc thì toàn dân ta đã có cơ sở vững chắc để tiếp tục giữ vững sản xuất, ổn định sinh hoạt xã hội, đánh bại các cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và không ngừng chi viện ngày càng mạnh mẽ sức người

sức của cho miền Nam, phát huy sức mạnh của cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

*
* *

Tóm lại, Hồ Chí Minh là vị Anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại, nhà chiến lược quân sự thiên tài. Người là người thầy trực tiếp đào tạo bồi dưỡng các thế hệ cán bộ quân sự đầu tiên của Đảng, là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Người đã dành gần trọn cuộc đời của mình để nghiên cứu lý luận, đề ra đường lối, xây dựng tổ chức, trực tiếp lãnh đạo thực hiện sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự phát triển truyền thống quân sự của dân tộc lên một đỉnh cao mới, vì vậy chúng ta có thể nói đó là *tư tưởng quân sự Việt Nam, là học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là ngọn cờ chỉ đạo nhân dân ta đánh giặc, tiến hành thành công Tổng khởi nghĩa vũ trang và cuộc kháng chiến thần thánh 30 năm thắng lợi, làm cho Tổ quốc ta hoàn toàn độc lập, thống nhất, dân tộc ta trở thành dân tộc anh hùng, quân đội ta trở thành quân đội anh hùng.

Đây là thắng lợi vĩ đại và thắng lợi đầu tiên của một nước nhỏ đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, có ý nghĩa to lớn không những đối với dân tộc ta mà cả phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Người là một cống hiến to lớn đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng

thế giới, mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.

Có thể khái quát tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh với những nội dung phong phú đã được trình bày ở trên thành những quan điểm nổi bật sau:

1. Quan điểm *đường lối chính trị quyết định đường lối quân sự*. Mục tiêu của cách mạng: độc lập, thống nhất, dân chủ và chủ nghĩa xã hội cũng là mục tiêu chính trị của khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh toàn dân. Quân sự luôn gắn liền với chính trị.

2. Quan điểm dùng *bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng*, và sự thống nhất giữa tư tưởng bạo lực cách mạng với tư tưởng nhân văn, nhân đạo và hòa bình.

3. Quan điểm xây dựng *hai lực lượng, ba thứ quân*: lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; dân quân tự vệ, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực; bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương hợp thành Quân đội nhân dân Việt Nam.

4. Quan điểm *khởi nghĩa vũ trang toàn dân, chiến tranh toàn dân*, vận dụng khoa học và nghệ thuật toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt, lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, quyết chiến đặng cầm kết hợp với mưu trí sáng tạo để đánh thắng kẻ địch có lực lượng đông, có vũ khí trang bị hiện đại.

5. Quan điểm *kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại*, phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của các lực lượng tiến bộ của thời đại, thêm bạn bớt thù, tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi kẻ thù.

6. Quan điểm Đảng lãnh đạo khải nghĩa và chiến tranh, trực tiếp lãnh đạo lực lượng vũ trang là nhân tố quyết định thắng lợi.

Đó là những quan điểm cơ bản xuyên suốt trong khải nghĩa cũng như trong chiến tranh, trong xây dựng lực lượng vũ trang, cũng như xây dựng hậu phương, củng cố quốc phòng.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh không dừng lại ở quan điểm, đường lối, mà cụ thể hoá thành phương pháp, biện pháp, nguyên tắc hành động, nghệ thuật tổ chức thực hiện. Tư tưởng ấy phải được nghiên cứu, xem xét theo *quan điểm lịch sử, quan điểm phát triển*. Vận dụng tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là vận dụng các quy luật, các nguyên tắc vào tình hình cụ thể, đối tượng cụ thể và các vấn đề cụ thể mới được đặt ra.

Việc nghiên cứu tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng. Tình hình thế giới đang có những đảo lộn lớn, những biến chuyển phức tạp, sâu sắc. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ ngay khi lực lượng vũ trang còn nguyên vẹn. Nước ta đang trên con đường "đổi mới" xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tình hình ấy đòi hỏi chúng ta phải đi sâu nghiên cứu vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự nói riêng, vào sự nghiệp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, củng cố nền quốc phòng và an ninh nhân dân một cách nghiêm túc, khoa học để bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân ta ngày càng vững mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Chương VII

**TU TƯỜNG NHÂN VĂN, ĐẠO ĐỨC,
VĂN HOÁ HỒ CHÍ MINH**

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, từ xưa đến nay, đã có nhiều học thuyết, tư tưởng đề cập đến *số phận con người, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người muốn được giải toả khỏi những bế tắc trong cuộc sống, giải thoát khỏi những hạn chế ràng buộc của tự nhiên, xã hội và của bản thân con người*. Đó chính là tư tưởng nhân văn, nhân đạo được thể hiện ở những mức độ, trình độ khác nhau, tiếp cận từ những giác độ khác nhau.

Nhưng, tư tưởng nhân văn, nhân đạo ấy thường chỉ dừng lại ở ước mơ, ảo tưởng, chỉ là sự phản ánh những nguyện vọng của con người về một tương lai, về những mối quan hệ giữa người với người tốt đẹp hơn. Điều này có thể thấy trong khá nhiều học thuyết, kể cả các tôn giáo.

Tuy nhiên, chỉ có học thuyết nào mang tính cách mạng và khoa học mới có thể biến những nguyện vọng, ước mơ chân chính thành hiện thực.

Học thuyết Mác sô dĩ là một học thuyết đầy sức sống, đã chinh phục trái tim, khối óc của hàng triệu, hàng triệu con người từ giữa thế kỷ XIX đến nay, *trước hết, vì chủ nghĩa Mác là lý tưởng mang tính nhân văn cao cả*. Nhưng quan

trọng hơn là nó đã vạch ra con đường để đi đến xoá bỏ mọi áp bức, bóc lột, bất công trên trái đất, thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa bằng một chế độ xã hội tốt đẹp theo những quy luật phát triển khách quan của xã hội.

Lý tưởng đó của Mác đã kế thừa tư tưởng nhân văn, nhân đạo trong lịch sử; kế thừa lý tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng về xây dựng một xã hội công bằng, không còn áp bức, bóc lột, không còn nạn bán cùn. *Trên cơ sở thế giới quan và phép biện chứng mácxít*, Mác - Ăngghen đã nâng chủ nghĩa xã hội không tưởng thành chủ nghĩa xã hội khoa học, nhằm giải phóng giai cấp vô sản, nhân dân lao động bị áp bức, giải phóng con người và loài người một cách triệt để. Chính vì vậy, Mác đã gọi học thuyết của mình là "*chủ nghĩa nhân đạo hiện thực*".

Ngày nay, thế giới đã có nhiều biến đổi so với thời kỳ Mác - Ăngghen viết *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Có những nguyên lý cụ thể về một số mặt, một số lĩnh vực của Mác cần được bổ sung, phát triển. Trong hiện thực xây dựng chủ nghĩa xã hội, một số người, một số tổ chức nhân danh Mác đã làm không đúng tư tưởng của học thuyết Mác hoặc rập khuôn, giáo điều trong vận dụng, đã dẫn đến những tổn thất, những bước lùi lớn trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới.

Tuy nhiên, học thuyết Mác vẫn giữ nguyên vẹn sức sống ở những nguyên lý cơ bản, ở tính nhân văn, nhân đạo và phép biện chứng khoa học, cách mạng, sáng tạo của nó. Hội nghị về chủ nghĩa Mác gồm 500 nhà bác học, nhà nghiên cứu triết học, xã hội học của 22 nước khắp các châu lục đã họp Đại hội ở Pari để bàn về chủ nghĩa Mác. Tuyên bố kết thúc Đại hội đã nhấn mạnh: "Tư tưởng

của Mác vẫn giữ nguyên tầm quan trọng của nó trong thế giới hiện tại"¹.

Với cách tiếp cận như trên, chúng ta có thể khẳng định: Sở dĩ tư tưởng Hồ Chí Minh là "linh hồn", "ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam", "luồng tâm của thời đại", có sức sống bền vững và có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của nhân dân Việt Nam và của nhân dân nhiều dân tộc trên thế giới, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai, chính là vì tư tưởng của Người đã kế thừa những giá trị tư tưởng, văn hoá "vĩnh cửu" của nhân loại thấm đượm một chủ nghĩa nhân văn cao cả, đáp ứng những yêu cầu, nguyện vọng cháy bỏng và sâu xa của dân tộc và nhân loại. Và cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Người là một tấm gương, một biểu hiện tiêu biểu nhất cho chủ nghĩa nhân đạo cộng sản.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trước hết biểu hiện ở tấm lòng thương yêu con người, thương yêu nhân dân hết sức bao la, sâu sắc. Người đã từng khái quát về triết lý cuộc sống: "Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức"².

Trong lịch sử dân tộc và thế giới, đã từng xuất hiện biết bao tấm gương thương nước, thương dân, thương số phận đau khổ của con người... Tuy nhiên, ở Hồ Chí Minh, lòng thương nước, thương dân, thương nhân loại mang một nội dung mới sâu sắc, toàn diện.

1. Bùi Đình Thanh: *Mác vẫn là biểu tượng của sự phê phán trật tự đang thống trị*, tạp chí *Xưa và nay*, Hội Sử học, số 11 (11-1995).

2. Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật Việt Nam*, NXB. Pháp lý, Hà Nội, 1990, tr.174.

Trước hết, đó không phải là lòng thương hại của "bề trên" nhìn xuống, cũng không phải là sự động lòng trắc ẩn của người "đứng ngoài" trông vào, mà là sự đồng cảm của những người cùng cảnh ngộ. Là một người dân mất nước, Người đã nhận thức sâu sắc sự thống trị tàn bạo của đế quốc thực dân, khát vọng cháy bỏng được giải phóng của các dân tộc bị áp bức. Trong cuộc đời, Người đã từng trải qua và chứng kiến biết bao cảnh đau thương ngang trái, bất công...

Đó là nỗi khổ đau của Người khi phải bế em đi xin sữa, mẹ chết không được khóc, bố bị oan khuất và bị đẩy đi xa. Đó là cảnh nghèo đói của dân quê Nghệ - Tĩnh, cảnh khổ sở của những dân phu làm đường Cửa Rào, Trấn Ninh. Đó là cảnh những phu xe gầy ốm, những người bán hàng rong lam lũ bên cạnh cảnh sống phé phèn, xa hoa của bọn thống trị thực dân và vua quan cai trị ở kinh thành Huế; cảnh đấu tranh và bị đàn áp của nông dân chống thuế mà Người trực tiếp chứng kiến và giúp đỡ... Rồi đến những cảnh dân các thuộc địa khác bị đàn áp tàn bạo. Hình ảnh người dân da đen ở Đa Ka bị đẩy xuống biển chết trong gió to sóng lớn; những phụ nữ bị hãm hiếp, trẻ em bị phơi đói ở Dahômây, và những người dân thuộc địa bị bắt lính đi chết thay cho "mẫu quốc". Đó là cảnh phân biệt chủng tộc và đời sống khổ sở, bần cùng của người dân lao động ở các nước tư bản như đời sống của dân da màu ở Mỹ; đời sống lam lũ của "xóm thợ xóm nghèo, xóm người cùng khổ" Épiniét ngay giữa thủ đô Pari mà Người đã tận mắt trông thấy. Những hình ảnh, những sự kiện đó đã tác động sâu sắc đến tình cảm, tư tưởng của Người.

Từ thực tiễn cuộc sống, chứng kiến những nỗi đau khổ

của các dân tộc bị áp bức và nhân loại cần lao, Hồ Chí Minh đã thể hiện sự kết hợp lòng nhân ái vốn có trong truyền thống văn hoá Việt Nam với tư tưởng nhân nghĩa, nhân văn phương Đông, với tư tưởng "bác ái" giải phóng con người khỏi thân quyền và quân quyền của chủ nghĩa nhân văn phương Tây, đặc biệt là với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, để hình thành ở Người một *tư tưởng nhân văn cao cả, sâu sắc và hiện thực*.

Điểm nổi bật ở tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là lòng thương yêu những "người cùng khổ".

"Người cùng khổ" ở đây bao gồm những người dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa, bị mất nước, sống cuộc đời nô lệ, "không có tự do, công lý", bị "áp bức, bóc lột", bị "đấu độc", "đẩy vào vòng ngu dốt, tối tăm", "bị bắt làm lao dịch khổ sai và đi làm lính đánh thuê cho mấu quốc", "sống nghèo đói, cực khổ..."¹. Đó là những người dân lao động ở các nước tư bản, những người trực tiếp sản xuất ra của cải nhưng sống đói nghèo, cùng khổ thiếu thốn, "những người làm lưng sản xuất và đổi meo"².

Lời ra mắt của báo *Người cùng khổ* (*Le Paria*) năm 1921 đã xác định rõ mục đích đấu tranh của "*Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức*", là "đi từ giải phóng những người nô lệ mất nước, những người lao động cùng khổ đến giải phóng con người".

Con người ở đây bao hàm cả "*đồng bào*" trong nước và

1. Xem *Bản án chế độ thực dân Pháp*, in trong Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.28-144.

2. Xem *Paria: Công lý*, in trong Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.88.

"đồng bào" trên thế giới theo nghĩa "bốn bể là nhà, bốn phương vô sản đều là anh em".

Người viết, "Chỉ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn... Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người"¹.

Người vạch rõ: "Trừ bọn Việt gian bán nước, trừ bọn phát xít thực dân, là những ác quỷ mà ta phải kiên quyết đánh đổ, đối với tất cả những người khác thì ta phải yêu quý, kính trọng, giúp đỡ... Phải thực hành chữ Bác - Ái"².

Người khẳng định: "*Lòng thương yêu của tôi đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi*". Tình cảm, tư tưởng đó thể hiện sâu sắc, phong phú trong suốt cuộc đời Hồ Chí Minh. Trước lúc vĩnh biệt đi xa, trong *Di chúc*, Người viết: "Đầu tiên là vấn đề con người", và "Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế"³.

Xưa nay, giai cấp thống trị thường coi khinh quần chúng lao động, cho họ là đám người ngu dốt, tiêu cực, thụ động. Trong lịch sử dân tộc, cũng có những nhà văn hoá - chính trị kiệt xuất đã thấy sức mạnh của dân: "Đấy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân", "Khعان thu sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc", nhưng với ý thức hệ phong kiến, họ không nhận thức và khai thác được sức mạnh toàn diện, tiềm tàng của quần chúng lao động. Ngay trong giai cấp vô sản chính quốc, tuy cũng là những người

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.6, tr.180, 180-181.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.15, tr.824.

lao động, bị áp bức bóc lột, có mối quan hệ với các dân tộc thuộc địa, nhưng đến đầu thế kỷ XX còn có người quan niệm rằng, "người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và lại càng không có khả năng hoạt động"¹.

Hồ Chí Minh sống trong lòng quần chúng nhân dân, hiểu được tâm tư, nguyện vọng và sức mạnh của quần chúng nhân dân, nhất là sau khi được trang bị phương pháp luận Mác - Lênin. Người đã có những nhận định sâu sắc, đi vào bản chất, sức mạnh tiềm tàng của quần chúng. Do đó ở Người, lòng thương yêu dân gắn liền với *lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh, tính chủ động sáng tạo của nhân dân và lòng tôn trọng, kính trọng nhân dân*. Người khái quát: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"². Dân chúng biết nhiều cách giải quyết vấn đề một cách mau chóng đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra. Vì vậy, những người cách mạng không phải chỉ lãnh đạo mà còn phải học tập quần chúng nhân dân.

Một nội dung rất quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người là *phải chăm lo bồi dưỡng, sử dụng, phát động sức mạnh của con người, của nhân dân*.

Người nhận thức rõ vai trò quần chúng đối với sự nghiệp cách mạng: Công nông là gốc của cách mạng, "Người là gốc của làng nước"³. Người quan tâm đến việc giáo dục, giác ngộ quần chúng, tổ chức quần chúng, đem

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.81.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.458.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.177.

sức mạnh của quân chúng mà chiến thắng sức mạnh vật chất của giai cấp thống trị, của kẻ thù. Chính vì vậy, với 5.000 đảng viên, dựa vào lực lượng đông đảo quần chúng được tổ chức, giác ngộ và nắm đúng thời cơ, Đảng ta đã lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công.

Sau Cách mạng Tháng Tám, khi bàn đến những nhiệm vụ cấp bách của cả nước, Người đã nêu nhiệm vụ "chống giặc đói", cùng với việc "chống giặc đói" và "giặc ngoại xâm"... Người chỉ rõ là dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, 90% đồng bào ta mù chữ. Một dân tộc đói là một dân tộc yếu, nên cần phải phát động chiến dịch "chống giặc đói", "xoá nạn mù chữ".

Người nhấn mạnh: chế độ thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn để hủ hoá dân tộc chúng ta bằng những thói xấu lười biếng, gian xảo, tham ô, và những thói xấu khác. *Chúng ta phải làm sao cho dân tộc ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.*

Để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, Người chỉ rõ: phải đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân; phát động mạnh mẽ tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, hết sức coi trọng khoa học, kỹ thuật; coi trọng nhân tài, trọng dụng nhân tài, đào tạo nhân tài. Người yêu cầu: Công nông phải trí thức hoá và trí thức phải gắn bó với công nông, ra sức phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngoài sự quan tâm đến quyền lợi, nguyện vọng, đời sống của cả dân tộc, *Người còn quan tâm đến những nhu cầu, nguyện vọng riêng của mỗi giai cấp, của mỗi con người.*

Trong *Di chúc* thiêng liêng, Người đã dành một phần quan trọng nói về những việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi. Trong đó, Người nhấn mạnh: Đầu tiên là công việc đối với con người và để ra yêu cầu thái độ, chính sách đối với các lớp người như: "Đối với những người đã đứng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ dân quân, du kích, thanh niên xung phong...) Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ẩn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh"¹.

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương... phải giúp đỡ họ có công ăn việc làm thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.616.



Phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất, Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo... Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v. thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa phải dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện...

Đối với đồng bào nông dân, suốt trong kháng chiến chống Pháp đến chống Mỹ đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất¹.

Đồng bào ít người, đồng bào miền núi rất tốt đối với cách mạng, hết lòng vì cách mạng. Đảng và Chính phủ phải có chính sách cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào, làm cho "miền núi tiến kịp miền xuôi".

Như vậy, trong mọi hoàn cảnh, lúc đấu tranh cần sự hy sinh của con người, của nhân dân, cũng như khi đã giành thắng lợi... Người đều quan tâm đến con người, đến mọi tầng lớp nhân dân, thể hiện tư tưởng và tấm lòng rộng mở, chu đáo, bao dung.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh còn mang nội dung

1. Xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr. 616-617.

mới, chất lượng mới ở chỗ lòng thương yêu nhân dân, nhân loại, người cùng khổ của Người không chỉ dừng ở "tình thương trầu tượng", ở sự thông cảm, ở lòng tin, mà trên cơ sở nắm vững lý luận, phương pháp luận khoa học, cách mạng, Người đã đi sâu tìm hiểu, *vạch rõ nguồn gốc của mọi nghèo khổ, mọi áp bức, bóc lột, mọi bất công trên đời*. Từ đó, gắn lòng thương yêu nhân dân, nhân loại, người cùng khổ với lòng căm ghét, lên án mọi chế độ bất công, lên án chủ nghĩa đế quốc thực dân, lên án chủ nghĩa tư bản bóc lột, tìm ra con đường đúng đắn, khoa học để xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Người cũng hết sức căm ghét, lên án những kẻ sâu mọt trong cán bộ, đảng viên, trong nội bộ nhân dân xâm phạm quyền lợi nhân dân, tham ô, lãng phí, ức hiếp nhân dân... Với bọn này, Người đã chỉ rõ là, nếu giáo dục, làm gương không xong, thì sẽ dùng pháp luật mà trị - "đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết".

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn khoa học, hiện thực, cách mạng. Người ta thường cho rằng Hồ Chí Minh là một nhà triết học hành động thì cũng có thể nói nhà nhân văn Hồ Chí Minh là *một nhà nhân văn hành động, hành động nhằm giải phóng con người*.

Mục đích của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp giải phóng là xây dựng một xã hội mới không còn áp bức, bóc lột, bất công; một xã hội giàu mạnh, công bằng, văn minh; với những con người mới có phẩm chất cao đẹp, có trình độ phát triển toàn diện. Những con người được đào tạo, giác ngộ ấy chính là động lực của sự phát triển: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người

xã hội chủ nghĩa"¹. Con người xã hội chủ nghĩa là con người phát triển toàn diện, hoàn toàn đi đến không có chủ nghĩa cá nhân.

Do đó, tư tưởng xây dựng con người, giải phóng con người về mặt phẩm chất, nhân cách cũng như về tài năng trí tuệ là một bộ phận quan trọng của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Người vạch rõ: "Người ta ai cũng có tính tốt và tính xấu. Mỗi con người đều có thiện và ác trong lòng". Tuy nhiên, "thiện" và "ác" không phải tự nhiên mà có, mà "phần lớn do giáo dục mà ra". Vì vậy, thái độ của người cách mạng là "phải biết làm cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa Xuân và phần xấu bị mất dần đi"².

Trong giải phóng con người, Hồ Chí Minh chú ý kết hợp hài hòa giữa cá nhân và tập thể, cộng đồng. Trong bài "Đời sống mới", Người nêu: "Nói chung, thì đời sống mới có thể chia làm hai thứ. Một là đời sống mới riêng, từng người. Hai là đời sống mới chung từng nhóm người, như các bộ đội, các nhà máy, các trường học, các công sở, v.v."³. Đồng thời, Người chỉ ra sự tác động giữa riêng và chung, cá nhân và nhóm người: "Do nhiều người nhóm lại mà thành làng. Do nhiều làng nhóm lại mà thành nước. Nếu người này cũng xấu, người kia cũng xấu, thì thành làng xấu, nước hèn. Nếu mỗi người đều tốt, thì thành làng tốt, nước mạnh. Người là gốc của làng nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường"⁴.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.18, tr.86.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr.672.

3, 4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.115, 116-117.

Người đặc biệt quan tâm và tôn trọng "tính cách riêng", "sở trường riêng", "đời sống riêng", quyền lợi riêng của mỗi người, nhằm phát huy đến mức cao nhất vai trò, khả năng của từng người, vì lợi ích riêng chính đáng của mỗi người và lợi ích của cả cộng đồng. Đối với những người lầm đường lạc lối hay có sai lầm, và ngay cả với những binh sĩ địch, lòng thương yêu của Người mở rộng thành lòng khoan dung. "Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ"¹.

Như vậy, tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh thấm đượm chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái, truyền thống văn hoá Việt Nam; kế thừa tư tưởng nhân văn, nhân đạo trong văn hoá phương Đông, phương Tây; phát triển chủ nghĩa nhân đạo hiện thực của chủ nghĩa Mác. Đó là *chủ nghĩa nhân văn "chân chính", chủ nghĩa nhân văn hiện thực của con người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*. Trong đó, lòng thương yêu nhân dân, thương yêu người cùng khổ gắn với lòng thương yêu nhân loại. Lòng thương yêu thống nhất với lòng tin, sự tôn trọng và ý chí cùng hành động triệt để giải phóng nhân dân, nhân loại. *Bản thân Hồ Chí Minh là hình mẫu của con người nhân văn của thời đại mới, thời đại kết hợp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội với giải phóng loài người; độc lập dân tộc gắn với tự do, hạnh phúc, với chủ nghĩa xã hội.*

*
* * *

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.280.



Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một nội dung cơ bản của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, nó hình thành từ yêu cầu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Do đó, muốn có nhận thức sâu sắc về tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, cần phải nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Có thể nói, *Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, những lãnh tụ cách mạng quan tâm nhiều đến vấn đề đạo đức và có nhiều cống hiến về tư tưởng đạo đức cách mạng. Không những thế, bản thân Người là một tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng.*

+ *Trước hết, Người xem đạo đức cách mạng là cái gốc, là nền tảng của người cách mạng*

Người nhấn mạnh: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?". Và "Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang"².

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.292-298.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.11, tr.601.

Người ca ngợi Lênin, không chỉ về mặt lý luận, về "sự thông thái", "thiên tài" mà đặc biệt là về đạo đức cao đẹp, vĩ đại của Lênin. Người viết: "Nếu giai cấp vô sản phương Tây coi Lênin là một thủ lĩnh, một lãnh tụ, một người thầy thì các dân tộc phương Đông lại coi Lênin là một người còn vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa, nếu tôi có thể nói như vậy.

Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi"¹.

Nhấn mạnh đạo đức là gốc, Hồ Chí Minh không coi nhẹ tài năng vì phải có tài năng, có tri thức mới hoàn thành tốt đẹp mọi nhiệm vụ. Năm 1959, Người nói với các giáo viên đang học lớp chính trị: "Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i, tờ thì dạy thế nào?"².

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, năm 1927, Người viết "Tư cách người cách mệnh" ngay ở trang đầu tiên. Trong cuốn *Con đường giải phóng* do Người soạn thảo năm 1940 để huấn luyện cán bộ, có sáu bài thì bài thứ sáu là "Tư cách người cán bộ cách mạng". Năm 1946, trong điều kiện vô cùng bộn rộn, Người đã viết nhiều thư gửi các đồng chí Nghệ - Tĩnh, các đồng chí Bắc Kỳ, Trung Kỳ nhắc nhở phải giữ vững tư cách, đạo đức người cán bộ cách mạng, ngăn ngừa và kiên quyết khắc phục những khuyết điểm,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.317.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.269.



sai lầm trong tư cách người lãnh đạo, người nắm chính quyền. Năm 1947, Người viết cuốn *Sửa đổi lối làm việc*, trong đó Người căn dặn phải rèn luyện đạo đức cách mạng, ra sức chống những thói hư, tật xấu như quan cách mạng, hẹp hòi, hủ hoá, tư túi... Tiếp đến những năm sau, Người viết các bài "Đạo đức cách mạng", "Cần kiệm liêm chính". Cho đến năm 1969, trước lúc đi xa, Người viết bài "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Trong *Di chúc*, Người căn dặn: Việc cần làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng. Với thanh niên, Bác viết: "phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên"¹.

Người đã vạch rõ đạo đức chúng ta xây dựng là *đạo đức mới, đạo đức cách mạng*; nó tiếp thu, kế thừa truyền thống đạo đức cổ truyền như "lòng thương nước, thương dân", "tinh thần tương thân, tương ái", v.v., nhưng nó khác về bản chất *đạo đức cũ, đạo đức phong kiến, tư sản*. Người thường nói: "Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời"². Đạo đức mới là đạo đức cách mạng, *đạo đức cộng sản chủ nghĩa*, trong đó có sự kết hợp giữa đạo đức của giai cấp công nhân với truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa đạo đức nhân loại.

Trong khi đề cập đến những nội dung, những chuẩn mực cơ bản của đạo đức mới, tuy Người có sử dụng một số

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.15, tr.622.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.7, tr.220.

mệnh đề của đạo đức Nho giáo, một số thành ngữ dân gian... nhưng với tinh thần phủ định biện chứng, với nội dung mới, yêu cầu mới của đạo đức cách mạng. Như "Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư"; "Trung hiếu"; "Giàu sang không quyến rũ, nghèo khó không chuyển lay, uy vũ không khuất phục..." đều là mệnh đề cũ, nhưng người đã cải biến nội dung, đưa yêu cầu, nội dung mới vào.

+ Vấn đề rất quan trọng phân biệt các đạo đức khác nhau, có tác dụng điều chỉnh ý thức và hành vi đạo đức của mỗi người và của cộng đồng là những chuẩn mực đạo đức. Những chuẩn mực này phải phản ánh đúng cơ sở kinh tế mới, chế độ mới, những yêu cầu, nhiệm vụ, tính chất của đạo đức mới.

Trong những chuẩn mực đạo đức, trước hết, Người nêu những chuẩn mực chung, có ý nghĩa cơ bản và có tính phổ cập đối với mọi người, mọi tầng lớp như: "Trung với Đảng"; "Trung với nước, hiếu với dân"; "Cần kiệm liêm chính"; "Biết chiến thắng chủ nghĩa cá nhân ích kỷ"; "Biết đặt lợi ích dân tộc, tập thể lên trên lợi ích cá nhân"; "Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm"; "Đoàn kết, nhân ái", v.v..

Người còn đề ra những chuẩn mực cụ thể đối với từng lớp người phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, trách nhiệm của lớp người đó:

Đối với công dân, Người dạy: "Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân, tức là:

- Tuân theo pháp luật Nhà nước.
- Tuân theo kỷ luật lao động.
- Giữ gìn trật tự chung.

- Đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung.

- Hăng hái tham gia công việc chung.
- Bảo vệ tài sản công cộng.
- Bảo vệ Tổ quốc¹.

Đối với đảng viên: Tuỳ theo đối tượng, hoàn cảnh, có lúc Người nhấn chuẩn mực này, có lúc chuẩn mực khác. Nhưng tóm lại, Người viết: "đạo đức cách mạng là:

Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác².

Đối với lực lượng vũ trang, Người viết: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"³.

Đối với lực lượng an ninh, Người nêu tư cách người an ninh cách mạng là:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.258.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.608.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.485.

"Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.
 Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.
 Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.
 Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.
 Đối với công việc, phải tận tụy.
 Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo"¹.

Đối với cán bộ, chiến sỹ làm chức trách, nhiệm vụ khác nhau, Người lại có những lời răn dạy, nêu những yêu cầu phấn đấu cụ thể: Đối với chiến sỹ lái xe thì "yêu xe như con, quý xăng như máu". Với chiến sỹ nuôi quân thì "com dẻo, canh ngọt". Với quân y: "Lương y như tứ mẫu". Với cán bộ chỉ huy: "Trí, dũng, nhân, liêm, trung", v.v..

Với các cháu thiếu nhi, trong *Thư gửi các học sinh* (tháng 9-1945), Người viết: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"² và *Thư gửi các cháu thiếu nhi*, năm 1946, Người khuyên các cháu:

1. Phải siêng học,
2. Phải giữ sạch sẽ,
3. Phải giữ kỷ luật,
4. Phải theo đời sống mới,
5. Phải thương yêu giúp đỡ cha mẹ anh em"³.

Trong *Thư gửi thiếu niên, nhi đồng toàn quốc* nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Đội Thiếu niên tiến phong, Người lại dạy:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.498-499.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.85, 472.



- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.
- Học tập tốt, lao động tốt.
- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.
- Giữ gìn vệ sinh.
- Thật thà, dũng cảm"¹.

Với thanh niên, Người nêu: "Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do các thanh niên... mỗi thanh niên, nhất là mỗi cán bộ phải kiên quyết làm bằng được những điều sau này:

a) Các sự hy sinh khổ nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc).

b) Các việc đáng làm, thì có khó mấy cũng cố chịu quyết làm cho kỳ được.

c) Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý.

d) Dem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc.

e) Quyết tâm làm gương về mọi mặt: siêng năng, tiết kiệm, trong sạch.

f) Chớ kiêu ngạo, tự mãn, tự túc. Nói ít làm nhiều, thân ái đoàn kết..."².

Và Người khuyên thanh niên:

"Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền.
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên"³.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.18, tr.181-182.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.216-217.

3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.440.

Đối với phụ nữ, Người chỉ rõ: "Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người."

Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa"¹.

Người yêu cầu phụ nữ: "Chị em phụ nữ cố gắng thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm... Phụ nữ công nhân cần tích cực tham gia quản lý thật tốt nhà máy, công trường. Phụ nữ nông dân cần hăng hái tham gia phong trào đổi công, hợp tác, gặt tốt vụ mùa, chuẩn bị tốt vụ chiêm năm tới. Các tầng lớp phụ nữ ở thành phố cần chấp hành tốt các chính sách của Đảng và Chính phủ. Chị em làm nghề buôn bán cần giữ đức tính thật thà, đúng đắn, bài trừ tệ "mua rẻ, bán đắt", tệ "mặc cả, nói thách". Chị em phụ nữ phải hết sức chăm lo bảo vệ sức khỏe của con cái, vì thiếu nhi là tương lai của dân tộc"².

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh còn rất chú ý đến con đường, phương pháp xây dựng đạo đức cách mạng. Đây cũng là một nội dung quan trọng của tư tưởng đạo đức, của đạo đức học.

Nắm vững đặc điểm và quy luật của sự hình thành đạo đức, Người nêu quan điểm: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng và vàng càng luyện càng trong"³. "Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người"⁴. Khác với sự hình thành và tác

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr 800.

2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr 547, 612, 612.

dụng điều chỉnh hành vi của pháp luật là bắt buộc, cưỡng bức, *Đạo đức chỉ có thể hình thành và phát triển trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào lương tâm của mỗi người và dư luận của quần chúng.*

Tác dụng nêu gương giữ một vai trò rất quan trọng hình thành đạo đức xã hội. Đặc biệt đối với phương Đông. Người nói: "Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"¹. Do đó, theo Người, để xây dựng đạo đức cách mạng cần phải:

- Thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng để cao tinh thần tự phê bình và phê bình. Phải gắn việc rèn luyện đạo đức với công tác thực tế. Người vạch rõ: "Tư tưởng cộng sản với tư tưởng cá nhân ví như lúa với cỏ dại. Lúa phải chăm bón rất khó nhọc thì mới tốt được. Còn cỏ dại không cần chăm sóc cũng mọc lu bù. Tư tưởng cộng sản phải rèn luyện gian khổ mới có được. Còn tư tưởng cá nhân thì cũng như cỏ dại, sinh sôi, nảy nở rất dễ"².

- Gắn xây và chống, lấy xây làm chính, phải "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Kiên quyết đấu tranh khắc phục chủ nghĩa cá nhân vì: "Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng"³. Chủ nghĩa cá nhân để ra hàng trăm thứ tính xấu như siêng ăn,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.1, tr.284.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.12, tr.222.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t.11, tr.802.

biếng làm, kén cựa, nghĩ đến mình, không nghĩ đến đồng bào, tham danh lợi, địa vị, v.v.." Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyết, nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm¹. Do đó, muốn có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, muốn có đạo đức cách mạng, phải gạt bỏ chủ nghĩa cá nhân. Phải xây dựng "đời sống mới", phải nêu gương "người tốt việc tốt". Theo Người thì mỗi con người đều có thiện và ác trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở và phần xấu mất đi. *Lấy gương người tốt việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới.*

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người, năm 1969, các nhà xuất bản đã phát hiện 8.000 gương người tốt, việc tốt, in thành sáu tập sách:

- *Vi nước vì dân;*
- *Dũng cảm, đảm đang;*
- *Hậu phương thì đưa vào tiền phương;*
- *Thế hệ anh hùng;*
- *Việc nhỏ nghĩa lớn;*
- *Dân tộc anh hùng, giai cấp tiên phong.*

Nhận thức một cách sâu sắc vai trò gương mẫu của đảng viên, cán bộ, của cấp trên đối với cấp dưới trong giáo dục, rèn luyện đạo đức, theo tinh thần "Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền". Người luôn yêu cầu: Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong mọi công việc; đảng viên đi trước làng

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.11, tr.602.



nước theo sau; mỗi đảng viên phải nhận rõ nhiệm vụ của mình là phải tiến bộ trong công tác, tiến bộ về tư tưởng, làm gương mẫu trong mọi công việc, đồng thời lấy tinh thần của người đảng viên cộng sản giúp đỡ anh em ngoài Đảng cùng tiến bộ.

Bản thân Người là tấm gương sáng, là hiện thân của nền đạo đức cách mạng Việt Nam, mãi mãi là ngọn đèn pha chiếu rọi con đường rèn luyện, phấn đấu để trở nên "tốt" hơn, đạt đến "chân - thiện - mỹ" của con người Việt Nam ngày nay và mai sau.

Ngày nay, tình hình mọi mặt so với thời Người còn sống đã có nhiều đổi thay. Tuy nhiên, những tư tưởng và tấm gương của Người về đạo đức cách mạng vẫn sống mãi. Trong điều kiện mới, cùng với những mặt tích cực của cơ chế thị trường, của mở cửa, những tác động tiêu cực đang xói mòn đạo đức, đời sống văn hoá của nhân dân ta, ngay cả trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải kịp thời ngăn chặn, lấy ánh sáng cao đẹp của đạo đức cách mạng, đạo đức Hồ Chí Minh xua tan bóng tối của đạo đức tư sản, của lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, chạy theo tiện nghi, bất chấp lương tâm trách nhiệm, nghĩa vụ, tình nghĩa.

*

* *

Văn hoá là sự kết tinh những giá trị cao quý nhất, đẹp đẽ nhất của con người, của đời sống một dân tộc, một xã hội. Có thể nói, văn hoá nói chung là trình độ "Người", trình độ "Người" của những quan hệ xã hội, bao gồm tất cả những gì liên quan đến sáng tạo của con người, được hun đúc qua các thế hệ, biến thành truyền thống bền vững.

thành bản sắc của dân tộc, của xã hội, thành động lực phát triển của con người, của dân tộc và của xã hội loài người.

Tư tưởng nhân văn, tư tưởng đạo đức là những nhân tố quan trọng, là nền tảng tinh thần của nền văn hoá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn xây dựng. Vì vậy, nghiên cứu tư tưởng nhân văn, tư tưởng đạo đức của danh nhân văn hoá kiệt xuất Hồ Chí Minh cần phải gắn với nghiên cứu tư tưởng văn hoá của Người.

Từ năm 1928, nhà văn, nhà thơ Ôxíp Mandenxtam, sau khi tiếp xúc với người thanh niên Nguyễn Ái Quốc khi Người mới 33 tuổi đã có nhận xét: "Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai"¹. Lý giải cho nhận xét đó, ông viết:

"Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mệnh mông của tình hữu ái toàn thế giới"².

Năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã tôn vinh Người là "Anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam, Nhà văn hoá kiệt xuất", với nội dung:

"Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".

"Sự đóng góp về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh

1, 2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.462, 468.



của truyền thống hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau¹.

Như vậy là suốt gần hai phần ba thế kỷ đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh - con người chính trị, người cộng sản vĩ đại, cũng là nhà nhân văn chân chính và là nhà văn hoá kiệt xuất. Sự nghiệp cách mạng, kháng chiến, xây dựng xã hội mới, về bản chất, cũng là sự nghiệp nhân văn, văn hoá, vì nó nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, nhằm bảo vệ những gì là tốt đẹp của văn hoá dân tộc và tiến bộ xã hội. Ngược lại sự nghiệp nhân văn, văn hoá, bảo tồn và phát triển những di sản văn hoá tốt đẹp của dân tộc, phát triển đạo đức, cái thiện, cái tốt trong mỗi con người là một mục tiêu, là nguồn sức mạnh và cũng là một động lực của sự nghiệp cách mạng, kháng chiến, xây dựng xã hội mới. Trên cả hai mặt đó, Hồ Chí Minh và toàn dân tộc Việt Nam đã "để lại dấu ấn" và "góp phần thúc đẩy quá trình phát triển của nhân loại"².

Đảng ta đã từng tổng kết là chúng ta chiến thắng chủ nghĩa đế quốc Pháp rồi chủ nghĩa đế quốc Mỹ, những tên đế quốc mạnh hơn ta gấp bội về lực lượng, về tiềm lực kinh tế, quân sự. Một nguyên nhân là Đảng ta, nhân dân ta đã đánh giặc và thắng giặc với sức mạnh của cả dân tộc - sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần - văn hoá; sức mạnh

1, 2. Nghị quyết của UNESCO về kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

truyền thống và sức mạnh hiện đại. Mác Namara, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, tác giả của phòng tuyến điện tử trong chiến tranh Việt Nam, cũng đã thú nhận một nguyên nhân thất bại của đế quốc Mỹ trong chiến tranh Việt Nam là do không hiểu con người Việt Nam và nền văn hoá Việt Nam.

Trong sự nghiệp cách mạng, cả trong kháng chiến và trong xây dựng xã hội mới, *Hồ Chí Minh* đã có những quan điểm tư tưởng về văn hoá hết sức sâu sắc, đến nay vẫn mang đầy đủ ý nghĩa chỉ đạo trong xây dựng nền văn hoá mới và trong phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Từ những năm đầu cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã có ý thức rõ ràng về bản sắc và giá trị của văn hoá dân tộc. Trong bài "Nước An Nam dưới con mắt người Pháp", Nguyễn Ái Quốc đã thông qua những nhận xét, đánh giá của những kẻ thống trị và những nhà nghiên cứu người Pháp lúc bấy giờ để nói về truyền thống văn hoá Việt Nam.

Người trích dẫn lời tuyên bố của Gi.B.P. Bô lúc đó là Toàn quyền Đông Dương. Mặc dầu là tên đầu sỏ thực dân Pháp, ông ta đã phải công nhận và không giấu nổi lòng khâm phục đối với truyền thống văn hoá Việt Nam: "sự cần cù không mệt mỏi" của nhân dân; "co sò tổ chức đáng khen" ở khắp nông thôn và chốn kinh kỳ; nếp sống "trên kính dưới nhường, thờ phụng tổ tiên" của các gia đình Việt Nam; và "những câu châm ngôn làm vẻ vang cho nhân loại" ở khắp các đền chùa¹...

Người cũng dẫn lời ông Đơ Puwocvin, một nhà nghiên cứu

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.450.



người Pháp, ca ngợi nền văn minh lâu đời, những nét văn hoá và thuần phong mỹ tục của dân Việt Nam: "Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu, nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hòa hợp với nhau, trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã được điều hòa và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất đi từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thực có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai"¹. Về những đức tính lưu lại trong cổ phong và ghi thành luật pháp, đồng thời cũng là những đặc điểm về bản tính của người An Nam, hình thành từ bao thế hệ... Đờ Puvuốcvin viết: đó là: "Yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lễ phải; ghét xa hoa, không háms tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh"². Đờ Puvuốcvin cũng thừa nhận tính chất dã man, vô hiệu của lối cai trị thực dân: "... Xã hội cũ An Nam tổ chức tốt như thế đã bị chúng ta phá huỷ. Chúng ta tìm cách thay thế nó bằng những tổ chức thô sơ theo kiểu Pháp, nhưng vô hiệu. Khắp nơi, người ta vi phạm luật lệ của người An Nam, coi thường phong tục, cướp bóc tài sản... đến cái vẻ công lý cũng không còn..."³.

Suốt cả cuộc đời, nhất là thời kỳ Người trực tiếp vận động quần chúng tham gia sự nghiệp cứu nước, cứu nhà,

1, 2, 8. Hồ Chí Minh: *S&H*, t.1, tr.450-451, 451.

Người hết sức quan tâm đến lịch sử dân tộc, tự hào với truyền thống văn hoá của dân tộc, của nền văn hiến Việt Nam và xem việc giáo dục lịch sử, kêu gọi truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc là một nội dung cơ bản để giác ngộ cách mạng. Người đã viết bài "Nên học sử ta" đăng trên báo *Độc lập* (tháng 2-1942), và cho xuất bản cuốn *Lịch sử nước ta* bằng văn vần dài trên 200 câu để giáo dục lòng yêu nước, kêu gọi đoàn kết cứu nước.

Bài sử được mở đầu bằng bốn câu:

"Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

Kể năm hơn bốn ngàn năm,

Tổ tiên rục rờ, anh em thuận hoà..."¹

Người chỉ rõ: Dân tộc ta là con Rồng, cháu Tiên, nhiều người tài giỏi đánh Nam dẹp Bắc, yên dân, trị nước, để tiếng muôn đời... Và đời nào cũng có người anh hùng, mưu cao võ giỏi đứng ra đoàn kết nhân dân đuổi giặc cứu nước.

Người quan niệm: "Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"². Văn hoá là linh hồn, bản sắc, cốt tuỷ của dân tộc, là mục tiêu, động lực của cách mạng, là một mặt cơ bản của xã hội.

Về truyền thống văn hoá Việt Nam, Người thường nêu cao *chủ nghĩa yêu nước Việt Nam*, xem chủ nghĩa yêu nước là nguồn động lực chủ yếu, là sức mạnh tinh thần vô địch của dân tộc, là triết lý, đạo lý sống của mỗi con dân Việt Nam. Người cũng thường nhấn mạnh *truyền thống nhân*

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.259, 458.



ái, cố kết của cộng đồng dân tộc trên tình cảm và trách nhiệm gia tộc, trên tình làng nghĩa xóm và tình nghĩa "đồng bào". Người cũng thường biểu dương *tinh thần cần cù lao động và trí thông minh sáng tạo* của con người Việt Nam, trong lao động xây dựng đất nước, chinh phục tự nhiên và tinh thần anh hùng bất khuất, mưu trí sáng tạo trong đánh giặc giải phóng đất nước và bảo vệ đất nước. Tất cả những truyền thống tốt đẹp đó được thể hiện ở những thành tựu, những di sản văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần, trở thành những nét đặc trưng của bản sắc văn hoá Việt Nam.

Từ khẳng định nền văn hoá truyền thống của Việt Nam và ảnh hưởng độc hại của văn hoá thực dân, sau Cách mạng Tháng Tám, Người nêu nhiệm vụ: "Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng"¹, làm cho dân tộc ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.

Nắm vững quy luật hình thành và phát triển của nền văn hoá dân tộc, Người vạch rõ là văn hoá thì phải giao lưu, phải thấu hoá văn minh của các dân tộc khác. Trong Hội nghị Văn hoá toàn quốc, tháng 11-1946, có người cho rằng văn hoá Việt Nam là sự ảnh hưởng văn hoá phương Đông và phương Tây chung đúc lại. Vậy ta nên theo văn hoá nào?

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.40.

Người trả lời: "Ta phải "giữ cốt cách dân tộc", còn phương Đông hay phương Tây có cái gì hay, cái gì tốt là phải học lấy để tạo ra nền văn hoá Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hoá xưa và văn hoá nay, trau dồi cho văn hoá Việt Nam thật có tinh thần thuần tuý Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ"¹.

Trong cách mạng cũng như trong xây dựng chế độ mới, Hồ Chí Minh xác định văn hoá là một mặt cơ bản của xã hội: "Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần phải chú ý đến, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá". Văn hoá là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng xã hội mới: "Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hoá", và "phát triển kinh tế, văn hoá để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần (văn hoá) của nhân dân ta".

Người chỉ rõ: "Văn hoá có liên lạc với chính trị rất mật thiết. Cần làm thế nào cho văn hoá vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hoá phải sửa đổi để được tham những, lười biếng, phù hoa xu xỉ. Tâm lý của ta lấy tự do, độc lập làm gốc - văn hoá phải làm sao cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do". Và "văn hoá phải góp phần nâng cao đời sống tươi vui lành mạnh của quần chúng". "Đối với xã hội, văn hoá phải làm thế nào cho mỗi người Việt Nam ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình nên hưởng".

Người coi văn hoá là một mặt trận. Trong kháng chiến, Người nêu khẩu hiệu: "Kháng chiến hoá văn hoá

1. Xem Hồ Chí Minh: *Bài nói tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc*, tháng 11-1946.

và văn hoá hoá kháng chiến". Đây là một quan niệm rất độc đáo, sâu sắc với ý nghĩa: Văn hoá phải gắn với kháng chiến, phục vụ kháng chiến, phục vụ nhiệm vụ chính trị. Và mặt khác, kháng chiến giành độc lập, tự do cho Tổ quốc cũng là một sự nghiệp nhân văn, văn hoá - văn hoá chính trị, văn hoá kháng chiến, và phải thật sự biến thành sự nghiệp nhân văn, văn hoá với mục đích chân chính, đó là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Xây dựng nền văn hoá mới phải kết hợp hài hoà, đúng đắn giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế. Người chủ trương xây dựng nền văn hoá mới với "nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc". Trong hội nhập với nền văn hoá thế giới, Người chỉ rõ: "Phải chú ý nghiên cứu toàn diện văn hoá của dân tộc khác để có thể tiếp thu nhiều hơn cho văn hoá của mình. Mặt khác, giữ vững và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc chính là góp phần làm phong phú thêm nền văn hoá thế giới". Cũng như vậy, trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, Người nhấn mạnh phải tôn trọng tiếng nói, phong tục tập quán (văn hoá của các dân tộc thiểu số) và tăng cường sự giao lưu, bồi bổ lẫn nhau giữa các dân tộc để làm cho nền văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam phong phú, đa dạng, "làm cho vườn hoa văn hoá dân tộc ngàn sắc, muôn hương".

Người cũng luôn nhắc nhở: "Phát huy vốn cổ quý báu của dân tộc (nhưng tránh phục cổ một cách máy móc) và học tập văn hoá tiên tiến của các nước (nhưng phải có chọn lọc)". Trong kế thừa di sản quý báu của văn hoá dân tộc phải có thái độ nghiêm túc, nghiên cứu, chọn lọc. "Khôi

phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt phải loại dần ra". Cần tránh "gieo vừng ra ngô" và phải "chéo cho ra chéo".

Người cũng chỉ rõ di sản văn hoá truyền thống tuy kết tinh những giá trị cơ bản, độc đáo, đặc sắc của dân tộc, nhưng đó là nền văn hoá xây dựng trên cơ sở nền văn minh nông nghiệp, còn mang nhiều thiếu hụt, hạn chế. Trình độ khoa học, kỹ thuật của ta hiện nay còn thấp kém, lệ lối sản xuất chưa được cải tiến nhiều, cách thức làm việc còn nặng nhọc, năng suất lao động còn thấp kém, phong tục tập quán lạc hậu còn nhiều.

Do đó, phải nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật, phải xây dựng đời sống mới, nền văn hoá mới, con người mới, và tự tay Người đã viết tác phẩm *Đời sống mới* để hướng dẫn cho cán bộ nhân dân.

Đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật, Người cũng có những ý kiến rất sâu sắc về chức năng, về đối tượng phục vụ, về yêu cầu chất lượng nghệ thuật, về tính chất sáng tạo, đa dạng, nhiều màu sắc của văn hoá nghệ thuật, về bài trừ ảnh hưởng hủ bại, xấu, độc của văn hoá phong kiến, thực dân, tư sản, v.v..

Những quan điểm, tư tưởng của Người về văn hoá nói chung và về văn hoá, nghệ thuật không chỉ có tác dụng rất lớn trong xây dựng nền văn hoá mới, con người mới Việt Nam, mà còn có ý nghĩa cơ bản, sâu sắc như những chân lý vĩnh cửu.

Mặt khác, để cập đến Hồ Chí Minh, nhà văn hoá kiệt xuất và đề cập đến tư tưởng văn hoá của Người, không thể không nhắc đến những thành tựu, những đóng góp của Người trong lĩnh vực sáng tác văn học, nghệ thuật. Tuy không phải là văn nghệ sĩ chuyên nghiệp, nhưng nhiều bài

kỳ, bài văn, bài thơ của Người, tiêu biểu là các tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Nhật ký trong tù*, bản *Tuyên ngôn Độc lập*, v.v. là những sáng tác vừa mang tính chiến đấu cao, vừa gần gũi quần chúng, vừa đạt đến giá trị cao về nghệ thuật, thẩm mỹ.

*
* * *

Tóm lại, dựa vào những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh đã đề cập ở trên, chúng ta thấy rõ ở Hồ Chí Minh nhà chính trị (bao gồm cả nhà chiến lược, nhà tổ chức, nhà quân sự) hòa quyện với nhà nhân văn, nhà đạo đức, nhà văn hoá, hình thành một diện mạo, một nhân cách riêng của Hồ Chí Minh - một nhân cách vừa gần gũi vừa siêu phàm, vừa dân dã vừa bác học, vừa truyền thống vừa hiện đại; nổi bật hơn cả là sự kết hợp giữa nhân cách người lãnh tụ tối cao với nhân cách người bác, người cha, người thầy.

Chúng ta cũng thấy rõ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh là sự gần bó thống nhất của những quan điểm tư tưởng chính trị (về cách mạng dân tộc, dân chủ, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về tổ chức lực lượng, về quân sự...) với tư tưởng nhân văn, tư tưởng đạo đức, tư tưởng văn hoá được hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa, tiếp thu truyền thống tư tưởng văn hoá dân tộc, tinh hoa văn hoá phương Đông, phương Tây mà đỉnh cao là học thuyết Mác - Lênin, được vận dụng sáng tạo và phát triển từ thực tiễn của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của dân tộc Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong. Tư tưởng Hồ Chí Minh

là hệ thống tư tưởng khoa học - cách mạng - nhân văn của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, là ngọn cờ chỉ đạo - nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam, đã đưa cách mạng Việt Nam đến những thắng lợi to lớn và tiếp tục soi sáng sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Chương VIII

VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng Hồ Chí Minh mang sức sống mãnh liệt, bền vững bởi vì tư tưởng ấy được xây dựng trên nền tảng một triết lý sống, một tư tưởng nhân văn, nhân đạo cao cả và một phương pháp luận khoa học - cách mạng.

Ở những chương trên, nhất là trong chương VII, chúng ta đã nghiên cứu tư tưởng nhân văn, tư tưởng đạo đức và tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh. Trong chương này, chúng ta bàn về phương pháp luận khoa học - cách mạng của Hồ Chí Minh.

Đến nay, còn có những ý kiến khác nhau về cách đặt vấn đề và về khái quát nội dung của phương pháp luận Hồ Chí Minh.

Nhiều ý kiến cho rằng nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách một "hệ thống tư tưởng quan điểm" về cách mạng Việt Nam không thể không nghiên cứu cơ sở triết học, cơ sở phương pháp luận của nó. Mỗi ý kiến lại có những khía cạnh cụ thể khác nhau.

Có ý kiến cho rằng: "Cụ chưa hề nói đến phương pháp luận, nhưng trong hoạt động chính trị - văn hoá của Cụ, người nghiên cứu dường như trông thấy một số lẽ lẽ có thể gọi là *phương pháp luận, phương pháp tư tưởng*"¹.

1. Xem Trần Văn Giàu: *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1998, t.2.

Có ý kiến khẳng định: Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, một vấn đề có ý nghĩa thực tiễn to lớn, một cống hiến đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh là *phương pháp luận đã đạt đến một trình độ mới trong xem xét và giải quyết thực tiễn, vượt lên trên nhiều người đương thời trong thế hệ chúng ta để trở thành người kế tục hiếm hoi những nhà sáng lập chủ nghĩa duy vật biện chứng trong thời đại mới*, trước một phương Đông đầy mâu thuẫn, đầy biến cố phức tạp, cho nên: "khám phá phép biện chứng Hồ Chí Minh là một việc làm cực kỳ quan trọng"¹, v.v..

Như đã xác định, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp truyền thống văn hoá Việt Nam với tinh hoa văn hoá phương Đông, phương Tây, với chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở thế giới quan, phương pháp luận, khái quát từ thực tiễn cuộc vận động của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX.

Do vậy, phương pháp luận của Hồ Chí Minh, về cơ bản là phương pháp luận Mác - Lênin, là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ điều quan trọng nhất, nổi bật nhất trong tiếp thu chủ nghĩa Mác là "phép biện chứng", là "cách làm việc biện chứng". Nhưng *phương pháp luận Mác - Lênin, được Hồ Chí Minh tiếp thu, đã có sự bổ sung, phát triển, mang những đặc trưng mới, độc đáo của Hồ Chí Minh trên cơ sở kết hợp những nguyên tắc phương pháp luận Mác - Lênin, với những nhân tố duy vật và biện chứng của triết học*

1. Xem Nguyễn Khoa Điểm: *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1998, t.8.

phương Đông, của tư duy truyền thống Việt Nam và rút ra từ cuộc đời hoạt động phong phú đầy biến cố và những kinh nghiệm ứng nhân xử thế của Người.

Phải chăng, phương pháp tư duy, phương pháp xem xét và hành động của Người đã kết hợp tính cách nặng về lý tính và sự phân tích khoa học của tư duy phương Tây cùng tính cách nặng về cảm tính, trực giác, tổng hợp của tư duy phương Đông và của Việt Nam. Vấn đề này còn đòi hỏi chúng ta đầu tư công sức để nghiên cứu, tìm tòi...

Qua nghiên cứu bước đầu, có thể khái quát một số quan điểm cơ tính phương pháp luận của Hồ Chí Minh như sau:

1. Nguyên tắc phương pháp luận cơ bản, xuyên suốt, có ý nghĩa cơ sở xuất phát và quyết định mọi nhận thức, tư duy của Hồ Chí Minh là *quan điểm thực tiễn và nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn*.

Hồ Chí Minh là một con người rất thực tiễn, luôn xuất phát từ thực tiễn và hết sức coi trọng thực tiễn. Chính xuất phát từ yêu cầu thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX mà Nguyễn Tất Thành quyết định đi sang phương Tây để tìm đường cứu nước. Từ thực tiễn mười năm đi khắp các châu lục, Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước. Từ thực tiễn tồn tại và phát triển của xã hội Việt Nam, Người đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm bản chất, quy luật vận động đặc thù của Việt Nam, để ra đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo cho cách mạng Việt Nam.

Tổng kết kinh nghiệm cách mạng Việt Nam, Người rút ra kết luận: Nếu kết hợp đúng đắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn nước ta thì sẽ giành được thắng lợi. Ngược lại, sẽ dẫn đến sai lầm.

Với Người, quan điểm thực tiễn không đồng nghĩa với thực dụng, thiển cận, kinh nghiệm chủ nghĩa. Người rất coi trọng lý luận. Ngay từ tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người đã nhấn mạnh: "Đặng không có chủ nghĩa như người không có trí khôn". Nhưng lý luận phải gắn với thực tiễn, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn. Người nhấn mạnh: *Sự thống nhất lý luận và thực tiễn là nguyên tắc cao nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin*. Học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập lập trường, quan điểm, phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin mà giải quyết những vấn đề thực tiễn cách mạng đặt ra với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo chứ không phải dứng lại ở câu chữ; không phải học tập, vận dụng một cách giáo điều, máy móc.

Theo Người, lý luận chính là sự khái quát từ thực tiễn và trở về chỉ đạo thực tiễn. Do đó, Người rất coi trọng tổng kết kinh nghiệm, xem tổng kết kinh nghiệm là một biện pháp để thực hiện "thống nhất lý luận và thực tiễn", vừa nâng cao trình độ lý luận, vừa nâng cao trình độ hoạt động thực tiễn. Người chỉ rõ nguyên nhân của bệnh chủ quan, duy ý chí, bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa là do kém lý luận, coi thường lý luận, hoặc lý luận suông.

Trong hoạt động, "kết hợp lý luận với thực tiễn", "biết với làm", "lời nói đi đôi với hành động",... là một đặc trưng của phong cách, phương pháp, tác phong Hồ Chí Minh.

2. Nguyên tắc toàn diện, hệ thống và trọng điểm, thiết thực

Hồ Chí Minh là một nhà chiến lược, luôn có tầm nhìn chiến lược, luôn nhìn xa, trông rộng, nhìn toàn diện.

Trong xem xét, đánh giá xã hội, Hồ Chí Minh luôn phân tích toàn diện cả chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội; cả quá khứ, hiện tại và tương lai; cả truyền thống và hiện đại. Xem xét con người, Người chú ý toàn diện cả nhận thức, ý thức, tình cảm và cả khả năng hoạt động thực tiễn; cả đức và tài; cả mặt mạnh và mặt yếu; cả cá nhân và tập thể, cộng đồng.

Trong đánh giá sức mạnh, trong so sánh lực lượng, Người đánh giá toàn diện, hệ thống các yếu tố tạo thành sức mạnh tổng hợp: chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự...; sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần; sức mạnh truyền thống, hiện đại và dự kiến sự phát triển tương lai; sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; cả thời, thế, lực; cả thiên thời, địa lợi, nhân hoà...

Quan điểm và phương pháp toàn diện đó cũng chính là cơ sở của chiến lược tổng hợp của Đảng ta trong cách mạng.

Mặt khác, Người đánh giá đúng vai trò, vị trí từng yếu tố và sự tác động biện chứng của các yếu tố đó trong một hệ thống, một chỉnh thể thống nhất.

Do đó, theo Người:

Cần nắm vững toàn diện, hệ thống, nhìn xa, trông rộng, đồng thời chú ý trọng điểm, cụ thể, thiết thực. Người chỉ rõ: làm việc gì cũng phải có trọng tâm, trọng điểm, cụ thể, thiết thực. Nói được, làm được đến được với mọi người; kế hoạch một, biện pháp mười. Chiến lược thì phải nhìn xa trông rộng, kế hoạch thì phải cụ thể, chu đáo.

Nguyên tắc toàn diện kết hợp với trọng điểm, nhìn xa trông rộng với cụ thể thiết thực trở thành *phong cách, phương pháp của Người trong xem xét và giải quyết mọi công việc*. Chúng ta còn nhớ sau thắng lợi của Cách mạng

Tháng Tám, trước muôn vàn công việc khó khăn phức tạp phải làm, phải đối phó, trong buổi họp đầu tiên của Chính phủ, Người đã đề ra sáu nhiệm vụ cụ thể, thiết thực; sau lại khái quát thành ba nhiệm vụ lớn: "Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm", mà mọi người, mọi cấp đều nhớ và quyết tâm thực hiện.

Lúc còn sống, Người và Bộ Chính trị thường có những buổi họp thân mật để trao đổi ý kiến, những buổi họp mà Người thường nói vui là để "nhìn quanh chân trời" (faire un tour d'horizon), ý nói nhìn toàn cục tình hình thế giới và trong nước, xem nổi lên vấn đề gì cấp bách cần giải quyết. Cũng trong những buổi họp đó, Người thường nhắc nhở phải nhìn toàn cục, chớ có địa phương, cục bộ, phiến diện. Những vấn đề cấp bách được giao cho đồng chí hay bộ phận có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị, đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và giải quyết. Chính tại một trong những cuộc họp như vậy, đã phát hiện ra sai lầm trong cải cách ruộng đất.

3. Phát hiện mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn với phương thức, phương pháp phù hợp có hiệu quả nhất

Quá trình hoạt động cách mạng giải phóng dân tộc, giai cấp, xây dựng xã hội mới là quá trình phát hiện mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn. Các chương trên đã trình bày Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích hình thái kinh tế, xã hội Việt Nam và cục diện thế giới nhằm xác định những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu, trên cơ sở đó đề ra con đường cách mạng giải quyết các mâu thuẫn ấy, đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi.

Nghệ thuật giải quyết mâu thuẫn là phải đi sâu phân tích nắm thật vững tính chất, đặc điểm, xu thế của từng mặt đối lập và quy luật vận động của mâu thuẫn mà tác động vào các mặt đối lập bằng phương thức, phương pháp phù hợp, có hiệu quả nhất.

Trong giải quyết mâu thuẫn xã hội, Người hết sức coi trọng phân hoá, thu hẹp, cô lập tới mức cao nhất kẻ thù của cách mạng, đồng thời hết sức coi trọng đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết, tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ, kể cả những lực lượng những cá nhân từ phía mặt đối lập, từ phía kẻ thù; tạo nên so sánh lực lượng có lợi nhất cho cách mạng, tạo điều kiện tiêu diệt triệt để mặt đối kháng theo tinh thần: "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi"¹.

Trong những năm tháng cách mạng mới thành công, đất nước có nhiều kẻ thù, Người đã khéo lợi dụng mâu thuẫn giữa các kẻ thù, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính nhờ đó mà giữ vững chính quyền cách mạng trong điều kiện ngàn cân treo sợi tóc. Đảng ta đã từng tổng kết coi đó là một mẫu mực thành công về lợi dụng mâu thuẫn.

Người đã có sự nhạy bén chính trị, sớm phát hiện mâu thuẫn khi mới xuất hiện, đặc biệt trong những bước ngoặt lịch sử. Khi Đồng minh thắng Nhật, Người đã sớm thấy Pháp sẽ trở lại xâm lược nước ta. Ngay sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Người đã thấy rõ Mỹ sẽ thay chân Pháp xâm lược nước ta, chúng ta còn phải đánh Mỹ.

Ngay trong quan hệ nội bộ, khi xuất hiện mâu thuẫn,

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr.512.



mất đoàn kết với nhau, cách giải quyết của Người là phát huy mặt tích cực, nêu cao tình đồng chí thương yêu nhau, biến đại sự thành tiểu sự, tiểu sự thành vô sự, có lý có tình, bảo đảm đoàn kết thống nhất vì sự nghiệp chung.

Nắm vững tư tưởng cơ bản của phép biện chứng là "tự thân vận động", "tự thân phát triển" thông qua đấu tranh giải quyết mâu thuẫn bên trong. Trong xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng cho ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng, Người luôn nêu cao tinh thần "tự chỉnh đốn", "tự đổi mới", chiến thắng giặc "nội xâm" để chiến thắng "ngoại xâm". Vận dụng quy luật phê bình - tự phê bình, Người luôn nhắc nhở là phải coi trọng cả phê bình và tự phê bình, nhưng trước hết phải đề cao "tự phê bình", tự phê bình thường xuyên, hằng ngày như soi gương, rửa mặt. Trong kháng chiến và kiến quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn nêu cao tinh thần "độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường" và đề ra phương châm: "Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ sự chi viện quốc tế".

4. Quan điểm phát triển, đổi mới, hướng về cái mới

Ở Hồ Chí Minh, nguyên tắc phát triển được quán triệt, vận dụng hết sức phong phú, gắn với sự đổi mới, phát triển của cách mạng, của xã hội, của mỗi con người, nổi lên ở mấy điểm:

Cách mạng là đổi mới, "xã hội, con người cũng luôn đổi mới". Cần nắm vững quy luật, xu hướng phát triển của cách mạng, của xã hội, của con người. Nhảy bèn vào cái mới, tin tưởng ở cái mới, bồi dưỡng và phát huy cái mới để tiến lên.

Nắm vững quy luật, xu hướng phát triển của cách mạng, của kháng chiến, kết hợp với những tư tưởng triết học phương Đông (mà chúng ta còn phải công phu nghiên cứu), Người đã có những dự báo hết sức đúng đắn, thần kỳ. Từ những năm 1940-1941, lúc cách mạng Việt Nam mới chuyển vào thời kỳ cao trào, trong diễn ca *Lịch sử nước ta*, Người đã dự đoán: "1945 - cách mạng thành công". Ngay những lúc khó khăn phức tạp nhất của cuộc kháng chiến chống Pháp, Người vẫn lạc quan, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng của kháng chiến. Người vạch rõ:

*"Nay tuy châu chấu đầy vai,
Nhưng mai voi sẽ bị lời ruột ra..."¹*

Trong những ngày vô cùng ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, Người đã chỉ rõ: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn"².

*"Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!"³*

Trong xem xét và hành động, Người luôn coi trọng phát hiện cái mới, tin ở cái mới, thực hiện cái mới, luôn chú ý ủng hộ vun đắp cái mới. Người chỉ rõ: "Xã hội con người đều đổi mới, không đổi mới là lạc hậu". Người đã trực tiếp phát động phong trào "Đời sống mới", "Người tốt, việc tốt"... lấy thi đua yêu nước làm động lực khuyến khích sáng tạo, xây dựng điển hình tiên tiến, thúc đẩy nhân tố mới phát triển.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.29.

2, 3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr.621, 628.

Trong *Di chúc*, Người căn dặn: Phải xoá bỏ cái cũ, đem lại cái mới, xoá bỏ cái xấu xa, đem lại cái tốt tươi. Đó là một công việc khổng lồ, phải động viên toàn Đảng, toàn dân mới làm được.

5. Quan điểm về con người, quan điểm về nhân dân

Kế thừa tư tưởng "Nước lấy dân làm gốc", "Khoea thu sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc", "Đẩy thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân" của Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Lê Lợi; quán triệt quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, của chủ nghĩa duy vật lịch sử; từ những bài học trong thực tiễn hoạt động của mình, Hồ Chí Minh đã nêu cao *quan điểm về con người, quan điểm về nhân dân: Tất cả vì con người và do con người; tất cả vì dân và do dân; con người là vốn quý nhất, là lực lượng to lớn nhất*. Tư tưởng đó được thể hiện trên nhiều phương diện:

Trước hết đó là *triết lý sống, là chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh: Sống vì nước, vì dân, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xã hội, con người...*

Không chỉ là triết lý, mà nó trở thành *chiến lược con người - con người* vừa là mục tiêu, vừa là động lực. "Phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống tươi vui hạnh phúc". Phải dựa vào sức mạnh, trí tuệ của dân. Do đó, phải hết sức quan tâm đến giáo dục - đào tạo đến khoa học công nghệ, đến sự nghiệp "trồng người" và chính sách phát triển, bồi dưỡng, tôn trọng nhân tài...

Không chỉ là triết lý, mà với Hồ Chí Minh, quan điểm về con người, về nhân dân còn được thể hiện ở tư tưởng

chính trị - xã hội "dân làm chủ". Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công cuộc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Trong công cuộc kháng chiến phải "động viên toàn dân, vũ trang toàn dân". Trong sự nghiệp xây dựng đất nước cũng phải "động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân".

Quan điểm về nhân dân, về con người ở Hồ Chí Minh đã trở thành *phương pháp, tác phong công tác*: Tin ở dân, dựa vào dân, học hỏi dân. Có dân là có tất cả.

"Để mười lần không dân cũng chịu."

"Khó trăm lần dân liệu cũng xong".

6. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc với giai cấp là một nguyên tắc phương pháp luận cơ bản trong khi giải quyết những vấn đề xã hội của Hồ Chí Minh

Trong xem xét động lực phát triển của xã hội, Người không đứng lại ở nguyên lý chung của chủ nghĩa duy vật lịch sử coi "đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng" và "quan hệ giai cấp là quan hệ xã hội cơ bản chi phối toàn bộ các quan hệ khác trong xã hội có giai cấp". Xuất phát từ thực tiễn lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, và tính chất của xã hội Việt Nam từ khi đế quốc Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh, trên cơ sở tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, không những thấy rõ vai trò quan trọng của vấn đề giai cấp, mà còn khẳng định vai trò quan trọng to lớn của vấn đề dân tộc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.280.



Theo Hồ Chí Minh, mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp trong điều kiện cụ thể của xã hội Việt Nam thể hiện ở:

- Trong dân tộc, giai cấp công nhân và giai cấp nông dân chiếm tuyệt đại bộ phận. Do đó "giải phóng dân tộc, cũng là giải phóng giai cấp, thực chất là giải phóng giai cấp".

- Quyền lợi của dân tộc và quyền lợi giai cấp cơ bản là thống nhất. Có giành được độc lập dân tộc thì mới giải phóng được giai cấp. Không giành được độc lập dân tộc thì quyền lợi của bộ phận, quyền lợi của giai cấp ngàn năm cũng không giải quyết được. Do đó, giai cấp công nhân phải nắm vững và giương cao ngọn cờ dân tộc.

- Quyền lợi của dân tộc chỉ được bảo đảm triệt để khi đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, gắn với quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân. Do đó, giải phóng dân tộc gắn với giải phóng xã hội, giải phóng con người. Sự thống nhất giữa tính giai cấp với tính nhân dân, tính dân tộc là bản chất của Đảng ta, Nhà nước ta. Cơ sở xã hội - giai cấp và sức mạnh của chế độ ta, Nhà nước ta là toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công nhân, nông dân, trí thức, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Giải quyết đúng đắn quan hệ dân tộc - giai cấp là một sáng tạo, là một nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của Hồ Chí Minh trong xem xét và giải quyết những vấn đề của xã hội, của cách mạng. Đó cũng là cơ sở phương pháp luận của đường lối "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội" của Đảng ta. Nhờ nguyên tắc đúng đắn sáng tạo đó, Đảng ta đã tạo nên sức mạnh to lớn chưa từng có trong lịch sử của dân tộc ta, đưa cách mạng nước ta đến những thắng lợi vĩ đại.

7. "Dĩ bất biến ứng vạn biến"

Đây là một mệnh đề, thể hiện tư tưởng biện chứng của phương Đông. Nó phù hợp với đặc tính "thích ứng" của dân tộc ta, nên trong lịch sử phát triển của dân tộc ta, nó đã được nhiều nhà chính trị quân sự lỗi lạc vận dụng. Đến nay, nhiều tác giả nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đều cho "Dĩ bất biến ứng vạn biến" là nguyên tắc xem xét và hành động số một của Hồ Chí Minh trong giải quyết những vấn đề chiến lược và sách lược. Người đã vận dụng hiệu quả nguyên tắc này trong cuộc đời hoạt động hết sức phong phú và đầy gian lao thử thách của mình. "Dĩ bất biến ứng vạn biến" cũng là nguyên tắc mà Người dạy lại Cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch nước và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước chú ý vận dụng lúc Người sang Pháp dự Hoà đàm Phôngtennôblô với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp. Cụ Huỳnh và các đồng chí đã vận dụng hiệu nghiệm, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội - quân sự những ngày Người xa đất nước.

Theo Người, "Dĩ bất biến ứng vạn biến" vì tình hình tự nhiên, xã hội, con người, luôn luôn biến đổi, thiên biến vạn hoá. Tuy nhiên, có những nhân tố bất biến, những chân lý vĩnh hằng. Hồ Chí Minh đã nói: Nước ta là một, dân tộc ta là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi; Người từng nói: lòng thương yêu nhân dân và nhân loại của tôi không bao giờ thay đổi. Nhưng, Người cũng nói: "Thế giới, con người đều đổi mới", cách nhìn, cách xử lý cũng đổi mới, luôn linh hoạt. Do đó, trong mỗi giai đoạn cơ bản của cách mạng, chiến lược cách

mạng không thay đổi phải nắm thật vững. Còn chỉ đạo chiến lược, vận dụng sách lược, hình thức, biện pháp cách mạng thì hết sức linh hoạt, thay đổi cho phù hợp với tình hình cụ thể.

"Dĩ bất biến ứng vạn biến" là quan điểm, phương pháp cách mạng, khoa học, là sự vận dụng tổng hợp các nguyên tắc, quy luật của phép biện chứng duy vật từ nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử đến phát triển, v.v.. Do đó, "Dĩ bất biến ứng vạn biến" không chỉ là một nguyên tắc cụ thể mà là *phép biện chứng Hồ Chí Minh*, là *phương châm xem xét và hành động đúng đắn*, khoa học được Người vận dụng xử lý thành công trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh, mọi tình huống.

Tóm lại, có một phương pháp luận Hồ Chí Minh. Đó là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử được Người quán triệt, vận dụng sáng tạo và bổ sung phát triển, kết hợp với kế thừa truyền thống tư duy dân tộc, tiếp thu tinh hoa triết học thế giới nhất là triết học phương Đông và thực tiễn xem xét giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam. Về nội dung của phương pháp luận Hồ Chí Minh, chúng tôi chỉ nêu những quan điểm, nguyên tắc mà chúng tôi xem là đặc trưng cơ bản nhất. Do đó, cần tiếp tục có sự nghiên cứu, bổ sung để ngày càng hoàn thiện cho xứng với tầm vóc của tư tưởng Hồ Chí Minh.

PHẦN THỨ BA

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
TIẾP TỤC SOI SÁNG SỰ NGHIỆP
CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

Chương IX

BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải gắn với việc quán triệt, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vào giai đoạn cách mạng mới. Để vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo, trước hết đòi hỏi chúng ta phải xuất phát từ thực tiễn của tình hình thế giới và đất nước.

Bối cảnh chung của thế giới và tình hình đất nước ta trong mấy chục năm qua đã có nhiều biến động lớn, diễn ra nhiều biến cố phức tạp và những bước phát triển mới chưa từng có. Vì vậy, trước khi nêu lên những vấn đề cần quan tâm vận dụng, phải đi sâu phân tích, nắm vững những đặc điểm và xu thế mới của thế giới; những đặc điểm tình hình phát triển của đất nước, những thời cơ và thách thức mới của cách mạng Việt Nam.

I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI

Trong gần ba thập kỷ qua, nhất là bước vào thập niên 90 của thế kỷ XX, thế giới đã trải qua những biến động sâu sắc, nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường.

Nổi lên hai loại sự kiện lớn:



Thứ nhất là những sự kiện chính trị - xã hội tuy diễn ra đột biến trong khoảng khắc lịch sử nhưng đã làm chấn động và đảo lộn so sánh lực lượng cũng như hệ thống chính trị, chiến lược thế giới. Đó là sự sụp đổ bức tường Béc-lin và sự tái thống nhất nước Đức; những đột biến ở Đông Âu và sự tan vỡ của Liên Xô...

Thứ hai là những sự kiện diễn ra với nhịp độ chậm hơn, nhưng tiềm ẩn những đảo lộn sâu sắc từ cơ sở vật chất xã hội cho đến trật tự kinh tế quốc tế và quan hệ chính trị - xã hội. Đó là những tác động và hậu quả sâu rộng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại gắn liền với sự xuất hiện một nền văn minh mới; sự gia tăng mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hoá và khu vực hoá về kinh tế; những biến chuyển của thế giới thứ ba cùng với sự thức tỉnh của các nước đang phát triển về một trật tự thế giới mới, sự trỗi dậy của Tây Âu, Nhật Bản, Trung Quốc... cùng với sự suy yếu tương đối của Mỹ, sự nổi lên của khu vực Đông Á và châu Á - Thái Bình Dương; tính bao trùm của những thách thức toàn cầu liên quan đến sự sống còn của nhân loại...

Cả hai loại sự kiện đó đã và đang đưa đến những biến động lớn của tình hình thế giới, của các quan hệ quốc tế, sự phát triển của nhân loại ở thập niên 90 của thế kỷ XX và thế kỷ XXI đang đặt ra hàng loạt vấn đề trọng đại và mới mẻ về tư tưởng lý luận cũng như về mặt chiến lược, sách lược, hoạt động thực tiễn của mỗi quốc gia, dân tộc trên các bình diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại, an ninh, quốc phòng.

Kết trên mọi phương diện: tương quan lực lượng, thế cân bằng thế giới, vận mệnh của chủ nghĩa xã hội và

tương lai phát triển của nhân loại thì sự tan rã và sụp đổ nhanh chóng của Liên Xô và Đông Âu là một sự đảo lộn cực kỳ to lớn làm thay đổi cục diện chiến lược thế giới và đời sống chính trị - kinh tế quốc tế.

Lần đầu tiên trong suốt thời kỳ lịch sử cận - hiện đại 500 năm, sự thay đổi cục diện chiến lược thế giới đã diễn ra không phải bằng con đường chiến tranh vũ trang giữa các cường quốc để phân chia lại thế giới như bốn lần thay đổi cục diện trước đây mà bằng một sự "chuyển biến hòa bình" do Liên Xô phạm sai lầm và sự tác động phá hoại của chủ nghĩa đế quốc làm cho chủ nghĩa xã hội sụp đổ, Liên bang Xôviết tự giải thể sau khi xảy ra những đợt biến ở Đông Âu. Đây là một đặc điểm nổi bật có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành trật tự thế giới mới trong tương lai.

Những biến chuyển và những xu hướng nảy sinh trong thời kỳ chuyển tiếp sang một thế cân bằng mới, một trật tự thế giới mới, vì vậy, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với tương lai của nhân loại và sự phát triển của các quốc gia, dân tộc trên thế giới trong thế kỷ XXI.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã nêu lên 5 đặc điểm và 5 xu thế của tình hình thế giới tác động sâu sắc đến các mặt đời sống nước ta, đưa đến cho ta những thuận lợi lớn và cả những khó khăn lớn.

Ở đây, chúng tôi không trình bày đầy đủ cả 5 đặc điểm và 5 xu thế của thế giới như *Báo cáo chính trị* đã nêu, mà chỉ trình bày tập trung vào một số đặc điểm lớn có tác động đến tình hình thế giới và sự nghiệp đổi mới của nước ta.

1. Những đảo lộn của cục diện thế giới sau sự kiện chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ

Trong gần nửa thế kỷ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thế giới vận động tồn tại theo một trật tự tương đối ổn định, phản ánh thế cân bằng tương đối giữa hai lực lượng chủ yếu của thế giới là hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Bước sang thập niên 90 của thế kỷ XX, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, sự tan rã của khối quân sự Vácsava và tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế đã chấm dứt cục diện ổn định giữa hai cực Đông - Tây, chấm dứt chiến tranh lạnh giữa hai hệ thống chính trị - xã hội đối lập. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bị khủng hoảng; chủ nghĩa xã hội tạm thời rơi vào thời kỳ thoái trào.

Thế giới thứ ba không còn sự ủng hộ của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Các nước đang phát triển nói chung, đặc biệt là các nước đang phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, phải đương đầu với những khó khăn và thách thức nghiêm trọng.

So sánh lực lượng trên thế giới từ chỗ tương đối cân bằng giữa hai hệ thống chính trị - xã hội đối lập chuyển sang có lợi cho Mỹ và các nước tư bản phát triển. Tuy nhiên, một nghịch lý là trong tình hình tưởng như hoàn toàn có lợi cho Mỹ và phương Tây, thì vào chính lúc đó, phương Tây cũng bị xáo trộn và phải đương đầu với những thách thức mới.

Sau chiến tranh lạnh, ở các nước tư bản phương Tây đã xảy ra một cuộc khủng hoảng về các giá trị và chuẩn mực xã hội gắn liền với khủng hoảng kinh tế, những cơn co giật của thị trường chứng khoán, sự gia tăng tình trạng thất nghiệp và sự xuống cấp trầm trọng về mặt xã hội...

Thế giới đang ở vào thời kỳ phân hoá và tập hợp lại lực lượng. Với sự tan rã của Liên Xô, nước Mỹ hy vọng trở thành siêu cường duy nhất và thế giới rơi vào "khoảnh khắc một cực". Nhưng trên thực tế, trật tự thế giới không chuyển từ lưỡng cực sang đơn cực (Pax Americana) như Mỹ mong muốn. Trái lại, *quyền lực có chiều hướng phân tán ra một số trung tâm và cường quốc lớn ở cả châu Mỹ, châu Âu và châu Á.*

Sau khi cục diện hai cực và chiến tranh lạnh kết thúc, *nguy cơ chiến tranh thế giới mới được đẩy lên một bước đáng kể.* Song, những mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc, bộ lạc, tôn giáo, phe phái, những tranh chấp về tài nguyên, lãnh thổ... chưa có điều kiện bộc lộ trong thời kỳ chiến tranh lạnh, nay trở thành những nhân tố gây mất ổn định, tạo ra những lò lửa chiến tranh mới - những cuộc chiến tranh cục bộ tàn khốc, những xung đột vũ trang khốc liệt, những cuộc nội chiến kéo dài ngoài dự kiến mà những cố gắng mới của cộng đồng quốc tế vẫn chưa dập tắt hoặc chế ngự được. Những nhân tố gây mất ổn định xã hội, xu hướng tăng cường vũ trang vẫn không giảm mà còn có chiều hướng gia tăng ở một số nước và khu vực, và ngay ở các cường quốc.

Sự kết thúc chiến tranh lạnh và đối đầu Đông - Tây đã phá vỡ sự liên kết xoay quanh hệ tư tưởng và để lộ ra một bức tranh địa lý - chính trị thế giới mới: *Sự phân hoá*

giàu nghèo, sự bất bình đẳng rõ nét giữa các quốc gia, dân tộc và sự nổi bật của mâu thuẫn Bắc - Nam.

Vào năm 1990, thế giới có 1 tỷ người ở tình trạng bán cùng. Trong vòng hai thập niên, số các nước kém phát triển đã tăng gần gấp đôi, từ 25 nước (1971) lên 47 nước (1993). Khoảng cách về GNP tính theo đầu người giữa nước giàu nhất và nước nghèo nhất tăng từ 106 lần (1950) lên 600 lần (1992). Hiện nay, tài sản của 358 nhà tỷ phú trên thế giới đã vượt quá thu nhập của hơn 2 tỷ người của thế giới thứ ba¹. Các nước nghèo chưa có khả năng kiểm soát được sự bùng nổ dân số. Năm 1985, các nước nghèo chiếm 78% dân số thế giới, năm 2000 sẽ là 81%, đến năm 2050 sẽ chiếm 90%.

Trong một thế giới mà sự nghèo khổ đang bao trùm ba phần tư hành tinh, áp lực dân số gia tăng trong lúc nhiều loại tài nguyên bị cạn kiệt, môi trường bị hủy hoại, căn bệnh thế kỷ và các loại bệnh hiểm nghèo đang lan rộng, khoảng cách giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển vẫn tiếp tục mở rộng ra, nợ nước ngoài của những nước kém phát triển ngày càng chồng chất, việc buôn bán vũ khí ở quy mô lớn vẫn chưa được ngăn chặn, xu hướng chạy đua vũ trang vẫn tiếp tục... Thế giới đó hiển nhiên chứa chất những mầm mống của mâu thuẫn và xung đột.

Các nước đang phát triển đang đứng trước những nguy cơ và thách thức mới: Thách thức của tình trạng lạc hậu, với nguy cơ bị đặt ra ngoài lề, bị loại khỏi quỹ đạo phát triển chung của thế giới với những hậu quả chính trị -

1. Các số liệu trong chương IX là tính đến năm 1995.



xã hội khó lường; thách thức của cuộc cạnh tranh kinh tế toàn cầu không cân sức và không công bằng, thách thức của sự phân công lao động quốc tế bất bình đẳng, với nguy cơ "tái thuộc địa hoá" dưới sự chi phối, kiểm soát về kinh tế và công nghệ của một thứ "chủ nghĩa thực dân mới kiểu mới".

Cùng với sự bất bình đẳng rất lớn về kinh tế, chính trị, sự áp đặt các giá trị, lối sống và văn hoá - chính trị của Mỹ và phương Tây đối với phần còn lại của thế giới đã gây ra phản ứng mạnh mẽ trong các nước thế giới thứ ba, làm cho mâu thuẫn Bắc - Nam càng thêm sâu sắc.

Cuộc đấu tranh của các nước đang phát triển giờ đây không chỉ nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền, mà còn nổi bật ở sự khẳng định bản sắc dân tộc, văn hoá dân tộc và việc lựa chọn con đường phát triển của riêng mình. Một trào lưu "phi phương Tây hoá" xuất hiện rộng rãi. Ở châu Á, có hiện tượng "Á Đông hoá", "châu Á hoá" các quan niệm về tự do, dân chủ, nhân quyền, kinh tế thị trường. Ở Trung Đông, đang nổi lên một phong trào "Islam hoá" có xu hướng "chống phương Tây" nhằm xây dựng lại xã hội Arập theo những nguyên tắc và giáo lý đạo Hồi, mà "chủ nghĩa Hồi giáo chính thống" là trường hợp cực đoan nhất.

Các nước đang phát triển giờ đây đã là những quốc gia độc lập. Các nước này, với ý thức dân tộc ngày càng cao, đang đấu tranh để thiết lập một trật tự chính trị và kinh tế quốc tế công bằng, bình đẳng, cùng có lợi.

Cuộc đấu tranh đòi dân chủ hoá các quan hệ quốc tế, trong đó có vấn đề đòi cải tổ Liên hợp quốc và Hội đồng Bảo an... cũng ngày một mạnh mẽ. Trước đây, công việc thế giới là do các cường quốc định đoạt. Ngày nay, tiếng nói

của các dân tộc trung bình và nhỏ cũng đã có trọng lượng nhất định.

Cùng với mâu thuẫn Bắc - Nam sâu sắc, các mâu thuẫn cơ bản khác của thế giới vẫn tồn tại và ở nơi này, nơi khác, không kém phần gay gắt mà ta phải tính đến.

2. Sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, những tác động của nó đến sự phát triển của thế giới

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại xuất hiện từ những năm 70 của thế kỷ XX chủ yếu ở các cường quốc tư bản cho đến nay vẫn tiếp tục phát triển ngày càng nhanh, với trình độ ngày càng cao và ngày càng tác động lớn đến sự biến đổi, phát triển của cục diện thế giới. Cuộc cách mạng đó, trong khi thúc đẩy nhanh chóng quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong mỗi nước cũng như trên thế giới, quốc tế hoá nền sản xuất và sự phân công lao động xã hội, sẽ góp phần tổ chức lại đời sống vật chất và tinh thần của nhân loại. Cuộc cách mạng đó cũng đang phá vỡ nhiều quan niệm cũ, phương pháp tư duy cũ, thể chế cũ và quan hệ cũ trên tất cả các bình diện: kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị, quân sự, an ninh, đối ngoại ở phạm vi quốc gia cũng như quốc tế...

Sự hiểu biết của chúng ta về bản chất, nội dung và những hậu quả to lớn của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang diễn ra mới chỉ là bước đầu. Điều chắc chắn là tác động nhanh chóng và rộng lớn ở quy mô toàn thế giới của nó là một hiện tượng chưa từng thấy trong lịch sử tiến triển của nhân loại.

Có thể nói rằng, đặc biệt là với hệ thống công nghệ cao, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là một xu thế to lớn của thời đại mang tính toàn cầu ở ngưỡng cửa thiên niên kỷ thứ ba của nhân loại.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ ấy đang và sẽ tạo ra cho nhân loại những hệ thống sản xuất, giao lưu, trao đổi cho đến cách thức tiêu dùng và lối sống hoàn toàn mới, làm thay đổi căn bản không chỉ các xã hội công nghiệp mà cả các xã hội nông nghiệp truyền thống.

Trong hệ thống các công nghệ hiện đại, công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghệ máy tính, có vai trò then chốt trong việc mở ra một thời đại kinh tế mới, thời đại cách mạng thông tin và thời đại nền kinh tế kiến thức.

Theo Các Mác: Sự khác nhau giữa các thời đại kinh tế-xã hội không phải là ở chỗ nó sản xuất ra cái gì mà là sản xuất như thế nào.

Trong thời đại cách mạng thông tin, lực lượng sản xuất, cơ cấu kinh tế sẽ có sự thay đổi căn bản. Dựa trên những thành tựu của công nghệ máy tính, công nghệ người máy (robotics - một sự liên kết máy tính với máy công cụ) - một nhân tố quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động sẽ tạo ra những chuyển biến cách mạng trong nền sản xuất vật chất. Sản xuất công nghiệp sẽ trải qua những biến đổi sâu sắc nhờ hệ thống tự động hoá quá trình chế tạo sử dụng người máy thay thế cho chức năng trí tuệ, cảm giác và thể lực của con người.

Do tác động của cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là cách mạng thông tin, cơ cấu các nền kinh tế chuyển dịch theo chiều hướng gia tăng của các ngành có hàm lượng trí tuệ cao và mở rộng khu vực dịch vụ hiện đại. Ở các nước có trình độ phát triển cao như ở Mỹ, hơn 2/3 lực

lượng lao động làm việc trong lĩnh vực thông tin, sáng tạo và dịch vụ trí tuệ. Lao động trực tiếp trong khu vực nông nghiệp ở các nước tư bản phát triển chỉ còn dưới 10%, ở Mỹ là 2,6%, Pháp 6%; xu hướng sử dụng nhân lực trong nền kinh tế cũng thay đổi. Trí tuệ là nhân tố ngày càng quan trọng để tạo ra năng suất lao động mới, là nhân tố quyết định tạo ra tiềm lực cạnh tranh. Việc có được những nhà chuyên môn, những nhà quản lý có trình độ nghề nghiệp cao là nhân tố quyết định chứ không phải là nhân công rẻ nhưng trình độ tay nghề thấp như trước đây.

Những hình thức tổ chức mới "mềm dẻo" sẽ làm thay đổi cảnh quan kinh tế và xã hội. Phương thức tổ chức sản xuất "mềm dẻo" dựa trên các công nghệ vi mô, nhỏ nhẹ, tác động nhanh, tiêu tốn ít vật chất và năng lượng, sản sinh ít phế thải... sẽ tạo ra một nền sản xuất hiện đại, "thân thiện" với môi trường.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều các công ty nhỏ, hiện đại là một xu hướng nổi bật trong nền kinh tế kiến thức và xã hội thông tin. Ở Mỹ, năm 1989, kinh doanh nhỏ đã sử dụng 60% lực lượng lao động và tạo ra 50% GDP. Các doanh nghiệp nhỏ và công ty gia đình không những cung cấp phần lớn công việc làm mới mà còn thúc đẩy mạnh mẽ quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội.

Tin học hoá xã hội sẽ là một xu hướng toàn cầu.

Tin học hoá loại bỏ nhiều việc làm cũ và tạo ra những nghề nghiệp hoàn toàn mới. Dự báo vào năm 2000, ở các nước tư bản phát triển có khoảng 50% công việc làm mới được tạo ra có liên quan đến các công nghệ mới về thông tin.

Trí thức hoá lực lượng lao động là một xu hướng nổi bật của thời đại cách mạng thông tin. Ở các nước có

trình độ phát triển cao, xu hướng này làm cho cơ cấu và trình độ của lực lượng lao động có sự biến đổi sâu sắc. Dự đoán thiên tài của Ph. Ăngghen về giai cấp công nhân khoa học đang trở thành hiện thực.

Trong bậc thang giá trị của xã hội - một giá trị xã hội mới đã hình thành: tri thức khoa học và công nghệ với sự xác lập quyền sở hữu trí tuệ (trong các sản phẩm công nghệ cao, 80-90% giá thành là chất xám, chỉ có 10-12% là chi phí nguyên liệu và nhân công giản đơn, thậm chí có sản phẩm giá thành chất xám chiếm tỷ lệ 90-99%).

Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang mở ra cho nhân loại - hiện nay mới ở một số nước tư bản phát triển - cơ hội tiến vào nền văn minh trí tuệ, ở đó tri thức vừa là của cải vừa là công cụ để sáng tạo ra của cải, là chìa khoá của tiến bộ kinh tế, văn hoá và xã hội.

Trong bước phát triển mới đó, con người phải có kiến thức mới, kỹ năng mới và phẩm chất mới. Do đó, đòi hỏi ở tất cả các nước, nhất là các nước chậm phát triển và đang phát triển, phải có cuộc cách mạng mới trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, phải có chiến lược mới về con người và phải ưu tiên cho giáo dục - đào tạo.

Cách mạng thông tin, một nội dung chủ yếu của cách mạng công nghệ hiện đại, không chỉ đơn giản là sự chuyển đổi công nghệ sản xuất, mà rộng lớn hơn, còn là cuộc cách mạng trong việc sử dụng thông tin của con người. Sự chuyển biến lớn lao nhất mà cách mạng thông tin đem lại không chỉ ở trong quan hệ giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với thế giới vật chất, mà quan trọng hơn, trong quan hệ giữa con người với con người, tức là quan hệ xã hội giữa các chủ thể hành động. Bởi vậy, khoa học xã hội

và nhân văn ngày càng có vai trò quan trọng định hướng cho sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

Văn hoá là nhân tố quyết định khả năng thích nghi của xã hội đối với mọi sự biến đổi, khả năng tiếp thu và làm chủ những tinh hoa trí tuệ của nhân loại. Văn hoá trở thành động lực và mục tiêu của sự phát triển.

Nếu kết hợp hài hòa yếu tố tự nhiên với yếu tố xã hội, sự phát triển của khoa học công nghệ với văn hoá, yếu tố hiện đại với truyền thống và bản sắc dân tộc, đem những thành tựu của khoa học - công nghệ phục vụ cho mục đích cao nhất là giải phóng con người khỏi mọi ràng buộc của tự nhiên, của xã hội và những hạn chế của bản thân con người, thì cách mạng khoa học và công nghệ sẽ mở ra cho loài người một tương lai đầy triển vọng.

Trong thời đại cách mạng thông tin, mọi hoạt động diễn ra với nhịp độ "gia tốc". Nếu biết sử dụng có hiệu quả những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại thì các nước đang phát triển hoàn toàn có khả năng rút ngắn tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từ hàng trăm năm xuống khoảng vài chục năm và có thể trong một thời gian ngắn hơn nữa.

Vấn đề đặt ra là, như trên đã nói, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang diễn ra chủ yếu là ở các nước tư bản phát triển; những thành tựu quan trọng của cuộc cách mạng ấy hiện đang bị chi phối bởi các công ty tư bản độc quyền xuyên quốc gia. Do đó, biết tranh thủ thời cơ để khai thác và làm chủ những thành tựu to lớn ấy của nhân loại là một thách thức lớn đối với các nước đang phát triển để thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu và địa vị phụ thuộc trong quan hệ với các nước. Đây là một vấn đề của

thời đại đối với hàng trăm nước đang phát triển hoặc chậm phát triển của thế giới thứ ba.

3. Những xu thế chủ yếu của thế giới hiện nay và tính chất của thời đại

Sự vận động của thế giới theo quy luật khách quan và chịu sự tác động của những biến động lớn trong mấy thập kỷ gần đây, đã nảy sinh ra những xu thế chủ yếu của thế giới. Nổi lên là xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá; xu thế hòa bình ổn định và phát triển; xu thế đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Toàn cầu hoá và khu vực hoá là một trong những xu thế lớn, vừa đem lại cơ hội, vừa mang tính thách thức đối với mọi quốc gia trên thế giới hiện nay và tương lai.

Xu thế *toàn cầu hoá* xuất hiện và phát triển như một *tất yếu khách quan* do sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, sự đổi mới nhanh chóng về công nghệ và công cụ sản xuất, đưa năng suất lao động lên một trình độ mới ngày càng cao hơn. Sự phát triển đó đã phá vỡ khuôn khổ chật hẹp của nền sản xuất khép kín trong phạm vi từng vùng, từng nước, làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới.

Trong gần nửa thế kỷ qua, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nền sản xuất thế giới đang chuyển từ giai đoạn cách mạng công nghiệp sang giai đoạn cách mạng thông tin. Cuộc cách mạng đó đang tạo ra sự chuyển biến sâu sắc và căn bản chẳng những trong công nghệ, kinh tế mà còn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Với sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất cùng với sự tích tụ tư bản và tập trung sản xuất,

nền kinh tế thế giới đã bước vào một giai đoạn phát triển lịch sử hoàn toàn mới - *giai đoạn toàn cầu hóa*.

Ở các nước tư bản phát triển, chủ nghĩa tư bản đã và đang tìm cách tự điều chỉnh để thích ứng và phát triển trong điều kiện mới. Với sự điều chỉnh mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền, điều chỉnh kết cấu độc quyền, điều chỉnh những mâu thuẫn kinh tế - xã hội chủ nghĩa tư bản đã *chuyển từ giai đoạn độc quyền quốc gia sang giai đoạn độc quyền xuyên quốc gia*. Trong sự điều chỉnh đó, các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia đóng vai trò quyết định trong việc xây dựng lại kết cấu của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới. Sự bành trướng của tư bản độc quyền xuyên quốc gia là một trong những biểu hiện mới nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại và là hiện tượng nổi bật trong quan hệ kinh tế quốc tế ở nửa cuối thế kỷ XX. Các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia một mặt là sản phẩm khách quan của sự phát triển lực lượng sản xuất mang tính quốc tế, mặt khác là công cụ của chủ nghĩa tư bản để phân chia lại thị trường, phân chia lại khu vực ảnh hưởng và chi phối nền kinh tế thế giới.

Các công ty xuyên quốc gia trong khi liên kết các nền kinh tế quốc gia lại với nhau, làm cho nền kinh tế thế giới ngày càng có quan hệ ràng buộc, càng mang tính thống nhất, thì đồng thời cũng làm tăng thêm mâu thuẫn trong quan hệ kinh tế quốc tế, gây ra sự phân hoá, phân cực trong nền kinh tế thế giới, làm sâu sắc thêm hố ngăn cách giàu - nghèo giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển, đồng thời cũng làm gay gắt thêm cuộc cạnh tranh và mâu thuẫn giữa các đế quốc.

Sự xâm nhập của các công ty tư bản xuyên quốc gia vào các nền kinh tế quốc gia, một mặt tạo ra những cơ hội mới cho sự phát triển lực lượng sản xuất, mặt khác lại làm nảy sinh những mâu thuẫn mới, những hình thức mới của đấu tranh dân tộc và giai cấp trong thời đại hiện nay.

Trong khi phân tích về chủ nghĩa tư bản và vấn đề dân tộc, từ rất sớm, V.I. Lênin đã chỉ rõ: Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, có thể nhận thấy có hai xu hướng lịch sử trong vấn đề dân tộc: xu hướng thứ nhất là sự thúc đẩy của đời sống dân tộc và phong trào dân tộc đấu tranh chống lại mọi áp bức dân tộc, thiết lập Nhà nước - dân tộc. Xu hướng thứ hai là sự phát triển ngày càng tăng cường các mối liên hệ giữa các dân tộc, sự phá bỏ các thành lũy dân tộc, sự hình thành khối thống nhất quốc tế về tư bản, đời sống kinh tế, chính trị, khoa học nói chung. Hai xu hướng này đều là quy luật thế giới của chủ nghĩa tư bản. Xu hướng thứ nhất chiếm ưu thế trong thời kỳ đầu phát triển của chủ nghĩa tư bản; xu hướng thứ hai đánh dấu chủ nghĩa tư bản đã chín muồi, đang chuyển biến lên xã hội xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, xu hướng thứ hai của chủ nghĩa tư bản đã xuất hiện từ lâu và hiện đang phát triển mạnh mẽ. Hiện nay, nền kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa đang bước vào giai đoạn toàn cầu hoá, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nhà nước - dân tộc tăng lên mạnh mẽ. Các hoạt động kinh tế và các nền kinh tế của các quốc gia có sự thâm nhập lẫn nhau, sự phụ thuộc lẫn nhau trên các lĩnh vực: vốn, quản lý, thị trường, lao động, thông tin, công nghệ.

Các công ty xuyên quốc gia là tác nhân chủ yếu thúc đẩy quá trình toàn cầu hoá kinh tế. Trong cuộc cạnh tranh

toàn cầu, để giành giật thị trường, các công ty đã triển khai những chiến lược xuyên quốc gia nhằm đẩy mạnh đầu tư tư bản trực tiếp ra nước ngoài.

Cách mạng về phương tiện vận tải, cách mạng thông tin - viễn thông, cách mạng tài chính tạo ra những điều kiện thuận lợi cho quá trình toàn cầu hoá các công ty, tổ chức lại các công ty đa quốc gia thành *mạng lưới* phân bố ở mọi khu vực kinh tế chủ yếu trên thế giới.

Với một mạng lưới toàn cầu, các công ty xuyên quốc gia là tác nhân chủ yếu thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các nền kinh tế quốc gia thông qua các biện pháp đầu tư tư bản, chuyển giao công nghệ và độc quyền các kênh thương mại. Quá trình tổ chức lại nền kinh tế toàn cầu, phân chia lại thị trường và khu vực ảnh hưởng của các công ty xuyên quốc gia tạo ra *sự phân công quốc tế mới về lao động và sản xuất*, với sự hình thành một mạng lưới nối liền "công ty mẹ" với các "trung tâm khu vực" và các "chi nhánh" của nó ở nước ngoài. Hiện nay, với mạng lưới gồm bốn vạn công ty mẹ và 28 vạn chi nhánh, các tập đoàn tư bản độc quyền xuyên quốc gia đang chi phối và kiểm soát 2/3 thương mại thế giới, 4/5 nguồn vốn đầu tư trực tiếp ở nước ngoài và 9/10 kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trên thế giới. Như vậy, về thực chất, sự phân công quốc tế hiện nay, ở mức độ lớn, là biểu hiện bên ngoài của sự phân công bên trong của các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia.

Toàn cầu hoá hiện nay chính là *giai đoạn phát triển mới của xã hội hoá sản xuất và quốc tế hoá kinh tế*. Tuy nhiên, do sự phát triển không đồng đều, toàn cầu hoá một mặt thúc đẩy sự thống nhất, mặt khác vẫn tăng cường chú

không xoá bỏ những khác biệt quốc gia và khu vực, cũng như sự *phân hoá, phân cực* trong nền kinh tế thế giới. Chính do sự bất bình đẳng thực tế giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển và do sự khác biệt về lợi ích giữa các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia, nên sự phát triển của toàn cầu hoá diễn ra không đồng đều ở các khu vực.

Do đó, đi đôi với xu hướng toàn cầu hoá, chúng ta thấy sự phát triển rất mạnh của *xu thế khu vực hoá* - một biểu hiện cụ thể của toàn cầu hoá trong điều kiện hiện nay.

Xu thế *khu vực hoá* phản ánh lợi ích của các nước có những gắn gũi về điều kiện địa lý, chính trị, kinh tế, văn hoá... nhất định, đòi hỏi mở rộng thị trường, phối hợp nguồn nhân lực, tài lực, kết cấu hạ tầng, tài nguyên... để cùng nhau phát triển. Xu hướng khu vực hoá đồng thời cũng là sự "phản ứng" đối với xu hướng toàn cầu hoá, như một sự tập hợp lực lượng để đối phó và tham gia vào sự cạnh tranh đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới.

Xu thế khu vực hoá diễn ra đồng thời với xu thế toàn cầu hoá. Các xu thế đó diễn ra mạnh mẽ ở khắp nơi, bao gồm các nước có chế độ chính trị - xã hội, có trình độ phát triển kinh tế - văn hoá khác nhau. Do đó, hợp tác, liên kết ngày càng tăng thêm và sâu thêm, nhưng đấu tranh, cạnh tranh vì quyền lợi của mỗi nước, mỗi khu vực cũng rất gay gắt, quyết liệt.

Trong sự tương tác lẫn nhau giữa toàn cầu hoá và khu vực hoá, *xu hướng liên kết kinh tế* diễn ra theo nhiều tầng lớp: *toàn cầu* (GATT/WTO); *liên khu vực hay liên lục địa* (Hiệp định thương mại tự do xuyên Đại Tây Dương TAFTA giữa Bắc Mỹ (Mỹ) và Liên minh châu Âu, Diễn đàn Hợp tác

kinh tế châu Á - Thái Bình Dương APEC, Hội nghị thiết lập khu vực thương mại tự do ven bờ Địa Trung Hải bao gồm Liên minh châu Âu với các nước Bắc Phi và Trung Đông Hội nghị hợp tác kinh tế cấp cao Á - Âu ASEM...); *cấp vùng và tiểu vùng* (EU, NAFTA, ASEAN/AFTA, thị trường chung Nam Mỹ MERCOSUR, Hiệp hội buôn bán tự do Trung Âu CEFTA, Cộng đồng phát triển Nam Phi SADC...) cho đến các nhóm nước (các tam, tứ giác phát triển ở Đông - Nam Á); các "vùng lãnh thổ kinh tế tự nhiên" (NET - Natural Economic Territories) như Hợp tác tiểu vùng sông Mêkông...

Các nước tư bản phát triển muốn thông qua việc hình thành các khu vực mậu dịch tự do để phân chia lại thị trường và khu vực ảnh hưởng, xác định vai trò của mình trong trật tự thế giới mới.

Chính điều đó càng làm cho xu thế khu vực hoá phát triển mạnh mẽ và trở thành một biểu hiện tập trung của xu thế đa cực hoá đang diễn ra trên thế giới hiện nay.

Trong khuôn khổ cạnh tranh toàn cầu giữa Tây Âu - Mỹ, Nhật Bản, kể từ sau chiến tranh lạnh, trong thế giới tư bản chủ nghĩa đã nổi lên ba khối kinh tế cạnh tranh và hợp tác với nhau: Liên minh châu Âu (EU), Khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) và châu Á - Thái Bình Dương.

Điều đó đã làm thay đổi căn bản bức tranh địa lý - kinh tế thế giới, đồng thời thúc đẩy và tạo tiền đề cho những biến đổi địa lý - chính trị và sự hình thành một trật tự thế giới mới.

Trên thực tế, những tiến đề đó đã xuất hiện ngay trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Trong lúc Mỹ - Xô lao vào cuộc

đấu đầu và chạy đua vũ trang thì Tây Âu và Nhật Bản lao vào chạy đua kinh tế và nổi lên là những lực lượng cạnh tranh mạnh mẽ với Mỹ.

Sau chiến tranh lạnh, sự phát triển của ba trung tâm tư bản: Mỹ - Nhật Bản - Tây Âu tiếp tục diễn ra theo chiều hướng thay đổi bất lợi cho Mỹ.

Ở châu Âu, với sự chấm dứt cục diện đối đầu hai cực, vai trò cân bằng lực lượng của Mỹ cũng giảm đi. Tây Âu có cơ hội để thoát khỏi ảnh hưởng chi phối của Mỹ. Hiệp ước Maastricht (tháng 12-1991) thống nhất các quốc gia Tây Âu bằng liên minh kinh tế - tiền tệ và liên minh chính trị được coi là sự kiện quan trọng nhất ở nửa sau thế kỷ XX. *Liên minh châu Âu* (EU): 15 nước không còn ranh giới quốc gia và các cửa khẩu ngăn chặn lao động, hàng hoá, dịch vụ, tư bản...; đó là sự quốc tế hoá không chỉ lực lượng sản xuất mà cả quan hệ sản xuất. Mục tiêu chiến lược của Liên minh là tiến tới một thứ Hợp chúng quốc châu Âu; xây dựng nền an ninh phòng thủ chung châu Âu với bản sắc riêng độc lập với Mỹ nhằm thiết lập một nền an ninh đa cực trong đó Tây Âu là một cực độc lập; mở rộng phạm vi ảnh hưởng ra các khu vực, truyền bá giá trị phương Tây, cạnh tranh với Mỹ và Nhật Bản nhằm thiết lập một trật tự thế giới mới dưới sự lãnh đạo của Tây Âu. Tiến trình nhất thể hoá châu Âu sẽ tiếp tục phát triển, mưu tính mở rộng sang phía Đông và tiến xuống phía Nam để hình thành một thực thể kinh tế, chính trị và an ninh xuyên lục địa.

Ngay tại Tây Âu, nước Đức thống nhất với 80 triệu dân, sức mạnh kinh tế bằng cả Anh và Pháp cộng lại đang toan tính trở thành trung tâm của Liên minh châu Âu,

thậm chí cả của châu Âu và thế giới. Oasinhton và Tôkyô muốn lập trục liên kết để lãnh đạo thế giới đối phó với Tây Âu, nhưng lại bất đồng về lợi ích kinh tế và bá quyền lãnh đạo. Chiến tranh kinh tế giữa Mỹ và Nhật Bản lúc dấy đi, lúc lại bùng lên.

Xung đột lợi ích giữa ba trung tâm của chủ nghĩa tư bản: Mỹ - Tây Âu - Nhật Bản tăng lên làm cho mâu thuẫn về chính trị và an ninh cũng tăng lên.

Trước thách thức của việc xây dựng Liên minh châu Âu thành một cực ổn định, một trung tâm phát triển của thế giới, Mỹ đã nhanh chóng xây dựng *Khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ* (NAFTA) gồm ba nước Mỹ - Canada - Mêhicô. Trong tương lai gần, NAFTA sẽ mở rộng về phía Nam, hình thành Khu vực mậu dịch tự do châu Mỹ (FTAA) gồm 34 thành viên.

Mặt khác, Mỹ triển khai kế hoạch xây dựng *Cộng đồng kinh tế châu Á - Thái Bình Dương* mới để ngăn chặn Liên minh châu Âu và giành quyền lãnh đạo khu vực. Tuy nhiên, khác với EU và NAFTA, ở châu Á, những hình thức hợp tác kinh tế có cơ cấu chặt chẽ không phát huy tác dụng. *Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương* (APEC) đến nay chỉ là một diễn đàn kinh tế, song là một tổ chức kinh tế lớn nhất thế giới, tập hợp 21 thành viên, trong đó có hai nền kinh tế mạnh nhất (Mỹ, Nhật Bản) và các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh (các nước NIC, Trung Quốc, ASEAN). Trong APEC có sự đan xen các thành phần của NAFTA, ASEAN/AFTA và của khu vực hợp tác kinh tế ANZ giữa Ôxtrâyliia và Niu Dilân. Trong tương lai, với vai trò lãnh đạo của Mỹ, APEC có thể mở rộng liên kết tới phạm vi Nam Mỹ và Khu vực kinh tế toàn

châu Mỹ. Điều đó chắc chắn sẽ là một thách thức lớn đối với Liên minh châu Âu.

Bởi vậy, đối với Liên minh châu Âu, việc tăng cường sự liên kết về kinh tế ở châu Á là một vấn đề cấp bách để duy trì ảnh hưởng trong nền kinh tế thế giới.

Cuộc họp cấp cao Á - Âu (ASEM) giữa 10 nước châu Á và 15 nước Liên minh châu Âu đã đánh dấu một xu hướng liên kết mới giữa hai lục địa có tầm quan trọng lớn về quan hệ kinh tế - chính trị trong một thế giới đang biến đổi cực kỳ nhanh chóng.

Các liên hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Nhật Bản, các nước công nghiệp mới (NIC), ASEAN (trong đó có Việt Nam), Trung Quốc cũng phát triển nhanh chóng. Luồng thương mại và đầu tư của Nhật Bản đã đóng góp rất nhiều vào quá trình liên kết khu vực.

Trong xu thế chung đó, nhiều nhà phân tích chiến lược cho rằng thế giới đang bước sang "*kỷ nguyên châu Á - Thái Bình Dương*": Thế kỷ XIX là thế kỷ châu Âu, thế kỷ XX là thế kỷ Mỹ, còn thế kỷ XXI là thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương.

Đây là một khu vực địa lý bao la, đa dạng về đất đai, biển, tài nguyên và văn hoá, rộng gấp hai lần châu Âu và Hoa Kỳ, chiếm gần 1/2 dân số thế giới, là thị trường lớn, là khu vực *phát triển kinh tế năng động nhất, có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới hiện nay và là động lực tăng trưởng kinh tế toàn cầu*. Thực tế gần đây, châu Á - Thái Bình Dương đang trở thành trung tâm thương mại, trung tâm đầu tư, trung tâm tài chính và giao lưu toàn cầu.

Vòng cung Thái Bình Dương đang là *trung tâm kinh tế và chính trị* của thế giới đương đại; nơi tập trung các cường quốc mới và cũ: Mỹ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc; nhóm các nước công nghiệp mới, Hiệp hội Đông Nam Á mở rộng, Ấn Độ, Ôxtrâyli-a, Niu Dilân, kể cả cái gọi là "thế giới người Hoa", "thế giới Hồi giáo". Hiện nay, trong số 15 quân đội lớn nhất thì 12 tập trung trong vòng cung Thái Bình Dương, trong đó 10 thuộc châu Á - Thái Bình Dương.

Những năm 1980 - 1990, các siêu cường điều chỉnh chính sách, hướng sang châu Á - Thái Bình Dương làm cho vị trí chính trị của châu Á - Thái Bình Dương càng quan trọng tác động lớn đến an ninh, chính trị, con đường phát triển và các quan hệ quốc tế trong khu vực và thế giới.

Những biến đổi to lớn ở Đông Nam Á từ sau chiến tranh lạnh là nét nổi bật trong tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Từ tình trạng chiến tranh và đối đầu, Đông Nam Á hiện nay đã chuyển sang xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Sau chiến tranh lạnh, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) nổi lên như là một tổ chức khu vực hoạt động có kết quả. Cho đến nay, ASEAN được xem là tổ chức duy nhất tập hợp được tất cả các quốc gia Đông Nam Á, không phân biệt lớn nhỏ, giàu nghèo, và sự khác biệt về chế độ chính trị - xã hội, cùng nhau phấn đấu cho một nền hòa bình lâu dài và phát triển bền vững ở cấp khu vực trên tinh thần độc lập, tự cường, bình đẳng, cùng có lợi.

Trên bình diện kinh tế, với kế hoạch thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), hiện nay được đánh giá là một trong những tổ chức liên kết khu vực thành công trên thế giới. Sau ba khối kinh tế chủ chốt (EU,

NAFTA, APEC), ASEAN là tổ chức kinh tế khu vực đứng thứ tư thế giới về GDP và thương mại.

Trên bình diện chính trị và an ninh, ASEAN hiện nay được xem là một lực lượng chính trị độc lập đáng kể. Với việc chủ động thành lập Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) để trao đổi về các vấn đề an ninh khu vực, ASEAN đã tranh thủ được tất cả các nước lớn trong và ngoài khu vực tham gia đối thoại về an ninh, chính trị và kinh tế.

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực đa dạng về văn hoá, chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, ngôn ngữ; khác biệt về tầm cỡ quốc gia, về thể chế và trình độ phát triển, về mục tiêu và lợi ích. Sự tác động của các nước lớn cũng nhằm những mục đích khác nhau. Do đó, các nước châu Á - Thái Bình Dương đều có xu hướng duy trì tình hình hòa bình và ổn định có lợi cho sự phát triển kinh tế; tuy vậy, về thực chất, vẫn tiềm ẩn những khả năng biến động và xung đột, nguy cơ tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải và tài nguyên, chạy đua vũ trang ở biển Đông...

Mặc dù ở châu Á - Thái Bình Dương nói chung hiện nay, có hòa bình và sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế ngày càng tăng, nhưng ở Đông Bắc Á, bóng đen của chiến tranh lạnh vẫn tồn tại.

Sự phát triển không đồng đều và quan hệ bất bình đẳng trong cuộc cạnh tranh toàn cầu và khu vực dưới sự chi phối của các cường quốc và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia đang tạo ra sự tương phản Bắc - Nam ngay trong lòng châu Á. Ngay trong khu vực tăng trưởng nhanh nhất này cũng là nơi tồn tại một số nước nghèo nhất thế giới.

Do không có một thể chế an ninh đa phương nên cán cân giữa các cường quốc trở thành yếu tố địa lý - chính trị cực kỳ quan trọng đối với nền an ninh khu vực. Bởi vậy, vấn đề bảo đảm hòa bình, ổn định để phát triển, khắc phục tình trạng bất bình đẳng về kinh tế và xã hội luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu của mọi quốc gia trong khu vực.

Cùng với xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá tác động rộng lớn đến sự phát triển của thế giới, làm sâu sắc thêm mâu thuẫn vốn có của hệ thống tư bản chủ nghĩa như trên đã phân tích. Từ sau sự chấm dứt của chiến tranh lạnh giữa hai hệ thống chính trị đối lập và sự đối đầu giữa hai cực Đông - Tây, ở quy mô toàn cầu cũng như khu vực đã diễn ra *xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác và cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội vẫn là một xu thế phát triển ngày càng mạnh mẽ.*

Trong một thế giới toàn cầu hoá, khu vực hoá và ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, các nước đều đặt ưu tiên cao cho phát triển kinh tế - hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển đang trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc, các quốc gia trên thế giới. Các nước đều mong muốn giải quyết mọi bất đồng bằng thương lượng hòa bình trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi; đối thoại thay cho đối đầu; cạnh tranh kinh tế thay cho xung đột, chiến tranh, chạy đua quân sự toàn cầu; chính sách mở rộng và đa dạng hoá quan hệ đối ngoại thay thế chính sách khép kín hay mở cửa từ một phía. Các quốc gia lớn nhỏ có chế độ chính trị - xã hội có trình độ phát triển kinh tế khác nhau tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác, liên kết kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực khác. Sự khác nhau về ý thức không còn là bức tường ngăn cách sự hợp tác, liên kết rộng rãi. Xu thế hòa hoãn, ổn định, phát triển chịu sự tác động của xu

thế toàn cầu hoá, khu vực hoá và lại thúc đẩy sự phát triển, mở rộng của xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá. Tuy nhiên chiến tranh cục bộ vẫn diễn ra, có nơi khốc liệt, kéo dài và xu hướng tăng cường vũ trang vẫn có chiều hướng gia tăng như phần trên đã nói.

Trong một thế giới đa dạng, gồm những nước, những quốc gia dân tộc có những lợi ích, những vị thế khác nhau, thì hợp tác càng tăng, càng đa dạng, phong phú, càng sâu thêm, thì cạnh tranh càng diễn ra gay gắt, đa dạng, phức tạp...

Với ý thức độc lập, tự chủ, tự lực tự cường cuộc đấu tranh của các dân tộc nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc, khẳng định bản sắc dân tộc, độc lập trong việc chọn con đường phát triển, chống lại mọi sự lệ thuộc về kinh tế - công nghệ, sự áp đặt về chính trị - văn hoá đã trở thành một trào lưu rộng lớn. Phong trào đấu tranh đòi dân chủ hoá các quan hệ quốc tế, đòi thiết lập một trật tự chính trị và kinh tế quốc tế công bằng, bình đẳng ngày một phát triển. Xu thế này không chỉ tồn tại ở các nước mới giành được độc lập dân tộc, đang trên con đường phát triển. Ngay ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, phong trào đấu tranh nhằm bảo vệ độc lập dân tộc thực sự, chống sự lệ thuộc về kinh tế, văn hoá của Mỹ và các cường quốc đế quốc khác cũng biểu hiện rõ hơn.

Chính vì vậy, các nước lớn, nhỏ đều ưu tiên cho phát triển kinh tế, văn hoá, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với phát triển đất nước, tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước. Nhưng các nước vẫn không coi nhẹ việc tăng cường sức mạnh an ninh, quốc phòng.

Xu hướng độc lập dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn tồn tại và có chiều hướng phát triển. Học thuyết Mác vẫn được nhân loại tiến bộ, yêu chuộng hòa bình, công lý đánh giá cao. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại ở châu Á, Mỹ Latinh, thông qua "đổi mới", vẫn tiếp tục con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nhưng đúng hướng hơn, phù hợp quy luật và tình hình khách quan hơn, đã đạt được những thành tựu quan trọng, từng bước vượt qua khủng hoảng, khó khăn để phát triển. Các nước thuộc Liên Xô trước đây và Đông Âu, trải qua thực tiễn của những khó khăn, suy sút trong đời sống, trong kinh tế - văn hoá do sự thay đổi chế độ đã có dấu hiệu cho thấy một bước phát triển mới của xu thế đấu tranh cho sự phục hồi và đổi mới chủ nghĩa xã hội. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản đòi dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội vẫn có chiều hướng phát triển cả về bề rộng và chiều sâu. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế sau thất bại của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu có một bước thụt lùi đến nay đang từng bước phục hồi với những tư duy mới. Trên thế giới, bên cạnh sự nổi lên những mâu thuẫn đã từng bị che lấp trong thời kỳ chiến tranh lạnh và sự xuất hiện một số mâu thuẫn mới, những mâu thuẫn cơ bản của thế giới vẫn tiếp tục tồn tại, với những hình thức biểu hiện mới trong sự đan xen phức tạp với sự phân hoá và tập hợp lực lượng mới ở quy mô toàn cầu và khu vực.

Ngoài những mâu thuẫn cơ bản trên của thời đại, đã xuất hiện những vấn đề, những thách thức có tính chất toàn cầu, không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, mà cần phải có sự tác động rộng rãi, đa phương để xử lý như: vấn đề hạt nhân và ngăn chặn chạy đua hạt nhân;

vấn đề môi trường, hạn chế bùng nổ dân số, vấn đề phòng ngừa và chống những căn bệnh hiểm nghèo của thế kỷ; những vấn đề liên quan đến an ninh toàn cầu như chống khủng bố quốc tế, phòng và chống ma tuý, ngăn chặn các cuộc xung đột vũ trang, v.v.. Tuy nhiên, do lợi ích của mỗi nước, ở mỗi khu vực, sự quan tâm và tham gia giải quyết những vấn đề chung này cũng phụ thuộc vào quyền lợi và lợi ích của mỗi nước, mỗi khu vực.

Từ sự phân tích những đặc điểm, những xu thế chủ yếu của thế giới nói trên, chúng ta thấy tính chất của thời đại vẫn không thay đổi, đúng như Đại hội VIII của Đảng ta đã nhận định: "loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội".

Chủ nghĩa tư bản hiện nay đã ở vào giai đoạn phát triển mới, giai đoạn tư bản độc quyền xuyên quốc gia. Chủ nghĩa tư bản vẫn còn khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển. Nhưng sự điều chỉnh bất buộc có tính quy luật đó của chủ nghĩa tư bản hiện đại càng làm tăng thêm mâu thuẫn vốn có giữa tính xã hội hoá của sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Sự điều chỉnh đó trong khi làm tăng thêm lợi nhuận tư bản chủ nghĩa thì đồng thời cũng tạo ra trong lòng xã hội tư bản những tiền đề để phủ định chính nó.

Dứng trước những đảo lộn sâu sắc của thế giới và những biến đổi lớn lao trên quy mô toàn cầu, tất cả các nước trên thế giới đều có sự *điều chỉnh chính sách và chiến lược* để có thể thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi cục diện thế giới nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển trong hòa bình và ổn định.

Tình hình đó tác động sâu sắc đến các mặt của đời sống xã hội và đến công cuộc đổi mới của nhân dân ta, đưa đến cho chúng ta những thuận lợi lớn và cả những khó khăn, thách thức lớn.

II. BỐI CẢNH TRONG NƯỚC - THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC

Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, cuộc chống Mỹ, cứu nước đã giành thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn. Mong ước của Bác Hồ đã được thực hiện: Đất nước thống nhất và sạch bóng quân xâm lăng. Nhân dân ta hoàn toàn giành quyền làm chủ và bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Tiếp tục thực hiện lời di huấn của Người: Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

Tuy nhiên, đất nước ta chưa được hòa bình bao năm thì lại phải đối phó với cuộc chiến tranh biên giới, chiến tranh phá hoại nhiều mặt ở tây nam và ở phía bắc, vẫn phải đối phó với chính sách bao vây cấm vận của các lực lượng thù địch. Cả nước phải làm hai nhiệm vụ chiến lược, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời làm nhiệm vụ quốc tế.

Trước tình hình ấy chúng ta lại phạm những sai lầm chủ quan, duy ý chí do nhận thức chưa thật đúng về chủ nghĩa xã hội và do thiếu kinh nghiệm của Đảng và Chính phủ trong lãnh đạo và tổ chức thực tiễn. Vì vậy, từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng đời sống nhân dân sút kém và hết sức khó khăn, lòng tin của nhân dân vào Đảng, Chính phủ, vào chủ nghĩa xã hội bị giảm sút.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách có tính chất đổi mới từng phần. Tuy nhiên, những nhận thức không đúng về mô hình chủ nghĩa xã hội chưa được vạch rõ, tình hình cơ bản chưa có chuyển biến.

Vào cuối năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng với ý thức trách nhiệm cao trước nhân dân, trước tương lai của đất nước, với sự đóng góp ý kiến rộng rãi của toàn Đảng, toàn dân, thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng của một Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm thiếu sót về nhận thức và về tổ chức thực tiễn; rút ra những bài học lớn: *tuân thủ quy luật khách quan, lấy dân làm gốc, phát huy sức mạnh tổng hợp, nâng Đảng lên ngang tầm với nhiệm vụ mới.*

Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mà thực chất là trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Sau 5 năm phấn đấu gian khổ, kiên cường theo đường lối đổi mới, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng cả về kinh tế, chính trị, xã hội, đối nội, đối ngoại, nhưng nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Đại hội VII của Đảng đã tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000; khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam

cho hành động". Tuyên bố: "*Việt Nam muốn là bạn và tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*".

Những tư tưởng, quan điểm, chủ trương của Đại hội đánh dấu một bước tiến lớn về đổi mới tư duy, về đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta. Sau Đại hội VII không lâu, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ đã tác động sâu sắc đến nước ta. Đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân lo lắng, một số người dao động, hoài nghi về tiến độ của chủ nghĩa xã hội. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn. Trong khi đó, Mỹ vẫn tiếp tục cấm vận. Một số thế lực bên ngoài đẩy mạnh những hoạt động diễn biến hòa bình, gây bạo loạn lật đổ. Một số phần tử chống đối trong nước thừa cơ ngóc đầu dậy. Nước ta một lần nữa lại đứng trước những thử thách hiểm nghèo.

Trong tình thế đó, Đảng ta và nhân dân ta đã kiên trì đường lối đổi mới và đã vượt qua thử thách, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên.

Trải qua gần 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, đặc biệt từ năm 1989 đến nay, nước ta đã có những thay đổi to lớn, sâu sắc.

Báo cáo chính trị tại Đại hội VIII đã đánh giá: "*Nhìn tổng quát, công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng... Đến nay, thế và lực của đất nước ta đã có sự biến đổi rõ rệt về chất. Nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm, tuy còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo được tiền đề cần thiết để*

chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước".

Về đường lối, chủ trương, Báo cáo chính trị viết: "*Xét trên tổng thể việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa*".

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện, chúng ta phạm một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài, dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, mà Đảng ta đang ra sức khắc phục.

Sau gần 10 năm tiến hành đổi mới, hiện nay Việt Nam đang ở điểm xuất phát mới trên con đường phát triển đất nước.

Song, những thành tựu đạt được chưa tạo đủ điều kiện cho sự phát triển lâu dài, ổn định và bền vững, chưa phát huy hết tiềm năng của đất nước và con người, chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, sớm tiến kịp trình độ phát triển của nhiều nước trong khu vực.

Về mặt kinh tế, Việt Nam vẫn là một nước thuộc nhóm nghèo nhất thế giới. Cơ cấu kinh tế chậm chuyển đổi. Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nhiều mặt lạc hậu, chưa thoát khỏi nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ. Nông nghiệp vẫn sử dụng trên 70% lực lượng lao động, nhưng chỉ tạo ra 30% GDP. Các ngành kinh tế công nghệ cao chiếm tỷ trọng thấp. Thị trường tin học hiện nay chỉ vào khoảng 50 triệu USD (so với Thái Lan là 1 tỷ USD).

Do sự lạc hậu về công nghệ và sự yếu kém về chất lượng lao động nên năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn kém.

Năng suất lao động thấp, bằng 30% mức trung bình thế giới; một lao động nông nghiệp chỉ nuôi được 3-5 người (thế giới trung bình: 20-30 người; Mỹ: 40 người). Lãng phí nguyên liệu trong sản xuất lớn: hao mòn vật chất cao hơn các nước tiên tiến từ 40 đến 80%.

Kết cấu hạ tầng nghèo nàn, lạc hậu: Mật độ đường giao thông/km² bằng 1% mức trung bình của thế giới. Điện thoại 0,5 máy/1.000 dân (châu Phi: 15, Malaixia: 115, Hàn Quốc 345). Tốc độ truyền thông trung bình cả nước chậm hơn thế giới 30 lần, số máy điện thoại tính trên 1.000 dân chỉ bằng 1/25 Malaixia, 1/80 Hàn Quốc...

Trình độ phát triển kinh tế nói chung, theo UNDP, nếu tính theo chỉ tiêu GNP bình quân đầu người, Việt Nam xếp thứ 156 trên tổng số 173 nước. Nếu xếp theo chỉ tiêu HDI (chỉ tiêu HDI được tính toán phối hợp ba lĩnh vực: tăng trưởng kinh tế, thành tựu về y tế - xã hội và văn hoá - giáo dục) thì Việt Nam xếp thứ 102 trong số 180 nước. Nếu đánh giá dựa trên chỉ tiêu kinh tế đơn thuần thì Việt Nam thuộc nước kém phát triển, nhưng kết hợp các chỉ tiêu về văn hoá - xã hội thì Việt Nam thuộc các nước đang phát triển.

Về mặt khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội. Hiện nay, Việt Nam gặp những khó khăn lớn:

Trình độ khoa học, công nghệ tụt hậu nghiêm trọng từ 50 đến 100 năm so với các nước tiên tiến.

Tỷ lệ tăng dân số còn cao tới 2,2%, đặc biệt ở nông thôn (Trung Quốc đạt tỷ lệ 1,5%, Thái Lan 1,8%, Hàn Quốc 1,7%). Số người thiếu việc làm khá lớn, ở cả nông thôn và thành thị, ước tính tới 7-8 triệu. Hằng năm tăng thêm

khoảng 1 triệu lao động đến tuổi. Đây là một sức ép lớn đối với xã hội không những hiện nay, mà còn gây ảnh hưởng lớn tới quá trình phát triển của Việt Nam trong vài ba thập niên tới.

Điều đáng lưu ý nữa là *trình độ nghề nghiệp của lao động* Việt Nam còn thấp, cơ cấu ngành nghề còn chưa hợp lý, chưa đáp ứng được yêu cầu của tăng trưởng kinh tế. Đây cũng là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới sự chuyển dịch cơ cấu ở nước ta trong một số năm tới, đặc biệt là trong bối cảnh đầu tư trực tiếp từ nước ngoài đang có xu hướng tăng lên mạnh.

Tuy Việt Nam đã xây dựng được một mạng lưới các cơ sở y tế từ thôn xã đến Trung ương và mạng lưới về giáo dục (từ phổ thông tới đại học, trên đại học) khá rộng rãi, nhưng do nguồn đầu tư hạn hẹp nên hệ thống này đang ở trong tình trạng xuống cấp và còn nhiều bất hợp lý trong nội dung, phương thức, phương pháp giáo dục. Hiện tượng này nếu không được cải thiện gấp sẽ gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và chất lượng của nguồn tài nguyên con người trong giai đoạn tới.

Hiện nay, nước ta đang đứng trước thời cơ lớn và cả những thách thức lớn.

Thời cơ lớn được tạo ra trước hết do những thành tựu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời cũng do sự tác động của nhiều xu thế tích cực trên thế giới. Những thành tựu đó đã và đang tạo ra thế và lực mới cả ở bên trong và bên ngoài để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Với chính sách đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá, quan hệ của nước ta với các nước trên thế giới mở rộng hơn bao giờ hết. Khả năng giữ vững độc lập

tự chủ và hội nhập với cộng đồng thế giới tăng thêm.

Sự nghiệp phát triển đất nước ngày nay được tiến hành với nhiều *điều kiện thuận lợi*:

Sau thời kỳ chiến tranh lạnh, một xu hướng chung trên thế giới là chuyển từ "đấu đấu chính trị" sang ganh đua phát triển kinh tế và cố gắng duy trì tình trạng ổn định để bảo đảm cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một thời cơ thuận lợi để Việt Nam có thể tập trung nguồn lực trong nước và mở rộng quan hệ quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, phải cảnh giác với mọi thế lực thù địch, và phải duy trì năng lực quốc phòng cần thiết.

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và sâu sắc của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay, các nước phát triển "đi trước" đều có nhu cầu đổi mới cơ cấu kinh tế trong nước, chuyển vốn đầu tư và xuất khẩu công nghệ tới các nước đang phát triển. Do vậy, khả năng tranh thủ các nguồn vốn và các nguồn cung cấp công nghệ là thuận lợi.

Bên cạnh nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, Việt Nam có những lợi thế tiềm năng về nguồn lao động đông đảo và còn tương đối rẻ, nếu tạo lập được một năng lực tiếp thu tốt, một môi trường thuận lợi cho đầu tư, thì vấn đề thiếu vốn, thiếu công nghệ sẽ có điều kiện để giải quyết từng bước. đương nhiên phải xây dựng được một năng lực nội sinh, một bản lĩnh vững vàng để không trở thành "con nợ vĩnh cửu" hoặc là "bãi phế thải công nghệ".

Là một nước "phát triển muộn", Việt Nam có thể rút ra những bài học từ những nước "đi trước", kể cả các cường quốc tư bản, đặc biệt là các "con rồng" (NICs) ở vùng châu Á - Thái Bình Dương, cả những bài học thành công và thất bại

trên nhiều lĩnh vực từ quản lý kinh tế vĩ mô, đến bảo vệ môi trường - sinh thái, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Ngoài ra, từ một xuất phát điểm thấp, nếu có những biện pháp đúng đắn, khôn ngoan, Việt Nam có thể bỏ qua các thế hệ công nghệ trung gian để đi ngay vào các công nghệ tiên tiến ở những lĩnh vực quan trọng, nhằm gia tốc nhịp độ phát triển của nền kinh tế và sớm bắt kịp xu thế chung của thế giới. Với quan điểm phát triển như vậy, Việt Nam có thể và cần phải chuyển từ một nền kinh tế còn nặng về nông nghiệp, rút ngắn giai đoạn của xã hội công nghiệp truyền thống, sớm hướng tới một xã hội thông tin.

Về điều kiện trong nước, sự lãnh đạo của một đảng của giai cấp công nhân và của dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo và nhân dân giàu truyền thống tốt đẹp, thông minh, sáng tạo... là những bảo đảm để sự nghiệp cách mạng Việt Nam phát triển đúng hướng. Những thành tựu trong công cuộc đổi mới là một trong những lợi thế quan trọng để đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế: Một cơ chế thị trường có điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế đang được xác lập; chính sách kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích liên doanh, liên kết, chấn chỉnh khu vực doanh nghiệp nhà nước, mở rộng khu vực doanh nghiệp tư nhân; đổi mới hệ thống ngân hàng, thuế, luật đầu tư nước ngoài cởi mở... đang góp phần tạo thế tăng trưởng kinh tế cho quá trình động viên các nguồn lực trong nước và tiếp thu nguồn lực từ bên ngoài về vốn đầu tư, trao đổi ngoại thương, chuyển giao công nghệ.

Tuy có những thuận lợi chủ yếu nêu trên, nhưng Việt Nam cũng đang đứng trước những *thách thức to lớn* cần phải khắc phục trong quá trình phát triển.

Đó là những thách thức lớn nảy sinh từ thực trạng nền kinh tế còn những non kém, từ tác động tiêu cực nhất định của những xu thế chủ yếu của thế giới, từ bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã nêu lên. Các nguy cơ đó có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với những nước trong khu vực và trên thế giới vẫn là thách thức to lớn và gay gắt: *Một là*, chúng ta bước vào xây dựng và phát triển đất nước từ một điểm xuất phát thấp, như trên đã phân tích. *Hai là*, do phải tiến hành chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta bước vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong khi phần lớn các nước trong khu vực đã sớm bước vào giai đoạn này. *Ba là*, chúng ta phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt, đặc biệt về vốn và công nghệ.

Khác với hoàn cảnh của Nhật Bản, hoặc của các NICs châu Á ở thập niên 60, 70 của thế kỷ XX, do phát triển muộn nên Việt Nam hiện nay chịu sức ép lớn hơn trong cạnh tranh kinh tế. Thị trường thế giới đã được phân chia tương đối rõ rệt. Lợi thế cạnh tranh ngày nay không còn nằm chủ yếu ở tài nguyên thiên nhiên hoặc lao động rẻ, mà nghiêng dần về tiềm lực tri thức và công nghệ. Chủ trương bảo hộ mậu dịch hàng hoá, đặc biệt đối với sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nhẹ ở nhiều nước phát triển, có xu hướng tăng lên, trong khi Việt Nam chưa là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Nhìn tổng quát, ngày nay Việt Nam tham gia cạnh tranh trên

thị trường thế giới với những đối thủ có nhiều lợi thế hơn về nhiều mặt, từ trình độ công nghệ, kinh nghiệm buôn bán quốc tế đến các mối quan hệ bạn hàng. Như vậy, nếu không có sự chuẩn bị tích cực, chu đáo, không có những chính sách khôn ngoan, tinh táo và một đội ngũ cán bộ đủ năng lực thì Việt Nam dễ bị thua thiệt trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường có mặt tích cực là thúc đẩy và giải phóng mọi năng lực sản xuất xã hội, kích thích sản xuất và lưu thông, đổi mới công nghệ và tăng năng suất lao động... Song, cơ chế thị trường dễ tự phát dẫn đến những hiện tượng tiêu cực như phân hoá giàu nghèo, lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền... làm nảy sinh những tệ nạn xã hội, gây mất ổn định về kinh tế - xã hội.

Hơn nữa, xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước là một sự nghiệp mới mẻ, chưa có tiền lệ, lại trong điều kiện luôn có sự tác động của chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực chống đối chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, vận dụng và phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường đồng thời ngăn ngừa và hạn chế mặt tiêu cực của nó là vấn đề vô cùng phức tạp của định hướng xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới.

Nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu. Bác Hồ gọi nguy cơ này là "giặc nội xâm". Tệ quan liêu, tham nhũng làm suy yếu bộ máy Đảng và Nhà nước, làm xói mòn sức

manh vật chất và tinh thần của quốc gia, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng với Nhà nước và chế độ; các chủ trương chính sách bị thi hành sai lệch sẽ làm mất ổn định xã hội, tạo mảnh đất thuận lợi cho diễn biến hòa bình và đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là nguy cơ rất khó khắc phục vì nó xuất hiện, tồn tại, tác động từ ngay trong nội bộ Đảng, Nhà nước, từ đội ngũ cán bộ, đảng viên hình thành một cơ chế ngấm trong xử lý các quan hệ xã hội; tuy ai cũng thấy căm ghét, cho là bất hợp lý, nhưng trong thực tế cuộc sống, người ta không dễ từ bỏ nó nếu không có một sự giáo dục sâu rộng, một sự bắt buộc mạnh mẽ của pháp luật, của dư luận và sức mạnh đấu tranh của quần chúng.

Nguy cơ diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Trong khi chúng ta thi hành chính sách mở cửa, muốn làm bạn với tất cả các nước vì hòa bình, hợp tác và phát triển thì vẫn có những thế lực thù địch muốn chống phá nước ta, lái nước ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa hoặc dùng chiêu bài của cái gọi là "dân chủ", "nhân quyền", để can thiệp vào nội bộ của nước ta. Mặt khác, cuộc chạy đua vũ trang, tranh giành ảnh hưởng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cũng như tình hình biển Đông còn diễn biến phức tạp, nguy cơ xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ vẫn có khả năng xảy ra... Điều đáng quan tâm là tác động "diễn biến hòa bình" thường nhằm vào mọi người, mọi lĩnh vực trong xã hội, gây nên những yếu tố tiêu cực, tha hoá, chệch hướng từ bên trong hệ thống chính trị xã hội, từ các tầng lớp nhân dân các dân tộc ta.

Có thể thấy rằng, thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ, cơ hội và thách thức đan xen nhau, cùng tác động

tối chiếu hướng phát triển của đất nước. Để đưa nước ta phát triển nhanh, vững chắc, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề quan trọng là phải chủ động nắm thời cơ, tạo ra thế và lực mới, đồng thời nhanh chóng khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh. Ổn định là điều kiện để phát triển và phát triển đúng hướng là cơ sở để bảo đảm sự ổn định.

Tóm lại, bối cảnh thế giới và trong nước hiện nay có những biến động, thay đổi rất lớn, có những đặc điểm, xu thế khác với thời kỳ Chủ tịch Hồ Chí Minh sống và hoạt động. Tuy nhiên, thế giới vận động theo quy luật khách quan, quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn ra với nhiều hình thức mới. Cách mạng Việt Nam vẫn phát triển theo con đường từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn với dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Những quy luật cơ bản của cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta phát hiện; những quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn là những cơ sở lý luận, phương pháp luận để chúng ta xem xét, giải quyết thắng lợi những vấn đề nóng bỏng, phức tạp của sự nghiệp đổi mới.

Chương X

VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Trước cục diện của tình hình thế giới và trong nước, như trên đã nêu, đất nước đứng trước những vận hội mới, nhưng đồng thời cũng đang đứng trước những thách thức mới.

Con đường xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội có những vấn đề đã sáng tỏ hơn, nhưng cũng còn nhiều vấn đề đang đặt ra phải tiếp tục nghiên cứu.

Để bảo đảm cho đất nước phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta tiếp tục kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp tục nghiên cứu vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết và tư tưởng ấy vào công cuộc đổi mới.

"Ngày nay, khi sự nghiệp đổi mới ngày càng mở rộng và phát triển theo chiều sâu, những biến đổi trên thế giới ngày càng lớn, những vấn đề mới đặt ra ngày càng nhiều, đòi hỏi phải làm sáng tỏ để tìm lời giải đáp thì việc gắn lý luận với tổng kết thực tiễn càng trở nên quan trọng và cấp bách"¹.

1. "Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 18-2-1995 của Bộ Chính trị Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay", in trong Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđđ, t.54, tr.220.

Công tác nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn là một nhiệm vụ rộng lớn và cực kỳ quan trọng hiện nay của các cấp, các ngành để tiếp tục hoàn thiện đường lối, hoạch định các chủ trương, chính sách.

Trong phạm vi cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, chúng tôi xin nêu mấy vấn đề nổi bật mà chúng tôi cho là quan trọng cần được quan tâm vận dụng và phát triển.

I. KIẾN ĐỊNH MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Kiên trì ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là tư tưởng xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội; xây dựng chủ nghĩa xã hội thực sự đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân ta là nhân tố cơ bản bảo đảm vững chắc cho nền độc lập dân tộc.

1. Giữ vững độc lập dân tộc trong giai đoạn hiện nay

Ngày nay, tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" vẫn giữ nguyên giá trị và sức sống của nó.

Bởi vì, cuộc đấu tranh cho nền độc lập hoàn toàn, cho tự do và bình đẳng thực sự của các dân tộc vốn là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trước đây vẫn chưa kết thúc.

Các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi hoặc Mỹ Latinh, phần lớn mới thoát ra khỏi chế độ thực dân trong những thập kỷ gần đây, sau khi giành được độc lập về chính trị đều đứng trước yêu cầu cấp bách về phát triển

kinh tế, văn hoá và xã hội nhưng đều gặp phải những khó khăn lớn. Các nước này đang phải đấu tranh chống lại chủ nghĩa tư bản phát triển sử dụng sức mạnh tài chính, kỹ thuật và công nghệ cao, hiện đại để chi phối về chính trị, xâm nhập về kinh tế, văn hoá và tư tưởng, biến các nước chậm phát triển trở thành nước bị lệ thuộc, không giữ được độc lập tự chủ, bị "tái thuộc địa hoá" dưới sự kiểm soát và chi phối của một thứ "chủ nghĩa thực dân mới, kiểu mới".

Sau khi kết thúc chiến tranh lạnh, xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển ngày càng tiến triển mạnh, nhưng cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp vẫn không kém phần gay gắt. Nguy cơ xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ vẫn chưa bị loại trừ. Mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ... lại nổi lên đang gây mất ổn định ở nhiều khu vực trên thế giới.

Thế giới đang tiến theo hướng toàn cầu hoá và khu vực hoá, khiến cho khái niệm về chủ quyền, an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, khái niệm độc lập về chính trị và kinh tế cũng mang những nội dung mới. Mối quan hệ giữa độc lập và phụ thuộc lẫn nhau diễn ra trên nhiều phương diện.

Về mặt chính trị, kinh tế: Dưới tác động của cách mạng thông tin và tài chính, nền kinh tế thế giới đang được thế giới hoá với sự phát triển bùng nổ của các luồng xuất khẩu và đầu tư nước ngoài, sự hình thành những mạng lưới toàn cầu về sản xuất, công nghệ và thông tin. Nền sản xuất không còn khép kín trong biên giới mỗi quốc gia nữa.

Kinh tế thị trường đã mở rộng ra phạm vi toàn cầu. Dưới sự điều hành và chi phối của các công ty tư bản độc quyền xuyên quốc gia, hàng hoá, dịch vụ, tư bản, công nghệ,

thông tin, nhân lực đã vượt qua các đường ranh giới quốc gia, thâm nhập sâu vào nội địa, vào mạch máu của nền kinh tế, vào tâm lý và lối sống của người dân mỗi nước; thông qua các hình thức đầu tư trực tiếp hoặc liên doanh, nhiều tài sản, kể cả đất đai ở mức độ khác nhau, đã thuộc quyền sử dụng và quản lý của người nước ngoài.

Làn sóng tập hợp các quốc gia theo địa lý, sự ra đời các tổ chức kinh tế chung, các khu vực mậu dịch tự do... diễn ra ở khắp các châu lục. Ở mức độ khác nhau, các nước đều thực hiện chính sách mở cửa, tham gia vào phân công lao động quốc tế và tìm cách hội nhập với mạng lưới trao đổi kinh tế và tài chính toàn cầu.

Tất cả những hiện tượng này làm cho quan niệm về độc lập, chủ quyền quốc gia cũng có những điểm khác trước. Trên chứng mực nào đó, các quốc gia đều có sự phụ thuộc lẫn nhau, trước hết là về kinh tế.

Các quốc gia, trên cơ sở giữ vững quyền độc lập tự chủ và với nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, sẽ phải điều chỉnh chính sách, luật pháp của mình cho phù hợp với các quy chế và luật lệ quốc tế, các thoả thuận đa phương hoặc song phương trên các lĩnh vực mà mình ký kết.

Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế không thể đảo ngược. Nếu không hội nhập được vào nền kinh tế thế giới và những khối kinh tế lớn thì những nước đang phát triển như Việt Nam sẽ bị loại trừ khỏi sự tham gia vào các quyết định có liên quan đến sự tồn tại và phát triển bền vững của đất nước.

Nước nào tạo dựng cho mình một tư thế quốc tế năng động, linh hoạt, càng đa dạng hoá được mối quan hệ đối ngoại thì càng có khả năng thực hiện được chính sách độc lập

tự chủ. Về kinh tế, nước nào càng tận dụng được những lợi thế tương đối của mình để tranh thủ được vị trí tối ưu trong quan hệ phân công lao động quốc tế thì càng giữ được quyền độc lập tự chủ về kinh tế lớn hơn.

Trong xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế của nước ta so với nhiều nước trong khu vực vẫn là thách thức to lớn và hết sức gay gắt, do điểm xuất phát của ta thấp, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt. Sự tụt hậu về kinh tế có thể làm xói mòn lòng tin của dân, làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội gay gắt, cuối cùng có thể đe dọa an ninh, trật tự và an toàn xã hội, thậm chí có thể ảnh hưởng đến sự tồn tại của chế độ. Bởi vậy, để giữ vững độc lập dân tộc, mục tiêu phát triển nhanh và bền vững giờ đây có tầm quan trọng hơn bao giờ hết.

Việt Nam phải tạo ra một năng lực nội sinh làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, xây dựng được các quan hệ quốc tế ổn định, thuận lợi cả về mặt kinh tế, chính trị và an ninh, lựa chọn đúng các đối tác quốc tế và mở rộng thị trường. Nhưng để độc lập với các đối tác trong cuộc cạnh tranh kinh tế toàn cầu, cần phải có chính sách khôn khéo và chiến lược thông minh cân bằng những tác động và áp lực từ bên ngoài.

Về mặt văn hoá: Với mạng lưới viễn thông toàn cầu phát triển, các phương tiện thông tin đại chúng có khả năng truyền bá tin tức nhanh chóng, tác động sâu rộng tới các khu vực địa lý trên khắp hành tinh. Mạng Internet, một siêu lộ thông tin quốc tế quan trọng, kết nối trên 5 vạn mạng máy tính địa phương với sự tham gia của khoảng 35 triệu người sử dụng máy tính tại 150 nước hiện nay,

được xem là một hình ảnh đặc trưng nhất của toàn cầu hoá. Internet cung cấp những thông tin rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ của các quốc gia trên thế giới, song những mặt tiêu cực qua Internet thâm nhập vào mỗi quốc gia cũng không nhỏ.

Trong một thế giới nguồn lực thông tin phát triển, độc lập tự chủ thể hiện ở năng lực điều chỉnh các nguồn giao lưu, trao đổi và ra quyết định với thế giới bên ngoài, làm chủ được các quan hệ và lợi ích đan xen, tạo cho mình một thế đứng có thể giao tiếp, hợp tác bình đẳng với mọi phía.

Với chính sách mở cửa, mở rộng giao lưu quốc tế, những cuộc giao lưu văn hoá với nước ngoài cũng gia tăng mạnh mẽ. Lịch sử nước ta đã cho thấy, biết bao lần giao lưu văn hoá với nước ngoài, dân tộc ta không những không bị đồng hoá mà vẫn giữ được bản sắc của mình, hơn thế nữa, còn phát huy và phát triển ngày càng cao hơn. Tiếp nhận những tinh hoa của nhân loại, ngăn chặn mặt tiêu cực thâm nhập, đồng thời phát huy được những giá trị xã hội và truyền thống tốt đẹp mang bản sắc dân tộc mình, đó chính là bản lĩnh, ý thức tự chủ, cốt cách và tinh thần độc lập của dân tộc Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển một cách sâu sắc.

Một dân tộc sớm hay muộn cũng sẽ bị tiêu vong nếu toàn bộ nền văn hoá của dân tộc đó tiêu vong. Cơ sở tồn tại của mỗi dân tộc chính là nền văn hoá của mình.

Trong một thế giới ngày càng tin học hoá, toàn cầu hoá và phụ thuộc lẫn nhau, vấn đề tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại gắn liền với bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc phải được coi là "quốc sách" trong quá trình giao lưu, "hội nhập" với thế giới.

Về an ninh và quốc phòng: Sự quốc tế hoá những chính sách về an ninh cũng là một đặc điểm mới của thế giới. Nhiều nước tham gia hợp tác về an ninh khu vực, về một số vấn đề an ninh toàn cầu. Ngoài những mối đe dọa quân sự truyền thống do mâu thuẫn về ý thức hệ, về tranh chấp, xâm lấn đất đai, tài nguyên gây ra xung đột vũ trang, chính sách an ninh còn phải chú ý đến những mối đe dọa phi quân sự, những hiện tượng xuyên quốc gia làm mất an ninh như xung đột sắc tộc, tôn giáo; khủng bố quốc tế, buôn lậu, ma tuý, tệ nạn xã hội; sự phổ biến vũ khí; các dạng chiến tranh kinh tế, thương mại và công nghệ; những vấn đề toàn cầu như bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, hiện tượng di dân...

Nguy cơ đe dọa chủ quyền, an ninh và sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước không chỉ bắt nguồn từ *bên ngoài* mà còn nằm ở *bên trong* lãnh thổ, không chỉ nảy sinh từ nguyên nhân chính trị - xã hội mà còn bắt nguồn từ chính những sai lầm trong chính sách kinh tế, văn hoá, sắc tộc, tôn giáo, đối ngoại...

Trong bối cảnh hiện nay, để bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, an ninh, quốc phòng cũng như sự vẹn toàn lãnh thổ của đất nước, cần phải có *sức mạnh tổng hợp* bao gồm nhiều yếu tố đó là sự vững chắc về chính trị, sức mạnh quân sự, tiềm lực kinh tế, năng lực khoa học và công nghệ, trình độ giáo dục, bản sắc văn hoá, chính sách ngoại giao, và trên hết là năng lực tư duy độc lập và sáng tạo trong quá trình hoạch định đường lối, chính sách chiến lược và sách lược.

Trong thời đại thế giới hoá và toàn cầu hoá, với sự liên kết và phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng thì sức mạnh

của một quốc gia là phải luôn giữ vững quyền độc lập tự chủ trên cơ sở làm chủ được các quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, làm chủ được mạng lưới thống nhất các quan hệ đan xen và các lợi ích, tức là khả năng tham dự ngày càng sâu rộng vào các cuộc cạnh tranh (kinh tế ngoại giao, an ninh, văn hoá...) và quản lý tốt sự cam kết vào những mặt trận ấy trong những điều kiện luôn luôn thay đổi.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc vĩ đại 30 năm đã đem lại nền độc lập thống nhất hoàn toàn cho Tổ quốc. Đất nước trải qua 20 năm xây dựng, nền độc lập đã được củng cố một bước quan trọng, nhưng do những sai sót của chính chúng ta, cộng với sự chống phá của các thế lực thù địch nên sự phụ thuộc, thậm chí sự nô dịch, có thể xuất hiện trở lại dưới những hình thức mới, tinh vi hơn, nếu chúng ta mất cảnh giác. Nguy cơ xung đột khu vực và chiến tranh cục bộ vẫn tồn tại trên thực tế, đặc biệt là khu vực biển Đông. Vấn đề giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc là một vấn đề cấp thiết. Vì vậy, phải luôn quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc. Phải ra sức phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu; đồng thời phải thường xuyên chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh, sẵn sàng đánh bại mọi hoạt động gián điệp, âm mưu bọ loạn lật đổ, xâm lược, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ lãnh thổ, vùng biển - đảo, vùng trời của Tổ quốc, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân ta.

Như trên đã phân tích, ngày nay, trước xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế với sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng giữa các quốc gia và khu vực trên thế giới,

quan niệm về độc lập dân tộc cũng có những nội dung khác trước. Không một nước nào muốn phát triển mà lại có thể đứng biệt lập hoàn toàn và khép kín. Các nước đều phải mở cửa, mở rộng quan hệ hợp tác, làm ăn với nhau, có sự trả giá cho nhau. Các thế lực thù địch của chủ nghĩa xã hội cũng đang lợi dụng đặc điểm này để tiến công nhằm thắng ta trong kinh tế, văn hoá. Vì vậy, thực hiện chủ trương mở cửa, là bạn với tất cả, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chúng ta phải hết sức tỉnh táo, *không để bị lừa gạt, phải trả giá quá đắt, làm phương hại đến quyền độc lập tự chủ, đến bản sắc văn hoá dân tộc, ở mức độ nào đó trở thành nạn nhân của một thứ "chủ nghĩa thực dân mới, kiểu mới"*.

Kinh tế - xã hội mạnh là điều kiện cơ bản quyết định làm cho quốc phòng mạnh. Quốc phòng đủ mạnh là điều kiện bảo đảm ổn định cho công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội tiến lên nhanh và vững.

Một số vấn đề có tính quyết định để làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội là một mặt phải ra sức làm cho kinh tế, văn hoá phát triển, xây dựng nội bộ vững mạnh, xây dựng khối đoàn kết toàn dân rộng rãi và vững chắc, lấy đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, chống mọi mưu đồ cá nhân, cơ hội, chống mọi biểu hiện chia rẽ bè phái, đặc biệt chống tham nhũng, buôn lậu, thoái hoá biến chất, tiêu cực xã hội, nhất là đối với cán bộ, đảng viên. Mặt khác, phải luôn đề cao cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn chống phá của địch, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và đập tan các mưu toan và hành động phá hoại của chúng cả về mặt chính trị, tư tưởng, quân sự...

2. Kiên định con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội

Mục tiêu cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta cuối cùng là giải phóng con người, đem lại tự do và hạnh phúc cho mọi người dân. Vì theo Người, nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm thấy giá trị của độc lập, tự do, hạnh phúc trong mục tiêu lý tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là con đường xoá bỏ đến tận gốc tình trạng người bóc lột người và xây dựng xã hội thật sự đem lại tự do, hạnh phúc cho mọi con người.

Con đường cách mạng gắn độc lập dân tộc, dân chủ với chủ nghĩa xã hội là một luận điểm sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh thực tiễn nước ta. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã khẳng định đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất đúng đắn, phản ánh đúng quy luật phát triển của xã hội Việt Nam, đã đưa Đảng ta và nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác suốt từ năm 1930 đến nay.

Chính vì vậy, trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, Đảng ta vẫn kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và xác định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, tiếp tục khẳng định con đường mà Bác Hồ đã chọn, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, để ra Cương lĩnh và Chiến lược xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta đang chứng kiến những biến đổi cực kỳ to lớn và nhanh chóng trong thời đại ngày nay mà xu thế tất yếu là sẽ tiến tới một xã hội tốt đẹp, công bằng, văn minh. Tư tưởng tiến bộ của loài người trước đây và hiện nay vẫn khẳng định xu thế thời đại là tiến lên xã hội chủ nghĩa. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu chỉ chứng tỏ sai lầm, khuyết tật của mô hình xã hội chủ nghĩa kiểu Xôviết, nhưng con đường tiến tới chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác vẫn rộng mở.

Vấn đề đặt ra là *cần nhận thức cho đúng về chủ nghĩa xã hội*, loại bỏ những sai lầm giáo điều, chủ quan, duy ý chí để tìm ra con đường tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội đúng quy luật, đúng với đặc điểm của mỗi nước và của thời đại.

Sự đổi mới chủ nghĩa xã hội nằm ngay trong tư tưởng cơ bản của Mác: chủ nghĩa cộng sản không phải là câu trả lời cho sự mong muốn của con người (khái niệm duy tâm, không tưởng), mà là câu trả lời cho một sự vận động lịch sử hiện thực (khái niệm duy vật phê phán).

Như vậy, vấn đề chủ nghĩa xã hội là một vấn đề hiện thực, phải luôn xuất phát từ thực tiễn khách quan, từ hiện thực vận động của lịch sử cụ thể, không giáo điều, chủ quan. Cần nhận thức lại và nhận thức đúng chủ nghĩa xã hội, vạch ra con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở thực tiễn nước ta và thế giới ở những năm cuối cùng của thế kỷ XX, trước những thành công và thất bại của chủ nghĩa xã hội và nền sản xuất thế giới đang chuyển từ cách mạng công nghiệp sang cách mạng thông tin. Chính hệ thống công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ thông tin đã đòi hỏi tính xã hội hoá cao của sản xuất, đồng thời cũng

làm cho sản xuất mang tính xã hội hoá cao mà u thuẫn sâu sắc thêm với chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Chính nhờ xuất phát từ thực tiễn mà Đảng ta đã phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, để ra đường lối đổi mới sáng tạo, mở cửa và xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với quy luật, đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng và tiến lên.

Trước những biến động và phát triển của thời đại hiện nay, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết cần phải kiên định vững vàng đi con đường Người đã lựa chọn, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, không để đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa, con đường thật sự đem lại tự do và hạnh phúc cho toàn dân ta.

Sự nghiệp xây dựng đất nước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội với tư tưởng đổi mới đã được các Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII và IX từng bước vạch ra một cách toàn diện và nêu lên nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh một số quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm góp phần quán triệt và thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đặc điểm to nhất của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp lạc hậu, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn

phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây là một sự nghiệp chưa có tiền lệ trong lịch sử. Nước ta không những là một nước lạc hậu nghèo nàn, trình độ phát triển nhiều vùng khác nhau, mà lại còn trải qua một cuộc chiến tranh lâu dài, khốc liệt để giành độc lập, tự do. Cho nên chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh là một công cuộc "khổng lồ" cực kỳ khó khăn, chỉ có sức mạnh vô tận và to lớn của toàn dân tộc mới thực hiện được.

Vì vậy, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải quán triệt thật sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải động viên toàn dân, dựa vào sức mạnh của toàn dân. Phải coi trọng công tác chính trị tư tưởng, giáo dục, phát động ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, phát huy ý chí kiên cường, tinh thần quật khởi không cam chịu đối nghèo, lạc hậu; động viên mọi người dân Việt Nam cùng nhau đoàn kết, đem hết tâm huyết, tinh thần và nghị lực, của cải và tài năng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước, làm cho đất nước sớm tiến kịp các nước có nền kinh tế phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Mỗi người dân, mỗi gia đình thực hiện theo tư tưởng của Bác, người nghèo thì phải quyết tâm làm cho khá lên, người khá thì phải làm cho giàu lên, làm giàu một cách chính đáng dân giàu, nước mạnh.

Từ một nước kinh tế lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải hết sức coi trọng *phát triển lực lượng sản xuất*, đặc biệt là lực lượng lao động với tư cách là lực lượng sản xuất quan trọng nhất. Phải xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động và hiệu quả

kinh tế cao. Vì vậy, phải ra sức thực hiện *nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá* đất nước mà Đảng đã đề ra. Phải xuất phát từ thực tiễn đất nước và sự phát triển của nền sản xuất hiện đại của thế giới để tìm ra con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đúng đắn, tiến lên nhanh và vững. Không nhanh thì sẽ tụt hậu, nhưng không vững thì có thể tụt hậu xa hơn. Phải thấm nhuần tư tưởng của Bác là tiến nhanh, tiến mạnh nhưng phải vững chắc, không phiêu lưu, phải tính toán cẩn thận, có bước đi thích hợp, đúng quy luật, phù hợp với thực tiễn nước nhà.

Khuyến khích sự phát triển của các thành phần kinh tế - từ kinh tế nhà nước, hợp tác xã, kinh tế tư bản nhà nước, cho đến kinh tế hộ gia đình nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, v.v., tạo điều kiện thuận lợi và công bằng, có cơ chế chính sách thích đáng động viên các thành phần đều phát triển, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn, đặc biệt là đối với kinh tế nhà nước để xứng đáng với vai trò chủ đạo của nền kinh tế, làm cho nền kinh tế quốc dân ngày càng giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ra sức đẩy mạnh sản xuất nhưng phải quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là *sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm*. Chúng ta coi *cần kiệm xây dựng đất nước* là một khẩu hiệu xuyên suốt trong mọi nơi, mọi ngành, mọi lĩnh vực, mọi con người Việt Nam.

Xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, lấy phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm phải quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luôn *gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội và an ninh, quốc phòng*, không chủ nghĩa kinh tế đơn thuần.

Từng bước tăng trưởng kinh tế phải gắn với nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện *chính sách công bằng xã hội* làm cho mọi người dân ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, ốm đau được chữa bệnh. Đẩy mạnh phong trào xoá đói giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và sự khác biệt về trình độ phát triển giữa các tầng lớp xã hội, giữa nông thôn và thành thị, giữa miền ngược và miền xuôi. Tập trung phát triển các vùng trọng điểm, đồng thời không coi nhẹ các vùng khác, đặc biệt phải quan tâm đến vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Trong khi đẩy mạnh xây dựng phát triển kinh tế phải hết sức coi trọng *phát triển, nâng cao chất lượng các mặt giáo dục, y tế, văn hoá*.

Tiếp tục giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh, nghiên cứu *xây dựng chuẩn mực đạo đức xã hội trong nền kinh tế thị trường* theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong công cuộc đổi mới, với cơ chế thị trường, mở cửa phải làm cho mỗi con người Việt Nam vẫn giữ vững lý tưởng hoài bão có một "ham muốn tốt bậc" xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vì hạnh phúc của mọi người. Có cơ chế, chính sách thích hợp khuyến khích sự cạnh tranh tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cao, đồng thời bằng giáo dục và pháp luật ngăn chặn xu hướng cạnh tranh vô đạo đức, ích kỷ hại nhân, coi đồng tiền là trên hết, đặt lợi ích cá nhân, gia đình lên trên lợi ích đất nước. Phát động phong trào rộng lớn của đông đảo quần chúng nhân dân, của các tổ chức cách mạng, tổ chức xã hội đi đôi với tăng cường hệ thống pháp luật, vừa giáo dục ngăn ngừa vừa xử lý nghiêm minh, *chống các tệ nạn xã hội*,

đặc biệt là "quốc nạn" tham nhũng. Đấu tranh kiên quyết đi đến xóa bỏ lối sống tiêu dùng xa xỉ, đối trụy. Thường xuyên *báo đảm an ninh, trật tự xã hội*, kịp thời chống lại mọi luận điệu tiêu cực, phản động, giữ vững ổn định chính trị.

Giáo dục truyền thống và phát triển phong trào "Đến ơn đáp nghĩa" học tập những tấm gương sáng của các anh hùng liệt sĩ.

Dân tộc ta đã trải qua cuộc chiến đấu lâu dài nên cần thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh chăm lo đến cuộc sống của mọi con người đã có đóng góp cho thắng lợi của đất nước, làm tốt việc này không chỉ là thể hiện lòng ưu ái đối với người có công mà còn là nhân lên một sức mạnh, một truyền thống văn hoá "uống nước nhớ nguồn", nhân nghĩa, thủy chung của đạo lý Việt Nam.

Coi trọng giáo dục *xây dựng nếp sống xã hội tốt đẹp, gia đình văn hoá, phát triển phong trào người tốt, việc tốt*, phát huy nếp sống văn hoá Việt Nam, sống nhân ái, tình nghĩa, đoàn kết, hòa hiếu, tôn trọng kỷ cương phép nước, không những biết sống vì mình mà còn trước hết biết sống vì nhân dân, vì Tổ quốc, chống lại mọi hủ bại, tiêu cực làm cho xã hội dù đời sống kinh tế chưa cao nhưng quan hệ giữa người với người vẫn mỗi ngày một tốt đẹp hơn.

Xây dựng được nếp sống xã hội như trên là một cơ sở cực kỳ quan trọng để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường.

Chính trên cơ sở một xã hội tốt đẹp, với những người dân hạnh phúc, những gia đình hạnh phúc, dân tộc ta chắc chắn sẽ tiến lên với nhịp độ nhanh khó lường được.

Đến nay, Đảng và Nhà nước ta cũng đã chú trọng đến

các vấn đề xã hội. Theo chỉ số phát triển con người HDI do Liên hợp quốc đưa ra, bao gồm cả tuổi thọ, trình độ học vấn và mức sống tính theo thu nhập trên đầu người và tính theo sức mua của đồng tiền, tức là giá cả hàng hoá trên thị trường (PPP), thì nước ta đứng thứ 150 trên 178 nước; tính theo chỉ số phát triển con người HDI thì nước ta đứng thứ 116 trên 178 (theo số liệu năm 1994). Điều đó cho thấy, chúng ta đã có sự chú trọng nhất định về phát triển con người, về tiến bộ xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng đồng thời cũng cho thấy nước ta còn là một quốc gia rất nghèo về thu nhập quốc dân, đòi hỏi một sự cố gắng lớn lao để đẩy mạnh nhịp độ tăng trưởng kinh tế.

So với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam còn ở khoảng cách xa hàng chục năm về nhiều mặt, từ kinh tế đến khoa học và công nghệ. Vì vậy, nhất định phải khắc phục bằng được nguy cơ tụt hậu; và không có sự lựa chọn nào khác là phải *đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng*.

Từ những năm 70 của thế kỷ XX, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã mở ra cho các nước đang phát triển *cơ hội rút ngắn* quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà không nhất thiết phải đi qua con đường của các nước đi trước. Bước chuyển từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp trước đây đòi hỏi hàng trăm năm (Anh 200 năm, Mỹ 100 năm, Nhật Bản 60 năm, Liên Xô 50 năm) thì gần đây chỉ cần vài thập kỷ (Đông Á 30 năm). Và còn có thể trong thời gian ngắn hơn. Bước chuyển từ xã hội công nghiệp sang xã hội thông tin sẽ còn ngắn hơn nữa.

Chính sách mở cửa và sự phát triển nhanh chóng của nền ngoại giao đa phương và đa dạng của ta cũng tạo ra

những cơ hội to lớn để tranh thủ vốn đầu tư và công nghệ của các nước tư bản phát triển.

Cần nhấn mạnh rằng, để khai thác được đầy đủ những điều kiện thuận lợi nói trên, chúng ta phải có chiến lược đúng, có chính sách khôn khéo, có những chương trình hành động thông minh và có hiệu quả.

Không những thế, muốn khai thác có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài thì điều kiện tiên quyết là phải phát huy những tiềm năng nội sinh về con người, về tài nguyên, về nguồn vốn trong nước. Thấm nhuần tư tưởng độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã nêu rõ năng lực nội sinh chính là nhân tố quyết định nhất nhịp độ tăng trưởng nhanh và bền vững về kinh tế. Nhận thức được vấn đề cực kỳ quan trọng này, Đảng ta đã sớm đề ra chủ trương phát huy lực lượng của nhân dân. Cho đến nay, cũng đã có những mô hình khá tốt thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Tuy nhiên, những mô hình ấy phần lớn còn ở cấp cơ sở, bao gồm cả các lĩnh vực mở mang hạ tầng cơ sở cũng như phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo; quy mô và phạm vi chưa phải là lớn, nhưng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Chúng ta cần tổng kết kinh nghiệm và có chính sách mở rộng thành phong trào, đặc biệt là trong lĩnh vực huy động các nguồn vốn tiết kiệm và đầu tư ở trong nước; tỷ lệ tiết kiệm hiện nay mới chỉ được 17%, thấp xa so với tỷ lệ trên 50% của các nước khác ở trong khu vực.

Quá trình xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội cần chú ý đến yêu cầu phát triển bền vững, bền vững về xã hội và bền vững về sinh thái.

Bền vững xã hội là kinh tế tăng trưởng nhưng xã hội



vấn ổn định, không có những xáo trộn làm ảnh hưởng đến việc huy động mọi lực lượng xã hội vào quá trình phát triển. Ổn định chính trị, việc làm đầy đủ, công bằng xã hội, phát triển cân đối giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng trong nước, dân chủ, nâng cao dân trí... là những nội dung của nền vững xã hội.

Bền vững sinh thái, đó là quá trình tăng trưởng kinh tế nhưng đồng thời bảo vệ được các nguồn lợi thiên nhiên và môi trường sinh thái cho thế hệ hiện nay và các thế hệ tương lai. Hai mục tiêu này thường dễ mâu thuẫn nhau vì để tăng trưởng cần khai thác các nguồn lợi thiên nhiên. Vấn đề đặt ra là phải khai thác hợp lý với công nghệ tiên tiến, "thân thiện" với môi trường để vừa bảo vệ được các nguồn lợi thiên nhiên, vừa bảo vệ, cải thiện được môi trường sinh thái, làm cho thiên nhiên và đất nước ngày càng đẹp, càng xanh tươi.

Trong thực tế, giữa hai mục tiêu tăng trưởng và bền vững không hoàn toàn mâu thuẫn nhau. Sự bền vững bảo đảm cho sự tăng trưởng lâu dài.

Cho đến nay, sự nghiệp đổi mới và mở cửa, bên cạnh những thắng lợi to lớn cần thấy rõ, cũng đã bộc lộ những nhược điểm và khuyết điểm, có trường hợp khá nghiêm trọng. Lúc này là lúc cần nhớ lời dạy của Bác Hồ: *tuyệt đối không được say sưa vì thắng lợi, tuyệt đối không được chủ quan*. Cần đứng cảm nhìn vào sự thật để kịp thời phát huy ưu điểm, kịp thời sửa chữa khuyết điểm, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Nói tóm lại, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta thì vấn đề là "tất cả vì dân, tất cả do dân", dựa vào sức mạnh vĩ đại của

nhân dân. Trên từng bước tiến, *chất lượng con người Việt Nam* càng được khẳng định về cốt cách, đạo đức cũng như về trí tuệ; tài năng; *nền văn hoá Việt Nam* càng phát triển vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa nhân loại, là động lực chủ yếu, là nền tảng của sự phát triển bền vững của dân tộc ta, tạo nên cuộc sống tươi vui, công bằng, dân chủ và hạnh phúc, trong sáng và cao đẹp của nhân dân ta trong thời đại mới.

II. PHÁT HUY VÀ SỬ DỤNG TỐT NHÂN TỐ CON NGƯỜI VỚI TƯ CÁCH LÀ ĐỘNG LỰC CHÍNH CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Vì dân, do dân, vì con người và do con người là một nội dung lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Con người, tự do và hạnh phúc của con người là mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội, với tư cách là lực lượng sản xuất quan trọng hàng đầu - lực lượng lao động và sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần - con người là động lực chính của sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, của công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: Chủ nghĩa xã hội là do nhân dân xây dựng lấy; "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*"¹.

Để phát huy nhân tố con người phải có một chiến lược toàn diện từ giải quyết việc làm, chăm lo sức khoẻ, đời sống vật chất, tinh thần đến đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt và sử dụng đúng đắn đối với con người.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.18, tr.66.



Ở đây chỉ đề cập đến một vấn đề cực kỳ quan trọng là phát triển và nâng cao chất lượng sự nghiệp giáo dục, đào tạo của đất nước.

Từ lâu, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nhận thức được vai trò của giáo dục. Người đã hết sức chăm lo sự nghiệp giáo dục "trông người", ngay cả trong kháng chiến và cả lúc kinh tế và đời sống còn khó khăn.

Một thời, nước ta đã từng đạt được những thành tựu đáng tự hào về phát triển văn hoá, giáo dục. Từ khi đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã kéo theo sự sa sút, xuống cấp nghiêm trọng đối với công tác giáo dục, đào tạo.

Từ Đại hội VI đến nay, thực hiện các nghị quyết của Đảng, sự nghiệp giáo dục, đào tạo đã có những mặt tiến bộ, mạng lưới giáo dục tiếp tục phát triển, chất lượng có mặt được nâng lên. Tuy nhiên, trước sự tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường, cộng với sự yếu kém trong công tác quản lý, lãnh đạo, sự nghiệp giáo dục, đào tạo của nước ta còn yếu kém cả về quy mô, cơ cấu và nhất là về chất lượng giáo dục. Gần đây, một số tệ nạn như ma tuý, mại dâm, hối lộ đã xâm nhập học đường, đang làm cho toàn xã hội hết sức lo âu.

Trước sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và bảo vệ Tổ quốc, *nhấn giáo dục nước ta chưa đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao về năng lực trí tuệ của con người Việt Nam trong thời đại mới.* So sánh với các nước láng giềng, ta thấy sự thấp kém của nước ta về giáo dục đã đến mức báo động. Lực lượng lao động nước ta lớn và trẻ, nhưng mới được

đào tạo 10%. Chỉ số sinh viên trên 1 vạn dân ở nước ta chưa quá 20, trong khi ở nhiều nước Đông Nam Á là 60-80. Hàn Quốc có 8 vạn sinh viên đại học trên 40 triệu dân, nước ta chỉ có 7 vạn sinh viên đại học trên 70 triệu dân, nhưng số thất nghiệp sau khi tốt nghiệp hằng năm lên đến 30%. Việt Nam đầu tư cho giáo dục, đào tạo còn ở mức rất thấp, mới chỉ 3-4 đôla/người, trong khi Thái Lan là 85 đôla/người. Sự nghiệp giáo dục nước ta thực sự còn nhiều mặt yếu kém và bất cập so với yêu cầu, nhiệm vụ mới. Đảng ta đã sớm đề ra nghị quyết coi giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, nhưng vừa qua, do nhiều lý do nên chưa thực hiện được đúng như chủ trương đã nêu lên.

Vì vậy, hiện nay, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh là đi đôi với phát triển kinh tế, phải hết sức coi trọng phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục. Nói đi đôi với làm, ra sức thực hiện cho được Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chiến lược giáo dục, đào tạo phải gắn liền với chiến lược khoa học và công nghệ nhằm phục vụ có hiệu quả cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Giáo dục, đào tạo phải đi trước một bước, sớm tiếp cận được trình độ học vấn của nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, đón đầu được những xu hướng có triển vọng của khoa học và công nghệ, kinh tế, văn hoá và xã hội.

Vấn đề cấp bách hiện nay là *đổi mới nền giáo dục quốc dân* nhằm thực hiện có hiệu quả việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực và đào tạo nhân tài. Từng bước xây dựng một nền giáo dục tiên tiến có quy mô,

trình độ và cơ cấu ngành nghề hợp lý, vừa mang bản sắc văn hoá dân tộc, vừa tiếp cận được yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời đại cách mạng thông tin và toàn cầu hoá.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, học tập và đào tạo ở tất cả các cấp học. Quán triệt tư tưởng của Bác Hồ: Giáo dục - đào tạo gắn với mục tiêu kinh tế và xã hội; học gắn với hành; đào tạo kiến thức cơ bản gắn với hướng nghiệp, dạy nghề; học tập gắn liền với sản xuất - kinh doanh; nhà trường gắn với cơ sở sản xuất, trường phổ thông cần có xưởng trường, vườn trường...

Giáo dục toàn diện là một quan điểm lớn về giáo dục trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải chú trọng các mặt đạo đức, văn hoá, kỹ thuật, lao động và sản xuất. Coi trọng giáo dục nhân cách, lý tưởng, đạo đức, trí dục, thể dục và mỹ dục. Về văn hoá, phải chú trọng đồng thời việc học tập kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, tăng cường dạy công nghệ, ngoại ngữ và tin học. Giáo dục, đào tạo phải gắn liền dạy người với dạy chữ và dạy nghề, trong đó dạy người là mục tiêu cao nhất. Coi trọng trí tuệ, tài năng nhưng phải lấy đạo đức làm gốc. Phải nâng cao chất lượng dạy và học lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Quán triệt lời dạy của Người: Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình, là học tập những chân lý phổ biến để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta.

Phấn đấu hoàn thành xoá nạn mù chữ trong toàn quốc. Thực hiện *giáo dục phổ cập*, nâng cao mặt bằng dân trí,

bước đầu là tiểu học rồi trung học, cao đẳng... Đồng thời, hết sức coi trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài.

Phát triển mạnh *giáo dục nghề nghiệp* cho thanh niên, coi trọng dạy nghề trong các trường và công tác hướng nghiệp; chú trọng phát triển các trường kỹ thuật, dạy nghề, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động bằng mọi hình thức nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương và yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mở rộng quy mô với cơ cấu hợp lý và nâng cao chất lượng *giáo dục đại học và trên đại học* nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Ứng dụng những phương pháp và phương tiện hiện đại, đặc biệt là các công nghệ thông tin và viễn thông để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, *khởi dậy tính chủ động và tiềm năng sáng tạo của học sinh và sinh viên*. Từng bước hiện đại hoá quá trình giáo dục và đào tạo nhằm tạo ra một sự *chuyển biến căn bản* chất lượng của hệ thống giáo dục, đào tạo.

Giáo dục, đào tạo không chỉ nhằm vào các lứa tuổi thanh thiếu niên trên ghế nhà trường mà phải nhằm vào toàn bộ lực lượng lao động và mọi công dân trong xã hội. Cần *đưa dạng hoá các hình thức giáo dục và loại hình đào tạo dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước*.

Đào tạo, đào tạo lại, đào tạo từ xa thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để nhanh chóng nâng tỷ lệ những người lao động được đào tạo trong các lĩnh vực hiện nay còn rất thấp ở nước ta.

Thực hiện xã hội hoá quá trình giáo dục và đào tạo. Phát triển giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội (Nhà nước, cộng đồng, gia đình, công dân). Gắn giáo dục học đường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội nhằm xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường và các tệ nạn xã hội tác động vào quá trình giáo dục và đào tạo. Huy động các lực lượng xã hội và thông tin đại chúng vào phong trào toàn dân học tập, thực hiện kế hoạch giáo dục thường xuyên, liên tục, học tập suốt đời. Từng bước hình thành một "hệ thống giáo dục và đào tạo liên kết toàn xã hội", biến quá trình học tập thành quá trình "tự học".

Để thực hiện chiến lược giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục quốc dân, phải đặc biệt quan tâm đến ngành sư phạm, đến việc xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục có phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị và năng lực chuyên môn cao. Có chính sách thu hút người giỏi vào ngành sư phạm. Đồng thời chú trọng nâng cao vị trí người thầy bằng nhiều biện pháp mà trước hết là tạo động lực và mọi điều kiện vật chất, tinh thần để đội ngũ thầy cô giáo có thể phát huy cao nhất năng lực và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp cao cả: nâng cao tiềm năng trí tuệ của toàn xã hội.

Đồng thời, cần đổi mới tổ chức và quản lý giáo dục. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo. Tạo mọi điều kiện để ai cũng được học hành. Người nghèo được Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để học tập. Bảo đảm điều kiện cho những người giỏi phát triển tài năng. Chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc,

vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc để có cơ cấu và trình độ đáp ứng được sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.

Đầu tư vào con người là đầu tư cơ bản. Đó là lĩnh vực đầu tư có hiệu quả nhất. Cuộc đua tranh giữa các quốc gia ở thế kỷ XXI là cuộc đua tranh về trí tuệ. Bởi vậy, phải tăng mức đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Đầu tư từ ngân sách Nhà nước có vai trò quan trọng, và nhất thiết phải tăng thêm, song cũng phải thấy rằng do GNP và ngân sách nhà nước còn hạn hẹp nên dù tăng cũng chưa thể đáp ứng được nhu cầu. Bởi vậy, việc *gắn học tập với sản xuất - kinh doanh* là biện pháp cực kỳ quan trọng. Mặt khác, phải tích cực huy động các nguồn lực ngân sách, đặc biệt là sự đóng góp của các cơ sở sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo, sự đóng góp của dân thông qua các quỹ và các nguồn tài trợ bên ngoài bằng tài chính và bằng trí tuệ của kiều bào ta ở nước ngoài và của các nhà khoa học trên thế giới.

Hiện nay, chúng ta đã cho phép các trường và viện nghiên cứu được lập cơ sở sản xuất và dịch vụ khoa học đúng với ngành nghề đào tạo. Thực tế hiện nay ở một số địa phương có những làng nghề, những trung tâm thu hút các thanh niên vào làm việc, học nghề, làm ra sản phẩm. Cần nghiên cứu cải tiến điều kiện, đưa giáo dục văn hoá vào, biến các trung tâm đó thành những nơi vừa dạy văn hoá, vừa đào tạo nghề. Điều đó có lợi cho việc cải tiến công nghệ truyền thống, tạo ra được những sản phẩm có chất lượng cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Cần thí nghiệm mạnh dạn *mô hình vừa học vừa làm*. Đây có thể là

một hình thức tích cực, thích hợp với những nước có nguồn lao động cần cù, thông minh, có tài nguyên nhưng lại thiếu vốn như nước ta.

Một vấn đề quan trọng hơn là cần sử dụng đúng hướng và có hiệu quả các nguồn đầu tư. Cần dành tỷ lệ đầu tư thích đáng cho việc nâng cấp, từng bước hiện đại hoá kết cấu hạ tầng cho giáo dục và đào tạo, đặc biệt là nguồn thông tin, tư liệu, các trung tâm thí nghiệm và cơ sở sản xuất thử, các trung tâm đào tạo ngoại ngữ và tin học.

Để cho con người thực sự trở thành động lực của sự phát triển xã hội, cần có chính sách sử dụng và đãi ngộ đúng đắn đối với lao động được đào tạo, sử dụng tốt học sinh phổ thông trung học, sinh viên đã được đào tạo. Đặc biệt, cần phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, chiêu hiền đãi sĩ kể cả nhân tài Việt Nam ở nước ngoài. Trong những năm gần đây, nhiều hình thức khuyến học đã xuất hiện. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chú trọng dành nhiều học bổng, nhiều giải thưởng cho học sinh, sinh viên giỏi. Các cơ sở kinh doanh, các tổ chức xã hội cũng đã đóng góp nhiều trong lĩnh vực này. Đây là một hoạt động cần mở rộng hơn nữa. Cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào nước ngoài đóng góp vào sự nghiệp phát triển giáo dục, đào tạo của đất nước bằng mọi hình thức.

Làm được như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ phát huy được ngày càng đầy đủ tiềm năng trí tuệ và năng lực sáng tạo của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhanh chóng đi lên sánh vai cùng các dân tộc có nền kinh tế phát triển trên thế giới.

III. PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA, TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG NỀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN CỦA ĐẤT NƯỚC

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy vai trò quan trọng của khoa học đối với sự phát triển xã hội. Người nói: Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học sẽ đưa nhân loại đến hạnh phúc vô tận.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã và đang đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, làm chuyển biến mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của các quốc gia, làm thay đổi sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội loài người. Khoa học và công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và động lực của sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Với sự xuất hiện hệ thống các công nghệ mới có hàm lượng trí tuệ cao, cuộc cách mạng đó đang đưa nhân loại lên một trình độ phân công lao động mới. Tuy nhiên, do sự phát triển không đồng đều, các công nghệ đó đều do các công ty xuyên quốc gia của những nước tư bản phát triển nhất nắm giữ. Vì vậy, sự phân công lao động mới trong nền kinh tế thế giới đã hàm chứa một hình thức bóc lột hết sức tinh vi dựa trên mối quan hệ phụ thuộc về công nghệ. Đây là một thách thức rất lớn đối với các nước đang phát triển.

Nước ta bước vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá với điểm xuất phát rất thấp, trong khi trình độ chung của thế giới vượt trước ta nhiều thập kỷ. Để thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, thì trước hết phải khắc phục được nguy cơ tụt hậu và phụ thuộc về khoa học và công nghệ.

Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ được Đảng, Nhà nước ta xác định là quốc sách hàng đầu, là nền tảng, là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước. Nhưng hiện nay, nền tảng đó đang ở tình trạng bất cập. Mặc dù trong quá trình đổi mới, đã có một số mô hình sáng tạo, một số ngành kinh tế - kỹ thuật đi thẳng vào hiện đại hoá và đạt được một số thành tựu đáng kể, nhưng nhìn chung, tình trạng phát triển khoa học và công nghệ của đất nước còn thấp kém nghiêm trọng¹. Đã đến lúc, cần làm cho mọi người nhận thức sâu sắc, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, tình hình vô cùng cấp bách, không thể kéo dài thêm mãi tình trạng lạc hậu, xuống cấp về khoa học và công nghệ.

Chính sách của Đảng và Nhà nước ta suốt mấy chục năm qua nhằm mục tiêu xây dựng một nền khoa học và công nghệ tiên tiến của nước nhà. Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) đã đề ra Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ nhằm đáp ứng đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Vấn đề cấp bách hiện nay là cần có các quyết định, chính sách phù hợp với quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội nước ta đang vận hành theo cơ chế thị trường, mở cửa, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và những đòi hỏi mới của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong thời đại cách mạng

1. Theo UNDP, Việt Nam đang ở trình độ công nghệ bậc 2/7 của thế giới. Thiết bị máy móc lạc hậu 2-8 thế hệ (có lĩnh vực đến 4-5 thế hệ)... 64% số thiết bị nhập khẩu trong thập niên vừa qua là những công nghệ hạng hai của các nước công nghiệp mới Đông Á.

khoa học và công nghệ hiện đại, gắn liền với quá trình toàn cầu hoá kinh tế, công nghệ sản xuất và đời sống.

Sự phát triển bền vững của một quốc gia, một cộng đồng hay một cá nhân, xét đến cùng, đều phải dựa vào những giá trị tự thân bên trong, vào năng lực độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường và tư duy sáng tạo của bản thân.

Bởi vậy, để thực sự là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược khoa học và công nghệ phải định hướng vào việc nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia, từng bước hình thành một nền khoa học và công nghệ Việt Nam hiện đại có khả năng giải quyết phần lớn những vấn đề then chốt được đặt ra trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Chiến lược đó phải bảo đảm sự phát triển đồng bộ của khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật. Nghiên cứu khoa học phải gắn với mục tiêu kinh tế - xã hội, với nhu cầu cuộc sống và thị trường, đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất và đời sống, tạo ra năng suất lao động và hiệu quả cao cả về kinh tế và xã hội.

Nói đến năng lực khoa học và công nghệ nội sinh là nói đến:

Thứ nhất, khả năng đóng góp của khoa học vào quá trình hoạch định đường lối, chính sách, chiến lược và phương thức phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và xu thế phát triển của thời đại. Không thể sao chép mô hình của bất kỳ nước nào. Khoa học phải góp phần xây dựng, phát triển và hoàn thiện hệ thống lý luận về định hướng phát triển nhanh và bền vững, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Thứ hai, năng lực nghiên cứu và triển khai trong nước nhằm thực hiện có hiệu quả việc chuyển giao công nghệ của nước ngoài. Tạo ra được khả năng lựa chọn đúng, thích nghi, làm chủ và phát triển công nghệ nhập đi thẳng vào các công nghệ tiên tiến nhất ở những ngành, những lĩnh vực có tác động chi phối nền kinh tế quốc dân. Năng lực kiểm soát và giám định công nghệ, không để nước ta bị biến thành bãi phế thải công nghệ của nước khác.

Thứ ba, năng lực ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ để hiện đại hoá các công nghệ truyền thống, tạo ra các công nghệ thích hợp với hiệu quả cao, tiến đến sáng tạo ra những công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp với thế mạnh về tài nguyên và con người Việt Nam.

Thứ tư, khả năng đóng góp của khoa học và công nghệ vào việc tạo ra của cải tinh thần cho xã hội, xây dựng các giá trị và chuẩn mực đạo đức xã hội trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Góp phần xây dựng xã hội phát triển lành mạnh, tạo được sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên, con người với xã hội, tạo điều kiện cho mọi người được sống hạnh phúc trong một xã hội công bằng, văn minh.

Để phát triển năng lực khoa học và công nghệ trong nước, vấn đề then chốt là phải chăm lo xây dựng và bồi dưỡng một *đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đồng bộ, có chất lượng cao*.

Trước hết, cần có chính sách và cơ chế thích hợp sử dụng và phát huy có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ hiện có, kiên quyết khắc phục tình trạng lãng phí chất xám. Đồng thời, có kế hoạch đào tạo (kể cả đào tạo lại) và

phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trẻ, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển đất nước ở thế kỷ XXI.

Để xây dựng nền khoa học và công nghệ quốc gia, phải có *chính sách tạo lập môi trường thích hợp*. Trước hết, cần quản lý có hiệu quả các nguồn đầu tư cho khoa học, tập trung các nguồn vốn vào *những hướng ưu tiên*, tăng đầu tư để bảo đảm phát triển ổn định và liên tục cho khoa học và công nghệ. Mặt khác, tạo điều kiện để *xã hội hoá đầu tư cho khoa học và công nghệ*.

Để tạo động lực cho hoạt động khoa học và công nghệ, điều quan trọng trước tiên là phải hình thành được *thị trường khoa học và công nghệ*. Đó cũng là con đường nhanh nhất để biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp và là một điều kiện để phát triển năng lực nội sinh trong khoa học và công nghệ. Hơn nữa, đó cũng là một tiền đề cần thiết cho sự kết hợp chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất kinh doanh, gắn trường đại học với viện nghiên cứu và các cơ sở sản xuất và dịch vụ.

Chúng ta đã từng có chủ trương gắn trường đại học với viện nghiên cứu, gắn giảng dạy với nghiên cứu khoa học và kinh doanh sản xuất theo ngành nghề... Đến nay, những trường đại học hoặc viện nghiên cứu nào làm được như vậy thì không những nâng cao được chất lượng đào tạo và nghiên cứu, mà còn có thêm nguồn thu nhập, có khi khá lớn, để cải thiện điều kiện làm việc và đời sống cán bộ, giáo viên.

Ở các nước, các trường đại học, đặc biệt là những trường có danh tiếng, thường có quan hệ mật thiết với các trung tâm kỹ thuật, các viện nghiên cứu công nghệ. Các trường và viện này lại có quan hệ hợp đồng với hàng loạt

xí nghiệp nhỏ, vừa và lớn. Các khu công nghệ cao ở nhiều nước như Mỹ, Trung Quốc đều hình thành trên cơ sở liên kết giữa trường đại học hoặc viện nghiên cứu với hàng loạt xí nghiệp, công ty hay tập đoàn công ty hiện đại, tạo thành mạng lưới mà trung tâm là các trường hoặc viện.

Hiện nay, do tác động của cách mạng khoa học và công nghệ, các quốc gia đều đứng trước yêu cầu cấu trúc lại nền kinh tế theo các hướng:

- Phát triển nhanh những ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, đặc biệt là các công nghệ mới (điện tử thông tin, sinh học, vật liệu mới).

Điều đó đòi hỏi một đội ngũ lao động phải được đào tạo đầy đủ và có tay nghề cao, trên cơ sở của một quy trình giáo dục và đào tạo thích hợp.

- Giảm tỷ trọng trong nền kinh tế của nông nghiệp và công nghiệp khai thác, tăng tỷ trọng của các ngành chế tạo và chế biến.

- Thay thế các vật liệu truyền thống bằng các vật liệu mới có hiệu quả kinh tế cao; giảm tiêu hao năng lượng, nguyên liệu trong một đơn vị sản phẩm.

- Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ, đặc biệt là thông tin, tài chính và ngân hàng; tăng nhanh tỷ trọng giá trị các dịch vụ.

Là một nước "đi sau" về phát triển kinh tế, Việt Nam nhất thiết phải tận dụng quá trình *chuyển giao công nghệ để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế* thông qua một quá trình đổi mới công nghệ rộng khắp từ sản xuất, kinh doanh đến dịch vụ, quản lý. Bởi vậy, phải đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra và giám định công nghệ nhập.

Hiện nay, những công nghệ sử dụng nhiều lao động còn có ý nghĩa quan trọng đối với một nước có nguồn lực lao động dồi dào, nhưng kỹ năng lao động còn thấp như nước ta. Tuy nhiên, phải thấy rằng lợi thế tương đối về giá lao động rẻ sẽ không kéo dài.

Sự phồn vinh kinh tế sẽ tùy thuộc ở năng lực tăng năng suất lao động của quốc gia ở trình độ ngày càng cao trong những ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh, tạo ra được những sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong thời đại cách mạng thông tin và xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá nền kinh tế, không có sự lựa chọn nào khác là phải tiếp cận nhanh chóng với công nghệ cao và những tiến bộ mới nhất về khoa học quản lý và kinh doanh, nhằm tạo ra được một cơ cấu kinh tế có hiệu quả, có năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như trên thị trường thế giới.

Ý nghĩa chiến lược của các ngành công nghệ cao được thể hiện trên hai mặt. Một mặt, các ngành công nghệ công nghệ cao có tác dụng làm dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo ra các điều kiện tương hợp trong giao lưu quốc tế như viễn thông, hàng không, tài chính, ngân hàng. Các ngành công nghệ cao cũng cần được sử dụng để xây dựng các kết cấu hạ tầng quan trọng nhất, phát triển một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Một số ngành công nghiệp có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ nền kinh tế như các ngành chế tạo máy, điện tử - tin học, khai thác chế biến dầu khí và hoá dầu, có trách nhiệm to lớn trang bị kỹ thuật cho hầu hết các ngành sản xuất và dịch vụ của nền

kinh tế quốc dân, cho an ninh và quốc phòng. Các ngành công nghệ cao cũng cần được áp dụng để điều tra thăm dò, phát hiện các nguồn tài nguyên mới, khôi phục các môi trường đã bị ô nhiễm nhằm khắc phục nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và bảo vệ môi trường - sinh thái.

Mặt khác, một yếu tố có ý nghĩa rất to lớn trong điều kiện của Việt Nam, đó là cần *phát huy vai trò của công nghệ cao trong việc hiện đại hoá các công nghệ cổ truyền* và các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, trong việc tạo ra những công cụ lao động, những phương pháp công nghệ theo yêu cầu của sản xuất, phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội và văn hoá của từng vùng sinh thái, đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Công nghệ hiện đại và công nghệ cao dù quan trọng, nhưng cũng chỉ thu hút được một bộ phận nhỏ lực lượng lao động trong cả nước. Các loại hình công nghệ truyền thống và công nghệ thích hợp do đó có vai trò hết sức to lớn. Đó là những công nghệ sẽ được sử dụng phổ biến tại các vùng nông thôn rộng lớn ở nước ta, nơi sinh sống 80% dân cư cả nước. Dựa vào các ngành công nghệ cao, các công nghệ truyền thống và công nghệ thích hợp được nâng cấp và hiện đại hoá từng bước, sẽ góp phần to lớn nâng cao hiệu quả kinh tế của các ngành thủ công mỹ nghệ phục vụ cho nhu cầu trong nước và cho xuất khẩu, phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn, tận dụng lao động đang dư thừa ở thành thị cũng như ở nông thôn vì hằng năm có thêm hàng triệu thanh niên đến tuổi lao động.

Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ một điểm xuất phát thấp, lại đứng trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, đòi hỏi chúng ta phải hết sức năng động,

sáng tạo, tự tìm ra cho mình *phương pháp và bước đi thích hợp*, kết hợp các bước tuần tự với cách đi tắt, đón đầu, kết hợp mọi trình độ từ thấp đến cao, đi thẳng vào hiện đại ở những lĩnh vực then chốt và những khâu quyết định.

IV. TIẾP TỤC QUẢN TRIỆT TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH: "ĐOÀN KẾT, ĐẠI ĐOÀN KẾT"

Như trên đã nói, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi đoàn kết là sức mạnh, là một nhân tố quyết định mọi thành công của sự nghiệp cách mạng. Người đã nêu rõ, Mặt trận Dân tộc thống nhất là một lực lượng to lớn không chỉ trong cách mạng dân tộc dân chủ mà cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta càng phải quán triệt tư tưởng đại đoàn kết của Người.

Phải ra sức *củng cố, mở rộng khối đoàn kết dân tộc*: đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, mọi lực lượng yêu nước, trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hướng về tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, chung sức, chung lòng xây dựng Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

Đặc biệt, hiện nay, xu hướng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, vị kỷ, phân biệt chủng tộc, mâu thuẫn sắc tộc đang diễn ra hết sức phức tạp trên thế giới; chúng ta càng phải thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách đoàn kết dân tộc, làm cho 54 dân tộc anh em đoàn kết, gắn bó trong

cộng đồng dân tộc Việt Nam. Chú trọng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào các dân tộc ít người, làm cho miền núi sớm tiến kịp miền xuôi. Nêu cao tinh thần bình đẳng đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của mỗi dân tộc. Ngăn chặn mọi xu hướng dân tộc hẹp hòi, những hoạt động chia rẽ của mọi thế lực thù địch đang làm ảnh hưởng đến truyền thống đoàn kết quý báu của đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Lúc này, mâu thuẫn, xung đột về tôn giáo cũng đang gây mất ổn định nhiều nơi trên thế giới. Do đó, chúng ta càng phải coi trọng thực hiện đúng chính sách tôn giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân. Người cố đạo thực hiện "tốt đời, đẹp đạo". Lương giáo đoàn kết, cùng nhau xây dựng quê hương, đất nước. Bài trừ mê tín dị đoan, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm hại đến khối đoàn kết toàn dân tộc, đến lợi ích của đất nước.

Hiện nay, chúng ta có một lực lượng đông đảo kiều bào đang sinh sống ở nước ngoài, tuyệt đại bộ phận đều hướng về Tổ quốc. Đây là một lực lượng quan trọng, có tiềm năng trí tuệ và của cải, có điều kiện giúp đỡ đất nước tiếp thu những thành tựu của thế giới. Chúng ta cần có chính sách đúng đắn để đoàn kết, giúp đỡ đồng bào, tạo điều kiện để đồng bào góp phần vào công cuộc xây dựng quê hương, kiến thiết Tổ quốc.

Muốn thực hiện được đại đoàn kết dân tộc, phải giữ vững mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, chủ trương, chính sách để ra phản ánh được ý chí, nguyện vọng,

lợi ích của nhân dân. *Phát huy quyền làm chủ của nhân dân*, thực hiện tốt khẩu hiệu: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" mà Đảng đã đề ra. Bảo đảm dân chủ tốt, đồng thời kỷ cương phép nước nghiêm, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia vào công việc quản lý đất nước, xã hội, tạo nên một sự *nhất trí về chính trị, tinh thần cao trong nhân dân*.

Tiếp tục củng cố, xây dựng, *phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng*. Có hình thức tổ chức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng nhằm tập hợp được mọi lực lượng xã hội. Đảng thực sự tôn trọng Mặt trận, là một thành viên tích cực của Mặt trận. Phải đổi mới phương thức hoạt động, làm cho hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng thiết thực, hướng về cơ sở gắn với đời sống kinh tế - xã hội. Mặt trận và các đoàn thể vừa thực hiện được chức năng giáo dục, động viên nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia vào công việc của Đảng và Nhà nước, vừa chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân.

Có chính sách nhất quán phát huy mọi thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho mọi người dân yên tâm, tin tưởng đem hết của cải, tài năng để phát triển sản xuất, kinh doanh, giúp nhau làm ăn, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng theo đúng pháp luật.

Trước đây, với tư tưởng đoàn kết toàn dân, thực hiện *chiến tranh nhân dân*, nước ta đã giành được độc lập. Ngày nay, với tư tưởng đoàn kết toàn dân, thực hiện một

nền kinh tế nhân dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy được mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, của toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, chắc chắn chúng ta sẽ thành công trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

V- THỰC HIỆN MỘT CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI ĐÚNG ĐẮN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Như phần trên đã nói, chúng ta đang sống trong thời điểm thế giới có những biến động lớn về chính trị, kinh tế, xã hội. Cuộc đấu tranh dân tộc, giai cấp và những vấn đề của toàn cầu đang diễn ra gay gắt. Vì vậy, phải thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, hết sức coi trọng việc theo dõi tình hình thế giới, phân tích đúng đắn xu thế phát triển của thời đại, nhất là của khu vực châu Á - Thái Bình Dương để đề ra chủ trương, chính sách đối nội, đối ngoại đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cục diện thế giới.

Về chính sách đối ngoại, cần vận dụng quan điểm "*Đi bất biến ứng vạn biến*": Có nghĩa là phải *vững vàng kiên định về mục tiêu chiến lược, còn về sách lược, biện pháp thì phải hết sức linh hoạt, mềm dẻo, khôn khéo*.

Bất kỳ trong hoàn cảnh nào, chính sách đối ngoại của ta phải nhằm bảo đảm giữ vững chủ quyền đất nước, *giữ vững quyền độc lập, tự chủ, giữ vững con đường phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, xây dựng quan hệ hữu nghị bình đẳng với các dân tộc, tranh thủ đến mức cao nhất sự giúp đỡ, hợp tác của nhân dân thế giới đối với

sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Trên cơ sở *bảo đảm chủ quyền của đất nước, phải tích cực đấu tranh góp phần giữ vững hòa bình và ổn định* trong khu vực và trên thế giới để tập trung sức vào nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế. Mục tiêu này phù hợp với xu thế chung hiện nay của thế giới và của các nước trong khu vực. Tuy vậy, những cuộc chiến tranh cục bộ ác liệt đang xảy ra khắp nơi vì những đối đầu chính trị, sắc tộc, tôn giáo, kinh tế. Tiểu vùng Đông Nam Á cũng rất nhạy cảm về những vấn đề này, đặc biệt là vấn đề chủ quyền lãnh thổ và an ninh ở biển Đông. Vì vậy, chính sách đối ngoại của nước ta phải góp phần quan trọng hình thành một sự cân bằng lợi ích và cân bằng thế lực trong khu vực, vì sự nghiệp giữ vững hòa bình, ổn định và hợp tác, vì sự phát triển ở Đông Nam Á, ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Bảo đảm cho Việt Nam *hội nhập vào nền kinh tế thế giới* đang toàn cầu hoá, tiếp thu được vốn và công nghệ hiện đại của các nước trong và ngoài khu vực với những điều kiện thuận lợi nhất, tranh thủ được sự hỗ trợ nhiều mặt của các tổ chức quốc tế, phát triển nhanh chóng năng lực khoa học và công nghệ nội sinh, khắc phục thế bất lợi và phát huy thế lợi của các nước đi sau trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, rút ngắn khoảng cách với các nước đi trước, nhanh chóng sánh vai với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Không ngừng *nâng cao vị trí của Việt Nam* trong khu vực và trong cộng đồng thế giới, vừa ra sức tiếp thu những thành tựu của thế giới, vừa góp phần xứng đáng của mình

vào tiến bộ chung của nhân loại; tham gia có hiệu quả vào việc giải quyết những vấn đề lớn của khu vực và của cộng đồng thế giới như bảo vệ hòa bình, bảo vệ môi trường - sinh thái, hình thành một trật tự kinh tế thế giới hợp lý hơn, công bằng hơn.

Chính sách đối ngoại của Việt Nam phải là một *chính sách đa phương, đa dạng và năng động*. Xác lập quan hệ đối ngoại không chỉ với các nước trong khu vực và tiểu khu vực mà với tất cả các nước có thiện chí trên thế giới trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi. Đặc biệt quan tâm phát triển và củng cố quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng, các nước trong khối ASEAN, các nước bạn bè có quan hệ truyền thống, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh. Chú trọng quan hệ với các nước có tiềm năng lớn về khoa học - công nghệ và kinh tế.

Hình thành một *chính sách đối ngoại tổng hợp*, kết hợp mật thiết chính trị với kinh tế và văn hoá, các nội dung hợp tác bổ sung và hỗ trợ cho nhau, kết hợp đối ngoại nhà nước với đối ngoại nhân dân của các đoàn thể quần chúng, các tổ chức khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật và các cá nhân, kết hợp lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài.

Chính sách đối ngoại của nước ta phải là một chính sách năng động, nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của cộng đồng quốc tế, phát hiện những thời cơ mới, tranh thủ kịp thời những nhân tố có lợi cho sự phát triển đất nước. Để làm việc đó, phải chăm lo *bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đối ngoại* có tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao đối với dân tộc, có kiến thức đầy đủ về những lĩnh vực hoạt động của mình, am hiểu các thông lệ quốc tế.

Phải chấp nhận một sự đầu tư cần thiết cho các hoạt động đối ngoại, cho công tác tuyên truyền ra nước ngoài, nếu làm tốt sẽ đưa lại cho đất nước những lợi ích to lớn hơn gấp bội.

Chính sách đối ngoại của nước ta phải *vừa rất rộng mở vừa rất tinh táo, vừa hợp tác, vừa đấu tranh* để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực trong quan hệ với các nước.

Trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là đối với các nước đã từng tham gia vào các cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam trong những thời kỳ khác nhau của lịch sử, Việt Nam sẵn sàng và thực tâm khép lại quá khứ, nhìn về tương lai, cùng nhau hợp tác trên tinh thần làm bạn với tất cả các nước, vì lợi ích của tất cả các bên, giải quyết mọi vấn đề tranh chấp bằng phương pháp hòa bình.

Tuy vậy, trên thế giới không phải đã hết những thế lực luôn tìm cách áp đặt những ý đồ chính trị - kinh tế và văn hoá lên nhân dân các nước bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, bao gồm cả thủ đoạn diễn biến hòa bình, và khi cần, không ngần ngại dùng cả sức mạnh quân sự để đe dọa khuất phục, xâm phạm lợi ích của các dân tộc khác. Vì vậy, chính sách đối ngoại phải luôn luôn tinh táo, nhạy cảm với âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch; cảnh giác với những thủ đoạn phá hoại mới, những ý đồ nô dịch mới, bất kỳ từ đâu tới và bất kỳ dưới hình thức nào; kịp thời có những phương sách ứng phó nhằm giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển sắc văn hoá, bảo đảm ổn định chính trị và an toàn xã hội để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống vì hạnh phúc của nhân dân.

Trong cục diện thế giới mới, chủ trương mở cửa, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để tranh thủ vốn, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý là rất cần thiết và có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Muốn làm tốt điều này phải vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài. Trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như xây dựng đất nước, Bác luôn coi trọng tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế. Nhờ vậy, đã tạo ra được một mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống xâm lược rộng lớn chưa từng có trong lịch sử đất nước. Song, Bác luôn coi trọng nêu cao tự lực tự cường, coi nhân tố bên trong là quyết định. Làm theo tư tưởng của Bác, chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ quốc tế, làm bạn với các nước, tranh thủ mọi lực lượng, mọi khả năng có thể tranh thủ được. Tuy nhiên, phải coi việc chăm lo xây dựng, phát huy tiềm lực nội tại về mọi mặt là nhân tố quan trọng hàng đầu. Phải có chủ trương chính sách ưu tiên, phát huy mọi tiềm năng quý trọng và sử dụng tốt mọi nguồn lực trong nước, ví như vấn đề huy động nguồn vốn còn lớn trong nhân dân, vấn đề sử dụng lực lượng lao động, nhân tài của đất nước. Có phát huy tốt nhân tố nội tại mới tranh thủ được và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế và bảo đảm độc lập, tự chủ của nước ta.

**VI. QUẢN TRIỆT TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH XÂY
DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH,
NGANG TẮM VỚI YÊU CẦU MỚI CỦA CÁCH MẠNG
LÀ NHIỆM VỤ THEN CHỐT, QUYẾT ĐỊNH**

1. Như trên đã nói, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định "Đảng có vững, cách mạng mới thành công".



Suốt quá trình cách mạng, nhất là trước mỗi bước ngoặt của lịch sử, Người luôn nêu bật nhiệm vụ "chỉnh đốn Đảng", xây dựng Đảng. Ngày nay, cách mạng nước ta chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, càng đòi hỏi chúng ta phải thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về chỉnh đốn Đảng *xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức*, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng.

Thời gian qua, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết về xây dựng Đảng và coi xây dựng Đảng là "một nhiệm vụ then chốt". Tình hình Đảng có một số chuyển biến, tuy nhiên, nhìn chung việc thực hiện chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Vì vậy, vấn đề là phải làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh: "nói phải đi đôi với làm", phải làm cho bằng được các nghị quyết đã đề ra.

Đảng phải tự chỉnh đốn, không ngừng rèn luyện, phấn đấu nâng cao phẩm chất và năng lực, xứng đáng là lực lượng tiên phong của giai cấp và dân tộc để lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trước hết, phải làm cho Đảng *thật sự tiên phong về đạo đức cách mạng*. Đảng và mỗi đảng viên phải kiên định mục tiêu chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, luôn đặt lợi ích của dân tộc, của giai cấp lên trên hết, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc.

Hiện nay, một bộ phận không ít đảng viên, cán bộ của Đảng đã mang nặng chủ nghĩa cá nhân, xa rời lợi ích của Đảng, của nhân dân, lợi dụng chức quyền để mưu cầu lợi

ích cho cá nhân, gia đình, cho bộ phận. Biểu hiện suy thoái đạo đức nổi bật nhất hiện nay là nạn tham nhũng, hối lộ, lãng phí của công, ăn chơi sa đọa đang diễn ra phổ biến, nghiêm trọng; và điều nghiêm trọng hơn là chúng ta chưa có đủ các biện pháp ngăn chặn một cách có hiệu quả. Tham nhũng, lãng phí là "giặc nội xâm", trái với bản chất của Đảng, đang làm hại đến uy tín và sức mạnh lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, một nội dung quan trọng của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng Đảng là phải giáo dục đảng viên nêu cao đạo đức "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", phải đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quét sạch tệ nạn tham nhũng, làm cho Đảng thật sự trong sạch.

Thứ hai là phải làm cho Đảng thật sự tiên phong về trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn, tiêu biểu cho đỉnh cao trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam. Tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng đòi hỏi Đảng ta phải không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ về mọi mặt. Phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nắm vững những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở nắm vững lý luận kim chỉ nam ấy, cần coi trọng nâng cao kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, nhất là khoa học kinh tế, khoa học quản lý, lịch sử nước ta và thế giới, tình hình và xu thế phát triển của thời đại. Đồng thời, nâng cao kiến thức về khoa học công nghệ hiện đại, nhất là những lĩnh vực công nghệ mũi nhọn cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Kết hợp nâng cao trình độ lý luận, nhận thức với tổng kết kinh nghiệm thực tiễn nước ta và tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới để tiếp tục hoàn thiện đường lối,

vạch ra những chủ trương, biện pháp đúng đắn, sáng tạo, đưa sự nghiệp đổi mới đi đến thắng lợi.

Đi đôi với nâng cao phẩm chất và năng lực trí tuệ, năng lực thực tiễn của Đảng, cần xây dựng hệ thống tổ chức Đảng từ Trung ương đến cơ sở thật vững mạnh và có phương thức lãnh đạo có hiệu lực. Đảng viên và chi bộ, đảng bộ cơ sở là nhịp cầu nối liền Đảng với nhân dân, là nơi trực tiếp biến nghị quyết của Đảng thành hiện thực; nhưng điều đáng lo ngại là nhiều nơi tổ chức đảng ở cơ sở yếu kém, thậm chí tê liệt, không còn giữ vững được vai trò lãnh đạo. Vì vậy, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh là phải đặc biệt coi trọng xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở.

Đội ngũ đảng viên hiện có trên hai triệu, nhưng tỷ lệ đảng viên trẻ thấp (tuổi trung bình của đảng viên là 43), tỷ lệ đảng viên về hưu, mất sức lớn - gần 30%, có nơi đến 60-70%. Đảng phải tăng cường lãnh đạo công tác thanh niên, làm cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát huy được vai trò xung kích và xứng đáng là lực lượng hậu bị của Đảng. Phát triển Đảng chú trọng vào thanh niên nhằm trẻ hoá đội ngũ đảng viên. Để tăng cường thành phần công nhân trong Đảng, cần có nhận thức mới về giai cấp công nhân. Trên thế giới, do sự tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đã xuất hiện sự phân công lao động mới. Giai cấp công nhân đang có sự phát triển mới. Tỷ lệ công nhân lao động trí óc trong các ngành sản xuất mà người ta gọi là "công nhân cổ trắng" ngày càng tăng lên, công nhân lao động chân tay mà người ta thường gọi là "công nhân cổ xanh" ngày càng giảm xuống. Có thể nói giai cấp công nhân đang được trí thức hoá, đang tập hợp trong đội ngũ của mình một lực lượng

trí thức đông đảo, đang trở thành giai cấp công nhân khoa học. Đây là giai cấp công nhân hiện đại, lực lượng sản xuất quyết định nền sản xuất hiện đại. Ở nước ta, tình hình ấy cũng đã bắt đầu xuất hiện. Vì vậy, nói đến công nhân, chúng ta không chỉ nói đến những người trực tiếp sản xuất, chủ yếu bằng lao động chân tay như trước đây, mà phải bao gồm cả những người lao động chân tay và lao động trí óc ngày càng đông đảo. Từ những nhận thức ấy, phương hướng phát triển Đảng phải nhằm vào những phần tử ưu tú không những trong lao động chân tay mà cả trong lao động trí óc, không những trong ngành sản xuất vật chất mà cả trong những lĩnh vực khoa học, dịch vụ, quản lý, v.v.. Nhận thức mới về giai cấp công nhân và phương hướng phát triển Đảng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, phản ánh đúng tình hình thực tiễn xã hội, làm cho cơ sở giai cấp của Đảng ngày càng mở rộng, tăng cường được thành phần công nhân trong Đảng.

Muốn Đảng mạnh, phải thực hiện đúng *nguyên tắc tập trung dân chủ* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói là dân chủ tập trung. Căn nhận thức rõ dân chủ là vấn đề thuộc về bản chất của Đảng, của Nhà nước, của chế độ ta. Chúng ta phải nắm ngọn cờ dân chủ, nêu cao dân chủ, không để cho kẻ thù lợi dụng dân chủ, nhân quyền để xuyên tạc chống phá ta. Đảng ta phải có cơ chế thực hiện tốt dân chủ trong Đảng để phát huy trí tuệ của toàn Đảng, tạo được sự nhất trí cao, đồng viên được nhiệt tình và trách nhiệm tự giác của đông đảo cán bộ, đảng viên. Đồng thời, trên cơ sở phát huy tốt dân chủ, phải thực hiện tốt tập trung, tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động, làm cho Đảng có sức mạnh để biến chỉ thị,

ng nghị quyết, biến ý kiến, nguyện vọng của đại đa số thành hiện thực. Cần khắc phục hiện tượng dân chủ chưa tốt, nhất là chưa bảo đảm tự do tư tưởng, có lúc dân chủ còn hình thức, và hiện tượng tập trung cũng chưa nghiêm, thể hiện rõ là nghị quyết đề ra nhiều nhưng chưa được chấp hành nghiêm túc.

Về phương thức lãnh đạo, phải đặc biệt *giữ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng nhân dân*. Coi trọng tác phong sâu sát thực tế, gần gũi nhân dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân. Chống tác phong quan liêu, xa rời quần chúng, làm việc bằng mệnh lệnh, chỉ thị, coi nhẹ công tác tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức tự giác của quần chúng. Trên mọi lĩnh vực, cần nêu cao vai trò đầu tàu gương mẫu của đảng viên. Thực hiện cho được tư tưởng "đảng viên đi trước, làng nước theo sau", "nói đi đôi với làm", khắc phục lối nói mà không làm, hoặc nói một đường làm một nẻo.

2. Đảng ta là đảng cầm quyền, đã có bề dày kinh nghiệm trên 50 năm liên tục cầm quyền. Vì vậy, phải hết sức coi trọng tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng về sự phát huy vai trò của Nhà nước. Phải quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước thật "mạnh mẽ, sáng suốt", một nhà nước thật sự "của dân, do dân, vì dân", dựa trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức. Nhà nước thực hiện dân chủ với nhân dân và chuyên chính với những kẻ xâm phạm đến lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc.

Phải nghiên cứu cơ chế và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cho phù hợp với tình hình mới, nhằm vừa giữ vững và tăng cường được sự lãnh đạo của

Đảng, vừa phát huy được vai trò quản lý của Nhà nước, Đảng không bao biện làm thay.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, *xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*. Nhà nước thực hiện quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức. Cần nâng cao ý thức công dân, sống và làm việc theo pháp luật, khắc phục lối sống tự do tùy tiện, pháp luật để ra nhưng không được chấp hành nghiêm chỉnh.

Tổ chức bầu cử dân chủ, lựa chọn đại biểu xứng đáng, đổi mới phương thức làm việc, *nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp*. Làm cho Quốc hội và Hội đồng nhân dân xứng đáng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của cả nước và của địa phương, thực sự đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân.

Bộ máy Chính phủ được tổ chức tinh, gọn, có hiệu lực. Thực hiện cải cách nền hành chính, đồng thời đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công chức nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh, quốc phòng. Khắc phục hiện tượng quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân, gây trì trệ, ách tắc cho công việc, hiện tượng ức hiếp dân, sống xa dân, trên dân, không làm đúng tư tưởng Hồ Chí Minh là: dân làm chủ thì chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, các uỷ viên khác... làm đầy tớ, làm đầy tớ của dân chứ không phải làm quan cách mạng.

Một vấn đề vừa cơ bản vừa cấp thiết là phải *chống tham nhũng, hối lộ, lãng phí, làm trong sạch bộ máy nhà nước*.

Bởi vì tham nhũng, hối lộ là ở những người có chức, có quyền trong bộ máy nhà nước. Bệnh hoạn này của bộ máy nhà nước đã làm cho một số đảng viên chạy theo "bổng lộc" mà không muốn làm công tác đảng, chỉ thích làm công tác chính quyền.

Người được chọn làm công tác chống tham nhũng phải là người thật sự trong sạch, công tâm, có uy tín trước quần chúng. Phải có cách chống tham nhũng thật sự dựa vào nhân dân, huy động toàn dân tham gia chống tham nhũng; đồng thời phát động được một phong trào trong toàn xã hội làm theo lời Bác, sống "cần kiệm liêm chính", "cần kiệm xây dựng đất nước", toàn dân chống "giặc nội xâm".

Tham nhũng, hối lộ, lãng phí, của quyền là hoàn toàn xa lạ với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Do yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền và đấu tranh chống tiêu cực xã hội, hệ thống tư pháp, công an, kiểm sát, tòa án có vai trò hết sức quan trọng. Đây là hệ thống tổ chức giúp Đảng và Nhà nước để ra pháp luật và bảo đảm thi hành pháp luật. Muốn cho bộ máy nhà nước trong sạch, xã hội có kỷ cương, trước hết phải xây dựng các tổ chức này thật trong sạch, hết sức công minh, liêm khiết, đúng như Hồ Chí Minh đã dạy là phải "phụng công, thủ pháp", phải là những "Bao Công" của thời nay.

3. Trong toàn bộ vấn đề xây dựng Đảng và Nhà nước thì quyết định là công tác cán bộ. Bởi vì, "mọi thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay xấu". Cách mạng đã chuyển sang một thời kỳ mới, Đảng ta phải có một chiến lược cán bộ nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những

tư tưởng, quan điểm rất cơ bản và đúng đắn về vấn đề cán bộ. Công tác cán bộ hiện nay phải nghiên cứu, nắm vững và thực hiện đúng những lời dạy của Người. Đảng phải thực hiện thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo. Tiêu chuẩn cán bộ phải coi trọng cả đức và tài. Về đức, người cán bộ phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước thương dân, trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân, vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, kiên quyết chống tham nhũng, có ý thức đoàn kết, kỷ luật, có tác phong sâu sát thực tế. Về tài, người cán bộ phải không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt: về hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; về kiến thức văn hoá, khoa học xã hội nhân văn và khoa học tự nhiên, ngoại ngữ và tin học; về nghiệp vụ chuyên môn, từng bước đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao.

Đức và tài ấy phải được thể hiện ở tính quyết đoán, năng động, sáng tạo, hiệu quả trong hoạt động thực tiễn.

Có chính sách đoàn kết, phát huy mọi lực lượng cán bộ. Có quy hoạch và kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có độ tuổi thích hợp, kết hợp trẻ với già, mạnh dạn để bạt cán bộ trẻ, phát huy được cán bộ lớn tuổi đã qua rèn luyện có kinh nghiệm, bảo đảm sự chuyển tiếp có kế thừa và liên tục không bị hổng hụt. Có chính sách đào tạo bồi dưỡng trở thành cán bộ, đảng viên, đoàn viên ưu tú trong con em thương binh, liệt sĩ gia đình có công với cách mạng, con em công nhân, nông dân, trí thức, con em đồng bào các dân tộc ít người. Đặc biệt chú trọng

xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, nòng cốt, đầu đàn; kịp thời phát hiện nhân tài và có kế hoạch bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài, cả trong nước và ngoài nước, coi nhân tài là vốn quý của đất nước.

Công tác cán bộ là công việc của cấp uỷ, nhưng cơ quan tổ chức cán bộ có vai trò hết sức quan trọng. Cán kiện toàn cơ quan làm công tác cán bộ các cấp, đổi mới công tác cán bộ và đội ngũ làm công tác cán bộ như Đảng đã đề ra. Người làm công tác cán bộ phải là người hiểu rõ đường lối, chính sách cán bộ của Đảng, là người có đạo đức gương mẫu, có trí tuệ và năng lực, được rèn luyện trong thực tiễn, đủ tư cách và khả năng để giúp Đảng quản lý được cán bộ. Phải thấm nhuần tư tưởng Bác Hồ: làm việc "công tâm", có ý thức trách nhiệm cao vì lợi ích chung không cảm tình cá nhân, không "thiên tư, thiên vị", không địa phương cục bộ, không thành kiến. Có tinh thần đoàn kết, yêu thương giúp đỡ, tôn trọng cán bộ, quan tâm đến đời sống của từng cán bộ.

Một khâu quan trọng của công tác cán bộ là phải đánh giá đúng cán bộ. Khi đánh giá cán bộ phải sâu sát, thận trọng, khách quan, toàn diện, nhìn rõ mặt mạnh, mặt yếu, sở trường, sở đoản của từng cán bộ. Chỉ có như vậy mới có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, sắp xếp, để bạt đúng đắn, mới phát huy được sức mạnh của toàn thể đội ngũ cán bộ trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

*

* *

Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự là ngọn cờ lãnh đạo đem lại thắng lợi vĩ đại



cho cách mạng Việt Nam trong mấy chục năm qua và ngày nay đang tiếp tục soi sáng công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống lý luận cách mạng hết sức rộng lớn. Kết quả công trình nghiên cứu của đề tài KX.02.01 - "Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam" chỉ là bước đầu. Để thực hiện đầy đủ Nghị quyết Đại hội VII, VIII và IX của Đảng làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin thật sự là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân ta, cần phải có kế hoạch tiếp tục nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh sâu sắc và toàn diện hơn nữa. Đồng thời, phải có một kế hoạch tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh niên, về tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải gắn việc giáo dục đường lối của Đảng ta và tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin. Và đặc biệt quan trọng là đem kết quả nghiên cứu bước đầu vận dụng vào thực tiễn. Phát động trong toàn Đảng, toàn dân, trong các ngành, các cấp phong trào thực hiện những lời Bác Hồ dạy, thực hiện nói đi đôi với làm, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi mới, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh mà Bác Hồ đã hằng mong muốn.

Thế giới còn đổi thay, nhưng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi.

Dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc ta, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi vĩ đại, đi tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc.

Ngày nay, bước vào ngưỡng cửa của thiên niên kỷ thứ ba, với tinh thần tự hào và khiêm tốn, chúng ta tin tưởng: dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân ta sẽ *xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội* ở nước ta, chủ nghĩa xã hội Việt Nam, đậm đà tư tưởng nhân văn và tình hữu nghị với nhân dân các nước, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung vì hòa bình, ổn định và phát triển, vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ở Đông Nam Á, ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời tựa xuất bản lần thứ ba</i>	9
<i>Mở đầu</i>	13
<i>Phần thứ nhất</i>	
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ NGUỒN GỐC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	17
<i>Chương I: Quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	19
<i>Chương II: Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	50
<i>Phần thứ hai</i>	
NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	69
<i>Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh - Những luận điểm sáng tạo lớn</i>	71
<i>Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam - Những vấn đề chiến lược và sách lược</i>	96
<i>Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, Mặt trận và Nhà nước</i>	153
<i>Chương VI: Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh</i>	217

<i>Chương VII:</i> Tư tưởng nhân văn, đạo đức, văn hoá Hồ Chí Minh	258	
<i>Chương VIII:</i> Về phương pháp luận Hồ Chí Minh	293	
<i>Phần thứ ba</i>		
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TIẾP TỤC 301 BẢNG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM		307
<i>Chương IX:</i> Bối cảnh thế giới và trong nước	309	
<i>Chương X:</i> Vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới	343	

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT; Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080 49221 Fax: 080 49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH

PHẠM VĂN ĐÔNG

HỌC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - CHÚNG TA HỌC GI

NGUYỄN DUY NIÊN

TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH

VŨ KỲ

THƯ KÝ BÁC HỒ KỂ CHUYỆN

TS. PHẠM VĂN BÌNH

PHƯƠNG PHÁP DẪN CHỦ HỒ CHÍ MINH



Giá: 99.000 đ